

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
	TÊN ĐỀ ÁN	
	MỤC LỤC	
	TỜ TRÌNH	4
	ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT LIÊN KẾT ĐÀO TẠO	5
	ĐỀ ÁN	10
1	ĐẶT VẤN ĐỀ	11
2	CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ	12
3	MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN	14
4	NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN	15
4.1	Đối tượng tuyển sinh	15
4.2	Chương trình đào tạo	15
4.3	Hình thức đào tạo	15
4.4	Thời gian và quy mô đào tạo	16
4.5	Văn bằng và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	16
4.5.1	Văn bằng	
4.5.2	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
4.6	Kinh phí đào tạo	23
4.7	Trách nhiệm và quản lý tổ chức thực hiện của các bên liên quan	23
4.8	Kế hoạch tài chính	24
4.9	Website công khai chương trình	24
5	NĂNG LỰC THỰC HIỆN	24
5.1	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp	24
5.2	Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc	26
6	CƠ CHẾ KIỂM SOÁT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	27
7	QUẢN LÝ RỦI RO	27
8	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	28
9	KẾT LUẬN	28
	CÁC PHỤ LỤC	30
	A. Phụ lục 1: Khung chương trình đào tạo	31
	B. Phụ lục 2: Mô tả các môn học trong chương trình	36
	C. Phụ lục 3: Danh sách giảng viên và kế hoạch phân công giảng dạy	57
	D. Phụ lục 4: Sơ yếu lý lịch giảng viên	63
	E. Phụ lục 5: Kế hoạch tuyển sinh	226
	F. Phụ lục 6: Kế hoạch tài chính	227

G. Phụ lục 7: Văn bản pháp lý	230
H. Phụ lục 8: Danh sách ban quản lý	273
I. Phụ lục 9: Giới thiệu về trường đối tác	326
10.BẢN CAM ĐOAN	328

CHÚ THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

- DH: Đại học
- TNUT: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên
(Thai Nguyen University of Technology)
- JJU: Đại học Jeonju – Hàn Quốc
(Jeonju University)
- CTĐT: Chương trình đào tạo
- CBVC: Cán bộ viên chức
- PTTH: Phổ thông trung học
- LHS: Lưu học sinh
- SV: Sinh viên
- CT LKĐTQT: Chương trình liên kết đào tạo quốc tế

KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Số:/TTr - ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt đề án liên kết đào tạo

Kính gửi: Ban Giám đốc Đại học Thái Nguyên

Thực hiện chủ trương của Nhà nước và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, trong những năm qua, Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp đã tăng cường hợp tác với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới, một trong những đối tác đó là Đại học Jeonju (JJU), Hàn Quốc.

Căn cứ vào nội dung văn bản hợp tác quốc tế giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên, Việt Nam và Đại học Jeonju, Hàn Quốc và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập để phát triển kinh tế xã hội cho cả nước. Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên phối hợp với Đại học Jeonju xây dựng ***“Đề án liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật cơ khí theo mô hình 2+2 giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Đại học Jeonju”***.

Kính đề nghị Đại học Thái Nguyên xem xét, phê duyệt đề án để nhà trường triển khai thực hiện chương trình.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLKH&TTHTĐTQT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 4 năm 2020

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài bậc đại học
ngành Kỹ thuật Cơ khí**

Kính gửi: Đại học Thái Nguyên

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

Bên Việt Nam: Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên (gọi tắt là TNUT)

- Trụ sở: 666 đường 3/2, Phường Tích Lương, Tp Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

- Điện thoại: (84)2083847145

- Fax: (84)2083847403

- Website: <http://www.tnut.edu.vn>

- Quyết định thành lập: quyết định số 164/CP Hội đồng Chính phủ ngày 19/8/1965

Bên nước ngoài: Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc (gọi tắt là JJU)

- Trụ sở: 303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju, Hàn Quốc

- Điện thoại: +82-1577-7177

- Fax: +82-63-220-2464

- Website: <http://www.jj.ac.kr>

- Giấy phép thành lập: Văn bản 1.041.1 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục ngày 9/1/1964

Đề nghị Giám đốc Đại học Thái Nguyên xem xét, phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc với các mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

1. Mục tiêu và phạm vi của liên kết:

- Đào tạo sinh viên có trình độ đại học thuộc các ngành Kỹ thuật Cơ khí; đạt chất lượng khu vực và quốc tế, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và học hỏi, cập nhật chương trình, phương pháp giảng dạy hiện đại của trường đối tác.

- Xây dựng, củng cố, tạo cơ sở cho mối quan hệ hợp tác quốc tế về liên kết đào tạo, giao lưu văn hóa, trao đổi Khoa học Kỹ thuật giữa Đại học Thái Nguyên với các trường Đại học, Cao đẳng của Hàn Quốc.

- Quy mô đào tạo: 30 sinh viên/ năm (dự kiến)

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đáp ứng điều kiện xét tuyển của Đại học Jeonju đều có thể tham gia.

- Đào tạo hệ chính quy, 04 năm, 08 học kỳ, cấp bằng Đại học chính quy (bằng cử nhân) do JJU cấp bằng.

2. Thời hạn hoạt động của liên kết:

Thời gian hoạt động của liên kết là 04 (năm) năm, nếu tiếp tục thực hiện hoặc có điều chỉnh nội dung liên kết sẽ tiến hành gia hạn.

3. Nội dung liên kết:

Phối hợp cùng Đại học Jeonju, Hàn Quốc triển khai chương trình liên kết đào tạo quốc tế bậc đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí.

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các tài liệu gửi kèm Đơn này gồm:

1. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các Bên liên kết.

2. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác.

3. Giấy tờ chứng minh ngành, chuyên ngành được phép đào tạo của cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết.

4. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

5. Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục Việt Nam.

6. Đề án thực hiện liên kết đào tạo.

7. Các văn bản khác (nếu có).

BÊN VIỆT NAM

(Đã ký)

PGS.TS Nguyễn Duy Cường

BÊN NƯỚC NGOÀI

(Đã ký)

TS. LEE Ho-In

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên
Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch
đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo Trung tâm
HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Thai Nguyen, ...

PROPOSAL

Approving the joint training program with foreign countries with university degrees in Electrical and Electronics Engineering; Mechanical Engineering; SmartMedia; Logistics and International Trade

To: Director of Thai Nguyen University

We, the undersigned, representing the Parties to the association, include:

Vietnam Party: Thai Nguyen University of Technology (referred to as TNUT)

- Headquarters: 666 3/2 Street, Tich Luong Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province, Vietnam

- Phone: (84) 2083847145

- Fax: (84) 2083847403

- Website: <http://www.tnut.edu.vn>

- Establishment decision: No. 164/CP of the Government Council of August 19, 1965.

Foreign Party: Jeonju University, Korea (referred to as JJU)

- Headquarters: 303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju, South Korea

- Phone: + 82-1577-7177

- Fax: + 82-63-220-2464

- Website: <http://www.jj.ac.kr>

- Establishment License: Document 1.041.1 of the Minister of Education dated January 9, 1964

Proposing the Director of Thai Nguyen University to consider and approve the joint training program for university degree in Electrical and Electronics Engineering; Mechanical Engineering; SmartMedia; Logistics and International Trade between TNUT and JJU with the objectives, scope and duration of operation are as follows:

1. Objectives and scope of the affiliate program:

- Training undergraduate students majoring in Electrical and Electronics Engineering; Mechanical Engineering; SmartMedia; Logistics and International Trade reached international quality.

- Formal training, 04 years, 08 semesters, regular university degree (bachelor's degree) by JJU.

2. Operation duration of the affiliate program:

The operation duration of the affiliate program is 04 (four) years, if continued implementation or adjustment of the affiliate content will be extended.

3. Contents of the affiliate program:

Coordinate with Jeonju University, South Korea to teach the affiliate program in Electrical and Electronics Engineering; Mechanical Engineering; SmartMedia; Logistics and International Trade.

We commit:

1. Take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the content of the Proposal and attached documents.

2. Strictly abiding by the provisions of Vietnamese law.

Documents attached to this Application include:

1. Memorandum of agreement: Articulation program between Jeonju university, republic of korea And Thai nguyen university of technology, vietnam.

2. Documents proving legal status of associated parties

3. Training license of affiliate majors.

4. Training quality certificate affiliate majors.

5. The document permitting training cooperation with foreign countries of Thai Nguyen University.

6. Scheme on implementation of joint training.

7. Other documents (if any).

ĐỀ ÁN

**LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NGÀNH
KỸ THUẬT CƠ KHÍ GIỮA TRƯỜNG ĐH KỸ
THUẬT CÔNG NGHIỆP – ĐH THÁI NGUYÊN
VÀ ĐH JEONJU, HÀN QUỐC**

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại học Thái Nguyên là Đại học vùng đa cấp, đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội vùng trung du, miền núi phía Bắc và trên phạm vi cả nước. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một trong những đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên. Đây là một trường Đại học kỹ thuật đa ngành, đào tạo các hệ đại học, cao học và tiến sĩ.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có đội ngũ giảng viên - CBVC là 533 người (*trong đó có 21 Phó Giáo sư, 66 Tiến sĩ, 275 Thạc sĩ*), làm nhiệm vụ đào tạo cử nhân và kỹ sư cho các tỉnh miền núi phía Bắc cũng như trên phạm vi cả nước. Trải qua 54 năm xây dựng và phát triển, hiện tại, Nhà trường đang phục vụ đào tạo trên 11.000 sinh viên trong nước và quốc tế với 28 chuyên ngành đào tạo đại học và sau đại học, trong đó có 02 chương trình tiên tiến và 02 chương trình liên kết đào tạo quốc tế; trường là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn ở phía Bắc Việt Nam.

Hiện nay, trường đã có quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ với nhiều trường đại học và các tổ chức giáo dục, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới, đặc biệt là với Hàn Quốc.

Trong nhiều năm qua, thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Khuyến khích các trường đại học, cao đẳng liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo có chất lượng cao của nước ngoài...”. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã tăng cường mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu với nhiều trường đại học và các cơ sở đào tạo trong khu vực và trên thế giới. Một trong số các đối tác được trường quan tâm là các trường đại học trong khu vực như: Đại học Khoa học Công nghệ Sơn Đông - Trung Quốc, Đại học Khoa học kỹ thuật và Điện tử Quế Lâm, Đại học Suranaree - Thái Lan, Đại học Quốc gia Kyungpook - Hàn Quốc..., gần đây nhất là **trường Đại học Jeonju - Hàn Quốc**.

Bên cạnh đó, tháng 3/2012, tập đoàn Samsung đã chính thức tổ chức lễ khởi công “Khu Tổ hợp Công nghệ cao” tại huyện Phở Yên với tổng số vốn đầu tư bước đầu là 02 tỷ Đô la Mỹ, dự kiến khi đi vào hoạt động sẽ có công suất thiết kế đạt khoảng 100 triệu sản phẩm mỗi năm. Việc tổ chức liên kết đào tạo với một trường Đại học của Hàn Quốc có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội to lớn nhằm cung cấp lực lượng lao động kỹ thuật trình độ cao cho các dự án này nói riêng cũng như các dự án đầu tư nước ngoài khác nói chung.

Đại học Jeonju - Hàn Quốc (<http://www.jj.ac.kr>), được thành lập từ năm 1964, là trường đại học quốc tế lớn với 8 trường đại học thành viên, hơn 60 khoa đào tạo hệ đại học 4 năm, 68 hệ thạc sỹ, tiến sỹ.

Hiện tại trường có 12.000 sinh viên đang theo học, trong đó có 1.400 du học sinh nước ngoài đến từ 67 quốc gia trên thế giới, có 600 du học sinh đến từ Việt Nam. Trường đại học Jeonju là trường đại học đầu tiên trong các trường đại học Hàn Quốc đã ký kết với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Việt Nam để cùng liên kết nghiên cứu, đào tạo nguồn lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp Hàn Quốc đang đầu tư tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện các nội dung hợp tác, hai bên đã thống nhất đề xuất phối hợp ***“Liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử, Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ thông tin, Logistics và Thương mại quốc tế theo mô hình 2+2”***.

Dựa trên nội dung chi tiết của biên bản hợp tác, điều kiện thực tế như trên; đồng thời căn cứ điều kiện cơ sở vật chất, năng lực của Nhà trường và tính khả thi của chương trình, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên đã hợp tác với Đại học Jeonju, Hàn Quốc thực hiện xây dựng ***“Đề án liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí theo mô hình 2 + 2”***. Đây là chương trình liên kết đào tạo do Đại học Jeonju cấp bằng cử nhân ngành Kỹ thuật Cơ khí. Sinh viên học 02 năm đầu tại Việt Nam và 02 năm cuối tại Đại học Jeonju, Hàn Quốc.

2. Các cơ sở pháp lý

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các nội dung, định hướng về giáo dục, đào tạo trong Nghị quyết của các kỳ Đại hội X và XI, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định và nhấn mạnh vào một trong các mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm, giai đoạn 2016-2020 là: ***“Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội”***.

Trên cơ sở chủ trương và định hướng đó, “Đề án liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí theo mô hình 2 + 2” được xây dựng trên những cơ sở pháp lý sau:

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 được Quốc hội Khóa XIII nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2012. Tại Điều 44, Các hình thức hợp tác quốc tế của cơ sở giáo dục đại học có quy định và cho phép các cơ sở giáo dục đại học thực hiện liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14 thông qua ngày 19/11/2018. Điều 45, Liên kết đào tạo với nước ngoài có ghi *“Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc hợp tác đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học được thành lập ở Việt Nam với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ, ... Chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài.”*.

- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Nghị định số 86/2018/NĐ – CP ngày 6 tháng 6 năm 2018, Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại chương II, mục 2, Điều 15, Khoản 1, điểm b của Nghị định có nêu đối tượng và phạm vi liên kết đào tạo trình độ đại học: *“Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt nam công nhận.”*

- Tại Điều 17, Khoản 1, Nghị định quy định về Chương trình liên kết đào tạo: *“Liên kết đào tạo được thực hiện theo chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng; chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam và của nước ngoài”*.

- Tại Điều 22, Khoản 2, Nghị định quy định Thẩm quyền phê duyệt đề án liên kết đào tạo: *“Giám đốc đại học quốc gia, đại học vùng, thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học được hoạt động theo cơ chế tự chủ phê duyệt liên kết đào tạo trực tiếp trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tổ chức tại những cơ sở này”*.

- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, tại Chương V, Điều 19, Mục 5 quy định Nhiệm vụ và quyền hạn của đại học vùng là *“1. Xây dựng và ban hành quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của đại học vùng phù hợp với quy định của pháp luật; hướng dẫn các đơn vị thành viên thực hiện quy định về hoạt động hợp tác quốc tế. 2. Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế của đại học vùng, đàm phán, ký kết và triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác quốc*

tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; quản lý và triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật”.

- Quyết định số 2424/2015/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

- Quyết định 668/QĐ-ĐHTN ngày 28/5/2014 về việc Quy định quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài tại Đại học Thái Nguyên.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đại học Thái Nguyên nhiệm kỳ 2015-2020 và 09 Chương trình Đề án toàn khóa, trong đó có *“Phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế - Đề án số 4”*. Mục tiêu của chương trình Đề án là *“Phát triển thành công của một số chương trình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn của khu vực Đông Nam Á góp phần phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, phụng sự sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế”*. Trong nội dung của đề án có đưa ra các chỉ tiêu thực hiện trong 5 năm 2015-2020, trong đó có đặt ra chỉ tiêu *“Năm 2017-2018 tất cả các trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên triển khai được ít nhất 01 chương trình tiên tiến mở rộng hoặc 01 chương trình đào tạo chất lượng cao bậc đại học”*.

- Quyết định 2453/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Quy định tạm thời về liên kết đào tạo với nước ngoài tại Đại học Thái Nguyên.

- Biên bản ghi nhớ về triển khai các chương trình hợp tác trong giáo dục và đào tạo ký tháng 9/2019 giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Đại học Jeonju, Hàn Quốc.

- Văn bản hợp tác triển khai chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Kỹ thuật điện và điện tử, Ngành Kỹ thuật cơ khí, Ngành Công nghệ thông tin và Ngành Logistics và Thương mại quốc tế ký ngày 15/3/2020 giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Đại học Jeonju, Hàn Quốc.

3. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

“Đề án liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí giữa trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Đại học Jeonju” được xây dựng nhằm đạt được các mục tiêu chính sau:

- Đào tạo các cán bộ có trình độ đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí đạt chất lượng khu vực và quốc tế; cung cấp cho tỉnh Thái Nguyên nói riêng, các tỉnh trung du

và miền núi phía Bắc nói chung nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và học hỏi, cập nhật chương trình, phương pháp giảng dạy hiện đại của trường đối tác.

- Thông qua Chương trình liên kết hợp tác giáo dục thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu hợp tác.

- Xây dựng, củng cố, tạo cơ sở cho mối quan hệ hợp tác quốc tế về liên kết đào tạo, giao lưu văn hóa, trao đổi Khoa học Kỹ thuật giữa Đại học Thái Nguyên với các trường Đại học, Cao đẳng của Hàn Quốc.

4. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Giai đoạn 1 (02 năm đầu học tại TNUT): Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trong hệ thống giáo dục Việt Nam có nguyện vọng học tập, lấy bằng tốt nghiệp của Đại học Jeonju đều có thể tham gia.

Giai đoạn 2 (02 năm cuối học tại JJU): đáp ứng điều kiện học thuật và ngoại ngữ tiếng Hàn (tối thiểu TOPIK3) có thể chuyển tiếp sang JJU để học tập 02 năm cuối và nhận bằng tốt nghiệp của JJU, nếu sinh viên không hoàn thành các điều về học thuật và ngôn ngữ tại TNUT vẫn có thể chuyển tiếp và hoàn thành các điều kiện này tại JJU trước khi học 02 năm cuối.

4.2. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo liên kết được tích hợp giữa chương trình đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật Cơ khí của Trường đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và chương trình đào tạo của nhân ngành Kỹ thuật Cơ khí của Đại học Jeonju

- Chương trình đào tạo liên kết đã được các nhà quản lý, chuyên gia, giảng viên nghiên cứu và xây dựng, trong đó Đại học Jeonju công nhận các môn học trong 02 năm đầu tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp. Chương trình đào tạo liên kết chi tiết được thể hiện tại Phụ lục 01.

- Để tiếp tục học 02 năm cuối tại Đại học Jeonju, sinh viên phải đạt trình độ tiếng Hàn tối thiểu là TOPIK3.

4.3. Hình thức đào tạo

Liên kết đào tạo quốc tế bậc Đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí theo mô hình 2+2; với tổng thời gian đào tạo là 04 năm.

- Chương trình đào tạo thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ tuân theo quy chế và quy định đào tạo tại trường nơi sinh viên học tập; Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo là 140 tín chỉ; được chia thành 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Trong 02 năm đầu sinh viên học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Việt (song song được học tiếng Hàn). Nội dung học gồm: 34 môn học với tổng số 78 tín chỉ

+ Giai đoạn 2: Tất cả các sinh viên được yêu cầu hoàn thành chương trình đào tạo 02 năm cuối tại Đại học Jeonju, Hàn Quốc. Ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Hàn. Nội dung học gồm: 26 môn học với tổng số tín chỉ 62 tín chỉ

(Thông tin chi tiết các môn học cho từng giai đoạn học tập được trình bày tại Phụ lục 01).

- Tuy nhiên, đối với sinh viên chưa hoàn thành 02 năm đầu học tại TNUT (cả về học thuật và ngôn ngữ) nhưng có nguyện vọng sang JJU học ngay thì có thể được chuyển tiếp sang JJU theo học. Những sinh viên này sẽ được học tiếng Hàn tại JJU để đạt điều kiện về ngôn ngữ trước khi học chuyên ngành và hoàn thành số tín chỉ học thuật còn lại trong chương trình đào tạo tại JJU (toàn bộ số tín chỉ học tại TNUT đều được JJU chấp nhận) để được JJU cấp bằng.

Để tạo điều kiện cho các sinh viên đạt được chứng chỉ TOPIK 3, sinh viên được học thêm tiếng Hàn do giáo viên người Hàn (đại học Jeonju cử sang) giảng dạy trực tiếp trong 02 năm học đầu tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

4.4. Thời gian và quy mô đào tạo

- Thời gian đào tạo dự kiến: 04 năm, trong đó 02 năm đầu học tại TNUT và 02 năm cuối học tại JJU.

- Tuy nhiên, các sinh viên chưa đủ điều kiện chuyên môn hoặc ngoại ngữ có thể kéo dài thời gian học tại TNUT để đạt tiêu chí xét tuyển; Hoặc sinh viên chưa đạt đủ điều kiện chuyên môn hoặc ngoại ngữ nhưng có nguyện vọng sang JJU học tập ngay thì cũng có thể được JJU chấp nhận và hoàn thiện các điều kiện đó tại JJU; Hoặc những sinh viên học trước, học vượt nếu đạt tiêu chuẩn xét tuyển có thể rút ngắn thời gian học tại TNUT.

- Thời gian học 02 năm tại JJU, bao gồm cả thời gian thực tập, sinh viên rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định của JJU.

- Quy mô đào tạo: 30 sinh viên/ khóa (dự kiến).

4.5. Văn bằng và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4.5.1. Văn bằng

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên được cấp bằng:

- Tên văn bằng: Bằng tốt nghiệp Đại học

- Loại văn bằng: Cử nhân

- Cơ sở giáo dục cấp bằng: Đại học Jeonju – Hàn Quốc

4.5.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra giai đoạn I:

Sau khi kết thúc 02 năm học đầu tiên tại TNUT, sinh viên có thể:

Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành:

- Vận dụng kiến thức toán và khoa học cơ bản để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành và để giải quyết các vấn đề kỹ thuật (L01).
- Áp dụng kiến thức toán, khoa học cơ bản, kỹ thuật liên quan và cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề kỹ thuật (L02).
- Xác định vấn đề, tìm kiếm, sử dụng tài liệu, ứng dụng các nguyên tắc cơ bản của khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật để phân tích và nhận định đúng các vấn đề kỹ thuật (L03).
- Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành để tiếp thu hiệu quả các kiến thức ngành, chuyên ngành (L04).
- Đánh giá được các vấn đề xã hội, sức khỏe, an toàn, pháp lý, văn hóa, và các trách nhiệm liên quan đến các vấn đề kỹ thuật (L05).
- Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành để phân tích, nhận định đúng và giải quyết các vấn đề kỹ thuật (L06).

Năng lực ngoại ngữ: đạt chuẩn năng lực tiếng Hàn TOPIK3.

Chuẩn đầu ra giai đoạn II:

Sau khi kết thúc năm học cuối tại JJU, sinh viên có thể:

Khối kiến thức ngành, chuyên ngành

- Xác lập phương án kỹ thuật để giải quyết vấn đề thiết kế, sử dụng hệ thống kỹ thuật hoặc quy trình công nghệ chế tạo, sản xuất đạt yêu cầu kinh tế và kỹ thuật, có cân nhắc các vấn đề an toàn, môi trường, văn hóa và xã hội (L07).
- Ứng dụng kiến thức kỹ thuật và phương pháp nghiên cứu bao gồm thiết kế thực nghiệm, phân tích dữ liệu và tổng hợp thông tin để đưa ra kết luận hợp lý (L08).

*** Kỹ năng nghề nghiệp:****+ Kỹ năng chuyên môn:**

- Áp dụng kiến thức, kỹ năng và công cụ chuyên ngành để thiết kế, chế tạo chi tiết, cơ cấu lắp ghép và truyền động theo tiêu chuẩn quốc tế (L09).
- Vận hành, quản lý điều hành các hệ thống cơ khí, các hệ thống tự động sản xuất cũng như quản lý, điều hành hoạt động trong doanh nghiệp (L10).

+ Kỹ năng mềm:

Giao tiếp hiệu quả về các vấn đề kỹ thuật và xã hội. Làm việc trong nhóm chuyên ngành hoặc đa ngành là thành viên hoặc ở vị trí lãnh đạo, quản lý (L11).

+ Kỹ năng ngoại ngữ:

Sử dụng tiếng Hàn hiệu quả trong giao tiếp và công việc, tiếng Anh chuyên ngành.

+ Kỹ năng tin học:

Chọn lựa, áp dụng công cụ máy tính, máy đo kiểm tra và máy công cụ hiện đại để dự đoán và mô hình hóa hoặc giải quyết các vấn đề kỹ thuật (L12).

*** Thái độ, ý thức xã hội:**

+ *Thái độ và hành vi:*

- Áp dụng các nguyên tắc đạo đức xã hội vào đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm tuân thủ các quy định về nghề nghiệp kỹ thuật (L13).

- Nhận thức được tầm quan trọng, cần thiết của học tập suốt đời và có năng lực tự học trong bối cảnh kỹ thuật công nghệ luôn thay đổi (L14).

+ *Ý thức về cộng đồng, xã hội*

Nhận thức được ảnh hưởng của các giải pháp kỹ thuật chuyên môn đến môi trường, xã hội và yêu cầu phát triển bền vững (L15).

*** Khả năng phát triển chuyên môn:**

Sinh viên tham gia chương trình liên kết đào tạo quốc tế bậc đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí có thể học tiếp lên bậc học cao hơn bằng cách tham gia chương trình đào tạo Cao học tại JJU hoặc các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong và ngoài nước khác.

BẢNG QUY CHIẾU CHUẨN ĐẦU RA TƯƠNG ỨNG ĐỐI VỚI TỪNG MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

[illegible]

	<i>General Chemistry</i>																	
	Học kỳ 2 (Semester 2)		17															
1	VN Giáo dục quốc phòng <i>Vietnamese military education</i>	R	0					2						1				
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin <i>Political Economy Marxisim Leninism</i>	R	2															
3	Pháp luật đại cương <i>Introduction to laws</i>	R	2					3										2
4	Giải tích 1 <i>Calculus I</i>	R	4	3	3	2												
5	Vẽ kỹ thuật Cơ khí và Auto CAD <i>Mechanical Engineering Drawing and Auto CAD</i>	R	3	3	3	3								2	3			
6	Vật lý 2 <i>Physics 2</i>	R	3	3	3	3												
7	Tiếng Hàn 2 <i>Korean 2</i>	R	3	3										2				
	Học kỳ 3 (Semester 3)		22															
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's ideology</i>	R	2					3										
2	Kỹ thuật thủy khí <i>Fluid Mechanics</i>	R	2			2	2											

3	Cơ kỹ thuật 1 <i>Engineering Mechanics: Statics</i>	R	3		3	3	3		2									
4	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>	R	3	3	3	3												
5	Tiếng Hàn 3 <i>Korean 3</i>	R	3	3										2				
6	Vật liệu kỹ thuật <i>Engineerning Materials</i>	R	3			2	2	2	2									
7	Tin học trong kỹ thuật <i>Computational Engineering</i>	R	3	1		2	2							2	2			
8	Giáo dục thể chất 2 <i>Physical Education 2</i>	R	0			2												
9	Kỹ thuật điện đại cương <i>General electrical engineering</i>	R	3	1		2	2											
	Học kỳ 4 (Semester 4)		21															
1	Cơ học kỹ thuật 2 <i>Engineering Mechanics: Dynamics</i>	R	2		3	3	3		2									
2	Cơ học vật liệu <i>Mechanics of Materials</i>	R	3		3	3	3	2	2									
3	Nguyên lý máy <i>Theory of Machines and Mechanisms</i>	R	2		3	3	3	3	2					2				
4	Kỹ thuật nhiệt	R	2			2	2											

	<i>Thermal engineering</i>																	
5	Đồ gá <i>Jig</i>	R	2			2	2	3	3					2				
6	Chi tiết máy <i>Mechanical Engineering Design</i>	R	3			3	3	3	3					2				
7	Kỹ thuật đo lường <i>Measurement and Instrumentation</i>	R	2			3	3	3						2				
8	Tiếng Hàn 4 <i>Korean 4</i>	R	3	1														
9	Giáo dục thể chất 3 <i>Physical Education 3</i>	R	0			2												
10	Dung sai và đo lường <i>Tolerance and Engineering Metrology</i>	R	2			3	3	3						2				2
Khung chương trình đào tạo Giai đoạn 2 <i>Study Plan for TNUT students in Phase 2 in JJU</i>				Theo CĐR của JJU														

Chú thích môn học:

R: Môn học bắt buộc

E: Môn học tự chọn

GE: Môn học chung tự chọn

Chú thích: *Mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra*

Giá trị	Giải thích
1	Đáp ứng CĐR ở mức THẤP
2	Đáp ứng CĐR ở mức TRUNG BÌNH
3	Đáp ứng CĐR ở mức CAO

4.6. Kinh phí đào tạo

Dự kiến mức học phí tính cho một sinh viên (có thể thay đổi hàng năm), như sau:

- *Học 02 năm đầu tại TNUT:*

+ Đối với sinh viên học đủ hai (02) năm đầu đào tạo tại TNUT: Số tín chỉ tối thiểu đạt là 65TC/ 2 năm, học phí là 620.000 đồng/ tín chỉ (khoảng 20.000.000 VNĐ/ năm tương đương 853 USD/ năm); Phí học tiếng Hàn 620.000 đồng/ TC, sinh viên hoàn thành 12TC tiếng Hàn (khoảng 7.500.00 VNĐ, tương đương 320 USD); Phí hỗ trợ đi là 5.000.000 đồng (chưa bao gồm phí KTX, bảo hiểm...)

+ Đối với sinh viên học không đủ 02 năm tại TNUT: Số TC học được tính học phí là 620.000 đồng/ TC; Số TC tiếng Hàn đã học được tính phí là 620.000 đồng/ TC; Phí hỗ trợ đi là 30.000.000 đồng

+ Đối với sinh viên vừa thi đỗ vào TNUT hoặc học sinh tốt nghiệp THPT xét tuyển hồ sơ đủ điều kiện muốn sang JJU học tập ngay sẽ thu Phí hỗ trợ đi là 45.000.000 đồng/ 1 người.

- *Học 02 năm cuối tại JJU:*

+ Phí nhập học và học phí nộp tại Đại học Jeonju là: phí nhập học là 476 USD, phí bảo hiểm và lưu trú (phí giáo trình, chăn màn, đưa đón, làm chứng minh thư nước ngoài) là 400 USD, phí quản lý (đóng 01 lần) là 1000 USD, phí ký túc xá (6 tháng) là 1200 USD, học phí cho Khối ngành Kỹ thuật là 3.357 USD/ học kỳ (tương đương 77.883.000 VNĐ) và các chi phí khác. Tổng chi phí cho một năm học tại JJU khoảng 9.835 USD (tương đương 234.000.000 VNĐ/ năm theo tỷ giá chung tại thời điểm tháng 10/2019). Sinh viên đóng học phí theo từng kỳ học.

4.7. Trách nhiệm và quản lý tổ chức thực hiện của các bên tham gia

Đại học Thái Nguyên

Đại học Thái Nguyên là cơ quan quản lý, làm nhiệm vụ phê duyệt đề án, kiểm tra, giám sát việc các bên phối hợp triển khai tiến trình đào tạo đảm bảo đúng quy chế, chất lượng và thực hiện nghiêm túc các nội dung trong đề án.

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp

Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế thực hiện nhiệm vụ làm đơn vị đầu mối, liên kết các khâu thực hiện và tổ chức và quản lý các khóa học liên kết đào tạo.

Khoa Cơ khí, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là đơn vị triển khai đào tạo và chịu trách nhiệm chuyên môn học thuật đối với những sinh viên theo học chuyên ngành thuộc chương trình liên kết.

Phòng Quản lý Khoa học và Quan hệ Quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng CT-HSSV, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản trị - Phục vụ có trách nhiệm phối hợp, hỗ

trợ, phục vụ các lớp đào tạo liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử đáp ứng các yêu cầu về tổ chức đào tạo.

- Phòng Công tác HSSV của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp trực tiếp quản lý sinh viên trong thời gian sinh viên học tại Việt Nam.

Đại học Jeonju

- Trường Đại học Jeonju – Hàn Quốc trực tiếp tổ chức và quản lý sinh viên trong thời gian học tại Hàn Quốc, cho đến khi sinh viên tốt nghiệp về nước.

- Đại học Jeonju – Hàn Quốc chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức quản lý chất lượng chương trình này.

4.8. Kế hoạch tài chính

Theo thỏa thuận hợp tác giữa TNUT và JJU như sau:

+ 02 năm đầu Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp tự quản lý thu và chi học phí của sinh viên theo dự toán đã lập và theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ 02 năm cuối Đại học Jeonju tự quản lý mức thu và chi học phí của sinh viên với mức thu 3.357 USD/ học kỳ (mức học phí có thể thay đổi theo năm).

Kế hoạch tài chính cho triển khai chương trình được trình bày chi tiết trong Phụ lục 6.

4.9. Website công khai chương trình

Các nội dung trong đề án như: Tên đề án, mức học phí, thông báo tuyển sinh, tư cách pháp lý của chương trình, giới thiệu chương trình sẽ được đăng tải trên Website của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp: <http://www.tnut.edu.vn>; và Website của Đại học Jeonju, Hàn Quốc: <http://www.jj.ac.kr/>.

5. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

5.1. Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên

**** Lịch sử hình thành và sứ mệnh***

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp được thành lập ngày 19/8/1965 theo quyết định số 164/CP Hội đồng Chính phủ với tên gọi đầu tiên là Phân hiệu Đại học Bách khoa tại Thái Nguyên, sau nhiều lần thay đổi tên gọi để phù hợp với tình hình, nhiệm vụ đào tạo mới thì với sự ra đời của đại học vùng - Đại học Thái Nguyên theo Nghị định 31/CP/1994 của Chính phủ, Đại học Công nghiệp Thái Nguyên trở thành một thành viên của Đại học Thái Nguyên và mang tên Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp – Đại học Thái Nguyên.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế.

**** Về cơ sở vật chất:***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được quy hoạch xây dựng trên diện tích đất 50 ha, trong đó 35 ha khuôn viên.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đảm bảo cung cấp Ký túc xá, Giảng đường, Phòng thí nghiệm, Hướng dẫn tổng hợp, Thư viện, Máy vi tính, Phòng đa chức năng và các phương tiện khác trong 02 năm học tại TNUT cụ thể như sau:

- Hệ thống giảng đường được trang bị hiện đại như giảng đường: A7, A8, A9, A10, A16, TN với diện tích phòng học lên tới 16.317 m²

- Thư viện: Hệ thống thư viện của trường với tổng diện tích 2700m² bao gồm 08 phòng học, 02 phòng máy tính để giúp sinh viên tra cứu tài liệu học tập trên mạng Internet, với kho dữ liệu online được kết nối với các đại học của Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Thái Lan, Đức, Pháp...

- Thí nghiệm: Hệ thống thí nghiệm của nhà trường được phía đối tác đánh giá cao và là nơi giúp sinh viên hiểu sâu hơn về các bài giảng lý thuyết với tổng diện tích 4.931 m² phòng thí nghiệm và 2.862 m² thực hành. Phòng thí nghiệm Điện – Điện tử, Kỹ thuật cơ khí...đáp ứng được cho sinh viên của chương trình.

- Khu KTX dành cho sinh viên với tổng diện tích 19.000 m² được trang bị với nhiều tiện ích, thuận lợi cho việc nghỉ ngơi và học tập của sinh viên.

- Ngoài ra, còn có 1.200 m² nhà ăn; 198 m² nhà Trạm xá; Hơn 10.000 m² sân giáo dục thể chất... Các hạng mục công trình luôn được nâng cấp và xây mới theo quy hoạch tổng thể của Trường.

** Về đội ngũ giảng viên:*

Giảng viên Việt Nam do phía TNUT lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành về liên kết đào tạo;

Các giảng viên tham gia chương trình là những người có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và có trình độ chuyên môn cao của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên.

** Về hợp tác Quốc tế*

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp không ngừng thúc đẩy công tác hợp tác quốc tế trong những năm gần đây. Trường đã thiết lập và phát triển nhiều mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục và xã hội, với nhiều trường đại học trên thế giới nhằm đa dạng hóa mô hình đào tạo thông qua việc tiếp thu nền giáo dục tiên tiến của các nước trên thế giới như: Đại học Quốc gia Kyungpook, Đại học Jeonju (Hàn Quốc), Đại học Bang Oklahoma (USA), Đại học Sơn Đông (Trung Quốc)...

Trường đã đón nhiều đoàn khách nước ngoài đến thăm quan và làm việc đồng thời phối hợp đào tạo, nghiên cứu khoa học và mời các giáo sư nước ngoài giảng dạy cho Chương trình tiên tiến của trường. Mặt khác, Trường cũng cử các cán bộ, giảng viên, sinh viên của trường ra nước ngoài học tập, tham gia hội thảo khoa học, trao đổi về công tác hợp tác đào tạo, thực tập ngắn hạn...

Công tác hợp tác quốc tế đã đóng góp một phần không nhỏ trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường. Qua các chương trình hợp tác, nhiều cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường đã có cơ hội ra nước ngoài học tập, nghiên cứu, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Các kinh nghiệm về giáo dục đào tạo cũng như kinh nghiệm về các ngành nghề cũng được nâng cao đáng kể. Đặc biệt, Trường có kinh nghiệm trong việc quản lý và khai thác các chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Cụ thể, Trường đã tiếp nhận và khai thác hiệu quả chương trình liên kết đào tạo bậc đại học ngành kỹ thuật điện tử liên kết với Đại học Kyungpook (Hàn Quốc), khai thác chương trình liên kết đào tạo bậc đại học ngành quản trị kinh doanh liên kết với Đại học Sơn Đông (Trung Quốc).

5.2. Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc

** Giới thiệu chung*

Trường đại học Jeonju được thành lập năm 1964, nằm tại miền trung Hàn Quốc, thuộc tỉnh Jeollabuk-do, cách thủ đô Seoul 2h nếu di chuyển bằng xe, 1h di chuyển bằng tàu cao tốc. Trường đại học Jeonju có 8 trường đại học thành viên, hơn 60 khoa, là trường đại học tổng hợp hệ 4 năm với 9 trường đào tạo sau đại học, 68 hệ thạc sĩ, tiến sĩ. Hiện tại có 12000 sinh viên đang theo học, trong đó có 1400 du học sinh nước ngoài đến từ 67 quốc gia trên thế giới, có 600 du học sinh đến từ Việt Nam.

** Về cơ sở vật chất:*

Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc với tổng diện tích cơ sở hạ tầng 30ha, không chỉ đầu tư xây dựng những khu giảng đường phù hợp với từng môn học, phòng thí nghiệm, thực hành với trang thiết bị hiện đại mà còn có rất nhiều các khu tiện ích khác như:

Ký túc xá riêng cho sinh viên quốc tế;

Hệ thống Thư viện mở đa dạng nguồn học liệu, cho sinh viên mượn tài liệu và tự học;

Khu dành cho sinh viên học tập và giải trí với đủ bàn ghế, sách báo, wifi...;

Khu phục vụ các hội nghị, sự kiện của trường;

Trung tâm thể thao với sân bóng rổ, bóng chuyền...;

Khu vực cung cấp các dịch vụ và hàng hóa cần thiết cho sinh viên gồm: cửa hàng tiện ích, quán Café, bưu điện,...;

Khu nhà ăn cho sinh viên;

Hệ thống Máy vi tính, Phòng đa chức năng và các phương tiện hiện đại cho sinh viên trong 02 năm học tại JJU.

** Về đội ngũ giảng viên:*

Giảng viên tại Hàn Quốc do phía JJU lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành về liên kết đào tạo;

Các giảng viên tham gia chương trình là những người có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và có trình độ chuyên môn cao của JJU.

6. CƠ CHẾ KIỂM SOÁT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp có trách nhiệm kịp thời báo cáo các vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo để phối hợp giải quyết.

- Các Ban chức năng (Ban đào tạo, Ban kế hoạch – tài chính, Ban tổ chức cán bộ, Ban đảm bảo chất lượng giáo dục, Văn phòng Đại học Thái Nguyên) của Đại học Thái Nguyên có trách nhiệm tư vấn và xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra quá trình đào tạo, báo cáo thường xuyên, kịp thời cho Ban Giám đốc xử lý những trường hợp chưa đúng quy chế.

- Chỉ đạo, phối hợp với Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, đối tác nước ngoài thống nhất quản lý đúng quy trình, đảm bảo chất lượng đào tạo

7. QUẢN LÝ RỦI RO

- Trong 02 năm học tại Việt Nam:

+ Đối với những sinh viên xét tuyển học bạ THPT hoặc xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT đủ điểm trúng tuyển vào TNUT (gọi tắt là ĐT1) tham gia Chương trình liên kết:

Sau 02 năm học đầu, sinh viên học tại TNUT không thể sang JJU học tiếp 02 năm cuối vì chưa đủ điều kiện chuyên môn hoặc ngoại ngữ thì có thể kéo dài thời gian học tại TNUT để đạt điều kiện chuyển tiếp;

Hoặc trong quá trình học tập, trường hợp sinh viên không thể tiếp tục theo học được Chương trình liên kết hoặc không đủ điều kiện chuyển tiếp sang JJU mà sinh viên có nguyện vọng tiếp tục theo học tại TNUT thì được Trường ĐH KTCN xem xét cho chuyển sang học theo chương trình đào tạo đại học hiện có. Sinh viên đó phải có điểm xét tuyển cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của ngành xin học ứng với năm nhập học Chương trình 2+2.

+ Đối với những sinh viên xét tuyển học bạ THPT hoặc xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT không đủ điểm trúng tuyển vào TNUT (gọi tắt là ĐT2) nhưng tham gia Chương trình liên kết:

Nếu không đáp ứng các điều kiện để được tiếp tục học tập theo chương trình tại TNUT hoặc JJU, sẽ được thôi học và được cấp bằng điểm chứng nhận các môn đã theo học của Chương trình hoặc có thể học Hệ vừa làm vừa học của TNUT.

- Trong 02 năm học tại Hàn Quốc:

Nếu sinh viên không thể hoàn thành chương trình do một trong các vấn đề về học thuật, visa, vấn đề về sức khỏe hoặc những lý do khác như vi phạm nội quy, quy định của JJU nói riêng và pháp luật Hàn Quốc nói chung sẽ không được tiếp tục theo học tại JJU và bị buộc trả về nước.

Những sinh viên này, nếu bị buộc thôi học vì lý do học thuật hoặc visa, có thể được xem xét cho học tiếp chương trình đào tạo tại TNUT như với sinh viên không đủ điều kiện theo học tại TNUT trong 02 năm đầu (với ĐT1); hoặc học Hệ vừa làm vừa học tại TNUT (với ĐT2).

Sinh viên cần ký cam kết, hợp đồng trách nhiệm chi tiết trước khi tham dự chương trình.

8. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Chương trình liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí do Đại học Jeonju cấp bằng Khóa 01 (2020-2024).

Thời gian đào tạo Khóa I: từ 1/9/2020 – 15/7/2024

Dự kiến một số kế hoạch hoạt động như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số lượng sinh viên dự kiến tuyển	Người	30	30	30	30	
2	Số lớp dự kiến mở	Lớp	1	1	1	1	
3	Thời gian quảng bá chương trình	Ngày/tháng	1/6	1/4	1/4	1/4	
4	Thời gian dự kiến tuyển sinh	Ngày/tháng	15/8	15/7	15/7	15/7	
5	Thời gian dự kiến sang JJU	Ngày/tháng			1/9		
6	Thời gian dự kiến kết thúc						15/7

9. KẾT LUẬN

Để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp nói riêng và Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) nói chung, nhanh chóng tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trên thế giới thì ngoài những cố gắng đổi mới các hoạt động đào tạo trong ĐHTN thì việc tiếp thu các chương trình giảng dạy quốc tế thông qua hợp tác đào tạo quốc tế là một trong những chiến lược phát triển ĐHTN trong thời gian tới.

Chương trình giáo dục Hàn Quốc được Tổ chức giáo dục quốc tế đánh giá là một trong những nước nền giáo dục tiên tiến và hiệu quả cao trên thế giới. Chương trình liên kết đào tạo quốc tế với Đại học Jeonju sẽ giúp Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp nói riêng và ĐHTN nói chung khai thác được nguồn lực và tiếp cận được kinh nghiệm từ nền giáo dục và đào tạo tiên tiến của Hàn Quốc, sẽ góp phần đẩy nhanh sự nghiệp đổi mới giáo dục, nhanh chóng nâng cao chất lượng đào tạo tại ĐHTN, tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, giao lưu văn hóa, học thuật giữa ĐHTN với các trường đại học của Hàn Quốc. Đồng thời cũng tạo cơ hội cho thanh niên trẻ Việt Nam

có nhiều lựa chọn các cơ hội đào tạo thông qua du học tại chỗ vừa nhận được bằng cấp đào tạo quốc tế vừa giảm chi phí. Qua đó Chương trình sẽ góp phần cung cấp nguồn lực có kỹ năng cao cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương trình liên kết đào tạo này cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu dạy và học, đồng thời tiếp cận thêm một ngôn ngữ tiếng Hàn trong học tập cho sinh viên của TNUT nói riêng và của ĐHTN nói chung.

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp và Đại học Jeonju, Hàn Quốc xin cam kết thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình như đã nêu trong đề án.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1:

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>(Study Plan for TNUT students in Phase1)</i>				
No	Tên học phần (Course title)	Loại HP (Type)	Số tín chỉ (Credits)	Số TC được JJU chấp nhận
Học kỳ 1 (Semester 1)			18	
1	Triết học mac LeNin <i>Philosophy of Marxisim Leninism</i>	R	3	X
2	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>	R	2	X
3	Đại cương về kỹ thuật <i>Engineering Principles</i>	R	2	X
4	Tiếng Hàn 1 <i>Korean 1</i>	R	3	X
5	Vật lý 1 <i>Physics I</i>	R	3	X
6	Hình họa – Vẽ kỹ thuật <i>Graphics - Engineering Drawing</i>	R	3	X
7	Giáo dục thể chất 1 <i>Physical Education 1</i>	R	0	X
8	Hóa học đại cương <i>General Chemistry</i>	R	2	X
Học kỳ 2 (Semester 2)			17	
1	VN Giáo dục quốc phòng <i>Vietnamese military education</i>	R	0	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin <i>(Political Economy Marxisim Leninism)</i>	R	2	X
3	Pháp luật đại cương <i>Introduction to laws</i>	R	2	X
4	Giải tích 1 <i>Calculus I</i>	R	4	X
5	Vẽ kỹ thuật Cơ khí và Auto CAD <i>Mechanical Engineering Drawing and Auto CAD</i>	R	3	X
6	Vật lý 2 <i>Physics 2</i>	R	3	X
7	Tiếng Hàn 2 <i>Korean 2</i>	R	3	X
Học kỳ 3 (Semester 3)			22	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	R	2	X

	<i>(Ho Chi Minh's ideology)</i>			
2	Kỹ thuật thủy khí <i>Fluid Mechanics</i>	R	2	X
3	Cơ kỹ thuật 1 <i>Engineering Mechanics: Statics</i>	R	3	X
4	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>	R	3	X
5	Tiếng Hàn 3 <i>(Korean 3)</i>	R	3	X
6	Vật liệu kỹ thuật <i>Engineerning Materials</i>	R	3	X
7	Tin học trong kỹ thuật <i>Computational Engineering</i>	R	3	X
8	Kỹ thuật điện đại cương <i>General electrical engineering</i>	R	3	X
9	Giáo dục thể chất 2 <i>(Physical Education 2)</i>	R	0	X
Học kỳ 4 (Semester 4)			21	
1	Cơ học kỹ thuật 2 <i>Engineering Mechanics: Dynamics</i>	R	2	X
2	Cơ học vật liệu <i>Mechanics of Materials</i>	R	3	X
3	Nguyên lý máy <i>Theory of Machines and Mechanisms</i>	R	2	X
4	Kỹ thuật nhiệt <i>Thermal engineering</i>	R	2	X
5	Đồ gá <i>Jig</i>	R	2	X
6	Chi tiết máy <i>Mechanical Engineering Design</i>	R	3	X
7	Kỹ thuật đo lường <i>Measurement and Instrumentation</i>	R	2	X
8	Dung sai và đo lường <i>Tolerance and Engineering Metrology</i>	R	2	X
9	Tiếng Hàn 4 <i>(Korean 4)</i>	R	3	X
10	Giáo dục thể chất 3 <i>(Physical Education 3)</i>	R	0	X

Khung chương trình đào tạo Giai đoạn 2 tại JJU <i>(Study Plan for TNUT students in Phase 2 in JJU)</i>			
Học kỳ 5 (Semester 5)			20
1	Seminar về tìm kiếm việc làm (5) <i>Career Search Seminar (5)</i>	GE	1
2	Cơ học chất lỏng (2) <i>Fluid Mechanics (2)</i>	E	3
3	Thực hành đo trong kỹ thuật <i>Experiment for Measurement Engineering</i>	E	2
4	Thiết kế máy <i>Machine Design</i>	R	3
5	Thiết kế cơ khí hỗ trợ bởi máy tính <i>Mechanical Computer Aided Design (2)</i>	E	3
6	Kỹ thuật thủy lực và khí nén <i>Hydraulic and Pneumatic Power Engineering</i>	E	2
7	Dao động kỹ thuật <i>Mechanical Vibration</i>	E	3
8	Động học <i>Kinematics</i>	E	3
Học kỳ 6 (Semester 6)			18
1	Seminar về tìm kiếm việc làm (6) <i>Career Search Seminar (6)</i>	GE	1
2	Phân tích số <i>Numerical Analysis</i>	MSC	3
3	Hệ thống điều hòa không khí <i>Air Conditioning System</i>	E	3
4	Kỹ thuật vật liệu cơ khí <i>Materials of Mechanical Engineering</i>	E	2
5	Truyền nhiệt <i>Heat Transfer</i>	E	3
6	Các quá trình sản xuất <i>Manufacturing Process</i>	E	3
7	Kỹ thuật điều khiển <i>Control Engineering</i>	E	3
Học kỳ 7 (Semester 7)			15
1	Seminar về tìm kiếm việc làm (7) <i>Career Search Seminar (7)</i>	GE	1

2	Thực tập chuyên ngành <i>Capstone Design</i>	R	3
3	Hệ thống năng lượng tái tạo <i>Renewable Energy System</i>	E	3
4	Kỹ thuật động cơ ô tô <i>Automotive Power Engineering</i>	E	3
5	Cơ điện tử <i>Mechatronics</i>	E	3
6	Thiết kế ứng dụng hỗ trợ bởi máy tính <i>Computer Aided Applied Design</i>	E	2
Học kỳ 8 (Semester 8)			9
1	Seminar về tìm kiếm việc làm (8) <i>Career Search Seminar (8)</i>	GE	1
2	Hệ thống robot <i>Robot System</i>	E	3
3	Thiết kế hệ thống nhiệt <i>Thermal System Design</i>	E	2
4	Tính toán nhiệt trong chất lỏng <i>Computational Thermal Fluid</i>	E	3
5	Luận văn tốt nghiệp <i>Thesis</i>	Thesis	P

R: Môn học bắt buộc (Required course)

E: Môn học tự chọn (Elective course)

GE: Môn học tự chọn chung (General Electives)

PHỤ LỤC 2:

MÔ TẢ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

A. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ 1

Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism – Leninism)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

This course is the first and required course among other political theory subjects in the program. Topics include: the most common laws of movement and development of nature, society, and thinking; building up the scientific methodology, revolution, and the world view; applying into scientific awareness activities and revolutionary practices

Đại số tuyến tính (Linear Algebra)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; Không gian véc tơ, không gian Euclid; Ánh xạ tuyến tính; Trị riêng, véc tơ riêng của toán tử tuyến tính, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật, kinh tế.

This subjects provides basic knowledge about matrices, determinants, systems of linear equations; Vector space, Euclidean space; Linear mapping; Specific values, specific vectors of linear operators, are the basic knowledge to apply and solve problems in Engineering and Economics.

Vật lý 1 (Physics 1)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các đại lượng vật lý cơ bản và những quy luật liên quan như: vận tốc, gia tốc, động lượng, mô men động lượng, động năng, thế năng, cơ năng, lực... Vận dụng để khảo sát các dạng chuyển động của vật rắn; khảo sát và tìm các đại lượng liên quan đến các loại dao động cơ học, sóng cơ (dao động điều hòa, dao động tắt dần, dao động cưỡng bức); khảo sát và tìm các đại lượng liên quan đến hệ nhiệt động (các thông số trạng thái, các quá trình thay đổi trạng thái, các nguyên lý của nhiệt động lực học...)

This subjects provides students with knowledge of basic physical quantities and related laws such as velocity, acceleration, momentum, momentum torque, kinetic energy, potential energy, mechanical energy, and force. ... Applying to investigate the

motion of solid objects; survey and find quantities related to mechanical oscillations, mechanical waves (harmonic oscillations, damping oscillations, forced oscillations); survey and find quantities related to thermodynamic systems (state parameters, processes of state changes, thermodynamic principles, etc.)

Tiếng Hàn 1 (Korean 1)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Tiếng Hàn 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu tiên, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: con người, vật sở hữu, địa điểm, thời gian rảnh, đồ ăn, tiền bạc.

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp của học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở cấp độ đầu tiên.

Korean 1 provides learners with basic vocabulary and grammar skills at the first level, related to familiar topics in everyday life such as people, possessions, location, free time, food, money.

In addition, this module also provides a variety of exercises to help learners use their knowledge of grammar vocabulary to formulate and develop basic listening, speaking, reading and writing skills at the first level.

Hình họa – Vẽ kỹ thuật (Graphics - Engineering Drawing)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Hình họa - Vẽ kỹ thuật cung cấp các kiến thức về:

+ Những tiêu chuẩn Việt Nam về trình bày bản vẽ; Vẽ hình học; Các phép chiếu; Đồ thức của điểm, đường thẳng, mặt phẳng và của các khối hình học; Giao của mặt phẳng với các mặt và giao của 2 mặt.

+ Các hình biểu diễn của vật thể (hình chiếu cơ bản, hình chiếu phụ, hình chiếu riêng phần, hình cắt, mặt cắt, hình chiếu trục đo, hình trích).

+ Cách tìm hình chiếu thứ 3 từ 2 hình chiếu cho trước; Cách vẽ các hình chiếu của vật thể; Cách lập bản vẽ và cách đọc hiểu bản vẽ của vật thể.

Graphics - Engineering Drawing course provides knowledge of:

+ *Vietnam standards of presentation drawings; Geometry drawing; Projection; The perception of points, lines, the plane and of the geometry blocks; Intersection of the plane with the face and intersection of 2 sides.*

+ *The body's performances (basic projection, side projection, separate projection section, cutout, cut face, measuring shaft projection, figure excerpt).*

+ *How to find the 3rd slide from 2 pre-screened slides; How to create slides of an object; How to make drawings and how to read objects of drawings.*

Hóa học đại cương (General Chemistry)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp những kiến thức đại cương về cơ sở lý thuyết hóa học như: Năng lượng và phản ứng hóa học; Cân bằng hóa học, các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học, cân bằng pha(trong hệ một cấu tử); Tốc độ phản ứng hóa học, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng; Dung dịch và tính chất của dung dịch; Kiến thức về điện hóa học: Quá trình biến đổi hóa năng thành điện năng và ngược lại, sự biến đổi hóa học trên bề mặt. Vận dụng để xác định được năng lượng của phản ứng hóa học, giải thích được các qui luật điều khiển sự trao đổi năng lượng, đặc biệt những qui luật có liên quan đến các biến đổi nhiệt năng thành các dạng năng lượng khác.

The course provides a broad knowledge of the theoretical basis of chemical theory such as energy and chemical reactions; Chemical equilibrium, factors affecting the chemical equilibrium, phase balance (in the system of a structure); The speed of chemical reactions, the weakness affecting the reaction rate; Solution and the nature of the solution; Knowledge About electrochemistry: The process of transformation into electricity and, conversely, the chemical transformation on the surface. Used to determine the energy of the chemical reaction, which explains the laws that control the energy exchange, in particular the laws that involve the transformation of heat into other forms of energy.

B. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ II

Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political economics of marxism and Leninism)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6, trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Topics include six chapters: chapter 1 discuss about the objects, research methods, and functions of Political economics of marxism and Leninism. From chapter

2 to chapter 6, following the course purposes, the fundamental contents of the course are discovered. They encompass: commodities, market and the roles of the subjects in the market economy; creating the surplus value in the market economy; competition and monopoly in the market economy; Socialist-oriented market economy and economic benefit relationships in Vietnam; Industrialization, modernization and international economic integration of Vietnam.

Pháp luật đại cương (Introduction to laws)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Nội dung chính của học phần: khái quát chung về nhà nước; khái quát chung về pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam; luật Hiến pháp Việt Nam; luật hành chính Việt Nam; luật dân sự Việt Nam; luật hình sự Việt Nam; luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; luật phòng, chống tham nhũng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá và định hướng hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

The main contents of the course: general overview of the State; General terms of law; The legal system of Vietnam; Constitutional law of Vietnam; Vietnam Administrative Law; Civil law of Vietnam; Criminal law of Vietnam; Vietnamese marriage and family law; Anti-corruption law. This study will help students grasp the basic knowledge of the law, apply to practice, improve the legal sense, evaluate and orientation the conduct of themselves and those around in accordance with the legal norms , respect and implementation of the law.

Giải tích 1 (Calculus 1)

Số tín chỉ: 04

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về hàm số một biến số thực; giới hạn và sự liên tục của hàm số một biến số; đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; tích phân; chuỗi, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật, kinh tế.

This course provides the elementary introduction to the function of a real variable; limit and continuity of a function of a variable; differentiation, integration. It is useful in seeking the solutions for problems in Technologies and Economics.

Vẽ kỹ thuật Cơ khí và Auto CAD (Mechanical Engineering Drawing and Auto

CAD)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Vẽ kỹ thuật cơ khí và AutoCAD cung cấp những nội dung kiến thức sau đây:

- + Cách ứng dụng phần mềm AutoCAD để thiết lập các bản vẽ kỹ thuật.
- + Cách vẽ quy ước một số loại chi tiết cơ khí như: các chi tiết có ren, then hoa, bánh răng; Các mối ghép và một số bộ truyền ...
- + Cách lập và đọc các bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp cơ khí; Cách vẽ tách chi tiết từ bản vẽ lắp.

Mechanical Engineering drawings and AutoCAD provides the following knowledge content:

- + *How to Application AutoCAD software to set technical drawings.*
- + *How to draw conventions of several types of mechanical details such as: the details of lace, then flowers, gears; The clues and several transmitters...*
- + *How to set up and read detailed drawings and mechanical fitting drawings; How to draw detail from the mounting drawing.*

Vật lý 2 (Physics 2)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về tương tác tĩnh điện, các đại lượng vật lý đặc trưng cho trường tĩnh điện (véc tơ cường độ điện trường, véc tơ cảm ứng điện, điện thế, năng lượng...); kiến thức về tương tác tĩnh từ, các đại lượng vật lý đặc trưng cho từ trường không đổi (véc tơ cường độ từ trường, véc tơ cảm ứng từ, từ thông, năng lượng...); một số kiến thức về cơ học tương đối (phép biến đổi Lorentz, động lực học tương đối...); một số kiến thức về lý thuyết lượng tử (Thuyết photon, hiện tượng quang điện, hiệu ứng Compton...). Vận dụng các kiến thức để giải thích các hiện tượng vật lý và giải các bài toán về trường tĩnh điện, từ trường không đổi, cơ học tương đối, lượng tử ánh sáng.

This course provides the students with knowledge of electrostatic interactions, physical quantities that characterfy the electrostatic field (electro-intensive vector field, vector touch, electric voltage, energy...); Knowledge of static interactions, physical quantities characteristic for the unchanged magnetic field (vector intensity from the field, Vector induction from, magnetic, energy...); Some knowledge of relative mechanics (the Lorentz transformation, relative motivation...); Some knowledge of quantum theory (photon theory, photovoltaic phenomenon, Compton effects...). Apply

the knowledge to explain the physical phenomena and solve problems of the electrostatic field, magnetic field, relative mechanics, quantum light.

Tiếng Hàn 2 (Korean 2)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Tiếng Hàn 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất...

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng các kiến thức từ và vựng ngữ pháp của học phần để hình thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản.

The Korean 2 provides learners with basic vocabulary and grammar related to familiar topics in everyday life such as journeys, appearances, movies and art forms, faculties. study, travel, Earth ...

In addition, this module also provides a variety of exercises to help learners use the vocabulary and grammar knowledge of the module to formulate and develop basic listening, speaking, reading and writing skills.

C. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ III

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1: trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 2 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức con người. Là học phần bắt buộc được giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các học phần tiên quyết gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

The content of the subjects includes 6 chapters: chapter 1: presenting basic issues of Ho Chi Minh Thought; Chapter 2 presents the basis and process of forming and developing Ho Chi Minh's thought; chapters 3 to 6 present the basic contents of Ho Chi Minh's thought and the Party's application of: national independence and socialism; about the Communist Party of Vietnam and the State of the people, by the

people and for the people; on great national unity and international solidarity; about human culture and morals. It is a compulsory module taught in a training program for Marxist and Leninist students of Ho Chi Minh University. The prerequisite modules include: Marxist - Leninist Philosophy, Marxist - Leninist Political Economy, Scientific Socialism, Vietnamese Communist Party History.

Kỹ thuật thủy khí (Fluid Mechanics)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ học chất lỏng trong kỹ thuật: các tính chất vật lý cơ bản của chất lỏng, thủy tĩnh học; cơ sở thủy động học, năng lượng trong dòng chảy ổn định, lực tác dụng lên vật chìm, phân tích thứ nguyên và tương tự, dòng chảy qua lỗ và vòi.

This course provides basic knowledge of fluid mechanics in engineering: The basic physical properties of liquids, hydrostatically; Hydrodynamic base, energy in steady flow, force effect on submersible, dimension and analog analysis, flow through holes and taps.

Cơ kỹ thuật 1 (Engineering Mechanics: Statics)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức lý thuyết về tĩnh học: giới thiệu về tĩnh học, các phép tính cơ bản đối với hệ lực, thu gọn hệ lực, cân bằng của vật rắn trong không gian hai chiều và ba chiều, lực ma sát Colomb, tâm và mô men quán tính diện tích.

This course provides the theoretical knowledge of statically: Introduction to statically, fundamental calculations for the power system, collapse of the power, balance of solids in two-dimensional and three-dimensional spaces, the friction of the Colomb, mind and inertia of area.

Giải tích 2 (Calculus 2)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về đạo hàm riêng, vi phân toàn phần, đạo hàm theo hướng, cực trị, giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số nhiều biến; khái niệm, cách tính và các ứng dụng của tích phân bội, tích phân đường, tích phân

mặt; phương trình vi phân, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật.

This course provides the basic knowledges about partial derivative, total differential, derivative derivative, maximal value, maximum value and minimum value of multivariate functions; concepts, calculations and applications of multiplication integral, line integral, surface integral; differential equations, is the basic knowledge to apply and solve problems in Engineering.

Tiếng Hàn 3 (Korean 3)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Tiếng Hàn 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ 2 của trình độ TOPIK I, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: quê nhà và thói quen, cuộc sống thường ngày của học sinh - sinh viên, thời gian rảnh, thể giới, cách sống khỏe mạnh...

Học phần này cũng cung cấp các bài luyện tập đa dạng giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp được học trong học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

The Korean 3 provides learners with basic vocabulary and grammar skills at the second level of TOPIK I level, related to familiar topics in everyday life such as home and habits, daily life of students - students, free time, the world, healthy ways of life ...

This module also provides a variety of practice exercises that help learners use the vocabulary and grammar knowledge learned in the module to build and develop listening, speaking, reading and writing skills.

Vật liệu kỹ thuật (Engineerning Materials)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Vật liệu kỹ thuật giới thiệu kiến thức cơ sở về vật liệu, phương pháp làm thay đổi tổ chức, tính chất của vật liệu và ứng dụng của vật liệu trong lĩnh vực cơ khí. Nội dung gồm:

- Cấu trúc tinh thể và sự hình thành tổ chức của kim loại;
- Hợp kim và giản đồ trạng thái;
- Các đặc trưng cơ tính của vật liệu;
- Công nghệ nhiệt luyện thép;
- Hóa bền bề mặt thép;
- Các loại thép, gang và ứng dụng;
- Vật liệu khác: Hợp kim màu, polyme, ceramic...

Engineerning Materials introduction to the knowledge Base on materials, methods to alter the organization, properties of materials and applications of materials in the field of mechanical engineering. Content includes:

- The crystalline structure and organizational formation of metals;*
- Alloy and state schema;*
- Characteristics of the material;*
- Steel heat metallurgy technology;*
- Durable steel surfaces;*
- Steel, cast iron and applications;*
- Other materials: alloy color, Polymer, ceramic...*

Tin học trong kỹ thuật (Computational Engineering)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về sử dụng các phần mềm Word, Excel, Powerpoint. Phương pháp xây dựng và biểu diễn thuật toán. Phương pháp khai báo và sử dụng các kiểu dữ liệu trong ngôn ngữ C++, kỹ thuật lập trình sử dụng các cấu trúc lệnh điều khiển chương trình, kỹ thuật xây dựng hàm trong C++. Từ đó giúp sinh viên có thể ứng dụng ngôn ngữ C++ để phát triển các phần mềm phục vụ cho các bài toán trong kỹ thuật, kinh tế,...

This course provides basic knowledge of using Word, Excel, Powerpoint software. Methods of building and performing algorithms. Methods for the Declaration and use of data types in C++ language, programming techniques use the Program Control command structure, the function building technique in C++. From there help students can application C++ language to develop software that serves the issues in engineering, economics,...

Kỹ thuật điện đại cương (General electrical engineering)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức tổng quan về kỹ thuật thuộc lĩnh vực điện; kiến thức lý thuyết và phương pháp tính toán các bài toán mạch điện tuyến tính với dòng hình sin, mạch điện xoay chiều một pha và ba pha; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc và cách phân tích các bài toán của các loại máy điện như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; Kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc và cách phân tích các mạch điện tử cơ bản.

This course provides a technical overview of the electric field, theoretical knowledge and methodology for calculating linear circuit algorithms with sine line, single-phase alternating current and three-phase circuits, knowledge of the structure, working principle and how to analyze the problems of various kinds of electrical machines such as transformers, the power machine is not synchronized; Knowledge of the structure, working principle and how to analyze the basic electronic circuits.

D. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ IV

Cơ học kỹ thuật 2 (Engineering Mechanics: Dynamics)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức lý thuyết về động lực học: giới thiệu về động lực học, động học chất điểm và vật rắn, các phương pháp giải quyết vấn đề về chuyển động của chất điểm và vật rắn phẳng (phương pháp Lực – khối lượng – gia tốc, phương pháp công - năng lượng), phương trình Lagrange.

This course provides theoretical knowledge of motivation: Introduction to Dynamic motivation, point-and-effect dynamic and solids, methods to solve the problem of point movements and flat solids (force-volume-acceleration method , public-energy method), a Lagrange equation.

Cơ học vật liệu (Mechanics of Materials)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Cơ học vật liệu cung cấp các kiến thức về kỹ năng tính toán, thiết kế kết cấu trong kỹ thuật:

- + Nghiên cứu nội lực, ứng suất, biến dạng và chuyển vị.
- + Các trường hợp chịu lực đơn giản như kéo, nén, uốn, xoắn.
- + Trạng thái chịu lực tổ hợp.
- + Đánh giá ứng suất biến dạng phá hỏng và ổn định để thiết kế kết cấu.

Mechanics of Materials provides knowledge of computational skills, structural design in the engineering:

- + *Determine force, stresses, strain, deformation and displacement.*
- + *Sevaral cases for simple strutures/bars under axial loads, bending loads, and torsion.*
- + *Structure under complex load*
- + *Evaluating stress, deformation and stability of structures for designing structures*

Đồ gá (Jig)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đồ gá gồm: Phân loại đồ gá; các cơ cấu của đồ gá như cơ cấu định vị, cơ cấu kẹp chặt, cơ cấu tự định tâm; Cấu tạo và thành phần của một số đồ gá thông dụng; Trình tự thiết kế đồ gá chuyên dùng.

The module provides basic knowledge of jigs including: Sorting jigs; jig mechanisms such as locating mechanisms, clamping mechanisms, self-centering mechanisms; the structure and composition of some common jigs; the order of designing special jigs.

Nguyên lý máy (Theory of Machines and Mechanisms)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Nguyên lý máy cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng lý thuyết máy và cơ cấu để giải quyết các vấn đề hình học, động học và lực bao gồm: cấu trúc, động học (vị trí, chuyển vị, vận tốc, gia tốc), động lực học của cơ cấu và máy. Từ đó, sinh viên có thể tổng hợp (thiết kế) các cơ cấu và máy mới.

This subject provides basic knowledge in the relationships between the geometry and motions of the parts of mechanisms and machines in order to solve several problems such as position and displacement, velocity, acceleration, and dynamics of mechanisms. Students therefore can synthesize simple mechanisms and machines.

Kỹ thuật nhiệt (Thermal engineering)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Giới thiệu các kiến thức cơ bản về nhiệt động học, truyền nhiệt và ứng dụng các kiến thức này vào việc nghiên cứu nguyên lý hoạt động của một số thiết bị nhiệt.

Introducing basic knowledge of thermodynamic, thermal transfer and application of these knowledge into the study of the principle of operation of some thermal equipment.

Chi tiết máy (Mechanical Engineering Design)

Học phần Chi tiết máy cung cấp các kiến thức về những vấn đề cơ bản trong thiết kế máy và chi tiết máy, bao gồm:

- + Các yêu cầu cơ bản đối với máy và chi tiết máy.
- + Các chỉ tiêu chủ yếu đánh giá khả năng làm việc của chi tiết máy.
- + Sơ lược về độ tin cậy, tính công nghệ, tính kinh tế và lựa chọn vật liệu chi tiết máy.
- + Vai trò, vị trí của hệ dẫn động trong các thiết bị, dây chuyền.
- + Cấu tạo, nguyên lý làm việc và cách tính toán thiết kế hợp lý các chi tiết máy thông dụng trong hệ dẫn động cơ khí (các bộ truyền cơ khí, các tiết máy đỡ nổi và các mối ghép).

This course provides knowledge of the basics of mechanical design and mechanical elements, including:

- + Basic requirements for the machine and mechanical elements.*
- + Main criteria to evaluate the working ability of mechanical elements.*
- + Summary of reliability, technology, economics and selection of materials for mechanical elements.*
- + The role and position of drive systems in devices and mechanical drive systems.*
- + Structure, working principle and reasonable design calculation of common mechanical elements in mechanical drive systems (mechanical transmissions, bearings and permanent and non-permanent joints).*

Kỹ thuật đo lường (Measurement and Instrumentation)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ thuật đo lường bao gồm các khái niệm về đo lường; thiết bị đo và các đặc tính của thiết bị đo, các loại sai số trong quá trình đo lường, các phương pháp đánh giá sai số của phép đo và các phương pháp giảm bớt sai số trong quá trình đo.

Cung cấp kiến thức về các mạch biến đổi tín hiệu đo cơ bản trong đo lường, các nguyên lý cơ bản của chuyển đổi đo lường nhằm biến đổi các đại lượng cơ khí thành tín hiệu điện phục vụ cho quá trình đo.

Cung cấp kỹ năng đo và đánh giá sai số của các phép đo các đại lượng đo cơ khí (chuyển vị, vận tốc, gia tốc, góc, lực và mô men v.v).

Providing a basic knowledge of measurement techniques including the concepts of measurement; Measuring instruments and characteristics of measuring equipment, types of deviations in the measurement process, methods for measuring the tolerances of measurements and methods of reducing the tolerances in the measurement process.

Providing knowledge of the strengths of the fundamental transformation of measuring signals in measurement, the fundamental principles of conversion measurement aimed at the transformation of mechanical quantities into electrical signals to serve the measurement process.

Providing measurement and evaluation of the tolerances of measurements of mechanical measurements (transfer, velocity, acceleration, angle, force and torque etc.).

Tiếng Hàn 4 (Korean 4)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Tiếng Hàn 4 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp ở cấp độ 3 của trình độ TOPIK II, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong bài thi kiểm tra năng lực tiếng Hàn cấp độ 3.

Học phần này cũng cung cấp các bài luyện tập đa dạng giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp được học trong học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, luyện thi TOPIK cấp độ 3.

The Korean 4 provides learners with basic vocabulary and grammar skills at the third level of TOPIK II level, related to familiar topics in the third level of TOPIK II test.

This module also provides a variety of practice exercises that help learners use the vocabulary and grammar knowledge learned in the module to build and develop listening, speaking, reading and writing skills, preparing for third level of TOPIK II test.

Dung sai và đo lường (Tolerance and Engineering Metrology)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về: tính đổi lẫn chức năng; dung sai và lắp ghép; độ chính xác gia công của các yếu tố hình học; dung sai lắp ghép trụ tròn, dung sai một số mối ghép đặc biệt và truyền động bánh răng. Chuỗi kích thước, cơ sở kỹ thuật đo, đo các thông số hình học của chi tiết máy, xử lý kết quả đo trong chế tạo máy.

The course provides knowledge and skills on: interchangeability and functionality; tolerance and docking; Accuracy of machining of geometry elements; The tolerances are smooth mounting, tolerances for a number of special coupler and gear transmission. Chain size, measurement engineering basis, measurement of

geometry of machine details, processing of measurement results in machine manufacturing.

E. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ V

Cơ chất lỏng (2) (Fluid Mechanics (2))

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cơ học chất lỏng (2) tập trung vào việc áp dụng lý thuyết cơ bản của dòng chảy và tổn thất ma sát trong dòng chảy ống và ống dẫn.

A continuation of the fluid mechanics with an emphasis on applications that involve concepts of fluid flows and friction loss in pipe and duct flows.

Thực hành đo trong kỹ thuật (Experiment for Measurement Engineering)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Nguyên tắc và lý thuyết cơ bản được giới thiệu cho hệ thống đo lường kỹ thuật và các phương pháp đo lường. Các cảm biến khác nhau và phương pháp thu thập dữ liệu tính toán trong kỹ thuật cơ khí cũng được nghiên cứu.

Fundamental principles and theories are introduced for engineering measurement system and measurement methods. Various sensors and compute data acquisition methods in mechanical engineering are also studied.

Thiết kế máy (Machine Design)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Máy là sự kết hợp của cơ cấu và các thành phần khác với các phép biến đổi, truyền hoặc sử dụng năng lượng, lực hoặc chuyển động nhằm thực hiện một mục đích mong muốn. Ví dụ như động cơ đốt trong, tua bin, xe cộ, cơ cấu nâng/ hạ, máy in, máy giặt và máy quay phim. Mục đích của môn học này là cung cấp các kiến thức hữu ích cho việc phân tích và thiết kế chi tiết máy, hiệu suất và độ bền. Hơn nữa, môn học này còn cung cấp cho sinh viên phát triển năng lực và sự tự tin vào khả năng áp dụng để thiết kế chi tiết máy.

A machine is a combination of mechanisms and other components with transforms, transmits, or utilizes energy, force, or motion for useful purpose. Examples are engines, turbines, vehicles, hoists, printing presses, washing machines, and movie cameras. One purpose is to present of knowledge that will be useful for analysis and design of mechanical components, particularly for performance, strength, and

durability. Further, this subject is to provide an opportunity for the student to develop competence and confidence in applying available to the design of mechanical components.

Thiết kế cơ khí hỗ trợ bởi máy tính (Mechanical Computer Aided Design(2))

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này cung cấp cho sinh viên quá trình thiết kế các mô hình sử dụng CATIA từ việc phác thảo khái niệm, cho đến các mô hình 3D, thiết kế lắp ráp và xuất ra bản vẽ. Sinh viên học môn học này có thể hiểu được các thông số thiết kế trong môi trường CATIA thông qua việc thực hành với đa dạng các bài tập thực hành khác nhau.

This course is to learn the process of designing models with CATIA from conceptual sketching, through to solid modeling, assembly design, and drawing production. This student will gain an understanding of the parametric design philosophy of CATIA through this extensive hands-on course with numerous practice exercises.

Kỹ thuật thủy lực và khí nén (Hydraulic and Pneumatic Power Engineering)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này được thiết kế để tìm hiểu nguyên lý hoạt động và đặc tính động của hệ thống điện thủy lực. Cung cấp kiến thức cơ bản về cấu trúc và đặc tính của các giá trị điều khiển thủy lực, bộ truyền động thủy lực và khả năng để hiểu được các mạch thủy lực.

This course is designed to learn the principle of operating and dynamic characteristic of hydraulic power system. To provide a fundamental knowledge of the construction and characteristic of hydraulic control valves, hydraulic actuators and promote the ability to understanding of hydraulic circuits.

Dao động kỹ thuật (Mechanical Vibration)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này mô tả nguyên nhân và ảnh hưởng của dao động và phương pháp điều khiển dao động. Lý thuyết dao động của hệ thống một, hai và nhiều bậc tự do cũng được đề cập đến.

The subject explains the cause and effect of vibration and the vibration control method. The vibration theory on the one, two and multi degree freedom are also

introduced.

Động học (Kinematics)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này cung cấp kiến thức về phân tích và tổng hợp cơ cấu phẳng bao gồm động học và động lực học cơ cấu và thiết kế cơ cấu cam. Học xong môn học này sinh viên sẽ nắm được kiến thức cơ bản về cơ cấu máy và có kiến thức và phương pháp đủ để tổng hợp cơ cấu cho quá trình thiết kế

This course is a detailed treatment of the analysis and synthesis of planer mechanisms including kinematics and dynamics of mechanisms, and cam design. By the end of the semester, the student will have gained a basic knowledge of mechanisms and will have sufficient understanding of the issues and methods to synthesize them in engineering design processes

F. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ VI

Hệ thống điều hòa không khí (Air Conditioning System)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này đề cập đến nguyên tắc cơ bản của lý thuyết làm lạnh, nén và hấp thụ hơi, các thành phần và hệ thống làm lạnh, lý thuyết về nhiệt động lực học của không khí ẩm, phân tích các cuộn làm mát và hút ẩm được. Hệ thống sưởi ẩm và điều hòa không khí: lựa chọn thiết bị, bố trí hệ thống, tính toán tải trọng, lý thuyết nhiệt động lực học tiên tiến, thiết kế hệ thống ống dẫn và đường ống, thiết kế hệ thống phân phối không khí, chất lượng không khí trong nhà được đề cập đến trong môn học này.

Fundamentals of refrigeration theory, vapor compression and absorption, refrigeration components and systems, psychrometric theory, analysis of cooling and dehumidifying coils are studied. Heating and air conditioning systems: equipment selection, system arrangement, load calculations, advanced psychrometrics, duct and piping systems design, air distribution system design, indoor air quality are treated.

Kỹ thuật vật liệu cơ khí (Materials of Mechanical Engineering)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản và ứng xử vật lý của một số vật liệu khác nhau trong kỹ thuật cơ khí. Hơn nữa, các chủ đề liên quan đến sắt, thép và kim loại màu cũng như nhựa, gốm sứ và vật liệu composit cũng được đưa ra

cho các kỹ sư cơ khí.

This subject is to provide an opportunity for the student to study the fundamental principles and physical behaviors of various materials of mechanical engineering. Further, the topics concerning to iron, steel and non-ferrous metal as well as the plastic, ceramics, and composite materials are to be learned, which is the basic knowledge for mechanical engineers.

Truyền nhiệt (Heat Transfer)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Ba loại chế độ truyền nhiệt là để nghiên cứu. Nguyên tắc vật lý của điều kiện nhiệt, đối lưu và bức xạ là để hiểu. Các phương trình chi phối cho các hiện tượng truyền nhiệt này có nguồn gốc và các kỹ thuật giải pháp của chúng được học để có sự phân phối nhiệt độ và thông lượng trong kỹ thuật nhiệt.

Three kind of heat transfer mode are to study. Physical principles of heat condition, convection and radiation are to understand. Governing equations for these heat transfer phenomena are derived and their solution techniques are learned to have temperature and flux distributions in thermal engineering.

Các quá trình sản xuất (Manufacturing Process)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này cung cấp nguyên lý cơ bản của các quá trình sản xuất với nhiều loại khác nhau như quá trình đúc, gia công nhựa và gia công các dạng chi tiết đặc biệt.

This course teaches the fundamental principle of manufacturing processes to produce various manufactured articles, that is cast, plastic working, machining, and special working.

Kỹ thuật điều khiển (Control Engineering)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này sử dụng lý thuyết điều khiển để giải thích đáp ứng trạng thái nhất thời và ổn định để đáp ứng tần số và cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích và thiết kế hệ thống điều khiển và mô hình hóa hệ thống động lực.

This subject uses the control theory to explain the transient and steady state response, the frequency response and provides the bases for the analysis and design of control system and for modeling of dynamic system.

G. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ VII

Thực tập chuyên ngành (Capstone Design)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Môn học này cung cấp thiết kế capstone của kỹ thuật hệ thống cơ khí. Lập kế hoạch, thiết kế và mô hình hóa một số bộ phận thông qua một quy trình tuần tự của thiết kế đó là khái niệm-kỹ thuật-thiết kế để phát triển một sản phẩm cơ khí, có nhiệm vụ và chức năng nhất định. Cũng có khả năng tổng hợp dựa trên sự hợp tác giáo dục công nghiệp để có thể thu tóm được.

This course is capstone design of mechanical systems engineering. Plan, design, and model several parts through a sequential process of concept-engineering-design to develop a mechanical product, which has certain object and function. Also overall practical capability based on industrial education cooperation to be acquired.

Hệ thống năng lượng tái tạo (Renewable Energy System)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này bao gồm các hệ thống năng lượng tái tạo như hệ thống năng lượng mặt trời, quang điện, máy phát điện gió, sinh khối, năng lượng thủy triều, pin nhiên liệu, hệ thống địa nhiệt, năng lượng hydro và cũng bao gồm các lĩnh vực quan trọng của cấu trúc hệ mặt trời và thiết kế nhà ở với hiệu quả sử dụng năng lượng.

This subject includes renewable energy systems such as solar thermal systems, photovoltaics, wind generators, biomass, tidal energy, fuel cells, geothermal systems, hydrogen energy and also includes the important areas of solar architecture and the design of energy efficient housing.

Kỹ thuật động cơ ô tô (Automotive Power Engineering)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này đề cập đến nguyên lý động cơ xăng, động cơ diesel, động cơ hybrid và động cơ điện để làm hệ thống phát điện cho hệ thống vận chuyển.

The subject teaches the principle of gasoline engine, diesel engine, hybrid engine, and electric engine as a power generation system for transportation machines.

Cơ điện tử (Mechatronics)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này mô tả nguyên tắc và lý thuyết cơ bản về kỹ thuật số và analog được nghiên cứu để có khả năng thiết kế các hệ thống cơ khí cho các ứng dụng và điều khiển cơ học.

This principles and basic theory of digital and analog are studied to have design ability of mechanical systems for mechanical control and applications.

Thiết kế ứng dụng hỗ trợ bởi máy tính (Computer Aided Applied Design)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này cung cấp cho sinh viên nguyên các nguyên tắc kỹ thuật, các phương pháp phân tích và thiết kế sản phẩm bằng việc sử dụng một số phần mềm kỹ thuật.

This course provides mechanical engineering students with engineering principles, analysis methods, and design procedures using the various engineering computer softwares.

H. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ VIII

Hệ thống robot (Robot System)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này tập trung vào các quá trình điều khiển robot là cơ sở của các hệ thống robot khác và bao gồm các nguyên tắc cơ bản của robot như hệ tọa độ tham chiếu, thống kê, phân tích động học thuận (hoặc ngược), động lực học thuận (hoặc ngược) của robot, Jacobian, quỹ đạo và điều khiển cơ bản.

This course will concentrate on robot manipulators, which are the base of other robotic systems, and cover basic principles in robotics such as coordinate frames, statics, (inverse and forward) kinematics, (inverse and forward) dynamics of robotics, manipulator Jacobian, singularity, redundancy, trajectory planning and basic control

Thiết kế hệ thống nhiệt (Thermal System Design)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này là để cung cấp các nguyên tắc cơ bản và khả năng thiết kế về chuyển đổi năng lượng nhiệt và hệ thống hữu dụng. Kỹ thuật mô hình hóa sử dụng nhiệt động lực học và lý thuyết truyền nhiệt sẽ được xử lý để phân tích và thiết kế trong hệ thống nhiệt.

This subject is to provide the fundamental principles and the design ability about thermal energy transition and utility system. Modeling techniques using the thermodynamics and heat transfer theory will be treated for analysis and design in thermal system.

Tính toán nhiệt trong chất lỏng (Computational Thermal Fluid)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Tự chọn

Phân tích số cho truyền nhiệt và cơ học chất lỏng của các hệ thống cơ khí sẽ được nghiên cứu. Ngoài ra, phần mềm phân tích kỹ thuật cập nhật sẽ được học để có khả năng áp dụng cho các vấn đề của ứng dụng kỹ thuật.

Numerical analysis for heat transfer and fluid mechanics of mechanical systems are to be studied. Also the up-to-date engineering analysis software will be learned to have the ability to apply it to the problems of engineering application.

PHỤ LỤC 3:

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN VÀ KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN VÀ KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY
(Chương trình liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí với
Đại học Jeonju, Hàn Quốc)

ST T	Họ và	Tên	Chuyên ngành	Học hàm, Học vị	Môn học dự kiến giảng dạy
1.	Hoàng	Vị	Ứng dụng Điện tử-Tự động hóa	PGS, TS	Đại cương về kỹ thuật (Engineering Principles)

2.	Đỗ Thị	Tám	Công nghệ chế tạo máy	TS	Dung sai và đo lường (Tolerance and Engineering Metrology)
3.	Hà Đức	Thuận	Kỹ Thuật Cơ khí	ThS	Dung sai và đo lường (Tolerance and Engineering Metrology)
4.	Trần Thế	Long	Kỹ Thuật Cơ khí	ThS	Dung sai và đo lường (Tolerance and Engineering Metrology)
5.	Ngô Minh	Tuấn	Kỹ Thuật Cơ khí	TS	Các QT sản xuất; Thiết kế máy
6.	Lưu Anh	Tùng	Công nghệ Chế tạo máy	ThS	Các QT sản xuất; Thiết kế máy
7.	Hoàng Văn	Quyết	Công nghệ Chế tạo máy	ThS	Dung sai và đo lường (Tolerance and Engineering Metrology); Đồ gá (Jig)
8.	Dương Phạm Tường	Minh	Cơ học ứng dụng	PGS,TS	Cơ học vật liệu
9.	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	Cơ học máy	ThS	Đại cương về kỹ thuật; Chi tiết máy; nguyên lý máy
10.	Nguyễn Đình	Mãn	Động lực học và độ bền của máy, khí cụ và dụng cụ	PGS,TS	Hình họa -Vẽ kỹ thuật, VKT cơ khí, AutoCAD, Độ tin cậy của chi tiết máy, máy và thiết bị
11.	Trần Thị Phương	Thảo	Kỹ Thuật Cơ khí	ThS	Hình họa vẽ kỹ thuật; Vẽ KTCK và Auto CAD; Chi tiết máy
12.	Nguyễn Mạnh	Cường	Công nghệ chế	ThS	Đại cương về kỹ

			tạo máy		thuật; Nguyên lý máy
13.	Ngô Quốc	Huy	Cơ học kỹ thuật	ThS	Chi tiết máy
14.	Nguyễn Quang	Hưng	Cơ học kỹ thuật	ThS	Cơ học vật liệu
15.	Lê Thị Phương	Thảo	Kỹ Thuật Cơ khí	ThS	Hình họa vẽ kỹ thuật; Vẽ KTCK và Auto CAD
16.	Trần Ngọc	Giang	Cơ học vật liệu	ThS	Cơ học vật liệu
17.	Nguyễn Văn	Trang	Cơ học	TS	Cơ học vật liệu
18.	Bùi Thanh	Hiền	Công nghệ chế tạo máy	ThS	Hình họa vẽ kỹ thuật; Vẽ KTCK và Auto CAD; chi tiết máy
19.	Nguyễn Đình	Ngọc	Kỹ Thuật Cơ khí	TS	Cơ học vật liệu
20.	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Kỹ Thuật Cơ khí	TS	Đại cương về kỹ thuật; Nguyên lý máy
21.	Nguyễn Văn	Sỹ	Kỹ Thuật Cơ khí	ThS	Đại cương về kỹ thuật; Nguyên lý máy
22.	Phạm Thành	Long	Chế tạo máy	PGS,TS	Hệ thống rô bot; Cơ điện tử
23.	Lê Thị Thu	Thủy	Chế tạo máy	ThS	Hệ thống rô bot; Cơ điện tử
24.	Nguyễn Ngọc	Hà	Cơ học kỹ thuật	ThS	Hệ thống rô bot; Cơ điện tử
25.	Dương Quốc	Khánh	Cơ điện tử	ThS	Hệ thống rô bot; Cơ điện tử
26.	Ngô Ngọc	Vũ	Kỹ Thuật Cơ khí	ThS	Hệ thống rô bot; Cơ điện tử
27.	Vũ Đức	Vương	Kỹ Thuật Cơ khí	ThS	Hệ thống rô bot; Cơ điện tử
28.	Hồ Ký	Thanh	Kỹ thuật vật liệu	Tiến sĩ	Vật liệu kỹ thuật
29.	Hà Bách	Tứ	Kỹ thuật vật liệu	Thạc sĩ	Vật liệu kỹ thuật
30.	Hoàng Xuân	Tứ	Kỹ thuật cơ khí	Thạc sĩ	Vật liệu kỹ thuật
31.	Vũ Lai	Hoàng	Khoa học vật	Tiến sĩ	Vật liệu kỹ thuật

			liệu		
32.	Nguyễn Thanh	Tú	Kỹ thuật cơ khí	Tiến sĩ	Vật liệu kỹ thuật
33.	Jun Oh	Sung	Kỹ thuật Cơ khí	GS.TS	Động học, Statics, Dao động kỹ thuật
34.	Choi Chang-	Yong	Kỹ thuật Cơ khí	GS.TS	Thiết kế hệ thống nhiệt, Truyền nhiệt, Kỹ thuật nguồn điện ô tô
35.	Kim Jin-	Soo	Cơ khí chính xác	GS.TS	Hệ thống robot, Cơ điện tử, Kỹ thuật điều khiển.
36.	Cho Sung-	Hwan	Kỹ thuật Cơ khí	GS.TS	Hệ thống điều hòa không khí, Hệ thống năng lượng tái tạo, Kỹ thuật thủy lực và khí nén, Cơ học chất lỏng.
37.	So Jung-	Duck	Tự động hóa	GS.TS	Kỹ thuật vật liệu cơ khí, Phân tích số, Thiết kế cơ khí hỗ trợ bởi máy tính, Thiết kế ứng dụng hỗ trợ bởi máy tính
38.	Mo	Eun Young	Korean Language and Literature	Tiến sĩ	Tiếng Hàn
39.	Choi	Kyeong Bok	Korean Language and Literature	Tiến sĩ	Tiếng Hàn
40.	Song	Jee Young	Korean Language and Literature	Tiến sĩ	Tiếng Hàn
41.	Hong Ro	Ra	Korean Language and Literature	Tiến sĩ	Tiếng Hàn
42.	Hoàng Thị Hải	Yến	Kinh tế chính trị	Thạc sĩ	Triết học Mác –

					Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
43.	Ngô Minh	Thương	Triết học	Tiến sĩ	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
44.	Dương Thị	Nhẫn	Triết học	Tiến sĩ	Triết học Mác – Lênin
45.	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tiến sĩ	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
46.	Trương Vũ	Long	Kinh tế chính trị	Thạc sĩ	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
47.	Nguyễn Nam	Hưng	Triết học	Thạc sĩ	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
48.	Phạm Minh	Tân	Vật lý chất rắn	Tiến sĩ	Các học phần Vật lý
49.	Phạm Thị Ngọc	Dung	Phương pháp giảng dạy	Thạc sĩ	Các học phần Vật lý
50.	Đồng Thị	Linh	Quang học	Thạc sĩ	Các học phần Vật lý
51.	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	Quang học	Thạc sĩ	Các học phần Vật lý
52.	Nguyễn Thanh	Tùng	Vật lý chất rắn	Thạc sĩ	Các học phần Vật lý
53.	Kiều Thị	Khánh	Phương pháp giảng dạy	Thạc sĩ	Thí nghiệm Vật lý
54.	Phạm Thị Thu	Hằng	Toán Giải tích	Thạc sĩ	Các học phần Toán
55.	Ngô Văn	Giang	Toán Giải tích	Thạc sĩ - NCS	Các học phần Toán
56.	Nguyễn Thị	Phương	Toán Giải tích	Thạc sĩ	Các học phần Toán
57.	Lê Bích	Ngọc	Toán Giải tích	Thạc sĩ	Các học phần Toán

PHỤ LỤC 4:

SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA GIẢNG VIÊN

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hoàng Thị Hải Yến

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Lý luận Chính trị

Tel: 0987 692 148

E-Mail : hoangyen@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 6 - P. Tích Lương - TP Thái Nguyên – Thái

Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm, Tiến sỹ, ngành đào tạo, Trường đào tạo;

- Năm, Thạc sỹ, ngành đào tạo, Trường đào tạo;

Từ 2013 - 2015, Thạc sỹ ngành Kinh tế Chính trị, tại Học viện Chính trị Khu vực I, Hà Nội.

- Năm, Đại học, ngành đào tạo, Trường đào tạo.

Từ 2006 – 2010, Cử nhân ngành Kinh tế Chính trị, tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

- 11/2010 - nay, Giảng viên - Bộ môn Lý luận Chính trị
- 12/2011 – 9/2013, Trợ lý CT HS-SV, Khoa KHCB
- 4/2014 - 10/2017, Trợ lý Đào tạo, Bộ môn Lý luận Chính trị
- 4/2014 - nay, Phó BT Chi đoàn GV, Bộ môn Lý luận Chính trị

Môn học giảng dạy

- Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, HP 1
- Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, HP 2
- Triết học Mác – Lênin
- Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
- Chủ nghĩa xã hội khoa học
-

Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế Chính trị

Công bố khoa học tiêu biểu

1. *Nâng cao thu nhập kinh tế hộ gia đình trong chuỗi giá trị chè tỉnh Thái Nguyên*, Hoàng Thị Hải Yến, Tạp chí Dân tộc, 41-42, 2016.
2. *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong việc xây dựng đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên hiện nay*, Hoàng Thị Hải Yến, Tạp chí Khoa học & Công nghệ, 79-84, 2017.
3. *Improving quality in scientific research activities for the force of teachers in universities nowadays*, Hoàng Thị Hải Yến, Ngô Thị Phương Thảo, Hội thảo khoa học quốc tế, trang 877-886, 2018.
4. *Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên theo Nghị quyết XII của Đảng*, Hoàng Thị Hải Yến, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, trang 158-160, 2019.

Người khai

Hoàng Thị Hải Yến

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

DIRECTOR

ACADEMY OF POLITICS REGION I



ACADEMY OF POLITICS REGION I

Hà Nội, 08th, March 2017

Serial number: A160937
Reference number: K94

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC I



Cho:
Sinh ngày

23/11/1988

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC



POSTS: Nguyễn Tiến Thanh

Số hiệu: A 160937
Số vào sổ cấp bằng: K94

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Minh Thương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Lý luận Chính trị

Tel: 0962.005.163

E-Mail: ngominhthuong@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 5 - P. Tích Lương - TP Thái Nguyên – Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Từ 2015 – 2018 tại Ngành Triết học, Trường ĐHKHXH & NV Hà Nội.
- Từ 2011 - 2013, Thạc sĩ ngành Triết học Mác – Lênin tại Học viện Báo chí, Hà Nội.
- Từ 2006 – 2010, ngành Triết học Mác – Lênin tại Học viện Báo chí, Hà Nội.

Quá trình công tác

11/2010 - nay, Giảng viên - Bộ môn Lý luận Chính trị

Môn học giảng dạy

- Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, HP 1
- Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, HP 2
- Triết học Mác – Lênin
- Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
- Chủ nghĩa xã hội khoa học

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học Mác – Lênin

Công bố khoa học tiêu biểu

1. 45 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, Hội thảo KH BM LLCT, tháng 12 – 2014.
2. Vận dụng công nghệ thông tin vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị ở bậc đại học hiện nay, Hội thảo KH Trường ĐHSP, tháng 05 – 2015.
3. Những giải pháp nhằm phát triển bền vững các khu công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa ở tỉnh Thái Nguyên hiện nay, Hội thảo KH BM LLCT, tháng 06 – 2015.

4. Ngô Minh Thương, "Từ quan điểm của Hồ Chí Minh đến quá trình nhận thức của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam", Tạp chí Giáo dục Lý luận, số 231, 7/2015, tr. 17 -19.
5. "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN", Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT, tr.17-25.
6. "Vấn đề biên đảo và việc giáo dục chủ quyền biên đảo ở Việt Nam hiện nay", 2015, tr.171-176.
7. Nhà nước pháp quyền khái niệm và đặc trưng cơ bản, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật số 409, Tháng 7/2018, Tr. 116 – 118.
8. Nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật số 410, Tháng 8/2018, tr.116 – 118.

Người khai

Ngô Minh Thương

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE DIRECTOR OF
ACADEMY OF JOURNALISM AND COMMUNICATION

confers
THE DEGREE OF MASTER
IN PHILOSOPHY

Upon: (Mr. Ms) *Ngô Minh Thường*
Born on: 16 / 3 / 1988

Given under the seal of
Academy of Journalism and Communication

Serial number:
Reference number:

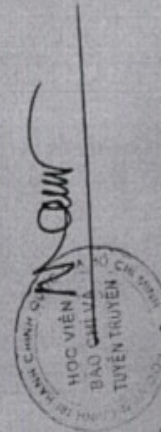
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

cấp
BẰNG THẠC SĨ
TRIẾT HỌC

Cho: *Ngô Minh Thường*
Sinh ngày 16 / 3 / 1988

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2013
GIÁM ĐỐC



Số hiệu: A 047103
Số vào sổ cấp bằng: 535/2013
PSS TS. Trương Ngọc Nam

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và các đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 3568/QĐ – TCCB ngày 08/10/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ban hành kèm theo Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học được ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/5/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/9/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học được ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho 04 nghiên cứu sinh được đào tạo tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia.

Danh sách các nghiên cứu sinh được công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các nghiên cứu sinh có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: HC-TH, ĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Dương Thị Nhẫn

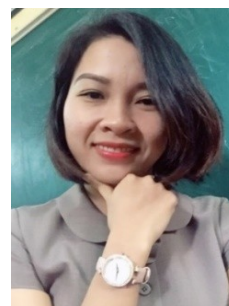
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Bộ môn Lý luận Chính trị

Tel: 0911231866

E-Mail : duongnhan@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp



Quá trình đào tạo

- Năm 2017, Tiến sĩ, ngành đào tạo: CNDVBC&VNDVLS, Trường đào tạo: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2012, Thạc sĩ, ngành đào tạo: Triết học, Trường đào tạo: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2010, Đại học, ngành đào tạo: Triết học, Trường đào tạo: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác

Từ 06/2011 đến 08/2013, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản – ĐHKTCN

Từ 09/2013 đến 03/2014, Giảng viên, Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐHKTCN

Từ 01/2017 đến 5/2017, Chuyên viên, giảng viên kiêm nhiệm, Phòng Hành chính Tổ chức

Từ 6/2017 đến nay, Giảng viên, Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐHKTCN

Môn học giảng dạy

Hệ đại học:

- Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Học phần I và II
- Triết học Mác – Lênin

Hệ cao học:

- Triết học Mác – Lênin

Lĩnh vực nghiên cứu: Khoa học Xã hội và Nhân văn

Công bố khoa học tiêu biểu

- Sách chuyên khảo:

Tư tưởng giáo dục của Fukuzawa Yukichi và ảnh hưởng của nó đến Việt Nam đầu thế kỷ XX, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2017

- Bài báo, hội thảo trong nước

1. Dương Thị Nhẫn, Tư tưởng con người độc lập của Fukuzawa Yukichi trong tác phẩm “Khuyến học”, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 41-49, 2012.

2. Dương Thị Nhẫn, Tư tưởng giáo dục chủ yếu của Fukuzawa Yukichi trong tác phẩm “Khuyến học”, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 70-78, 2013.

3. Dương Thị Nhẫn, Nâng cao tính thực tiễn trong bài giảng môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học trường ĐH Sư phạm, 2013.

4. Dương Thị Nhẫn, Từ “dân” đến “dân vận” trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo Bộ môn LLCT “Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận và công tác dân vận trong nhà trường”, 18-22, 2013.

5. Dương Thị Nhẫn, Giá trị nhân văn cao cả trong “Di chúc” của chủ tịch Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo Bộ môn LLCT “45 năm thực hiện Di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh”, 12-18, 2014.

6. Dương Thị Nhẫn, Ảnh hưởng của tư tưởng duy tân về giáo dục của Yukichi Fukuzawa đối với xã hội Nhật Bản, 70-77, 2015.

7. Dương Thị Nhẫn, Nguyễn Thị Thu Hằng, Fukuzawa Yukichi và tư tưởng Thoát Á của ông, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 55-62, 2015.

8. Dương Thị Nhẫn, Ngô Thị Phương Thảo, Tính cấp thiết của việc đổi mới tư duy kinh tế, Kỷ yếu Hội thảo Bộ môn LLCT “Quá trình đổi mới tư duy kinh tế tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn từ năm 2001 đến nay”, 05-08, 2015.

9. Dương Thị Nhẫn, Vận dụng tư tưởng của Fukuzawa Yukichi về nội dung giáo dục trong tác phẩm “Khuyến học” nhằm phát triển năng lực người học ở Việt Nam hiện nay, Tri thức xanh, 68-73, 2015.

10. Dương Thị Nhẫn, Những thành tựu từ quá trình đổi mới tư duy kinh tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2005 – 2015, Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2015.

11. Dương Thị Nhẫn, Ảnh hưởng của tư tưởng giáo dục của Fukuzawa Yukichi đến một số phong trào duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 62-69, 2016.

12. Dương Thị Nhẫn, Hữu Thị Hồng Hoa, Hà Thị Thu Hồng, Ảnh hưởng tư tưởng giáo dục của Fukuzawa Yukichi đến quá trình chuyển biến tư tưởng của tầng lớp nho sĩ ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 51-58, 2016.

13. Dương Thị Nhẫn, Đông kinh Nghĩa thực của Việt Nam: Từ mô hình trường Đại học Keio ở Nhật Bản, Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 9-14, 2016.

14. Dương Thị Nhẫn, Đỗ Duy Tú, Phương pháp học tập trong tác phẩm “Khuyến học” của Fukuzawa Yukichi và ý nghĩa đương thời của nó, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 53-59, 2018.

- Đề tài NCKH

1. Tác động của đổi mới tư duy kinh tế đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, Cấp Tỉnh Thái Nguyên, 2015-2017.

2. Tư tưởng duy tân về giáo dục của Fukuzawa Yukichi và bài học kinh nghiệm đối với công cuộc cải cách giáo dục Việt Nam hiện nay, Cấp Đại học, 2015-2017.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo theo hình thức tín chỉ tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên qua 10 năm thực hiện (2006-2016), mã số: T2016-79, Cấp Trường, 2016-2018.

Người khai

Dương Thị Nhẫn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

VNU University of Social Sciences and Humanities

Confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In: *Philosophy*

Upon: *Ms Duong Thi Nhan*

Date of birth: 23 March 1987

Place of birth: *Thai Nguyen*



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Cấp

BẰNG TIẾN SĨ

Nghành: *Triết học*

Cho: *Bà Duong Thi Nhan*

Sinh ngày: 23/03/1987

Tại: *Thai Nguyen*



Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

TS. Phạm Quang Minh

Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số: 2017/QĐ-SSHV ngày 28/02/2017

Số vào sổ: 2017/SHV Số biên bản: QT 001458

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Thu Thủy

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Bộ môn: Lý luận Chính trị, Trường

Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Tel: 0989310394

E-Mail : ntthuthuy@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 1, Phường Tân Lập, TP

Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2019, Tiến sĩ, chuyên ngành Chủ nghĩa Xã hội khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Năm 2009, Thạc sĩ, Ngành Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2005, Đại học Ngành Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác

- 13/10/2005- 30/05/2006, Giảng viên, Khoa Giáo dục Chính trị - Trường ĐH Sư phạm

- 01/06/2006- 06/01/2010, Giảng viên, Khoa KHCB-Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

- 07/01/2010- 26/09/2013, Giảng viên, Trưởng Bộ môn Lý luận Chính trị, Khoa KHCB – Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

- 27/09/2013-24/12/2019, Giảng viên, Bí thư Chi bộ, Trưởng Bộ môn trực thuộc Trường, Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Hoạt động

Giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng

Môn học giảng dạy

- Triết học cho học viên cao học

- Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin học phần 1, Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin học phần 2, Xã hội học.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Các vấn đề liên quan đến các học phần giảng dạy Lý luận Chính trị

Công bố khoa học tiêu biểu

- Đề tài KH&CN các cấp đã và đang chủ trì

1. Một số nội dung cơ bản của đạo đức Nho giáo và vai trò, ý nghĩa của nó với việc hoàn thiện con người Việt Nam hiện nay, Cấp cơ sở, 2009, Tốt.

2. Quan niệm về con người trong lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại giai đoạn Xuân Thu - Chiến Quốc và ý nghĩa của nó trong việc xây dựng con người mới Việt Nam hiện nay, Cấp cơ sở, 2010, Tốt.

3. Phép biện chứng duy vật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, Cấp cơ sở, 2011, Khá.

4. Vai trò của giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng đạo đức con người mới ở Việt Nam hiện nay, Cấp cơ sở, 2012, tốt.

- Các bài báo và báo cáo khoa học trong nước

1. Nguyễn Thị Thu Thủy, Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị tại trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Hội thảo khoa học Khoa KHCB, 2011.

2. Nguyễn Thị Thu Thủy, Giữ gìn và phát huy truyền thống "Tôn sư trọng đạo", Tạp chí Dân tộc. Mã số ISSN 1859-1345, số 143, 19-21, 2012.

3. Nguyễn Thị Thu Thủy, Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Những NLCB của CNML tại trường ĐH KTCN, Hội thảo khoa học Khoa KHCB 2012, 95-102, 2012.

4. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nâng cao chất lượng đội ngũ Đảng viên, Cán bộ viên chức – một giải pháp cơ bản để làm tốt công tác Dân vận trong Nhà trường, Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận và vận dụng tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Thái Nguyên – HTKH cấp Trường, 87- 92, 2013.

5. Nguyễn Thị Thu Thủy, Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT tại Trường ĐH KTCN, Hội thảo KH Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên, 153-160, 2013.

6. Nguyễn Thị Thu Thủy, Tinh thần tin vào dân, dựa vào dân trong tác phẩm “Di chúc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 45 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 54-59, 2014.

7. Nguyễn Thị Thu Thủy, Giảm thiểu, ngăn chặn bạo lực học đường từ giáo dục gia đình, Thông tin Chủ nghĩa Xã hội – Lý luận và thực tiễn, số 46, tháng 06 – 2015, 17-19, 27, 2015.

8. Nguyễn Thị Thu Thủy; Hoàng Thị Hải Yến, Một số phương hướng, giải pháp để tiếp tục đẩy mạnh quá trình đổi mới tư duy lý luận ở nước ta trong thời gian tới, Quá trình đổi mới tư duy kinh tế tại tỉnh Thái Nguyên từ năm 2001 đến nay, 72-79, 2015.

9. Nguyễn Nam Hưng; Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát huy vai trò người Thầy trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị, Dạy học các môn Lý luận chính trị trong trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông – ĐH Sư phạm, 70-73, 2015.

10. Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát huy giá trị văn hóa gia đình trong bối cảnh hiện nay, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 390, 12/2016 mã số ISSN: 0866-8655, 49-51, 2016.

11. Nguyễn Thị Thu Thủy, Yếu tố ảnh hưởng đến việc phát huy giá trị gia đình truyền thống trong xây dựng gia đình văn hóa Việt Nam hiện nay, Tạp chí Dân tộc, số 184, 7/2016, mã số ISSN: 1859-1345, 53-55, 2016.

12. Nguyễn Thị Thu Thủy, Kế thừa và phát huy giá trị gia đình truyền thống trong xây dựng gia đình văn hóa, Tạp chí Lao động và Công đoàn, số 599, 7/2016, mã số ISSN: 0866-7578, 14-15, 2016.

13. Nguyễn Thị Thu Thủy, Lễ hội Kỳ Yên với đời sống người dân Nam Bộ: Quá khứ và hiện tại, Câu lạc bộ Khoa học công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật lần thứ 48 với sự phát triển bền vững Tây Nam Bộ, 413-419, 2016.

14. Nguyễn Thị Thu Thủy; Nguyễn Nam Hưng, Phát huy vai trò của cán bộ cấp xã trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn ở Vĩnh Phúc, Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng tỉnh Vĩnh Phúc, 342-348, 2016.

15. Nguyễn Thị Thu Thủy, Xây dựng gia đình văn hóa ở vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay, Tạp chí Lao động và Công đoàn, số 630, 10/2017, mã số ISSN: 0866-7578, 42-43, 2017.

16. Nguyễn Thị Thu Thủy, Đạo đức truyền thống trong xây dựng văn hóa ở đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 400, 10/2017, mã số ISSN: 0866-8655, 27-29, 2017.

17. Nguyễn Thị Thu Thủy, Tăng cường giáo dục giá trị truyền thống của gia đình trong xây dựng gia đình văn hóa ở vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 266, 10/2017, mã số ISSN: 0868-3492, 65-69, 2017.

18. Trương Vũ Long; Nguyễn Thị Thu Thủy, Quan niệm của G. Rút-xô về mục đích và đối tượng của giáo dục trong tác phẩm "Emile hay là về giáo dục", Tinh thần khai sáng Pháp thế kỷ XVIII Trường Đại học KHXH và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM, 20-29, 2017.

19. Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát huy vai trò văn hóa gia đình trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Tháp, Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp, 407-412, 2017.

20. Nguyễn Thị Thu Thủy, Chủ nghĩa Mác - Lênin về gia đình và vận dụng của

Đảng ta thời kỳ đổi mới, Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về Chủ nghĩa xã hội khoa học-Những giá trị bền vững và những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, phát triển - Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học - Học viện CTQG Hồ Chí Minh, 393-397, 2017.

21. Nguyễn Thị Thu Thủy, Tăng cường giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng hiện nay, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số tháng 11/2018, ISSN: 1859-2694, 33-34, 2018.

22. Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát triển văn hóa Việt Nam trong điều kiện hiện nay, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 414 tháng 12/2018, ISSN: 0866-8655, 27-29, 2018.

23. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong xây dựng lối sống cho sinh viên, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số Kỳ 1- 12/2019, ISSN: 1859-2694, 19-20, 2019.

Người khai

Nguyễn Thị Thu Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG TIẾN SĨ

Ngành: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Cho: Nguyễn Thị Thu Thủy

Ngày sinh: 25/5/1982

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC



GS, TS Nguyễn Xuân Thắng

Số hiệu bằng: **H-PhD 000004**

Số vào sổ cấp bằng: 582

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Trương Vũ Long

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Lý luận Chính trị

Tel: 0977 559 588

E-Mail :

truongvulong1988@gmail.com

Địa chỉ: Bộ môn Lý luận Chính trị -
Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp



Quá trình đào tạo

- Năm: 2013 - 2015, Thạc sỹ, ngành đào tạo: Kinh tế Chính trị học, Trường đào tạo: Học viện Báo chí & Tuyên truyền

- Năm: 2007 - 2011, Đại học, ngành : Kinh tế Chính trị học, Trường đào tạo: Học viện Báo chí & Tuyên truyền

Quá trình công tác

- Từ 02/2012 – 8/2013: Công tác giảng dạy tại khoa Khoa học cơ bản – ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ 9/2013 – 8/2015: Công tác giảng dạy tại Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ 9/2015 – 8/2017: Công tác giảng dạy, Bí thư LCD, Trợ lý CNTT tại Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ 9/2017 – 8/2019: Công tác giảng dạy, Bí thư LCD, Trợ lý CNTT tại Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ năm 2019 đến nay: Công tác giảng dạy, Bí thư LCD, Trợ lý CNTT tại Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

-

Môn học giảng dạy: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Thực hiện tốt hơn Di chúc Hồ Chí Minh trong việc xây dựng đoàn thanh niên và công tác thanh niên tại Bộ môn Lý luận Chính trị Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Kỷ yếu Hội thảo KH BM LLCT: “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận và công tác dân vận trong nhà trường” – 2014

2. Nâng cao tính khoa học và thực tiễn trong nội dung giảng dạy môn "Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin - Kỷ yếu Hội thảo KH Trường ĐHSP Thái Nguyên: “Nâng cáo chất lượng giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại các trường Đại học và Cao đẳng hiện nay” – 2015

3. Cơ sở của việc đổi mới tư duy đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội - Kỷ yếu Hội thảo KH BM LLCT “Tác động của đổi mới tư duy kinh tế tới phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020” – 2015

4. Tính dân chủ trong việc tự giáo dục qua tấm gương tự học của chủ tịch Hồ Chí Minh - Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN" - 2015

5. Tìm hiểu đôi nét về triết lý giáo dục của John Dewey và vận dụng tư tưởng giáo dục của ông vào công tác dạy và học tại trường ĐHKTCNTN - Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN" – 2015

6. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và giáo dục tại bộ môn LLCT, trường ĐHKTCN hiện nay - Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN" – 2015

7. Một số dẫn chứng lịch sử về việc xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ đầu thế kỷ XVII đến khi thực dân Pháp xâm lược và đô hộ Việt Nam - Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay" – 2015

8. Tính dân chủ trong việc tự học qua tấm tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tạp chí Dân tộc, số ra tháng 6/2017 – 2017

9. Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam từ các hiệp định tự do thương mại mới - Tạp chí Khoa học & Công nghệ, quý II/2017 – 2017

10. Phát triển hàng hóa nông nghiệp gắn với xây dựng môi trường văn hóa ở Đồng Tháp hiện nay - Kỷ yếu Hội thảo Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp, Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 51 – 2017

Các nước tiểu vùng sông Mê Kông: Nỗ lực về một khu vực an toàn - Tạp chí Cảnh sát, số 5 (101) - 2018

11. Tìm hiểu phong cách làm việc quần chúng của Hồ Chí Minh và vận dụng vào công tác Đoàn thanh niên tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên - Kỷ

yếu Hội thảo KH trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, ĐH Thái Nguyên “Xây dựng phong cách, tác phong của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. – 2018

12. Tìm hiểu phong cách làm việc quần chúng của Hồ Chí Minh- vận dụng vào công tác Đoàn thanh niên tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên - Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số Đặc biệt tháng 1/2019. – 2019

13. Online training and its basic benefits in education, Online Education: Opportunities and Challenges - NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/2019 - 2019

Người khai

Trương Vũ Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



Cho:

Trương Vũ Long

Sinh ngày

24 / 11 / 1988

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

GIÁM ĐỐC



Số hiệu: **A 129249**

PGS.TS. Trương Ngọc Nam

Số vào sổ cấp bằng: 1541/2015

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Nam Hưng

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Lý luận Chính trị

Tel: 0979319204

E-Mail: namhung1987@gmail.com

Địa chỉ: P. Phú Xá, Tp. Thái Nguyên.



Quá trình đào tạo

2014, Thạc sỹ, Triết học, Đại học KHXH& NV- Việt Nam;

2011, Cử nhân, Triết học, Đại học KHXH& NV- Việt Nam.

Quá trình công tác

2012 – 2013, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản – ĐHKTCN

2013 – nay, Giảng viên, Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐHKTCN

Môn học giảng dạy: Những NLCB của CNML hp2, Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Lĩnh vực nghiên cứu: Chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn

Công bố khoa học tiêu biểu:

1. Nguyễn Nam Hưng, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp với sự nghiệp chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo KH BM LLCT: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận và công tác dân vận trong nhà trường”, 6-61, 2014.

2. Nguyễn Nam Hưng, Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát huy vai trò người Thầy trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị, Kỷ yếu Hội thảo KH Trường ĐHSP Thái Nguyên: “Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại các trường Đại học và Cao đẳng hiện nay”, 37-42, 2014.

3. Nguyễn Nam Hưng, Khai thác tiềm năng du lịch của di sản văn hóa Thành nhà Hồ phục vụ du lịch văn hóa xứ Thanh, Kỷ yếu Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật lần thứ 45, 289-295, 2014.

4. Nguyễn Nam Hưng, Dân chủ trong giáo dục tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải

pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN, 72-75, 2015.

5. Nguyễn Nam Hưng, Vấn đề "Là chủ" và "Làm chủ" ở biển Đông hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 78-82, 2015.

6. Trương Vũ Long, Nguyễn Nam Hưng, Vận dụng tư tưởng ngoại giao của Hồ Chí Minh về đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong giai đoạn hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 141-151, 2015.

7. Nguyễn Nam Hưng, Nguyễn Thị Thu Hoàn, Phạm Thị Thu, Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ thể và phương pháp bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 88-92, 2015.

8. Nguyễn Nam Hưng, Phát huy vai trò của đồng bào Công giáo trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Nam Bộ", Kỷ yếu Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học - Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật lần thứ 48 với sự phát triển bền vững Tây Nam Bộ, 369-374, 2016.

9. Nguyễn Nam Hưng, Vị trí vấn đề đoàn kết trong tư duy và hành động thực tiễn của Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học "Hồ Chí Minh tầm nhìn thời đại", 495-508, 2016.

10. Nguyễn Nam Hưng, Phát huy vai trò người có uy tín trong xây dựng nông thôn mới vùng Tây Bắc, Kỷ yếu Hội thảo: "Lý luận và thực tiễn về chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số nhằm phát triển bền vững vùng Tây Bắc", Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 198-204, 2016.

11. Nguyễn Nam Hưng, Vai trò của ý thức hệ trong mối quan hệ Việt – Trung. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Kỷ yếu Hội nghị khoa học – sáng tạo trẻ Đại học Thái Nguyên, lần thứ III năm 2016, 62-69, 2016.

12. Nguyễn Nam Hưng, Vũ Văn Đạt, Một số yêu cầu trong công tác dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng vào cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh miền núi phía Bắc, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: "Xây dựng đời sống văn hóa Nông thôn mới – khu vực Vùng núi phía Bắc", Bộ Văn hóa thể thao và du lịch - Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 51-58, 2016.

13. Nguyễn Nam Hưng, Phạm Thị Hạnh, *Đẩy mạnh công tác dân vận trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Hà Giang dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học: “Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng tỉnh Hà Giang”. Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 49, 9-14, 2016.

14. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Nam Hưng, *Phát huy vai trò của cán bộ cấp xã trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn ở Vĩnh Phúc hiện nay*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học: “Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng tỉnh Vĩnh Phúc”. Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 50, 53-59, 2017.

15. Nguyễn Nam Hưng, Dương Thị Hòa Nghĩa, Văn Thị Lý, *Phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới ở Đồng Tháp hiện nay*, Hội thảo Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp, Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 51, 390-395, 2017.

16. Nguyễn Nam Hưng, *Du lịch nông nghiệp - nông thôn trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Tháp hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp, Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 51, 396-400, 2017.

17. Nguyễn Nam Hưng, *Quan niệm của G. Rút-xô về tự do và bình đẳng ở trạng thái xã hội dân sự trong tác phẩm BÀN VỀ KHẾ ƯỚC XÃ HỘI*, Kỷ yếu hội thảo khoa học "Tinh thần khai sáng Pháp thế kỷ XVIII", Đại học KHXH và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM, 30-38, 2017.

18. Nguyễn Nam Hưng, Dương Thị Hòa Nghĩa, *Bàn về dân chủ trong Hương ước của Làng Việt truyền thống*, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Kỷ yếu Hội thảo khoa học "NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY LỊCH SỬ TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO", 123-130, 2017.

19. Nguyễn Nam Hưng, *Phong cách độc lập - tự chủ trong tư duy và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Công nghệ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp 2017, 233-237, 2017.

20. Nguyễn Nam Hưng, *Phát huy vai trò người Thầy nhằm nâng cao chất lượng các môn Lý luận Chính trị tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên*, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, 65-69, 2018.

21. Nguyễn Nam Hưng, Một số yêu cầu đối với người đứng đầu trong công tác cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trường Đại học KTCN, 61-71, 2018.

Người khai

Nguyễn Nam Hưng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

VNU University of Social Sciences and Humanities

Confers

THE DEGREE OF MASTER

In: *Philosophy*

Upon: *Mr. Nguyen Nam Hung*

Date of birth: *10 July 1987*

Place of birth: *Thanh Hoa*



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Ngành: *Triết học*

Cho: *Ông Nguyễn Nam Hùng*

Sinh ngày: *10/7/1987*

Tại: *Thanh Hoá*

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

HỮU TRƯỞNG



QĐ công nhận học vị và cấp bằng của Trường Đại học Xã hội và Nhân văn ngày 08/12/2014

Số vào sổ: *2014/THV1* Số hiệu bằng: **0M 022158**

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Đồng Thị Linh

Học vị: Thạc sĩ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0972994832

E-Mail : dongthilinh.dhktcn@gmail.com

Địa chỉ: An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội



Quá trình đào tạo

2009 - 2011, Thạc sĩ, Thạc sĩ Quang học, ĐH KHTN Hà Nội, Việt Nam

2003 – 2007, Cử nhân Vật lý, Đại học sư phạm Thái Nguyên, Việt Nam

Quá trình công tác

8/2007 đến nay, Giảng viên Vật lý, Khoa KHCB – Trường ĐHKTCN

Môn học giảng dạy: Vật lý

Người khai

Đồng Thị Linh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

VNU University of Science

Confers

THE DEGREE OF MASTER

In: *Physics*

Upon: *Ms. Dong Thi Linh*

Date of birth: *30 March 1985*

Place of birth: *Thai Nguyen*



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Ngành: *Vật lý*

Cho: *Bà Đông Thị Linh*

Sinh ngày: *30/03/1985*

Tại: *Thai Nguyen*

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2012



PGS. TS. Bùi Duy Cam

QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: *14300.508* ngày *22/02/2012*

Số vào sổ: *2091127N* Số hiệu bằng: **0N 013521**

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Kiều Thị Khánh

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel:

E-Mail: kieukhanh1981@tnut.edu.vn

Địa chỉ: P Gia Sàng, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2008-2010, Thạc sỹ, Vật lý, ĐH Sư phạm Thái Nguyên

2010 – 2012, Đại học, Ngôn ngữ Anh, ĐH Ngoại Ngữ - ĐHTN

2000 – 2004, Đại học, Vật lý, ĐH Sư phạm Thái Nguyên

Quá trình công tác

2004-2008, Giáo viên, Trường THPTBC Việt Bắc

2008- nay, GVTH, Trường ĐHKTCN

Môn học giảng dạy: Vật lý

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng thực hành vật lý đại cương cho sinh viên trường ĐHKTCN-ĐHTN, Tạp chí KH&CN ĐHTN, 2010.
2. Một số biện pháp phát huy tính tự lực của sinh viên khi thực hành thí nghiệm vật lý đại cương, Tạp chí KH&CN ĐHTN, 2011
3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học vật lý 6 theo định hướng giáo dục Stem, Hội thảo khoa học, 2018.
4. Tổng quan về giải pháp dùng pin sạc dung lượng cao để tiết kiệm năng lượng, Tạp chí KH&CN ĐHTN, 77-80, 2017.

Người khai

Kiều Thị Khánh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. *Kieu Thi Khanh*

Born on **03 September 1981** in *Thal Nguyen*

THE DEGREE OF

MASTER OF EDUCATION

Major: Theory and Methods of Teaching Physics



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **01973**

Reference number: **2815**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

GIÁO DỤC HỌC

Chuyên ngành: Lý luận & Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý

Cho bà *Kieu Thi Khanh*

Sinh ngày **03 / 09 / 1981** tại *Thái Nguyên*

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2010
GIÁM ĐỐC



Số bằng: **01973**

Nº. **2815**

GS. TS. *Từ Quang Hiến*

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Lê Bích Ngọc

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0978437966

E-Mail: hongngoc966@gmail.com

Địa chỉ: Trung Thành, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2012, thạc sỹ, Toán giải tích, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

2007, đại học, cử nhân Toán, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Quá trình công tác

2007-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy: Toán

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Lê Bích Ngọc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF MATHEMATICS
Major: Analytics

Upon: Ms. **LE BICH NGOC**
Born on: *08 July 1985* in *Thai Nguyen*

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: 4551

Reference number: **5394**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN
Cấp

BẰNG THẠC SĨ

TOÁN HỌC
Chuyên ngành: Toán giải tích

Cho bà: **LÊ BÍCH NGỌC**
Sinh ngày: *08/07/1985* tại *Thai Nguyen*

Thai Nguyen, ngày 05 tháng 08 năm 2013
GIÁM ĐỐC



Số hiệu: 4551

Số vào sổ cấp bằng: **5394**

PGS.TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Văn Giang

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0979343995

E-Mail: Ngogiangtcn@gmail.com

Địa chỉ: Tổ 24, P Hoàng Văn Thụ, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2011, thạc sỹ, Toán giải tích, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

2009, đại học, cử nhân Toán, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Quá trình công tác

2008-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy: Giải tích cổ điển, Đại số tuyến tính

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán học

Công bố khoa học tiêu biểu

- Đăng thức năng lượng và độ trơn cho nghiệm của phương trình Navier – Stokes, Đề tài cấp trường, 2016 – 2017.

- Độ trơn của nghiệm cho phương trình đạo hàm riêng, Đề tài cấp nhà nước, 2014

- Sự tồn tại và độ trơn của nghiệm cho một số lớp phương trình đạo hàm riêng, Đề tài KH&CN cấp nhà nước, 2017

Người khai

Ngô Văn Giang

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY
Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF SCIENCE IN MATHEMATICS
Major: Analytics

Upon: Mr. *Ngô Văn Giang*
Born on: 09 December 1986 in *Bắc Giang*

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: 2773
Reference number: 3615

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
Cấp

BẰNG THẠC SĨ

TOÁN HỌC
Chuyên ngành: Toán Giải Tích

Cho ông: *Ngô Văn Giang*
Sinh ngày: 09 / 12 / 1986 tại *Bắc Giang*

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 03 năm 2012
GIÁM ĐỐC



Số hiệu: 2773
Số vào sổ cấp bằng: 3615

PGS.TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thanh Tùng

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0982656588

E-Mail: Thanhtung.dhcn@gmail.com

Địa chỉ: P Hoàng Văn Thụ, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2018, thạc sỹ, Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

2009, đại học, Sư phạm vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Quá trình công tác

2009-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy: Vật lý

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Nguyễn Thanh Tùng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR
THAI NGUYEN UNIVERSITY
UNIVERSITY OF EDUCATION

confers

THE DEGREE OF MASTER OF

SCIENCE IN PHYSICS

Solid State Physics

Upon: Mr. NGUYEN THANH TUNG

Born on: 21 March 1987

Given under the seal of Thai Nguyen University -
University of Education

Serial number: A 5763

Reference number: 332/18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG THẠC SĨ

VẬT LÝ

Vật lý chất rắn

Cho ông: NGUYỄN THANH TÙNG

Sinh ngày: 21 / 3 / 1987

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Tinh

Số hiệu: A 5763

Số vào sổ cấp bằng: 332/18

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Phương

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0979472770

E-Mail: phuongnt1812@gmail.com

Địa chỉ: P Tân Lập, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2010, thạc sỹ, Toán giải tích, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

2006, đại học, Toán, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Quá trình công tác

2006-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy: Toán 1, 2, 3.

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán giải tích

Công bố khoa học tiêu biểu

- Nguyen Thi Mai Huong, Nguyen Thi Phuong, Combination of Receding Horizon Control and LQR for Twin Rotor MIMO System, SSRG-IJEEE, 2017.

Người khai

Nguyễn Thị Phương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Nguyễn Thị Phương
Born on **18 December 1984** in *Thái Nguyên*

THE DEGREE OF
MASTER OF SCIENCE IN MATHEMATICS
Major: Analytics



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **01941**
Reference number: **2783**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN
Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

TOÁN HỌC
Chuyên ngành: Toán Giải tích

Cho bà *Nguyễn Thị Phương*
Sinh ngày **18/12/1984** tại *Thái Nguyên*

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2010

GIÁM ĐỐC



Số bằng: **01941**
Số: **2783**

GS. TS. Từ Quang Hiến

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Thu Hoàn

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0986 681 529

E-Mail: nguyenthithuhoan88@gmail.com

Địa chỉ: P Trung Thành, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2015, thạc sỹ, Vật lý, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

2011, đại học, Vật lý, Trường ĐHKHTN – ĐHQGHN

Quá trình công tác

2012-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy: Vật lý

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Nguyễn Thị Thu Hoàn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

VNU University of Science
Confers

THE DEGREE OF MASTER

In: *Physics*

Upon: *Ms. Nguyen Thi Thu Huan*

Date of birth: *03 December 1988*

Place of birth: *Hà Nội*



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Ngành: *Vật lý*

Cho: *Bà Nguyễn Thị Thu Huan*

Sinh ngày: *03/12/1988* Tại: *Hà Nội*

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2015

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: 115/QĐ-ĐHKT ngày 06/02/2015

Số vào sổ: 4491/15/ĐTN Số hiệu bằng: **0N 022648**

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Minh Tân

Học vị: Tiến sĩ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0989057446

E-Mail: tanpm@tnu.edu.vn

Địa chỉ: X. Quyết Thắng, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2016, tiến sĩ, Vật lý chất rắn, Viện Vật lý – Viện HLKH&CN VN

2005, thạc sĩ, Vật lý vô tuyến, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

2001, đại học, Vật lý, Trường ĐH Sư phạm – ĐHTN

Quá trình công tác

09/2001-02/2003, Giáo viên, Trường THPT Lê Hồng Phong - Thái Nguyên

03/2003-05/2006, Giảng viên, Khoa Khoa học Tự nhiên - Đại học Thái Nguyên

06/2006-11/2008, Phó Trưởng bộ môn, Khoa Khoa học Tự nhiên và Xã hội - Đại học Thái Nguyên

11/2008-08/2011, Phó Trưởng bộ môn, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

09/2011-09/2017, Phó Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

09/2017-10/2017, Giảng viên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

10/2017-Nay, Trưởng khoa, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

Môn học giảng dạy: Vật lý đại cương 1, Vật lý đại cương 2, Kỹ thuật số, Vật lý kỹ thuật, Vẽ kỹ thuật, Công nghệ nano và ứng dụng, Ứng dụng công nghệ nano trong y - sinh học, Công nghệ nano và ứng dụng

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Sách tham khảo, Tài liệu hướng dẫn Thí nghiệm Vật lý đại cương, NXB Đại học Thái Nguyên, 2019

2. P.T. Tho, C.T.A. Xuan, T.N. Bach, D.N.H. Nam, P.M. Tan, L.T. Ha, Microwave absorption properties of $\text{La}_{1.5}\text{Sr}_{0.5}\text{NiO}_4$ -based nanocomposites, Journal of Alloys and Compounds; Volume 805 (SCI-IF: 4.175, Q1), 1231-1236, 2019.

3. V.T.K. Lien, P.M. Tan, N.T. Hien, V.X. Hoa, T.T.K. Chi, N.X. Truong, V.T.K. Oanh, N.T.M. Thuy, N.X. Ca, Tunable photoluminescent Cu-doped CdS/ZnSe type-II core/shell quantum dots, *Journal of Luminescence* (SCI-IF: 2.961, Q2), 116627, 2019.
4. H.T. Van, N.D. Vinh, P.M. Tan, Thuy U.T.D., N.X. Ca, N.T. Hien, Synthesis and optical properties of tunable dual emission copper doped CdTe_{1-x}Se_x alloy nanocrystals, *Optical Materials* (SCI-IF: 2.687, Q2), 109392, 2019.
5. N. X. Ca, N.T. Hien, P. M. Tan, T. L. Phan, L. D. Thanh, P. V. Do, V. T. K. Lien, and N. Q. Bau, Tunable Dual Emission in Type-I/Type-II CdSe/CdS/ZnSe Nanocrystals, *Journal of Alloys and Compounds*; Volume 791 (SCI-IF: 4.175, Q1), 144-151, 2019.
6. N.X. Ca, N.T. Hien, P.N. Loan, P. M. Tan, U.T.D. Thuy, T.L. Phan and Q.B. Nguyen, Optical and Ferromagnetic Properties of Ni-Doped CdTeSe Quantum Dots, *Journal of Electronic Materials*; Volume 48, Issue 4 (SCI-IF: 1.548, Q2), 2593–2599, 2019
7. N. X. Ca, N. T. Hien, N. T. Luyen, P. M. Tan, Near-Infrared Emitting Type-II CdTe/CdSe Core/Shell Nanocrystals: Synthesis and Optical Properties, *Proceedings of the International Conference, ICERA 2018*, 398-407, 2019.
8. Van Huu Tap, Nguyen Lan Huong, Kieu Quoc Lap, Do Van Huong, Nguyen Thi Tuyet, Pham Minh Tan, Vu Xuan Hoa and Trinh Van Tuyen, Primary treatment of persistent organic compounds and color from landfill leachate using coagulation for subsequently ozonation process, *Proceedings of Vietnam – Japan Science and Technology Symposium 2019 (VJST2019)*, 66-69, 2019.
9. M. T. Pham, N. X. Ca, P. N. Loan, N. Tran, B. T. Huy, N. T. Dang, T. L. Phan, Electronic Structure and Ferromagnetism in Zincblende Zn_{1-x}Cox S Nanoparticles, *Journal of Superconductivity and Novel Magnetism*, 2018.
10. Hong Nhung Tran, T.H.L. Nghiem, T.T.D. Vu, V.H. Chu, Q.H. Le, T.M.N. Hoang, L.T. Nguyen, D.M. Pham, K.T. Tong, Q.H. Do, D. Vu, T.N. Nguyen, M.T. Pham,... Optical nanoparticles: synthesis and biomedical application, *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology*, 2015
11. Hong Nhung Tran, T.H.L. Nghiem, T.T.D. Vu, Minh Tan Pham..., Dye-doped silica-based nanoparticles for bioapplications, *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology*, 2013
12. Chu Viet Ha, J. C. Brochon, Pham Minh Tan, Nghiem Thi Ha Lien and Tran Hong Nhung, Effect of surface plasmon from gold nanoparticles on fluorescence emission of dye-doped nanoparticles, *Advances in optics, photonics, spectroscopy and applications VII*, 561-569, 2013
13. Minh Tan Pham, Thi Van Nguyen, Thuy Duong Vu Thi, Ha Lien Nghiem Thi,

Kim Thuan Tong, Thanh Thuy Tran, Viet Ha Chu, Jean-Claude Brochon and Hong Nhung Tran, Synthesis, photophysical properties and application of dye doped water soluble silica-based nanoparticles to label bacteria *E. coli* O157:H7, *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology*, 2012

14. Chu Viet Ha, Emmanuel Fort, Nghiem Thi Ha Lien, Pham Minh Tan, Vu Thi Thuy Duong, Do Quang Hoa and Tran Hong Nhung, Energy transfer between nanoparticles, *Proceedings, The 3rd International Workshop on Nanotechnology and Application - IWNA 2011*, 2011

15. P.M. Tan, V.T.T Duong, T.T. Trang, T.T. Thuy, L.T.T. Xuan, N.M. Huyen, N.T.H. Lien, C.V. Ha, V. Duong, T.K. Thuan, D.Q. Hoa, L.Q. Huan and T.H. Nhung, Biochemically functionalized fluorescent silica-based Nanoparticles for bioanalysis, *Proceedings, The 3rd International Workshop on Nanotechnology and Application - IWNA 2011*, 2011.

16. Vu Thi Thuy Duong, Chu Viet Ha, Tran Thanh Thuy, Nguyen Thi Van and Pham Minh Tan, Synthesis optical properties and bioapplications of ormosil nanoparticles, *The first academic conference on natural science for master and PhD students from Cambodia – Laos – Vietnam, Laos*, 2011.

17. Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Thị Hiền, Lê Đắc Duẩn, Trần Thị Hồng Gấm, Nguyễn Thị Thảo, Vũ Thúy Mai, Vũ Hồng Tuấn, Phạm Minh Tân, Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của nano tinh thể bán dẫn CdS pha tạp Cu, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*; Tập 190, Số 14, 31-39, 2018.

18. Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Luyến, Phạm Trường Thọ, Phạm Minh Tân, Vương Thị Kim Oanh, Phan Văn Độ, Chế tạo và nghiên cứu cấu trúc, tính chất quang của các nano tinh thể CdS pha tạp Ni, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*; Tập 190, Số 14, 41-48, 2018

19. Vũ Xuân Hòa, Phạm Minh Tân, Phạm Thị Thu Hà, Nguyễn Văn Đông, Lô Thị Huế, Nguyễn Mạnh Quyền, Hoàng Cao Nguyên, Phan Thanh Phương, Ảnh hưởng của thời gian chiếu led xanh lên sự phát triển của hạt nano bạc bằng phương pháp phổ hấp thụ plasmon, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*; Tập 190, Số 14, 3-8, 2018.

20. Vũ Xuân Hòa, Emmanuel Fort, Dương Thị Thanh Trà, Nguyễn Văn Hảo, Phạm Thị Thu Hà, Phạm Minh Tân, Xác định các thông số động học của các hạt nano vàng bán nguyệt đơn nhất, *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự*, 2017.

21. Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Xuân Ca, Phạm Minh Tân, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thị Mây, Vũ Đình Lãm, Mở rộng dải tần từ thẩm âm dựa trên mô hình lai hóa bậc hai cho cấu trúc đối xứng bằng phương pháp mô phỏng, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, 2017.

22. Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Thị Mây, Phạm Minh Tân,

Nguyễn Thanh Tùng, Vũ Đình Lâm, Vai trò của tổn hao lớp điện môi lên sự mở rộng vùng có chiết suất âm sử dụng mô hình lai hóa bậc hai, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 2017.

23. Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Luyến, Phạm Minh Tân, Nguyễn Xuân Trường, Phan Văn Độ, Lương Duy Thành và Vũ Phi Tuyền, Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể hợp kim $\text{CdTe}_{1-x}\text{Sex}$ ($0 \leq x \leq 1$), Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X, 2017.

24. P.M. Tân, T.T. Trang, T.T. Thủy, N.T.H. Liên, V.T.T. Dương, T.K. Thuận, T.H. Nhung, Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang của hạt nano ormosil chứa tâm màu có các nhóm chức năng và ứng dụng đánh dấu sinh học, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 2012.

25. V.T.T. Dương, N.T. Vân, N.T.H. Liên, T.T. Thủy, C.V. Hà, P.M. Tân, Đ.Q. Hòa, T.K. Thuận and T.H. Nhung, Synthesis and characterization of dye doped water soluble functionalized organically modified silica nanoparticle for bio-labeling, Proceeding “Hội Nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ 6, Đà Nẵng, 2009”, 2010.

26. T.K. Thuận, T.H. Nhung, T.T. Thủy, P.C. Hoạt, P.M. Tân, Jean Claude Brochon, Patrick Tauc and N.T.T. Ngân, Ứng dụng các hạt nano phát quang vào việc đánh dấu tế bào để phát hiện và giám sát các loại vi sinh vật, Tạp chí Công nghệ Sinh học, 2009.

27. T.H. Nhung, T.K. Thuan, J-C. Brochon, N.Q. Liem, P.T. Nga, N.T. Van, P.M. Tan, T. T. Thuy, P. Tauc, L.T. Ngan, Optical properties and the Use of CdSe Quantum Dots for Biolabeling Applications, Communications in Physics, 2008.

28. Phạm Quốc Triệu, Phạm Minh Tân, Nghiên cứu xác định tọa độ đứt đường cáp thông tin liên lạc, Kỷ yếu Hội nghị vật lý toàn quốc lần thứ VI, 2005.

Người khai

Phạm Minh Tân

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
VIETNAM ACADEMY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
THE DIRECTOR
OF THE INSTITUTE OF PHYSICS

confers
THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN PHYSICS

Upon: (Mr, Ms) *Mr. Pham Minh Tan*
Born on: *July 10th, 1979* in *Thai Nguyen*

Given under the seal of
The Institute of Physics
This April 11th, 2016

Serial number: **005472**
Reference number: **29/2016**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN VẬT LÝ

Cấp
BẰNG TIẾN SĨ
VẬT LÝ

Chor: Ông *Phạm Minh Tân*
Sinh ngày: *10/7/1979* tại *Thái Nguyên*

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2016

VIỆN TRƯỞNG



Số hiệu: **005472** GS.TS. **Lê Hồng Khiêm**
Số vào sổ cấp bằng: **29/2016**

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Thị Ngọc Dung

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0919 993 828

E-Mail: ptn dung@tnut.edu.vn

Địa chỉ: P Hoàng Văn Thụ, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2002, thạc sỹ, Phương pháp giảng dạy Vật lý, Trường ĐH sư phạm Thái nguyên
1994, đại học, Vật lý, Trường ĐH sư phạm Việt bắc

Quá trình công tác

1994 đến 2007, Phó phòng công tác học sinh, Trường cao đẳng thương mại và
Du lịch

2007 đến 2015; Phó trưởng bộ môn Vật lý; trưởng phòng thí nghiệm khoa học cơ
bản và môi trường, Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp

2015 đến nay, Trưởng bộ môn Vật lý, Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp

Môn học giảng dạy: Vật lý

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyễn Văn Khải, Phạm Thị Ngọc Dung, “Trắc nghiệm khách quan trong kiểm
tra đánh giá”, Tạp chí khoa học giáo dục, 2002.

2. Hà Thanh Tùng, Phạm Thị Ngọc Dung, Phạm Thị Hồng Anh, “Kiểm toán năng
lượng trong các tòa nhà cao tầng và đề xuất phương án sử dụng năng lượng hiệu quả”,
Tạp chí khoa học đại học Thái nguyên, 2013

3. Phạm Thị Hồng Anh, Phạm Thị Ngọc Dung, “Tìm cấu trúc vận hành tối ưu cho
lưới điện phân phối huyện Phú Bình – Thái nguyên”, Tạp chí khoa học đại học Thái
nguyên, 2016.

4. Nguyễn Thanh Hà, Phạm Thị Ngọc Dung, “ Mô hình tối ưu hóa sử dụng đồng
thời nhiều dạng năng lượng cho khu vực đô thị”, Tạp chí khoa học đại học Thái
nguyên, 2017.

5. Phạm Thị Hồng Anh, Phạm Thị Ngọc Dung, Hà Thanh Tùng, “ Tối ưu hóa chi

phí năng lượng thông qua mô hình trung tâm năng lượng- Energy Hub”, Tạp chí khoa học đại học Thái nguyên, 2017.

6. Nguyễn Thanh Hà, Phạm Thị Ngọc Dung, “Mạng năng lượng và sự phát triển trong tương lai”, Tạp chí khoa học đại học Thái nguyên, 2018.

Người khai

Phạm Thị Ngọc Dung

THE PRESIDENT OF THaingUYEN UNIVERSITY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mrs. *Phạm Thị Ngọc Dung*
Born: 20 / 11 / 1973 in *Thái Nguyên*

THE DEGREE OF
MASTER OF EDUCATION
(Theory and Methods of Teaching Physics)



Given under the seal of Thainguyen University
this twenty fourth day of December 2003



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

GIÁO DỤC HỌC (LL & Phương pháp dạy học Vật lý)

Cho bà: *Phạm Thị Ngọc Dung*

Sinh ngày: 20 / 11 / 1973 tại *Thái Nguyên*

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 12 năm 2003

Giám đốc



Số bằng: 0122

Nº A 002908

PGS. TS. Lê Cao Thắng

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Thị Thu Hằng

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0915215494

E-Mail: phamthuhang0201@gmail.com.

Địa chỉ: P Quang Trung, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2003, thạc sỹ, Toán giải tích, Trường ĐH sư phạm Thái nguyên

2000, đại học, Toán, Trường ĐH sư phạm Thái nguyên

Quá trình công tác

07/2001 – 10/2002, Giảng viên, ĐH Sư phạm – ĐHTN

11/2002 – 04/2006, Giảng viên, Khoa KH Tự nhiên – ĐHTN

5/2006 – 3/2007, Giảng viên, ĐHKT Công nghiệp – ĐHTN

3/2007 – 9/2008, Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Toán, ĐHKT Công nghiệp – ĐHTN

9/2008 – 01/2014, Giảng viên, Trưởng Bộ môn Toán, ĐHKT Công nghiệp – ĐHTN

01/2014 – nay, Giảng viên, Phó Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn Toán, ĐHKT Công nghiệp – ĐHTN

Môn học giảng dạy: Toán

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Phạm Thị Thu Hằng, Trần Thị Huệ, Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong bài toán tính tổng của chuỗi, minh họa bằng phần mềm Matlab, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, (Tập 95, số 7), 137-140, 2012.

2. Phạm Thị Thủy, Phạm Thị Thu Hằng, Nghiệm toàn cục cho bài toán Ellipic suy biến, Tạp chí Khoa học và Công nghệ-ĐH Thái Nguyên Tập 88(12), 211-216, 2011.

3. Phạm Thị Thu Hằng, Vũ Hồng Quân, Điểm bất động ánh xạ trong không gian Metric kiểu nón, Tạp chí Khoa học và Công nghệ-ĐH Thái Nguyên, 211-216, 2015.

4. Dinh Van Tiep, Pham Thi Thu Hang, The convergence of a sub-series of harmonic series, Tạp chí Khoa học và Công nghệ-ĐH Thái Nguyên Tập 162(02), 177-182, 2017.

Người khai

Phạm Thị Thu Hằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

TOÁN HỌC (Giải tích)

Cho bà: *Phạm Thị Thu Hằng*

Sinh ngày: 02 / 01 / 1979 tại Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 12 năm 2004
Giám đốc



Số bằng: 0355

Nº.A / 1391

PGS.TS. Lê Cao Thắng



THE PRESIDENT OF THaingUYEN UNIVERSITY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. *Phạm Thị Thu Hằng*

Born: 02 / 01 / 1979 in *Thái Nguyên*

THE DEGREE OF

MASTER OF SCIENCE IN MATHEMATICS

(Analytics)



Given under the seal of Thainguyen University
this twenty fourth day of December 2004

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Vũ Đức Vương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa Cơ khí

Tel: 0986950258

E-Mail : ducvuong86@gmail.com

Địa chỉ: Hóa Thượng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2013, Thạc sĩ, Kỹ thuật cơ khí, Đại học kỹ thuật công nghiệp thái nguyên
- Năm 2009, Đại học, Cơ khí chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Quá trình công tác

2009 – nay: Đại học kỹ thuật công nghiệp thái nguyên

Môn học giảng dạy

Cơ điện tử, robot công nghiệp, thiết kế hệ thống cơ điện tử

Lĩnh vực nghiên cứu: Cơ điện tử

Công bố khoa học tiêu biểu

1. N. Q. Hoàng, V. Đ. Vương, and N. T. Lâm, “Vượt kỳ dị trong mô phỏng động lực học robot song song sử dụng không gian bù của ma trận Jacobi,” in *Hội nghị cơ học toàn quốc lần thứ X*, 2017, pp. 182–192.

Người khai

Vũ Đức Vương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Mechanical Engineering

Upon: Mr. VU DUC VUONG

Born on: 29 December 1986 in Thai Nguyen

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: 4273

Reference number: 5116

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
Cấp

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí

Cho ông: VŨ ĐỨC VƯƠNG

Sinh ngày: 29/12/1986 tại Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 06 năm 2013
GIÁM ĐỐC



Số hiệu: 4273

Số vào sổ cấp bằng: 5116

PGS.TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Thành Long

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sỹ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0947.169.291

E-Mail : kalongkc@gmail.com

Địa chỉ: Bộ môn Cơ điện tử, khoa Cơ khí



Quá trình đào tạo

- Năm 2009 Tiến sỹ, Chế tạo máy, ĐHKTCN Thái Nguyên;
- Năm 2003 Thạc sỹ, Chế tạo máy, ĐHKTCN Thái Nguyên;
- Năm 2000 Đại học, Chế tạo máy, ĐHKTCN Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Từ 2000 – 2008: Bộ môn Máy và tự động hóa, khoa Cơ khí;

Từ 2008 đến nay, Bộ Môn Cơ điện tử, Khoa Cơ khí

Hoạt động

- Viết sách: 02 giáo trình robot công nghiệp, 01 chuyên khảo robot công nghiệp;
- Nghiên cứu khoa học và sáng chế;

Môn học giảng dạy: Máy công cụ; Robot công nghiệp; Hệ dẫn động cơ khí

Lĩnh vực nghiên cứu

- Robot công nghiệp;
- Hệ thống đo cơ điện tử gián tiếp nhiều thứ nguyên;
- Bảo mật cơ điện tử.

Công bố khoa học tiêu biểu

- *Phạm Thành Long, Lê Thị Thu Thủy, Nguyễn Hữu Thắng*, So sánh và lựa chọn hàm dạng phù hợp trong nội suy trường nhiệt độ, Tạp chí khoa học công nghệ đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, tập 189, số 13/2018. p73-78, 12/2018.

Người khai

Phạm Thành Long

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY

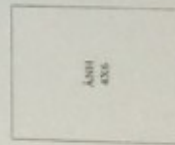
Confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
In Engineering

Upon: Mr. *Phạm Thanh Long*

Born on: 30 September 1977 in Thái Nguyên

CHỨNG THỰC
BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 23-03-2018
Số chứng thực: *ASB*. Duyệt số: .../SCT/BS



ASB
436

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: 0010

Reference number: 0010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN SAO

BẰNG TIẾN SĨ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Nhà nước
hợp ngày 18 tháng 10 năm 2009 tại Đại học Thái Nguyên

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG
TIẾN SĨ KỸ THUẬT

Cho ông *Phạm Thanh Long*
Sinh ngày 30 / 09 / 1977 tại Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 07 năm 2010

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Từ Quang Hiến

UBND PHƯỜNG HUƠNG SƠN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ QUẢN Kinh cấp bằng số: 945/QĐ-DHTN

Số đơn: 0010

Số bằng: 0010

Mẫu Minh chứng

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Ngọc Hà

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa Cơ khí

Tel: 0979982285

E-Mail: nguyenngocha.osc@gmail.com

Địa chỉ: Tiên Hội, Đại Từ, Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2012, Thạc sĩ, Cơ học kỹ thuật, Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- 2009, Đại học, Cơ điện tử, Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Quá trình công tác

2009 – nay, Giảng Viên, Bộ môn Cơ điện tử, ĐHKT CN

Môn học giảng dạy

Cơ điện tử, Robot công nghiệp, Các hệ thống đo cơ điện tử.

Lĩnh vực nghiên cứu

Cơ điện tử, Động lực học.

Công bố khoa học tiêu biểu

[1] V.Đ.Phúc, N.V.Quyền, N.N.Hà, “Thiết kế tối ưu tham số của các bộ giảm chấn động lực nhằm giảm dao động cho động cơ Diesel bằng phương pháp Taguchi”, Tạp chí khoa học công nghệ đại học Thái Nguyên, pp. 109-115, 2017.

[2] N.V.Khang, N.V.Quyền, N.N.Hà, “Về phương pháp giải bài toán động lực học ngược robot song song”, Tạp chí nghiên cứu khoa học Quân sự 2017, 2017.

[3] N.V.Khang, N.V.Quyền, N.N.Hà, “Tuyến tính hóa các phương trình chuyển động của hệ nhiều vật chịu liên kết”, Hội thảo Quốc gia “Ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn”-FEE2018, 2018.

Người khai

Nguyễn Ngọc Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

cấp

BẰNG THẠC SĨ KHOA HỌC

CƠ HỌC KỸ THUẬT

Cho Ông

Nguyễn Ngọc Hà

Ngày sinh:

28/01/1986

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG



GS Nguyễn Trọng Giảng

Số hiệu: M **C00714**

Số vào sổ cấp bằng: TH2012/0636

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Ngọc Vũ

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Khoa Cơ khí

Tel: 0982724484

E-Mail: ngocvu@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Cơ điện tử – Khoa

Cơ khí – ĐH Kỹ thuật Công nghiệp



Quá trình đào tạo

- 2019, Tiến sỹ, Kỹ thuật cơ khí, Trường ĐH Khoa học và kỹ thuật Quốc gia Cao Hùng, Đài Loan;
- 2009, Thạc sỹ, Công nghệ chế tạo máy, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;
- 2004, Đại học, Cơ khí chế tạo máy, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp.

Quá trình công tác

- Từ năm 2004 cho đến nay công tác tại trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

Môn học giảng dạy

- Manufacturing Automation (Tiếng anh)
- Cơ điện tử

Lĩnh vực nghiên cứu

- Cơ khí chính xác, gia công tiên tiến, ứng dụng quang trong đo lường không tiếp xúc

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyen, Huu-Phan, Van-Dong Pham, and Ngoc-Vu Ngo. "Application of TOPSIS to Taguchi method for multi-characteristic optimization of electrical discharge machining with titanium powder mixed into dielectric fluid." The International Journal of Advanced Manufacturing Technology 98.5-8 (2018): 1179-1198.
2. Ngoc-Vu Ngo, et al. "Development of a simple three-dimensional machine-vision measurement system for in-process mechanical parts." Advances in Mechanical Engineering 9.10 (2017): 1687814017717183.
3. Hsu, Quang-Cherng, Ngoc-Vu Ngo, and Rui-Hong Ni. "Development of a faster classification system for metal parts using machine vision under different

lighting environments." The International Journal of Advanced Manufacturing Technology 100.9-12 (2019): 3219-3235.

4. Ngoc-Vu Ngo, et al. "Automatic Optical Inspection for Magnetic Particle Detection of Forging Defects." International Conference on Engineering Research and Applications. Springer, Cham, 2019.

5. Nguyen, Huu-Phan, and Ngoc-Vu Ngo. "Study on Effects of Low Frequency Vibration on Efficiency of Die Sinking Electrical Discharge Machining." (2019).

6. Ngo, Ngoc-Vu, Glen Andrew Porter, and Quang-Cherng Hsu. "Development of a Color Object Classification and Measurement System Using Machine Vision." Sensors and Materials 31.2019 (2019).

7. Ngo, N. V., et al. "Optimizing Design of Two-dimensional Forging Preform by Bi-directional Evolutionary Structural Optimization Method." Procedia Engineering 207 (2017): 520-525.

Người khai

Ngô Ngọc Vũ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2019

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số: 1104403112

Ngày cấp: 01/2019

Do: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Quốc gia Cao Hùng,
Đài Loan

Cấp cho: Ngô Ngọc Vũ

Ngày sinh: 15 tháng 10 năm 1981

Nơi sinh: Thái Nguyên

Là bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 01 tháng 4 năm 2019

CỤC TRƯỞNG



Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số: 009060/CNVB-TS

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Lê Thị Thu Thủy

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0982.567.982

E-Mail: hanthuyngoc@gmail.com

Địa chỉ: Bộ môn Cơ điện tử, khoa

Cơ khí



Quá trình đào tạo

- 2009 Thạc sĩ, Chế tạo máy, ĐHKTCN Thái Nguyên;
- 2001 Đại học, Chế tạo máy, ĐHKTCN Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Từ 2006 đến nay, Bộ Môn Cơ điện tử, Khoa Cơ khí

Hoạt động

- Viết sách: 01 chuyên khảo robot công nghiệp;

Môn học giảng dạy

- Robot công nghiệp;
- Cơ điện tử;

Lĩnh vực nghiên cứu

- Robot công nghiệp;
- Cơ điện tử;

Công bố khoa học tiêu biểu

Thuy Le Thi Thu and Long Pham Thanh, *Tolerance Calculation for Robot Kinematic Parameters to Ensure End-Effector Errors within a Predetermined Limit Area*, International Journal of Engineering Research and Technology. ISSN 0974-3154, Volume 12, Number 9, pp. 1460-1473, 2019.

Người khai

Lê Thị Thu Thủy

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Le Thi Thu Thuy

Born on **21 September 1982** in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Manufacturing Technology



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **01305**
Reference number: **2147**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THAI NGUYỄN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ
KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Công nghệ chế tạo máy

Cho bà *Le Thi Thu Thuy*

Sinh ngày **21/09/1982** tại *Thai Nguyen*

Thai Nguyen, ngày 25 tháng 08 năm 2009
GIÁM ĐỐC



Số bằng: **01305**
Nº. **2147**

GS. TS. **Từ Quang Hiến**

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Dương Quốc Khánh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa Cơ khí

Tel: 0915646585

E-Mail : jqk0109@gmail.com

Địa chỉ: Tổ 3, Phường Hoàng Văn

Thụ, thành phố Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2012, Thạc sĩ, Cơ điện tử, Đại học Bách khoa Hà Nội
- 2008, Đại học, Cơ điện tử, Đại học Bách khoa Hà Nội

Quá trình công tác

2008 – nay: Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy

Cơ điện tử, robot công nghiệp, cảm biến và cơ cấu chấp hành

Lĩnh vực nghiên cứu

Cơ điện tử

Công bố khoa học tiêu biểu

[1] L.T.T Thuy, D.Q. Khanh, and P.T. Long, “Calibration of industrial robot kinematics based on results of interpolating error by shape function,” in Journal of Engineering and Applied Sciences 15 (6): 1451-1461, 2020.

Người khai

Dương Quốc Khánh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology

PRESIDENT

has conferred the Degree of

MASTER OF SCIENCE

IN MECHATRONICS

Upon Mr. *Duong Quoc Khanh*

Date of Birth: *01 September 1985*

Reference number: TH2012/0007

Scanned with CamScanner

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Văn Trang

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Khoa Cơ khí

Tel: 0965409333

E-Mail : shachootrang@gmail.com

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Tích Lương, TP.

Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2019, Tiến sĩ, Cơ học, Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội
- 2015, Thạc sĩ, Cơ học, Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội
- 2010, Đại học, Cơ khí chế tạo máy, Trường ĐH KTCN Thái Nguyên

Quá trình công tác

- 7/2010-9/2010 Kỹ sư phòng thiết kế tại công ty TNHH Cannon Việt Nam
- 10/2010- đến nay: giảng viên tại bộ môn thiết kế cơ khí, Khoa cơ khí, Trường ĐH KTCN Thái Nguyên

Môn học giảng dạy

- Sức bền vật liệu, Cơ học vật liệu, Phương pháp PTHH

Lĩnh vực nghiên cứu

Ứng xử cơ học của vật liệu kích cỡ nano mét

Công bố khoa học tiêu biểu

[1] Nguyễn Văn Trang, Lê Minh Quý và Nguyễn Danh Trường (2017) Nghiên cứu ứng xử cơ học của ống nano phốt pho đen. Tuyển tập công trình Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ X, Hà Nội, 8-9/12/2017. Tập 2 cơ học vật rắn.

[2] Van-Trang Nguyen, Danh-Truong Nguyen and Minh-Quy Le (2018) Atomistic simulation of the uniaxial tension of black phosphorene nanotubes. Vietnam Journal of Mechanics, Volume 40, Number 2. <https://doi.org/10.15625/0866-7136/10751>.

[3] Nguyen, V.-T. and M.-Q. Le (2018) Atomistic simulation of the uniaxial compression of black phosphorene nanotubes, Vietnam Journal of Mechanics, Volume 40, Number 3. <https://doi.org/10.15625/0866-7136/10982>.

[4] Van-Trang Nguyen and Minh-Quy Le (2018) Compressive buckling of black phosphorene nanotubes: An atomistic study, Materials Research Express, Volume 5, Number 4. <https://doi.org/10.1088/2053-1591/aaba53>. (SCIE).

Người khai

Nguyễn Văn Trang

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology
PRESIDENT

has conferred the Degree of

DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN MECHANICS

Upon Mr. *Nguyen Van Trang*

Date of Birth: *05 September 1987*

Reference number: TS2019/00539

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Đại học Bách khoa Hà Nội
cấp

BẰNG TIẾN SĨ
CƠ HỌC

Cho Ông *Nguyễn Văn Trang*

Ngày sinh: *05/09/1987*

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Hoàng Minh Sơn

Số hiệu: D 000522

Số vào sổ cấp bằng: TS2019/00539

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Trần Thị Phương Thảo

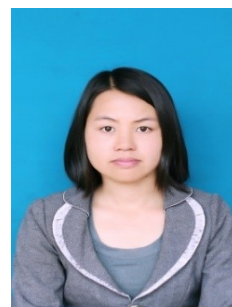
Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0985 917 416

E-Mail : phuongthao.dhktcn@gmail.com

Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ khí – Khoa
Cơ khí - Trường Đại học Kỹ thuật Công
nghiệp – Đại học Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2009, Thạc sỹ, Công nghệ Chế tạo máy, Trường Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp – Đại học Thái Nguyên.
- 2005, Đại học, Công nghệ Chế tạo máy, Trường Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp – Đại học Thái Nguyên.

Quá trình công tác

1/2006 đến nay – Giảng viên - Khoa Cơ khí – Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên

Môn học giảng dạy

Hình họa – Vẽ kỹ thuật, Vẽ kỹ thuật Cơ khí và AutoCAD, Chi tiết máy

Lĩnh vực nghiên cứu

Công nghệ chế tạo máy, Kỹ thuật Cơ khí

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Vu Ngoc Pi, Tran Thi Phuong Thao, Dang Anh Tuan, Optimum determination of partial transmission ratios of mechanical driven systems using a chain drive and a two-step helical gearbox, Journal of Environmental Science and Engineering, 2017.
2. Vu Ngoc Pi, Le Xuan Hung, Nguyen Khac Tuan, Nguyen Thi Hong Cam and Tran Thi Phuong Thao, A new study on calculation of optimum partial transmission ratios of mechanical driven systems using a chain drive and a two-stage helical reducer, National Taipei University of Technology, Taiwan, 2018.
3. Hoang Xuan Tu, Gong Jun, Bui Thanh Hien, Le Xuan Hung, Luu Anh Tung, Vu Ngoc Pi, Determining optimum parameters of cutting fluid in external grinding of

9CrSi steel using Taguchi technique, SSRG International Journal of Mechanical Engineering, 2018.

4. Nguyen Khac Tuan, Vu Ngoc Pi, Nguyen Thi Hong Cam, Tran Thi Phuong Thao, Ho Ky Thanh, Le Xuan Hung and Hoang Thi Tham, Determining Optimal Gear Ratios of a Two-stage Helical Reducer for Getting Minimal Acreage of Cross Section, Mechanical Manufacturing and Automation, 2018.

5. Vũ Ngọc Pi, Trần Thị Phương Thảo, Lê Thị Phương Thảo, A new study on optimum determination of partial transmission ratio of mechanical driven systems using a V-belt and two step helical gearbox, Tạp chí cơ khí Việt Nam, 2015.

Người khai

Trần Thị Phương Thảo

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Tran Thi Phuong Thao

Born on **12 October 1982** in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF

MASTER OF ENGINEERING

Major: Manufacturing Technology



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **01301**
Reference number: **2143**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Công nghệ chế tạo máy

Cho bà *Trần Thị Phương Thảo*

Sinh ngày **12/10/1982** tại *Thai Nguyen*

Thai Nguyen, ngày 25 tháng 08 năm 2009

GIÁM ĐỐC



Số bằng: **01301**
Nº. **2143**

GS-TS. *Từ Quang Hiến*

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Trần Ngọc Giang

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Khoa Cơ khí

Tel: 0913 789 880

E-Mail: tranngocgiang@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Phường Quang Trung – TP Thái

Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2016, Tiến sỹ, Cơ học Vật liệu, Trường đào tạo: Đại học Reims Champagne-Ardenne, CH Pháp;
- 2008, Thạc sỹ, Công nghệ CTM, ĐHKTCNTN;
- 2003, Đại học, Cơ khí Chế tạo máy, ĐHKTCNTN

Quá trình công tác

2008 – nay: Giảng viên, Đại học KTCN Thái Nguyên

Hoạt động

- Nghiên cứu khoa học thông qua các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về Cơ học vật liệu, Tối ưu hóa trong gia công cắt gọt và Mô phỏng số các quá trình kỹ thuật.

Môn học giảng dạy

- Cơ học vật liệu;
- Mô phỏng số quá trình biến dạng;
- Các hệ thống cơ khí;
- Hình họa và Vẽ kỹ thuật;

Lĩnh vực nghiên cứu

Cơ học vật liệu, Tối ưu hóa trong gia công cắt gọt.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nghiên cứu cơ chế mòn dao gấn mảnh PCBN sử dụng tiện tinh thép 9XC qua tôi, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên, số 2, năm 2008.

2. Giới thiệu mô hình Burgers và nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của già hóa đến ứng xử nhớt đàn hồi vật liệu HDPE, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên, số 1, năm 2017.
3. Modelling of the degradation of mechanical properties of high-density polyethylene based-packaging exposed to amyl acetate solution, Polymer Testing 59/ELSEVIER (SCI),No.2, (pp.449-461), 2017.
4. Multi-objective Optimization of Surface Roughness and Electrode Wear in EDM Cylindrical Shaped Parts, ICAEMM, Scopus(Q3), 2020.
5. A Study on Influence of Input Parameters on Surface Roughness in PMEDM Cylindrical Shaped Parts, ICAEMM, Scopus(Q3),2020.

Người khai

Trần Ngọc Giang

R É P U B L I Q U E F R A N Ç A I S E
Ministère de l'Éducation nationale, de l'Enseignement supérieur et de la Recherche
UNIVERSITE REIMS CHAMPAGNE ARDENNE

DOCTORAT

Vu le code de l'éducation, notamment son article L.612-7 ;

Vu le code de la recherche, notamment son article L.412-1 ;

Vu le décret n° 2002-481 du 8 avril 2002 relatif aux grades et titres universitaires et aux diplômes nationaux ;

Vu l'arrêté du 3 septembre 1998 relatif à la charte des thèses ;

Vu le décret n° 2002-590 du 24 avril 2002 pris pour l'application du premier alinéa de l'article L.613.3 et de l'article L.613-4 du Code de l'éducation et relatif à la validation des acquis de l'expérience par les établissements d'enseignement supérieur ;

Vu l'arrêté du 7 août 2006 relatif à la formation doctorale ;

Vu les pièces justificatives produites par M. NGOC GIANG TRAN, né le 9 juillet 1980 à THAI NGUYEN (VIETNAM), en vue de son inscription au doctorat ;

Vu le procès-verbal du jury attestant que l'intéressé a soutenu, le 9 juillet 2015 une thèse portant sur le sujet suivant : **Etude expérimentale et numérique de l'influence des interactions contenant/contenu sur le comportement élasto-viscoplastique d'emballages en polyéthylène haute densité.**

préparée au sein de l'école doctorale Sciences, Technologies, Santé, devant un jury présidé par MOHAMMED NOUARI, PROFESSEUR DES UNIVERSITES et composé de BOUSSAD ABBES, MAITRE DE CONFERENCES, FAZILAY ABBES, MAITRE DE CONFERENCES, LUHUI DING, PROFESSEUR DES UNIVERSITES, XIAO LU GONG, PROFESSEUR DES UNIVERSITES, YING QIAO GUO, PROFESSEUR DES UNIVERSITES ;

Vu la délibération du jury ;

Le DIPLÔME NATIONAL DE DOCTEUR EN MECANIQUE DES SOLIDES, GENIE MECANIQUE, PRODUCTION, TRANSPORT ET GENIE CIVIL,
mention très honorable

est délivré à **M. NGOC GIANG TRAN**

et confère le **grade de docteur**,

pour en jouir avec les droits et prérogatives qui y sont attachés.

Fait à Reims, le 3 mai 2016

Le titulaire

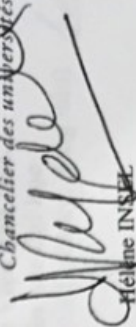
Le Président de l'Université

Guillaume GELLÉ

10681633

REIMS

N° 2016201406423

*Le Recteur d'Académie
Chancelier des universités*

Hélène INSU

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Văn Sỹ

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Khoa: Cơ khí

Tel: (+84) 971 529 737

E-Mail: vansy@tnut.edu.vn;

vansytnut92@gmail.com



Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ Khí –
Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, ĐH Thái
Nguyên

Quá trình đào tạo

- 2019, Kỹ thuật Cơ khí, Đại học Sejong, Hàn Quốc
- 2010, Kỹ thuật Cơ khí, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Quá trình công tác

2015 đến nay: Giảng viên khoa Cơ khí – Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy: Nguyên Lý Máy

Lĩnh vực nghiên cứu

- Giải thuật Tối ưu hoá tự nhiên
- Phần tử hữu hạn
- Robotics
-

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyen Van Sy. (2018), “Optimization of cable robot structure with frequency constraints”. International Conference on Control, Automation and Systems.
2. Nguyen-Van Sy, Gwak KW (2019). “A Novel Determination of Boundaries of Cable Forces for Cable-Driven Parallel Robots with Frequency Constraint by Using Differential Evolution Algorithm”. International Conference on Engineering Research and Applications, pp. 35-46, Springer, Cham.

Người khai

Nguyễn Văn Sỹ

Master's Degree

hereby confers upon

NGUYEN VAN SY (Born on 11/09/92)

the Degree of Master of Engineering

together with all the rights, privileges and honors appertaining thereto in recognition of having satisfied the course requirements. In testimony whereof, the seal of the University and the signatures as authorized by the Board of Trustees are hereunto affixed.
Given in Seoul, Korea on the 23rd day of August, in the year of two thousand and nineteen.

Sun Jae Kim

Dean of the Graduate School



Degkyo Bae

President of Sejong University

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Thanh Nga

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Cơ Khí

Tel: (+84) 355 122138

E-Mail : nguyennga@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ Khí – Đại học Kỹ thuật
Công Nghiệp, ĐH Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2018, Kỹ thuật cơ khí, Đại học RWTH Aachen, CHLB Đức
- 2010, Cơ khí Chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên
- 2005, Cơ khí Chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp Thái Nguyên

Quá trình công tác

Từ 2006 đến nay: Giảng viên khoa Cơ khí – Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy:

Nguyên lý máy/Đại cương về kỹ thuật

Lĩnh vực nghiên cứu

- Thiết kế cơ cấu, máy (synthesis of mechanisms)
- Cơ cấu mềm dẻo (compliant mechanisms)
- Động học và động lực học (kinematics and dynamics)
- Đường cong NURBS

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyen T.T.N., Kurtenbach S., Hüsing M., Corves B., Evaluating the Knot Vector to Synthesize the Cam Motion Using NURBS, Mechanisms and Machine Science, Vol. 50, Springer, pp. 209-216, 2017.
2. Nguyen T.T.N., Kurtenbach S., Hüsing M., Corves B., Improving the Kinematics of Motion Curves for Cam Mechanisms Using NURBS, Mechanisms and Machine Science, Vol. 52, Springer, pp. 79-88, 2017.
3. Nguyen T.T.N., Kurtenbach S, Hüsing M. and Corves B., A General Framework for Motion Design of the Follower in Cam Mechanisms by Using Non-

Uniform Rational B-Spline, Mechanism and Machine Theory, pp. 374-385, 2019.

4. H. Chen, T. T. N. Nguyen, M. Müller, S. Kurtenbach, C. Pan, M. Hüsing, B. Corves, Application of a Cam Workbench for Education in Mechanical Engineering, New Advances in Mechanisms, Mechanical Transmissions and Robotics, Vol. 46, ISBN 978-3-319-45449-8, Springer, 2016.

5. T. T. N. Nguyen, D. Schoenen, M. Hüsing, and B. Corves, Parameter Optimization of Pseudo-Rigid-Body 3R Model for Modeling Large Deflection of Compliant Mechanisms, International Conference on Engineering Research and Applications, pp 582-588, 2019.

6. T. T. N. Nguyen, Motion Design of Cam Mechanisms by Using Non-Uniform Rational B-Spline, RWTH Aachen University, 2018.

Người khai

Nguyễn Thị Thanh Nga

Bằng tốt nghiệp

Bà:
Nguyễn Thị Thanh Nga
Sinh ngày 25 tháng 04 năm 1982
Tại Bắc Ninh, Việt Nam

Học vị
TIẾN SĨ KỸ THUẬT (Dr.-Ing.)

**Trường Đại học RWTH Aachen
Khoa Cơ khí**

Xác nhận của:
Hiệu trưởng trường Đại học RWTH Aachen GS.TS. Ernst
Schmachtenberg

Và trưởng khoa Cơ khí
GS. TS. Jörg Feldhusen

Dưới sự hướng dẫn của:
GS. TS. Burkhard Corves - Hướng dẫn 1
GS. TS. Mathias Hüsing - Hướng dẫn 2

Với đề tài:
"Thiết kế động học cơ cấu cam bằng việc sử dụng đường
cong NURBS"

Đã chứng minh khả năng khoa học thông qua việc bảo vệ
luận án tiến sĩ ngày 21.06.2018
Tổng xếp loại: Giỏi

Aachen, ngày 24 tháng 07 năm 2018

Hiệu trưởng
(đã ký)
GS.TS. Ernst Schmachtenberg

Trưởng Khoa Cơ khí
(đã ký)
GS. TS. Jörg Feldhusen

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

NOTARIELLE ERKLÄRUNG

Hôm nay, ngày 15 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Văn Phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Heute am 15 / 12 / 2018, beim Sitz des Notariats Trương Thị Nga, A4 - TT19, Stadtgebiet Van Quan, Yen Phuc, Stadtviertel Phuc La, Bezirk Ha Dong, Stadt Hanoi
Tôi là Công chứng viên Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, số A4 - TT19, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Ich, Notar/in beim Notariat Trương Thị Nga, Nr. A4 - TT19, Stadtgebiet Van Quan, Yen Phuc, Stadtviertel Phuc La, Bezirk Ha Dong, Stadt Hanoi

CHỨNG NHẬN

BESTÄTIGE HIERMIT, DASS

- Bản dịch này do bà Trần Thị Dung, CMND số: 163287449, cấp ngày 21.06.2011 tại Công an tỉnh Nam Định, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Đức sang tiếng Việt
- Diese Übersetzung durch Frau Tran Thi Dung, ausgewiesen durch Personalausweis nr. 163287449, ausgestellt am 21.06.2011 durch Polizeiamt Nam Dinh, als Mitarbeiterin des Notariats Trương Thị Nga, A4 - TT19, Stadtgebiet Van Quan, Yen Phuc, Stadtviertel Phuc La, Bezirk Ha Dong, Stadt Hanoi, vom Deutschen ins Vietnamesische übersetzt wurde
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Bà Trần Thị Dung;
- Die Unterschrift in der Übersetzung die von Frau Tran Thi Dung ist;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Der Inhalt dieser Übersetzung wahrheitsgetreu ist und verstößt nicht gegen das Gesetz sowie die Sozialethik
- Bản dịch gồm tờ, trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Die Übersetzung Blätter, Seiten umfasst, davon wird 01 Exemplar beim Notariat Trương Thị Nga, A4 - TT19, Stadtgebiet Van Quan, Yen Phuc, Stadtviertel Phuc La, Bezirk Ha Dong, Stadt Hanoi behaltet.

Số công chứng: 01350 Quyền số: 01 - TP/CC-SCC/BD
Beglaubigung-Nr.: Buch Nr.: 01 - TP/CC-SCC/BD

Người dịch
Übersetzerin

Dung

Trần Thị Dung

CÔNG CHỨNG VIÊN
NOTARIN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga



Urkunde Certificate

RWTHAACHEN UNIVERSITY

Die Fakultät für Maschinenwesen der Rheinisch-
Westfälischen Technischen Hochschule Aachen

verleiht unter dem Rektorat
des Universitätsprofessors
Dr.-Ing. Ernst Schmachtenberg

und unter dem Dekanat
des Universitätsprofessors
Dr.-Ing. Jörg Feldhusen

Frau

Thi Thanh Nga Nguyen

geboren am 25. April 1982 in Bac Ninh, Vietnam

den akademischen Grad

**DOKTORIN DER
INGENIEURWISSENSCHAFTEN**

(Dr.-Ing.)

Nachdem sie in ordnungsgemäßem
Promotionsverfahren unter Mitwirkung der Bericht:

Universitätsprofessor
Dr.-Ing. Dr. h. c. (UPT) Burkhard Corves

Außerplanmäßiger Professor
Dr.-Ing. Mathias Hüsing

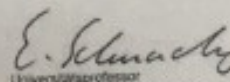
durch die Dissertation:

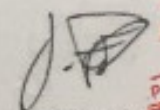
"Motion Design of Cam Mechanisms by Using Non-Uniform
Rational B-Spline"

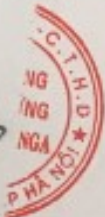
sowie durch die mündliche Prüfung am 21.06.2018 ihre
wissenschaftliche Befähigung erwiesen hat, erhält sie das

GESAMTURTEIL: SEHR GUT

Aachen, den 24. Juli 2018


Universitätsprofessor
Dr.-Ing. Ernst Schmachtenberg
Rektor


Universitätsprofessor
Dr.-Ing. Jörg Feldhusen
Dekan



SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Hồng Cẩm

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Cơ Khí

Tel: 0985293805

E-Mail : Hongcam.tkck@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ Khí –

Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp, ĐH Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 1997, Cơ học máy, Đại học Bách khoa Hà nội
- 1994, Cơ khí Chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp Thái Nguyên

Quá trình công tác

Từ 8/1994 – 3/1995: Cán bộ kỹ thuật – Nhà máy Z143 – Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng;

Từ 4/ 1995 – nay: Giảng viên khoa Cơ khí – Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy:

Chi tiết máy/ Nguyên lý máy/ Đại cương về kỹ thuật.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Thiết kế cơ khí;
- Tối ưu hóa trong thiết kế cơ khí.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyen Thi Hong Cam, Vu Ngoc Pi, Tran Thi Hong, Le Hong Ky, Luu Anh Tung, A study on calculation of optimum gear ratios of a two-stage helical gearbox with second stage double gear sets, International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD) - SCOPUS-Q3
2. Nguyen Thi Hong Cam, Vu Ngoc Pi, Nguyen Khac Tuan, Le Xuan Hung, Tran Thi Phuong Thao, Determining optimal partial transmission ratios of mechanical driven systems using a V-belt drive and a helical reducer with second-step double gear-sets, ICERA 2018, Scopus

3. Nguyen Thi Hong Cam, Vu Ngoc Pi, Nguyen Khac Tuan, Le Xuan Hung, Tran Thi Phuong Thao, A study on determination of optimum partial transmission ratios of mechanical driven systems using a chain drive and a three-step, ICERA 2018, Scopus.

4. Nguyen Khac Tuan, Tran Thi Phuong Thao, Nguyen Thi Hong Cam, Le Xuan Hung, Vu Ngoc Pi, Optimum calculation of partial transmission ratios of mechanical driven systems using a V-belt and a three-step bevel helical gearbox, ICERA 2018, Scopus.

5. Nguyen Thi Hong Cam , Tran Thi Hong, Le Hong Ky, Luu Anh Tung, Vu Ngoc Pi, Bành Tiến Long, A study on calculation of optimum gear ratios of a two-stage helical gearbox with second stage double gear sets, PRESM 2019.

Người khai

Nguyễn Thị Hồng Cẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo đề nghị của

Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤP BẰNG

THẠC SĨ

Thị Thuật

Cho Bà Nguyễn Thị Hồng Tâm

Sinh ngày 02.7.1970 tại *Đặc Biệt*

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 1998
K. BỘ TRƯỞNG



Số: 3158

THỦ TRƯỞNG
Trần Ngọc Mạnh



MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the recommendation of
Rector of Hanoi University of Technology

has conferred on

Ms Nguyễn Thị Hồng Tâm

The degree of Master of
Engineering



SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Quang Hưng

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0986433313

E-Mail: hungnguyen@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Phường Tích Lương – TP Thái

Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2015 - 2017, Thạc sỹ, Cơ kỹ thuật, ĐH KTCN

- 2006 – 2011, Đại học, Chế tạo máy, ĐH KTCN

Quá trình công tác

2011 đến nay: Bộ môn Thiết kế cơ khí, khoa Cơ khí trường ĐH KTCN

Môn học giảng dạy

Cơ học vật liệu, thiết kế sản phẩm với CAD

Lĩnh vực nghiên cứu

Cơ học vật rắn biến dạng, vật liệu composite

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Nguyễn Quang Hưng



Nguyễn Mạnh Cường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa Cơ khí

Tel: 0989 541 708

E-Mail : nmcuong@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ khí, khoa Cơ khí, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

**Quá trình đào tạo**

- 2007, Thạc sĩ, Công nghệ chế tạo máy, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

- 2007, Công nghệ chế tạo máy, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Quá trình công tác

+ 10/2002 đến nay: GV bộ môn Thiết kế Cơ khí, khoa Cơ khí, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy

Nguyên lý máy, Chi tiết máy

Lĩnh vực nghiên cứu

- Thiết kế cơ khí
- Gia công tia lửa điện
- Tối ưu hoá tỉ số truyền hộp giảm tốc
- Phương pháp gia công tiên tiến

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Tran Thanh Hoang, Tran Anh Duc, Nguyen Manh Cuong, Luu Anh Tung, Le Xuan Hung, Vu Ngoc Pi, Modelling Surface Finish in Electrical Discharge Machining Tablet Shape Punches Discharge Machining Tablet Shape Punches using Response Surface Methodology, SSRG International Journal of Mechanical Engineering (SSRG - IJME) – Volume 4 Issue 9 September 2017.

2. Tran Anh Duc, Nguyen Manh Cuong, Luu Anh Tung, Le Xuan Hung, Vu Ngoc Pi, Effects of Process Parameters on Machining Time in Wire Electrical Discharge Machining of 90CrSi steel, International Journal of Engineering Trends and Technology (IJETT) – Volume 60 Issue 3- June 2018.

3. Tran Anh Duc, Nguyen Manh Cuong, Luu Anh Tung, Le Xuan Hung, Vu Ngoc Pi, Modelling Surface Finish in Wire Electrical Discharge Machining of 9CrSi tool steel, International Journal of Engineering Trends and Technology (IJETT) – Volume 61 Number 2 – July 2018

4. Tran Thi Hong, Do Thi Tam, Nguyen Manh Cuong, Luu Anh Tung, Vu Ngoc Pi, Le Hong Ky, Nguyen Quoc Tuan and Nguyen Thi Hoa; Effects of process parameters on cutting speed in wire-cut EDM of 9CrSi tool steel; International Journal of Mechanical Engineering and Technology (IJMET) Volume 10, Issue 03, March 2019, pp. 644-649

5. Tran Thi Hong, Do Thi Tam, Nguyen Manh Cuong, Luu Anh Tung, Vu Ngoc Pi, Le Hong Ky, Nguyen Quoc Tuan and Hoang Tien Dung; Effects of process parameters on surface roughness in wire-cut EDM of 9CrSi tool steel; International Journal of Mechanical Engineering and Technology (IJMET) Volume 10, Issue 03, March 2019, pp. 1073-1078

6. Nguyen Manh Cuong, Hoang Thi Tham, Tran Thi Hong, Nguyen Van Cuong, Le Hong Ky, Nguyen Thanh Tu, Le Xuan Hung, Ngoc Pi Vu; Calculation of Optimum Gear Ratios of Two-Step Worm Gearbox; Advances in Engineering Research and Application, ICERA 2019, pp. 179-188.

Người khai

Nguyễn Mạnh Cường

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. *Nguyễn Mạnh Cường*
Born: **10 / 12 / 1979** in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
(Manufacturing Technology)



Given under the seal of Thainguyen University
This thirtieth day of July 2007

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



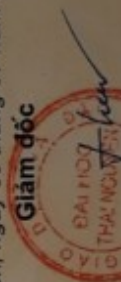
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT
(Công nghệ chế tạo máy)

Cho ông: *Nguyễn Mạnh Cường*
Sinh ngày: **10 / 12 / 1979** tại *Thai Nguyen*

Thai Nguyen, ngày 30 tháng 07 năm 2007



Số bằng: 1424
Nº. **0582**

GS. TS. *Từ Quang Hiến*

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Đình Ngọc

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Cơ Khí

Tel: (+84) 984 076 555

E-Mail : ngocnd@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ Khí – Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, ĐH Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2019, Tiến sĩ, Kỹ thuật cơ khí, Đại học Paul Sabatier – Toulouse 3 – CH Pháp
- 2011, Thạc sĩ, Cơ học kỹ thuật, Đại học Bách khoa Hà Nội
- 2007, Đại học, Cơ khí Chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Quá trình công tác

- 8/2007 đến nay: Giảng viên khoa Cơ khí – Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy:

Cơ học vật liệu/Giới thiệu vật liệu composite/Thiết kế sản phẩm với CAD/Đại cương về kỹ thuật/Phương pháp phần tử hữu hạn

Lĩnh vực nghiên cứu

- Cơ học vật liệu composite
- Gia công vật liệu composite
- Thiết kế cơ khí
- Rung siêu âm

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyen-dinh N, Zitoune R, Bouvet C, Leroux S. (2019), “Surface integrity while trimming of composite structures: X-ray tomography analysis”. Composite Structure; 210:735–46.
2. N. Nguyen-Dinh, A. Hejjaji, R. Zitoune, C. Bouvet, L. Crouzeix. (2018), “Machining of FRP Composites: Surface Quality, Damage, and Material Integrity: Critical Review and Analysis.” In: Sidhu SS, Bains PS, Zitoune R, Yazdani M, editors.

Futur. Compos. Mater. Horizons from Nat. to Nanomater., Springer, Singapore; p. 1–35.

3. Nguyen-Dinh N, Bouvet C, Zitoune R. (2019), “Influence of machining damage generated during trimming of CFRP composite on the compressive strength.” *Journal of Composite Materials*.

4. N. Nguyen-Dinh, A. Hejjaji, R. Zitoune, C. Bouvet, Salem M. (2020), “New tool for reduction of harmful particulate dispersion and to improve machining quality when trimming carbon/epoxy composites”. *Composites Part A*.

5. Nguyen-Dinh N, Zitoune R, Bouvet C, Salem M. (2017), Challenge in trimming of CFRP structures: multi-scale analysis of the generated damage. *International Conference on composite Structures (ICCS 20)*.

6. Nguyen-Dinh N, Zitoune R, Bouvet C, Le Roux S. (2018), Experimental study of dust emission during trimming of CFRP structures with pcd tool. *ECCM 2018 - Proceeding 18th Eur. Conf. Compos. Mater. Athens*.

Người khai

Nguyễn Đình Ngọc

R É P U B L I Q U E F R A N Ç A I S E

Ministère de l'enseignement supérieur de la recherche et de l'innovation

UNIVERSITÉ TOULOUSE III – PAUL SABATIER
(Membre de l'UNIVERSITÉ FÉDÉRALE TOULOUSE MIDI-PYRÉNÉES)

DOCTORAT

Vu le code de l'éducation, notamment ses articles L. 612-7, L. 613-1, D. 613-3 et D. 613-6 ;

Vu le code de la recherche, notamment son article L. 412-1 ;

Vu l'arrêté du 01 juin 2016 accordant l'Université Toulouse-III en vue de la délivrance de diplômes nationaux ;

Vu les pièces justificatives produites par M. DINH NGOC NGUYEN, né le 19 mai 1984 à THANH HOA (VIETNAM) en vue de son inscription en Doctorat ;

Vu le procès-verbal du jury attestant que l'intéressé a soutenu le 20 juin 2019 une thèse portant sur le sujet suivant : **ETUDE EXPERIMENTALE DU DETOURAGE D'UN COMPOSITE CARBONE/EPOXY : USINABILITE ET INTEGRITE MATERIAU**

préparée au sein de l'école doctorale Ecole Doctorale Mécanique, Energétique, Génie civil, Procédés sous la codirection de REDOUANE ZITOUNE MAITRE DE CONFERENCES, CHRISTOPHE BOUVET PROFESSEUR DES UNIVERSITES, devant un jury présidé par FRANCIS COLLOMBET, PROFESSEUR DES UNIVERSITES et composé de ZOHEIR ABOURA, PROFESSEUR DES UNIVERSITES, HABIBA BOUGHERARA, PROFESSEUR, CHRISTOPHE BOUVET, PROFESSEUR DES UNIVERSITES, BENOIT VIEILLE, MAITRE DE CONFERENCES, REDOUANE ZITOUNE, MAITRE DE CONFERENCES ;

Vu la délibération du jury ;

Le diplôme de **DOCTORAT** en Sciences pour l'Ingénieur, spécialité Génie mécanique, mécanique des matériaux est délivré par l'Université Toulouse III – Paul Sabatier à **M. DINH NGOC NGUYEN**

au titre de l'année universitaire 2018–2019

et confère le **grade de docteur**,

pour en jouir avec les droits et prérogatives qui y sont attachés.

Fait le 23 octobre 2019

Le titulaire

La Présidente



Le Recteur d'Académie,
Chancelier des universités

N°

TOULIII 13820163

Régime ANDRÉ-OBRECHT

/2019201802594

Benoit DELAUNAY

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Đình Mãn

Học hàm, học vị: PGS.TS

Khoa: Cơ khí

Tel: 0912 223 774

E-Mail : ndman1957@gmail.com

Địa chỉ: Tổ 7, phường Phú Xá, TP. Thái

Nguyên



Quá trình đào tạo

- 1974 – 1979: Đại học Cơ Điện Bắc Thái, ngành Cơ khí chế tạo máy.
- 1995- 1997: Thạc sỹ, Đại học Bách khoa Hà Nội, chuyên ngành ma sát và mài mòn máy.
- 2001 – 2005: Tiến sỹ, Đại học Bách khoa Hà Nội, chuyên ngành Động lực học và độ bền của máy, khí cụ và dụng cụ.

Quá trình công tác

- 1980-10/2005: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Hình họa - Vẽ kỹ thuật, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên
- 11/2005 - 31/7/2017: Giảng viên, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên
- 1/8/2017 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Thiết kế Cơ khí, Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy

- 1- Hình học họa hình
- 2- Vẽ kỹ thuật Cơ khí
- 3- AutoCAD
- 4- Độ tin cậy của chi tiết máy, máy và thiết bị.

Lĩnh vực nghiên cứu sâu

- 1- Độ tin cậy của chi tiết máy, máy và thiết bị.
- 2- Thiết kế chi tiết máy theo độ tin cậy đặt trước.
- 3- Các biện pháp để nâng cao độ tin cậy của chi tiết máy, máy và thiết bị.

Công bố khoa học tiêu biểu

1- Nghiên cứu độ tin cậy trên cơ sở mòn của động cơ Diesel Sông Công - Thái Nguyên. Luận án Tiến sĩ - 2005.

2- Xác định độ tin cậy trên cơ sở mòn và các biện pháp nâng cao độ tin cậy của “Chày trên” khuôn ép gạch ceramics của Nhà máy gạch Mikado Thái Bình, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, trang 52 - 57, năm 2011.

3- Xác định độ tin cậy trên cơ sở mòn của “Chày dưới” khuôn ép gạch ceramics của Nhà máy gạch Mikado Thái Bình, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, trang 30 – 33, năm 2012.

4- Thiết kế chi tiết máy theo phương pháp xác suất, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, trang 22 – 26, năm 2011.

Người khai

Nguyễn Đình Mẫn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước

hợp ngày 17 tháng 02 năm 2006
tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ

KỸ THUẬT

Cho ông *Nguyễn Đình Mãn*

Sinh ngày *05/07/1957* tại *Nghệ An*

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2006

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Số bằng: 04393

Nguyễn Đình Kiên

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Quốc Huy

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Cơ Khí

Tel: (+84) 969 365 247

E-Mail: ngoquochuy24@gmail.com;

ngoquochuy24@tnut.edu.vn



Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ Khí –
Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp, ĐH Thái
Nguyên

Quá trình đào tạo

- 2018, Thạc sĩ, Cơ học kỹ thuật, Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp Thái Nguyên
- 2011, Đại học, Cơ khí Chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp Thái Nguyên

Quá trình công tác

Từ 11/2011 – nay: Giảng viên khoa Cơ khí – Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy:

Chi tiết máy/Phương pháp và tiến trình thiết kế/Thiết kế sản phẩm với CAD/Đại cương về kỹ thuật.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Thiết kế cơ khí, FEM, FEA
- Ứng dụng rung động siêu âm trợ giúp gia công cơ khí
- Khai thác các ứng dụng của rung động siêu âm trong việc giảm ma sát, thiết bị tự di chuyển

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Van-DamVu, Quoc-Huy Ngo, Thanh-Toan Nguyen, Huu-Cong Nguyen, Quoc-Tuan Nguyen, Van-Du Nguyen, Multi-objective optimisation of cutting force and cutting power in chopping agricultural residues, Biosystems Engineering, January 2020; Biosystems Engineering 191:107-115 DOI: 0.1016/j.biosystemseng.2020.01.007; journal homepage: www.elsevier.com/locate/issn/15375110

2. Ngoc -Hung Chu, Van - Du Nguyen, Quoc - Huy Ngo; Machinability enhancements of ultrasonic-assisted deep drilling of aluminum alloys; Machining

Science and Technology, 2019, ISSN: 1532- 2483; DOI: 10.1080/10910344.2019.1636267

3. Hung Chu Ngoc, Binh Nguyen Dang, Khoa Ngo Nhu, Du Nguyen Van, Duc Tran Minh, Pi Vu Ngoc, Huy Ngo Quoc, Hong Tran Thi; A new approach to modelling the drilling torque in conventional and ultrasonic assisted deep-hole drilling processes; Journal machining Science and Technology, 2018; ISSN: 2076- 3417; Appl. Sci. 2018, 8, 2600; doi:10.3390/app8122600; www.mdpi.com/journal/applsci;

4. Nguyễn Văn Dữ, Dương Thế Hùng, Chu Ngọc Hùng, Ngô Quốc Huy; The effect of inertial mass and excitation frequency on a Duffing vibro-impact drifting system; International Journal of Mechanical Sciences (SCI), 124-125 (2017), pp. 9-21.; ISSN: 0020-7403; DOI: 10.1016/j.ijmecsci.2017.02.023

5. Nguyễn Văn Dữ, Hồ Hữu Đức, Dương Thế Hùng, Chu Ngọc Hùng và Ngô Quốc Huy; Identification of the effective control parameter to enhance the progression rate of vibro-impact devices with drift; ASME Journal of Vibration and Acoustics, (SCIE), 2017, ISSN: 1048-9002; DOI: 10.1115/1.4037214

6. Vũ Văn Đàm, Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Quốc Tuấn, Ngô Quốc Huy, Nguyễn Thanh Toàn; Parameter optimization of cutting force in corn stalk chopping, International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD) ISSN (P): 2249-6890; Scopus; ISSN: 2249-8001, Vol. 9, Issue 3

7. Chu Ngọc Hùng, Ngô Quốc Huy, Nguyễn Văn Dữ; A Step-by-Step Design of Vibratory Apparatus for Ultrasonic-Assisted Drilling; International Journal of Advanced Engineering Research and Applications (IJA-ERA); ISSN: 2454-2377, Volume – 4, Issue – 8, 2018

8. Nguyễn Văn Dữ , Chu Ngọc Hùng, Ngô Quốc Huy; A Study on Design of Vibratory Apparatus And Experimental Validation on Hard Boring With Ultrasonic-Assisted Cutting; International Journal of Advanced Engineering Research and Applications (IJA-ERA); ISSN: 2454-2377; 2018

Người khai

Ngô Quốc Huy

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR
THAI NGUYEN UNIVERSITY
UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

confers

THE DEGREE OF MASTER OF

SCIENCE IN MECHANICAL ENGINEERING
AND ENGINEERING MECHANICS
Engineering Mechanics

Upon: **Mr. NGO QUOC HUY**

Born on: **24 July 1988**

Given under the seal of Thai Nguyen University -
University of Technology

Serial number: **A 5323**

Reference number: **18M-006**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP -
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT CƠ KHÍ VÀ CƠ KỸ THUẬT

Cơ kỹ thuật

Cho Ông: **NGÔ QUỐC HUY**

Sinh ngày: **24 / 07 / 1988**

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 01 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **A 5323**

Số vào sổ cấp bằng: **18M-006**

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Họ và tên: **Lê Thị Phương Thảo**

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0378667828

E-Mail : thaonguyencm@gmail.com

Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế cơ khí – Khoa Cơ khí

– Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp



Quá trình đào tạo

- 2015, Thạc sĩ, Kỹ thuật cơ khí – Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;
- 2010, Kỹ sư, Chế tạo máy – Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Quá trình công tác

- Từ 2010 đến nay: Giảng viên bộ môn Thiết kế cơ khí – Khoa Cơ khí;

Môn học giảng dạy

- Hình họa – Vẽ kỹ thuật
- Vẽ kỹ thuật cơ khí và AutoCad

Lĩnh vực nghiên cứu

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Lê Thị Phương Thảo

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR
COLLEGE OF TECHNOLOGY
THAI NGUYEN UNIVERSITY

confers

THE DEGREE OF MASTER OF
SCIENCE IN MECHANICAL ENGINEERING
AND ENGINEERING MECHANICS

Major: Mechanical Engineering

Upon: Ms. Le Thi Phuong Thao

Born on: 20 November 1987

Given under the seal of College of Technology
Thai Nguyen University

Serial number: A 1393

Reference number: 15M-009

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT CƠ KHÍ VÀ CƠ KỸ THUẬT

Chuyên ngành: KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Cho bà: Lê Thị Phương Thảo

Sinh ngày: 20 / 11 / 1987

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: A 1393

Số vào sổ cấp bằng: 15M-009

PGS.TS. Phan Quang Thế

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Dương Phạm Tường Minh

Học hàm, học vị: PGS.TS

Khoa: Cơ Khí

Tel: 0912804321

E-Mail: tuongminh80@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Tích Lương, TP Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2013, Tiến sỹ, Cơ học ứng dụng, Đại học Reims Champagne – Ardenne, Cộng hòa Pháp
- 2005, Thạc sỹ, Công nghệ chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
- 2002, Đại học, Cơ khí chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên.

Quá trình công tác:

- 9/2017 – nay: Giảng viên, Phó trưởng khoa Cơ khí, Trưởng Bộ môn Thiết kế cơ khí, Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên
- 2002-2017 : Giảng viên, Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy:

Cơ học vật liệu, Đại cương về kỹ thuật, Cơ học vật liệu composite, Thiết kế sản phẩm với CAD

Lĩnh vực nghiên cứu:

Cơ học ứng dụng, mô hình hóa, đồng nhất hóa,...

Công bố khoa học tiêu biểu:

01. P.T.M. Duong, B. Abbès and Y.Q. Guo, “*Homogenization models for the packs of food containers and the insert cardboard sheet in a pallet system during transport*” - 4th European Conference on Computational Mechanics (ECCM 2010), 16-21, Mai 2010, Paris, France.

02. P.T.M. Duong, B. Abbès, Y.M. Li, Y.Q. Guo, "*Homogenization of sandwich plates with corrugated cores for coupled shear-torsion problem*" - 16th International Conference on Composite Structures (ICCS16), 28-30 June 2011, Porto, Portugal.

03. P.T.M. Duong, B. Abbès, Y.M. Li, A.D. Hammou, A. Barraï, Y.Q. Guo, "*Un modèle analytique d'homogénéisation 3D complet pour les plaques composites orthotropes de type carton ondulé*" - 20^{ème} Congrès Français de Mécanique (CFM2011), 29 Août au 2 Septembre 2011, Besançon, France.

04. A.D. Hammou, P.T.M. Duong, B. Abbès, M. Makhoulf, Y.Q. Guo, "*Finite-element simulation with a homogenization model and experimental study of free drop tests of corrugated cardboard packaging*", Mechanics & Industry, 13(3), pp. 175-184, 2012. ISSN: 2257-7777

05. P.T.M. Duong, M.P. Hoang, B. Abbès and Y.Q. Guo, "*A 3D Analytical Homogenization Model For Corrugated Cardboard In The Drop Impact Test Of A Packaging System*", 10th International Conference on Sandwich Structures (ICSS10), 27-29 August 2012. Nantes, France.

06. P.T.M. Duong, B. Abbès, Y.M. Li, A.D. Hammou, M. Makhoulf, Y.Q. Guo, "*An analytic homogenization model for shear-torsion coupling problems of double corrugated-core sandwich plates*" Journal of Composite Materials. 47(11), pp. 1327-1341, 2013. ISSN: 0021-9983

07. M.P. Hoang, P.T.M. Duong, B. Abbès and Y.Q. Guo, "*Modèle d'homogénéisation élasto-plastique pour des structures composites*", 11^e Colloque National en Calcul des Structures (CSMA 2013), 13-17 Mai 2013, Giens, France.

08. Pham Tuong Minh Duong and Nhu Khoa Ngo, "*An analytic homogenization model in traction and bending for orthotropic composite plates with the type of double corrugated cardboard*", Vietnam Journal of Mechanics, 38 (3), pp. 205-213, 2016. ISSN: 0866-7136

09. Duong Pham Tuong Minh, "*Analysis and simulation for the double corrugated cardboard plates under bending and in-plane shear force by homogenization method*", International Journal of Mechanics, 11, pp. 176-181, 2017. ISSN: 1998-4448.

10. V. Dung Luong, Fazilay Abbès, Boussad Abbès, P.T. Minh Duong, Jean-Baptiste Nolot, Damien Erre, Ying-Qiao Guo, "*Finite Element Simulation of the Strength of Corrugated Board Boxes Under Impact Dynamics*", In : Nguyen-Xuan H., Phung-Van P., Rabczuk T. (eds) Proceedings of the International Conference on

Advances in Computational Mechanics 2017. ACOME 2017. Lecture Notes in Mechanical Engineering. Springer, Singapore, 2018. ISSN: 2195-4364.

Người khai

Dương Phạm Tường Minh

R É P U B L I Q U E F R A N Ç A I S E

Ministère de l'Enseignement Supérieur et de la Recherche

UNIVERSITE REIMS CHAMPAGNE ARDENNE

DOCTORAT

Vu le code de l'éducation, notamment son article L.612-7 ;

Vu le code de la recherche, notamment son article L.412-1 ;

Vu le décret n° 2002-481 du 8 avril 2002 relatif aux grades et titres universitaires et aux diplômes nationaux ;

Vu l'arrêté du 3 septembre 1998 relatif à la charte des thèses ;

Vu le décret n° 2002-590 du 24 avril 2002 pris pour l'application du premier alinéa de l'article L.613.3 et de l'article L.613-4 du Code de l'éducation et relatif à la validation des acquis de l'expérience par les établissements d'enseignement supérieur ;

Vu l'arrêté du 7 août 2006 relatif à la formation doctorale ;

Vu les pièces justificatives produites par M. PHAM TUONG MINH DUONG, né le 1 juin 1980 à THAI NGUYEN (VIETNAM), en vue de son inscription au doctorat ;

Vu le procès-verbal du jury attestant que l'intéressé a soutenu, le 23 novembre 2012 une thèse portant sur le sujet suivant : Modélisation numérique du comportement dynamique de structures d'emballage complexes par méthodes d'homogénéisation., préparée au sein de l'école doctorale Sciences, Technologies, Santé, devant un jury présidé par DAMIEN ERRE, PROFESSEUR DES UNIVERSITÉS et composé de BOUSSAD ABBES, MAÎTRE DE CONFÉRENCES, SERGE BATKAM, DOCTEUR, MABROUK BEN TAHAR, PROFESSEUR DES UNIVERSITÉS, ISABELLE FANDEUX ESCOBAR, INGÉNIEUR DE RECHERCHE RF, MANUEL FRANCOIS, PROFESSEUR DES UNIVERSITÉS, YING QIAO GUO, PROFESSEUR DES UNIVERSITÉS ;

Vu la délibération du jury ;

Le **DIPLOME NATIONAL DE DOCTEUR EN MECANIQUE**, mention très honorable

est délivré à **M. PHAM TUONG MINH DUONG**

et confère le grade de docteur,

pour en jouir avec les droits et prérogatives qui y sont attachés.

Fait à Reims, le 13 juin 2013

Le titulaire

Le Président de l'Université

Le Recteur d'Académie,
Chancelier des universités

N° REIMS 7987442
2013201200146

Gilles BAILLAT

Philippe-Pierre CABOURDIN

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Bùi Thanh Hiền

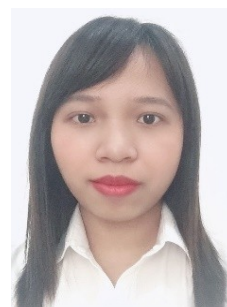
Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0868 845 866

E-Mail: bui Thanhhienc@tmut.edu.vn;

Thanhhienc.ktck@gmail.com



Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ khí – Khoa
Cơ khí - Trường Đại học Kỹ thuật Công
nghiệp – Đại học Thái Nguyên

Quá trình đào tạo

- 2011, Thạc sỹ, Công nghệ Chế tạo máy, Trường Đại học Kỹ thuật Công
Nghiệp – Đại học Thái Nguyên.

- 2008, Đại học, Công nghệ Chế tạo máy, Trường Đại học Kỹ thuật Công
Nghiệp – Đại học Thái Nguyên.

Quá trình công tác

10/2008 đến nay – Giảng viên - Khoa Cơ khí – Trường Đại học Kỹ thuật Công
nghiệp – Đại học Thái Nguyên

Môn học giảng dạy

Hình họa – Vẽ kỹ thuật, Vẽ kỹ thuật Cơ khí và AutoCAD, Chi tiết máy

Lĩnh vực nghiên cứu

Công nghệ chế tạo máy, Kỹ thuật Cơ khí

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Tối ưu số cánh turbine cho máy phát điện sức gió kiểu trục đứng, loại cánh thẳng, Tạp chí công nghiệp nông thôn, 2011.
2. Đặng Anh Tuấn, Bùi Thanh Hiền, Tính toán và xác định kích thước tối ưu cho sản nâng sử dụng xi lanh thủy lực, 2017.
3. Hoang Xuan Tu, Gong Jun, Bui Thanh Hien, Le Xuan Hung, Luu Anh Tung, Vu Ngoc Pi, Determining optimum parameters of cutting fluid in external grinding of 9CrSi steel using Taguchi technique, SSRG International Journal of Mechanical Engineering, 2018.

4. Vu Ngoc Pi, Nguyen Khac Tuan, Le Xuan Hung, Nguyen Thi Quoc Dung, Bui Thanh Hien, Determining Optimum Gear Ratios of a Worm—Helical Gearbox for Minimum Acreage of the Cross Section, Advances in Material Sciences and Engineering – Springer, 2019.

Người khai

Bùi Thanh Hiền

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Bui Thanh Hien
Born on **09 May 1984** in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Manufacturing Technology



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **02338**
Reference number: **3180**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
Cán cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Công nghệ chế tạo máy

Cho bà *Bùi Thanh Hiền*

Sinh ngày **09 / 05 / 1984** tại *Thái Nguyên*

Thái Nguyên, ngày **09 tháng 02 năm 2011**
GIÁM ĐỐC



Số bảng: **02338**
Nº. **3180**

GS. TS. Từ Quang Hiến

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Trần Thế long

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa Cơ khí

Tel: 0985 288 777

E-Mail : tranthelong@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Chế tạo máy – Khoa Cơ khí-

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp



Quá trình đào tạo

- 2018-nay, Tiến sỹ, Kỹ thuật Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;
- 2017, Thạc sỹ, Kỹ thuật Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;
- 2013, Đại học, Kỹ thuật Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Quá trình công tác

Tháng 12/2013 đến nay là giảng viên Bộ môn Chế tạo máy – Khoa Cơ khí - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Môn học giảng dạy

- Các quá trình gia công
- Kỹ thuật Cơ khí đại cương
- Hướng dẫn thực hành HP: Dung sai và đo lường, Công nghệ chế tạo máy 2

Lĩnh vực nghiên cứu

- Gia công cứng
- Gia công vật liệu khó gia công
- Gia công bền vững
- Bôi trơn tối thiểu (MQL), bôi trơn làm nguội tối thiểu (MQCL)
- Ứng dụng dung dịch nano trong gia công

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Hoang Vi, Ngo Minh Tuan, Tran The Long. Investigation of Nanofluids as Potential Cutting Fluids in Gear Hobbing Processes of AISI 4118 Steel. Journal of Mechanics Engineering and Automation 2016, Vol 6, No 4, 180-185.

2. Duc Tran Minh, Long Tran The and Ngoc Tran Bao. Performance of Al_2O_3 nanofluids in minimum quantity lubrication in hard milling of 60Si₂Mn steel using cemented carbide tools. *Advances in Mechanical Engineering*, 2017, Vol 9, No 7, 1-9.
3. Tran Minh Duc, Tran The Long, Pham Quang Dong, Tran Bao Ngoc. Applied Research of Nanofluids in MQL to Improve Hard Milling Performance of 60Si₂Mn Steel Using Carbide Tools. *American Journal of Mechanical Engineering* 2017, Vol. 5, pp.228-233.
4. Tran Minh Duc, Tran The Long and Tran Bao Ngoc. Effectiveness of alumina nanofluid on slotting end milling performance of SKD 11 tool steel. *Journal of Computational and Applied Research in Mechanical Engineering*, Available Online from 19 February 2019, doi:10.22061/JCARME.2019.4041.1484.
5. Tran Minh Duc; Tran The Long. Tran Quyet Chien (2019). Performance Evaluation of MQL Parameters Using Al_2O_3 and MoS_2 Nanofluids in Hard Turning 90CrSi Steel. *Lubricants*, 7 (5), 1-17. Doi: 10.3390/lubricants7050040.
6. Tran Minh Duc, Tran The Long, Pham Quang Dong. (2019). Effect of the alumina nanofluid concentration on minimum quantity lubrication hard machining for sustainable production. *Proceedings of the Institution of Mechanical Engineers, Part C: Journal of Mechanical Engineering Science*. Doi: 10.1177/0954406219861992.
7. Pham Quang Dong, Tran Minh Duc, Tran The Long. (2019). Performance Evaluation of MQCL Hard Milling of SKD 11 Tool Steel Using MoS_2 Nanofluid. *Metals*, 9, p. 658. Doi: 10.3390/met9060658.
8. Tran Minh Duc, Tran The Long and Dang Van Thanh. Evaluation of minimum quantity lubrication and minimum quantity cooling lubrication performance in hard drilling of Hardox 500 steel using Al_2O_3 nanofluid. *Advances in Mechanical Engineering* 2020, Vol. 12(2) 1–12.

Người khai

Trần Thế Long

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR
THAI NGUYEN UNIVERSITY
UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

confers

THE DEGREE OF MASTER OF

SCIENCE IN MECHANICAL ENGINEERING AND
ENGINEERING MECHANICS
Major: Mechanical Engineering

Upon: **Mr. TRAN THE LONG**

Born on: 18 March 1990

Given under the seal of Thai Nguyen University -
University of Technology

Serial number: **A 4807**

Reference number: 17M-005

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP -
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT CƠ KHÍ VÀ CƠ KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí

Cho Ông: **TRẦN THẾ LONG**

Sinh ngày: 18 / 3 / 1990

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 8 năm 2017
HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **A 4807**

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

Số vào sổ cấp bằng: 17M-005

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Minh Tuấn

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0984280807

E-Mail : minhluanngo@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Thịnh Đức – Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2014-2018, Tiến sĩ, Kỹ thuật Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Việt Nam).
- 2009-2011, Thạc sĩ, Chế tạo máy, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Việt Nam).
- 2002-2007, Đại học, Cơ khí Chế tạo máy, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Việt Nam).

Quá trình công tác

2009-nay: Giảng dạy tại Bộ môn Chế tạo máy – Khoa Cơ khí – Trường ĐHKTCN Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy: Máy công cụ, CAD/CAM-CNC

Lĩnh vực nghiên cứu

Gia công cắt gọt và CAD/CAM-CNC

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Ngô Minh Tuấn, Phân tích đặc tính động lực học vỏ hộp trục chính máy phay CNC dưới ảnh hưởng của lực cắt, Tạp chí Cơ khí Việt Nam số 11 năm 2010.
2. Ngô Minh Tuấn, Bùi Quý Lực, Nghiên cứu khả năng ứng dụng Polymer concrete trong thiết kế vỏ hộp trục chính máy CNC, tạp chí Cơ khí Việt Nam năm 2011.
3. Minh Tuan Ngo, Vinh Sinh Hoang, Modelling and determining the tooth profile total deviation of the hobbed gears in the CATIA environment, The 7th AUN/SEED-Net Regional Conference on Mechanical and Manufacturing Engineering.
4. Ngô Minh Tuấn, Hoàng Vĩnh Sinh (2015). Phương pháp đo sai số profile tổng cộng của bánh răng trụ sử dụng máy đo tọa độ. Tạp chí Cơ khí Việt Nam, số 5 năm 2015.
5. Vi Hoang, Minh Tuan Ngo, Long Tran The, Investigation of Nanofluids as Potential Cutting Fluids in Gear Hobbing Processes of AISI 4118 Steel, Journal of Mechanics Engineering and Automation 2016.

6. Ngô Minh Tuấn, Hoàng Vĩ, Hoàng Vĩnh Sinh (2017). Khảo sát sai số profile răng của bánh răng trụ khi phay lăn răng. Tạp chí Cơ khí Việt Nam, số 10 năm 2017.
7. Tuan Ngo, Vi Hoang, Sinh Hoang (2017). Research on Applying Nano Cutting Oils in Spur Gear Hobbing Process. World Journal of Engineering and Technology, 2017, 5, 286-298. ISSN Online: 2331-4249 ISSN Print: 2331-4222.
8. Minh Tuan Ngo, Vi Hoang, Vinh Sinh Hoang (2017), “Optimization Cutting Fluids and Parameters for minimizing cutting force in fly-hobbing”, *Journal of Engineering and Applied Sciences* (2017) Volume 20, PP 5212-5218.
9. Minh Tuan Ngo, Vi Hoang, Vinh Sinh Hoang (2018). “Taguchi-fuzzy multi response optimization in fly cutting process and applying in the actual hobbing process”. *International journal of Mechanical and materials Engineering* (2018), Doi.org/10.1186/s40712-018-0092-z.
10. Minh Tuan Ngo, Vi Hoang, “Optimize Multiple Responses For Slide Milling Process Using Nanofluid By Taguchi Method Based on GRA Theory”, *International Journal of Advanced Engineering Research and Applications (IJA-ERA)* (2019).
11. Minh Tuan Ngo, Vinh Sinh Hoang (2019). “A method for reducing the tooth profile errors of the spur gears in the hobbing process”, *International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD)*, ISSN (P): 2249-6890; ISSN (E): 2249-8001, Vol. 9, Issue 4, Aug 2019, 1-10
12. Minh Tuan Ngo, Vi Hoang (2020). “The effect of cutting conditions on friction coefficients and cutting power in the fly hobbing process using nanolubriants”, *International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD)*, ISSN (P): 2249-6890; ISSN (E): 2249-8001, Vol. 10, Issue 1, Fre 2020, 419-430

Người khai

Ngô Minh Tuấn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology
PRESIDENT

has conferred the Degree of

DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN MECHANICAL ENGINEERING

Upon Mr. *Ngo Minh Tuan*

Date of Birth: *10 April 1985*

Reference number: TS2018/00502

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

cấp

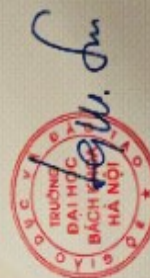
BẰNG TIẾN SĨ
KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Cho Ông *Ngo Minh Tuấn*

Ngày sinh: *10/04/1985*

Hà Nội, ngày 1 tháng 10 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Số hiện: D 000485

Số vào sổ cấp bằng: TS2018/00502

PGS. TS. Hoàng Minh Sơn

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Lưu Anh Tùng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Cơ khí

Tel: +84 974 614 399

E-Mail : luuanhtung@tnut.edu.vn

Địa chỉ: 52 Tuệ Tĩnh, tổ 2 thị trấn

Thăng, Hiệp Hòa, Bắc Giang



Quá trình đào tạo

- 2011, Thạc sĩ, Công nghệ chế tạo máy, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp
- 2007, Đại học, Cơ khí chế tạo máy, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp.

Quá trình công tác

2007 – nay: Giảng viên khoa Cơ khí, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

Môn học giảng dạy

Nguyên lý cắt kim loại, Dụng cụ cắt, Kỹ thuật cơ khí đại cương,...

Lĩnh vực nghiên cứu

Cắt kim loại

Các phương pháp cắt gọt tiên tiến

Công bố khoa học tiêu biểu

- **Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:**
 1. Ứng dụng công nghệ CAD/CAM/CNC gia công cơ cấu bánh răng tổ hợp, Cấp trường, 2008, Chủ nhiệm.
 2. Thiết kế bộ chày côi chấn góc vuông tôn, Cấp trường, 2009, Chủ nhiệm
 3. Ứng dụng phần mềm Microsoft Office Excel để xây dựng các mô đun tính toán hỗ trợ học tập và giảng dạy môn học Nguyên lý và dụng cụ cắt, Cấp trường, 2010, Chủ nhiệm
 4. Thiết kế và chế tạo thiết bị đo nhiệt cắt khi mài phẳng, Cấp trường, 2018, Chủ nhiệm.
 5. Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số công nghệ sửa đá đến năng suất và độ nhám bề mặt khi mài lỗ nhỏ vật liệu 9XC qua tôi, 2018, Cấp Đại học, Chủ nhiệm.
 6. Nghiên cứu xác định chế độ bôi trơn làm mát và các thông số công nghệ sửa đá

hợp lý để nâng cao hiệu quả quá trình mài phẳng thép 9XC qua tôì bằng đá mài Hải Dương, 2019, Cấp Trường, Chủ nhiệm.

- Các công trình khoa học đã công bố

1. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Cost Optimization of Surface Grinding Process, Journal of Environmental Science and Engineering A 5 (2016) , 606-611, 2016
2. Lưu Anh Tùng và cộng sự , Cost Optimization of Internal Grinding , Journal of Materials Science and Engineering B 6 (11-12) (2016), 291-296, 2016.
3. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Modelling Surface Finish in Electrical Discharge Machining Tablet Shape Punches using Response Surface Methodology, SSRG International Journal of Mechanical Engineering (SSRG-IJME) – volume 4 Issue 9 September 2017, 28-30, 2017.
4. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Experimental Determination of Optimum Exchanged Diameter in Surface Grinding Process, Journal of Environmental Science and Engineering A 6 (2017), 85-89, 2017
5. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Optimum dressing parameters for maximum material removal rate when internal cylindrical grinding using taguchi method, International Journal of Mechanical Engineering and Technology (IJMET), Volume 9, Issue 12, December 2018, Scopus, 123-129, 2018
6. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Modelling Surface Finish in Wire Electrical Discharge Machining of 9CrSi Tool Steel, International Journal of Engineering Trends and Technology (IJETT) – Volume 61 Number 2 – July 2018, Scopus, 72-74, 2018
7. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Determination of optimal exchanged grinding wheel diameter when internally grinding alloy tool steel 9CrSi, South Asia Institute of Science and Engineering, 2nd International Conference on Material Engineering and Manufacturing, ICMEM2018-337, Scopus, 337, 2018
8. Lưu Anh Tùng, A study on optimization of surface roughness in surface grinding 9CrSi tool steel by using Taguchi method, Advances in Engineering Research and Application Proceedings of the International Conference, ICERA 2018, Scopus, 100-108, 2018
9. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Determination of Optimal Exchanged Grinding Wheel Diameter when Internally Grinding Alloy Tool Steel 9CrSi, 5th International Conference on Mechanics and Mechatronics Research (ICMMR 2018), 417, oi:10.1088/1757-899X/417/1/012026, 2018
10. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Determining Optimum Parameters of Cutting Fluid in External Grinding of 9CrSi Steel using Taguchi Technique, SSRG International Journal of Mechanical Engineering (SSRG - IJME) – Volume 5 Issue 6 June 2018, 1-

5, 2018

11. Lưu Anh Tùng và cộng sự, A study on calculating optimum gear ratios of a three-stage helical gearbox, International Journal of Mechanical Engineering and Technology (IJMET) Volume 9, Issue 11, November 2018, Scopus, 1392-1400, 2018

12. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Calculation of optimum gear ratios of a two-stage bevel helical gearbox, International Journal of Mechanical Engineering and Technology (IJMET), Volume 9, Issue 11, November 2018, Scopus , 2126-2133, 2018

13. Lưu Anh Tùng và cộng sự, An optimization study on surface grinding stainless steel, International Journal of Engineering & Technology, 7 (4), Scopus, 6621-6625, 2018

14. Lưu Anh Tùng và cộng sự, A study on cost optimization of internal cylindrical grinding, International Journal of Mechanical Engineering and Technology (IJMET), Volume 10, Issue 1, January 2019, Scopus, 414-423, 2019

15. Lưu Anh Tùng, Optimization of Dressing Parameters of Grinding Wheel for 9CrSi tool Steel using the Taguchi Method with Grey Relational Analysis, Materials Science and Engineering, ICMM 2019, Scopus, 635, doi: 10.1088 / ISSN.1757-899X. 2019

16. Lưu Anh Tùng và cộng sự A study on determination of optimum gear ratios of a worm - helical gearbox, 2019 10th International Conference on Mechatronics and Manufacturing (ICMM 2019), DOI: 10.1088 / ISSN.1757-899X, 2019

17. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Calculation of Optimum Exchanged Grinding Wheel Diameter When External Grinding Tool Steel 9CrSi, International Journal of Mechanical Engineering and Robotics Research Vol. 8, No. 1, January 2019, 59-64, 2019

18. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Optimization of Grinding Parameters for Minimum Grinding Time When Grinding Tablet Punches by CBN Wheel on CNC Milling Machine, Applied sciences, 9, SCIE, 957, doi:10.3390/app9050957, 2019

19. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Optimization of Replaced Grinding Wheel Diameter for Minimum Grinding Cost in Internal Grinding, Applied sciences, 9, SCIE, 1363, doi:10.3390/app9071363, 2019.

20. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Optimization of dressing parameters for grinding tablet shape punches by CBN wheel on CNC milling machine, International Journal of Mechanical Engineering and Technology (IJMET), Volume 10, Issue 01, January 2019, Scopus, 960–967, 2019

21. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Optimizing grinding parameters for surface roughness when grinding tablet by cbn grinding wheel on CNC milling machine,

International Journal of Mechanical Engineering and Technology (IJMET), Volume 10, Issue 01, January 2019, Scopus, 1112–1119, 2019

22. Lư Anh Tùng và cộng sự, Optimization of Replaced Grinding Wheel Diameter for Surface Grinding Based on a Cost Analysis, *Metals* 2019, 9, SCIE, 448, doi:10.3390/met9040448, 2019

23. Lư Anh Tùng và cộng sự, Determination of optimum gear ratios of a three stage bevel helical gearbox, *Materials Science and Engineering*, 2019, Scopus, 542, doi:10.1088/1757-899X/542/1/012007, 2019

24. Lư Anh Tùng và cộng sự, Calculating optimum gear ratios of a two-stage helical reducer with first stage double gear sets, *Materials Science and Engineering*, 2019, Scopus, 542, doi:10.1088/1757-899X/542/1/012017, 2019

25. Lư Anh Tùng và cộng sự, A Study on calculation of optimum exchanged grinding wheel diameter internal grinding, *Materialtoday: Proceedings* 18, 2019, ELSEIER, Scopus, 2840-2847, 2019

26. Lư Anh Tùng và cộng sự, Multi-objective optimization of dressing parameters of internal cylindrical for 9CrSi alloy steel using Taguchi method and grey relational analysis, *Materialtoday: Proceedings* 18, 2019, ELSEIER, Scopus, 2257-2264, 2019

27. Lư Anh Tùng và cộng sự, Determination of optimum exchanged grinding wheel diameter when external grinding stainless steels, *Materialtoday: Proceedings* 18, 2019, ELSEIER, Scopus, 2345-2352, 2019

28. Lư Anh Tùng và cộng sự, An optimization of exchanged grinding wheeldiameter when surface grinding alloy tool steel 9CrSi, *Materialtoday: Proceedings* 18, 2019, ELSEIER, Scopus, 2225-2233, 2019

29. Lư Anh Tùng và cộng sự, A New Study on Determination of Optimum Gear Ratios of a Two-Stage Helical Gearbox, *Advances in Material, Sciences and Engineering*, 2020, Springer, Scopus, 107-115, 2020

30. Lư Anh Tùng và cộng sự, Optimization of Exchanged Grinding Wheel Diameter for Minimum Cost in External Grinding, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 546-556, 2020

31. Lư Anh Tùng và cộng sự, Optimization of Manufacturing Time in Internal Grinding, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 557-565, 2020

32. Lư Anh Tùng và cộng sự, Determining Optimal Gear Ratios of Mechanical Drive Systems Using Two-Stage Helical Gearbox with Second-Stage Double Gear Sets and Chain Drive for Minimal System Cross Section Area, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 238-248, 2020

33. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Calculation of Optimum Gear Ratios of Mechanical Driven Systems Using Worm-Helical Gearbox and Chain Drive, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 66-75, 2020
34. Lưu Anh Tùng và cộng sự, A Study on Determining Optimum Gear Ratios of Mechanical Driven Systems Using Two-Step Helical Gearbox with First Step Double Gear Sets and Chain Drive, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 85-93, 2020
35. Lưu Anh Tùng, Optimization of Manufacturing Time in Surface Grinding, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 566-574, 2020
36. Lưu Anh Tùng, A Study on Determination of Optimum Gear Ratios of a Two-Stage Worm Gearbox, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 76-84, 2020
37. Lưu Anh Tùng, A Study on Optimization of Manufacturing Time in External Cylindrical Grinding, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 121-129, 2020
38. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Calculating Optimum Gear Ratios of Mechanical Drive Systems Using Two-Stage Helical Gearbox with Second-Stage Double Gear Sets and Chain Drive for Minimum Gearbox Length, [Advances in Engineering Research and Application](#), 2020, Springer, Scopus, 155-163, 2020
39. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Analysis of Effects of Machining Parameters on Surface Roughness in Electrical Discharge Machining Tablet Shape Punches Using Taguchi Method, *Metal Materials Processes and Manufacturing*, Scopus, 12-17, 2020
40. Lưu Anh Tùng và cộng sự, A Study on Calculation of Optimum Exchanged Grinding Wheel Diameter when Surface Grinding Stainless Steel, *Metal Materials Processes and Manufacturing*, Scopus, 3-11, 2020
41. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Tính toán thiết kế đồ gá tiện miêng nâng cam thùng máy dập thuốc viên, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật*, tập 1 – số 69-2008, 2008
42. Lưu Anh Tùng, Nghiên cứu xây dựng công thức tính chế độ cắt cho mài phẳng, *Hội nghị cơ khí toàn quốc* 2013, 2013
43. Lưu Anh Tùng, Ảnh hưởng của dung dịch làm mát đến chất lượng bề mặt khi mài thép 90CrSi qua tôi, *Tạp chí Khoa học công nghệ Thái Nguyên*, tập 139, số 09, 2015, 37-40, 2015
44. Lưu Anh Tùng, Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống đo nhiệt khi mài phẳng ứng dụng công nghệ thông tin, *Tạp chí Khoa học công nghệ Thái Nguyên*, tập 176, số

16, 2017, 206-209, 2017

45. Lưu Anh Tùng và cộng sự, Xác định chế độ xung tối ưu khi xung chày dập viên định hình thép 9XC qua tôi, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, số 4 năm 2018, 2018

Người khai

Lưu Anh Tùng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Manufacturing Technology

Upon: Mr. *Luu Anh Tung*
Born on: 05 June 1984 in Bac Giang

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: 2545

Reference number: 3387

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Công nghệ chế tạo máy

Cho ông: *Luu Anh Tung*
Sinh ngày: 05 / 06 / 1984 tại Bắc Giang

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 03 năm 2012
GIÁM ĐỐC



Số hiệu: 2545

Số vào sổ cấp bằng: 3387

PGS.TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hoàng Vị

Học hàm, học vị: PGS.TS

Khoa: Khoa Cơ khí

Tel: 0913072622

E-Mail : vihoang@tnut.edu.vn

Địa chỉ: LK05-20 khu đô thị An

Hung, Dương nội, Hà Đông, Hà Nội.



Quá trình đào tạo

- 2003, Tiến sĩ kỹ thuật, Ứng dụng Điện tử-Tự động hóa, Viện Điện tử - Tự động hóa Hà Nội (VIELINA);

- 1985, Kỹ sư, Ngành Cơ khí chế tạo máy, Trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc.

Quá trình công tác

6/1985 – 2020: Giảng viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

2002 – 2008: Trưởng Bộ môn Máy và Tự động hóa

2006 – 2011: Phó trưởng khoa Cơ khí

2011-2-14: Trưởng khoa Cơ khí

2017 – đến nay: Trưởng khoa Cơ khí, Trưởng bộ môn Chế tạo máy

Môn học giảng dạy

Kỹ thuật điều khiển tự động, Truyền động Thủy lực-Khí nén, Máy công cụ, CAD/CAM-CNC, Robot ...

Lĩnh vực nghiên cứu

Kỹ thuật, công nghệ tạo hình các bề mặt; Động học, động lực học máy; ứng dụng công nghệ tự động hóa.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Vi Hoang, Minh Tuan Ngo, Long Tran The, Investigation of Nanofluids as Potential Cutting Fluids in Gear Hobbing Processes of AISI 4118 Steel, Journal of Mechanics Engineering and Automation 2016.

2. Ngô Minh Tuấn, Hoàng Vị, Hoàng Vĩnh Sinh (2017). Khảo sát sai số profile răng của bánh răng trụ khi phay lăn răng. Tạp chí Cơ khí Việt Nam, số 10 năm 2017.

3. Tuan Ngo, Vi Hoang, Sinh Hoang (2017). Research on Applying Nano Cutting Oils in Spur Gear Hobbing Process. World Journal of Engineering and Technology, 2017, 5, 286-298. ISSN Online: 2331-4249 ISSN Print: 2331-4222.

4. Minh Tuan Ngo, Vi Hoang, Vinh Sinh Hoang (2017), “Optimization Cutting Fluids and Parameters for minimizing cutting force in fly-hobbing”, *Journal of Engineering and Applied Sciences* (2017) Volume 20, PP 5212-5218.
5. Minh Tuan Ngo, Vi Hoang, Vinh Sinh Hoang (2018). “Taguchi-fuzzy multi response optimization in fly cutting process and applying in the actual hobbing process”. *International journal of Mechanical and materials Engineering* (2018), Doi.org/10.1186/s40712-018-0092-z.
6. Minh Tuan Ngo, Vi Hoang, “Optimize Multiple Responses For Slide Milling Process Using Nanofluid By Taguchi Method Based on GRA Theory”, *International Journal of Advanced Engineering Research and Applications (IJA-ERA)* (2019).
7. Minh Tuan Ngo, Vi Hoang (2020). “The effect of cutting conditions on friction coefficients and cutting power in the fly hobbing process using nanolubriants”, *International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD)*, ISSN (P): 2249-6890; ISSN (E): 2249-8001, Vol. 10, Issue 1, Fre 2020, 419-430.
8. Hoàng Vị, Trần Vệ Quốc. *Tự động hóa thiết kế cụm trục chính trên cơ sở phân tích động*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 2 (1996).
9. Hoàng Vị, Đỗ Khắc Đức, Trần Vệ Quốc. *Thuật toán tự động hóa thiết kế cụm trục chính máy công cụ*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 6 (1997).
10. Nguyễn Xuân Quỳnh, Hoàng Vị, Trần Vệ Quốc. *Cơ sở dữ liệu và giao diện cơ sở dữ liệu trong tự động hóa thiết kế cụm trục chính máy công cụ*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 3 (1998).
11. Nguyễn Xuân Quỳnh, Hoàng Vị, Trần Vệ Quốc, Nguyễn Văn Dự, Vũ Ngọc Pi. *Ứng dụng CAD trong tự động hóa thiết kế hệ dẫn động cơ khí*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 3 (1998).
12. Nguyễn Xuân Quỳnh, Hoàng Vị, Trần Vệ Quốc. *Thiết kế hướng đối tượng cụm trục chính máy công cụ với ứng dụng CAD*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 4 (2000).
13. Nguyễn Xuân Quỳnh, Hoàng Vị, Trần Vệ Quốc. *Phân tích hướng đối tượng và mô hình hóa dữ liệu trong ứng dụng máy tính tự động hóa thiết kế cụm trục chính máy công cụ*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 4 (2000).
14. Nguyễn Thị Hồng Cẩm, Vũ Ngọc Pi, Hoàng Vị. *Ứng dụng máy tính để tính toán hệ số bội suất pa lăng của cần trục Pinguely-Gc1510s*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 4 (2000).

15. Hoàng Vị, *Về nghiên cứu, phát triển đào tạo cơ điện tử ở Trường đại học kỹ thuật công nghiệp*, Tạp chí khoa học và công nghệ-ĐH Thái Nguyên, số 4(36), tập 2. Trang 26-29 (2005)
16. Hoàng Vị, *Cơ điện tử trong các máy gia công bánh răng CNC*, Tạp chí khoa học và công nghệ-ĐH Thái Nguyên, số 4(36), tập 2. Trang 9-13 (2005)
17. Hoàng Vị, Phạm Thành Long, *Xác định các biến trong điều khiển động học robot*, Tạp chí khoa học công nghệ các trường ĐHK, số 65 (2009).
18. Hoàng Vị, Phạm Thành Long, *Tự động hóa chuẩn bị dữ liệu động học trong điều khiển robot*, Tạp chí khoa học công nghệ các trường ĐHK, số 67,68 (2009).
19. Hoàng Vị, Vũ Như nguyệt, *Tính toán bán kính dao phay đầu cầu tối ưu*, Tạp chí khoa học công nghệ các trường ĐHK, số 67,68 (2011).
20. Hoàng Vị, *Giải pháp chế tạo răng cầu, vành răng thân khai*, Hội nghị cơ khí toàn Quốc (2013).
21. Hoàng Vị, *Tính toán thiết kế cơ cấu răng cầu dùng làm cơ cấu phân độ, định hướng*, Hội nghị cơ khí toàn Quốc (2013).
22. Hoàng Vị, *Khảo sát các yếu tố hình học của bề mặt phức tạp trong kỹ thuật cơ khí*, Hội nghị cơ khí toàn Quốc (2013).
23. Hoàng Vị, Phạm Minh Tuấn, *Phân tích động học cơ cấu tay quay con trượt bằng phần mềm EXCEL*, Tạp chí cơ khí (2013).
24. Hoàng Vị, Lê tiến thành, *Cơ sở tạo hình bánh răng trụ răng cong*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên (2016).

Người khai

Hoàng Vị

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at Vietnam Research Institute of Electronics Informatics
and Automation

HAS CONFERRED UPON

Mr. Hoàng Vĩ
Born 19/05/1963 in Nghệ An

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Engineering

Given under the seal of the Ministry of Education and Training
this Thirty First day of December 2003



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước
hợp ngày 21 tháng 08 năm 2003
tại Viện Nghiên cứu Điện tử-Tin học-Tự động hóa

CÔNG NHÂN HỌC VI VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ

KỸ THUẬT

Cho ông *Hoàng Vĩ*
Sinh ngày 19/05/1963 tại Nghệ An

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2003

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Số bảng: **02871**

1. SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hoàng Văn Quyết

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa Cơ khí

Tel: 0977599577

E-Mail : hoangvanquyet@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Phường Tân Lập – TP Thái

Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2010, Thạc sỹ, Cơ khí Chế tạo máy, ĐHKTCNTN;
- Năm 2004, Đại học, Cơ khí Chế tạo máy, ĐHKTCNTN

Quá trình công tác

2004- nay: Giảng viên Trường đại học KTCN

Môn học giảng dạy

Lĩnh vực nghiên cứu

- Mài phẳng, mài tròn ngoài, mài lỗ
- Tiện cứng, phay cao tốc...

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Hoàng Văn Quyết

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. Hoàng Văn Duyệt

Born on **18 September 1981** in **Hung Yen**

THE DEGREE OF

MASTER OF ENGINEERING

Major: Manufacturing Technology



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **02358**

Reference number: **3200**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Công nghệ chế tạo máy

Cho ông *Hoàng Văn Duyệt*

Sinh ngày **18 / 09 / 1981** tại **Hung Yên**

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 02 năm 2011
GIÁM ĐỐC



Số bằng: **02358**

Nº. **3200**

GS. TS. Từ Quang Hiến

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hà Đức Thuận

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0974857062

E-Mail : Hathuancn@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 11 – p. Hương Sơn – Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2010-2013, Thạc sỹ, Kỹ thuật cơ khí, Trường ĐHKTCN Thái Nguyên (Việt Nam).
- 2004-2009, Đại học, Chế tạo máy, Trường ĐHKTCN Thái Nguyên (Việt Nam).

Quá trình công tác

2009-nay: Giảng dạy tại Bộ môn Chế tạo máy – Khoa Cơ khí – Trường ĐHKTCN Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy

- Dung sai đo lường
- Công nghệ CTM

Lĩnh vực nghiên cứu

- Cắt gọt kim loại

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Hà Đức Thuận

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí

Cho ông: **HÀ ĐỨC THUAN**

Sinh ngày: **22 / 03 / 1986** tại *Hải Dương*

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 09 năm 2013

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đặng Kim Vui

Số hiệu: **4900**

Số vào sổ cấp bằng: 5743

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Mechanical Engineering

Upon: Mr. **HA DUC THUAN**

Born on: **22 March 1986** in *Hai Duong*

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **4900**

Reference number: 5743

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Đỗ Thị Tám

Học vị: Tiến sĩ

Khoa: Khoa Cơ khí

Tel: 0915208062

Email: dothitam@tnut.edu.vn

Địa chỉ liên lạc: Khoa Cơ khí, Trường

Đại học Kỹ thuật Công nghiệp



Quá trình đào tạo

- 2013, Tiến sĩ, Công nghệ chế tạo máy, Trường ĐHKT Công nghiệp
- 2008, Thạc sĩ, Công nghệ chế tạo máy, Trường ĐHKT Công nghiệp
- 2003, Đại học, Sư phạm kỹ thuật Cơ khí, Trường ĐHKT Công nghiệp

Quá trình công tác

12/2003 – 5/2010, Giảng viên, Khoa Sư phạm kỹ thuật

5/2010 – 3/2011, Giảng viên, Trưởng bộ môn phương pháp luận và phương pháp dạy học, Khoa SP kỹ thuật, Khoa Sư phạm kỹ thuật

3/2011 – 5/2014, Giảng viên, Phó trưởng khoa Khoa sư phạm kỹ thuật, Khoa Sư phạm kỹ thuật

5/2014 – 5/2015, Giảng viên, Phó trưởng khoa Khoa Cơ khí, Khoa Cơ khí

5/2015 đến nay, Giảng viên kiêm nhiệm Khoa C khí, Phó phòng QLKH và HTQT,

Lĩnh vực nghiên cứu

1. Nghiên cứu ứng dụng PP mô hình đồng dạng và phân tích thứ nguyên trong nghiên cứu máy và động lực học máy

2. Gia công gia công xung điện trong Gia công cắt gọt

Các công trình khoa học tiêu biểu

1. Pham Van Lang, Bui Quang Huy, Pham Hong Son, Do Thi Tam (2009), *Evaluation of agricultural mechanization standard in production areas*, International workshop on agricultural and bio-systems engineering, 8-9 December 2009, Ha Noi, Viet Nam, 174 – 180;

2. Pham Van Lang, Bui Quang Huy, Do Thi Tam, Pham Hong Son (2011), *Evaluation of Agricultural Mechanization Level in Agricultural production Areas*,

Agricultural Mechanization in Asia, Africa and Latin America (AMA), ISN 0084-5841, Vol 42, No 2, 19-23;

3. Pham Van Lang, Nguyen Dang Binh, Do Thị Tam (2011), Application of the similitude-modelling and dimensions analysis to determine resistance to the model's wings of a horizontal – axis feed mixer, Proceedings of International Workshop on Agricultural and Bio-Systems Engineering, December 2nd – 3rd, Ho Chi Minh City;

4. Pham Van Lang, Do Thi Tam, Bui Ngoc Anh (2013), *Some issues on the process of labor transition in rural areas in populated localities of the Red River Delta*, International workshop on Agricultural Engineering and Post – Harvest technology for Asia sustainability 5-6, December, 2013, Ha Noi;

5. Vu Van Dam, Do Thi Tam, Nguyen Hay, Pham Van Lang (2017), *Mechanization of food crops production under practical conditions of Mekhong Delta province*, The international conference on Agricultural and Bio – System Engineering, December 19th -21th, Ho Chi Minh, 130-148, ISSN 1859-1523;

6. Tran Thi Hong, Do Thi Tam, Nguyen Manh Cuong, Luu Anh Tung, Vu Ngoc Pi, Le Hong Ky, Nguyen Quoc Tuan and Hoang Tien Dung (2019), *Effects of Process Parameters on Surface Roughness in Wire-Cut EDM of 9CrSi Tool Steel*, International Journal of Mechanical Engineering and Technology, 10(3), pp. 1073-1078,

7. Tran Thi Hong, Do Thi Tam, Nguyen Manh Cuong, Luu Anh Tung, Vu Ngoc Pi, Le Hong Ky, Nguyen Quoc Tuan and Nguyen Thi Hoa (2019), *Effects of Process Parameters on Cutting Speed in Wire-Cut EDM of 9crsi Tool Steel*, International Journal of Mechanical Engineering and Technology, 10(3), pp. 644-649;

8. Do Thi Tam, Tran The Long, Nguyen Hoang Quan (2019), *Application of Similarity method and Dimensional analysis in determining the performance parameters of Agitator paddles for caltex Aquatex 3180 cutting Oil*, International Journal of Engineering Technologies and Management Research, ISSN- 2454-1907;

9. Do Thi Tam, Nguyen Quoc Tuan, Le Hong Ky, Tran Thị Hong, Vu Ngoc Pi (2019), *Modelling Surface Finish in inner circle machining of 9CrSi tool steel using wire cut EDM*, International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD), ISSN (Online): 2249-8001; ISSN (Print): 2249-6890; Impact factor (JCC) (2018): 7.6197; Index Copernicus Value (ICV) - (2016): 60.6; Naas Rating: 3.11; Vol - 9, Issue – 3.

1. Đỗ Thị Tám (2008), *Nghiên cứu ảnh hưởng của một số thông số đến chất lượng trộn và chi phí năng lượng của máy trộn công suất nhỏ qui mô hộ gia đình*, Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, số 124, 105 – 109;

2. Đỗ Thị Tám, Phạm Hồng Sơn (2008), *Cơ sở chọn dây máy trộn thức ăn gia súc (qui mô nhỏ) phục vụ cho nông thôn miền núi*, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, Số 135/10/2008, 24 -26;

3. Phạm Văn Lang, Đỗ Thị Tám (2008), *Kinh tế trang trại và quá trình đầu tư máy móc phục vụ sản xuất, chế biến nông – lâm sản ở Thái Nguyên trong những năm gần đây*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, số 3-Tập 1, 122-126;

4. Phạm Văn Lang, Đỗ Thị Tám (2008), *Nghiên cứu, đánh giá chất lượng thiết kế, chế tạo máy móc cơ điện thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp bằng phương pháp tập mờ*, Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật, số 68, 49 – 52;

5. Nguyễn Đăng Bình, Đỗ Thị Tám (2011), *Ứng dụng phương pháp mô hình đồng dạng và phân tích thứ nguyên trong việc xác định thông số đầu vào thực nghiệm trên mô hình máy trộn thức ăn chăn nuôi dạng trục ngang*, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, số 4, 26-28;

6. Đỗ Thị Tám, Nguyễn Thị Thu Dung (2011), *Ứng dụng phương pháp mô hình đồng dạng và phân tích thứ nguyên trong việc xác định lực cản trên cánh máy trộn thức ăn chăn nuôi dạng trục ngang*, Tạp chí Công nghiệp nông thôn, số 3, 30-32;

7. Đỗ Thị Tám, Nguyễn Văn Thư (2014), *Nghiên cứu tính toán một số thông số tốc bin gió trục ngang dung sục khí trong nuôi trồng thủy sản*, Tạp chí Công nghiệp nông thôn Việt Nam, ISSN 1859 – 4026, số 14, 44-46;

2. Phạm Văn Lang, Đỗ Thị Tám, Nguyễn Diệp Thành (2015), *Hiệu quả đầu tư cơ giới nông nghiệp ở các tỉnh Trung Du và miền núi Bắc Bộ*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ISSN 1859 – 3585, số 27, 92-95;

3. Đỗ Thị Tám, Trần Hồng Thao, Phạm Văn Lang (2015), *Study on application of fuzzy control system for the grain dry equipment of agro – products*, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, tập 139, số 09, 183-187;

4. Đỗ Thị Tám (2016), *Một số nét về cơ giới hóa nông nghiệp ở hòa bình. Đóng góp của ngành cơ điện đối với sản xuất, chế biến sau thu hoạch trong quá trình xây dựng nông thôn mới*, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, số 4;

5. Đỗ Thị Tám, Nguyễn Hoàng Quân (2019), *Nghiên cứu lựa chọn thiết kế mô hình thiết bị khuấy trộn dung dịch bôi trơn tưới nguội Caltex Aquatex 3180*, Tạp chí

Cơ khí Việt Nam, 1+2, tr. 94-100.

Người khai

Đỗ Thị Tám

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
In Engineering

Upon: Ms. *Do Thi Tam*

Born on: 22 September 1981 in Quang Ninh



Given under the seal of Thai Nguyen University

Reference number: 0056

Serial number: 0056

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẰNG TIẾN SĨ
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đại học
hợp ngày 24 tháng 08 năm 2012 tại Đại học Thái Nguyên

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ KỸ THUẬT

Cho bà: *Đỗ Thị Tâm*

Sinh ngày: 22 / 09 / 1981 tại Quảng Ninh

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 01 năm 2013

GIÁM ĐỐC



PGS. TS. Đặng Kim Vui

Quyết định cấp bằng số: 125/QĐ-ĐHTN

Số vào sổ: 0056

Số bằng: 0056

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Vũ Lai Hoàng

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa Cơ khí

Tel: 0912.214.433

E-Mail : hoangvl@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Phường Phú Xá - TP. Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2008-2013, Tiến sĩ ngành Khoa học vật liệu, Trường Đại học Bách khoa - Hà Nội.
- Năm 2005-2007, Thạc sĩ ngành Kỹ thuật vật liệu, Trường Đại học Bách khoa - Hà Nội.
- Năm 1996-2001, Đại học ngành Kim loại màu & composít, Trường Đại học Bách khoa - Hà Nội.

Quá trình công tác

- Từ 2001 – 2005, Giảng viên, Bộ môn Kỹ thuật vật liệu
- Từ 2005 – 2008, Phó trưởng Bộ môn, Bộ môn Kỹ thuật vật liệu
- Từ 2008 – 2009, Giảng viên, Bộ môn Công nghệ vật liệu
- Từ 2009 – 2011, Phó trưởng Khoa Cơ khí, Bộ môn Công nghệ vật liệu
- Từ 7/2011 - 11/2011, Phó trưởng phòng, Phòng Quản trị - Phục vụ
- Từ 11/2011 - 8/2013, Phó trưởng phòng, Phòng Đào tạo
- Từ 8/2013 - 12/2014, Phó trưởng phòng, Phòng Công tác Học sinh sinh viên
- Từ 12/2014 - 02/2016, Phó Giám đốc, Trung tâm thí nghiệm
- Từ 02/2016 đến nay, Phó trưởng phòng, Phòng Đào tạo

Môn học giảng dạy

- Vật liệu kỹ thuật
- Cơ học chất lỏng
- Vật liệu kim loại màu
- Vật liệu Cơ sở
- Luyện kim đại cương

Lĩnh vực nghiên cứu

- Vật liệu kim loại màu
- Luyện kim bột
- Vật liệu composite

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Vũ Lai Hoàng, Trần Quốc Lập, Lê Hồng Thắng, Hoàng Ánh Quang (2011). *Ảnh hưởng của hàm lượng TiC tới cơ tính của vật liệu composit Cu-TiC*. Tạp chí Khoa học Công nghệ Kim loại, số 34, tr. 28 ÷ 31, tháng 02 năm 2011.
2. Vũ Lai Hoàng, Trần Quốc Lập (2011). *Ảnh hưởng của ép đùn nguội tới cơ-lý tính của composit Cu-TiC*. Tạp chí Khoa học Công nghệ Kim loại, số 37, Tr.44 ÷ 48, tháng 8 năm 2011.
3. Hoang L. Vu, Lap Q. Tran, Binh N. Duong, Khanh Q. Dang and Thang H. Le (2011). *Effects of TiC contents on properties of TicC reinforced copper composite*. Proceedings of the 4th AUN - SEED Net Regional Conference on Materials, pp.44 ÷ 48, Hanoi, Vietnam, pp. 8 ÷ 9, December 2011.
4. Hoang L. Vu, Lap Q. Tran, Binh N. Duong, Khanh Q. Dang (2012). *Consolidation of Titanium Carbide reinforce copper composite by cold extrusion process*. Proceedings of the 1th International Conference on the Materials science and technology, Nha Trang, Vietnam, pp. 21 ÷ 23, 7 april 2012.
5. H. L. Vu, L. Q. Tran, B. N. Duong, K. Q. Dang (2012). *Consolidation and Properties of Cu-TiC composite by a reduction sintering and cold extrusion process*. In proceeding of the 15th European conference on composite materials- ECCM15, Venice, Italy, pp. 24 ÷ 28, June 2012.
6. H. L. Vu, L. Q. Tran, B. N. Duong, K. Q. Dang, T. H. Le (2012). *Mechanical and Electrical Properties of Titanium Carbide Reinforced Copper Composite*. In Proceeding of Powder Metallurgy World Congress, PM2012, Yokohama, Japan, pp. 14 ÷ 18, October 2012.
7. Vũ Lai Hoàng, Nguyễn Văn Giáp, Đặng Quốc Khánh (2014). *Một số tính chất của vật liệu ma sát trên cơ sở nền sắt chế tạo bằng phương pháp luyện kim bột*. Hội nghị khoa học Cơ giới-Động lực lần thứ 7, Tr. 132 ÷ 136, tháng 7 năm 2014.
8. Nguyễn Hồng Kông, Vũ Lai Hoàng, Đặng Quốc Khánh, Trần Văn Sơn (2015), *Khảo sát các tính chất cơ - lý của composit Cu-TiC chế tạo bằng phương pháp luyện*

kim bột, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, tập 132 số 02, Tr. 123 ÷ 128, tháng 02 năm 2015.

Người khai

Vũ Lai Hoàng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology
PRESIDENT

has conferred the Degree of

**DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN MATERIALS SCIENCE**

Upon Mr. *Vu Lai Hoang*

Date of Birth: *02 June 1978*

Reference number: TS2014/00160

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Đại học Bách khoa Hà Nội
cấp

**BẰNG TIẾN SĨ
KHOA HỌC VẬT LIỆU**

Cho Ông *Vũ Lai Hoàng*

Ngày sinh: *02/06/1978*

Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG



GS. Nguyễn Trọng Giang

Số hiệu: **D000163**
Số vào sổ cấp bằng: TS2014/00160

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thanh Tú

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Khoa Cơ khí

Tel: 0912452002

E-Mail : nthanhtu.cnvl@gmail.com

Địa chỉ: Phường Thịnh Đán – TP Thái Nguyên

– Tỉnh Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2017, Tiến sỹ, Kỹ thuật Cơ khí, ĐHBK Hà Nội;
- Năm 2010, Thạc sỹ, Công nghệ CTM, ĐHKTCNTN;
- Năm 2004, Đại học, Cơ khí Chế tạo máy, ĐHKTCNTN.
- Năm 2013, Đại học, Tiếng Anh, ĐH Mở Hà Nội;

Quá trình công tác

12/2004 – 10/2009, Giảng viên , Bộ môn: Kỹ thuật chế tạo máy; khoa Cơ khí – trường đại học KTCN

Từ 10/2009 đến nay, Giảng viên, Bộ môn: Công nghệ vật liệu; khoa Cơ khí – trường đại học KTCN

Hoạt động

- Kiêm nhiệm công tác tại Viện Khoa học Công nghệ Hàn Việt Nam

Môn học giảng dạy

- Cơ khí đại cương
- Các quá trình gia công
- Máy nâng chuyển
- Máy Xây dựng
- Công nghệ chế tạo phôi

Lĩnh vực nghiên cứu

- Dụng cụ cắt có lưỡi
- Vật liệu kỹ thuật
- Gia công tạo hình vật liệu

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyễn Thanh Tú, Bành Tiến Long, Hoàng Long, Thiết kế bộ truyền Cycloid sử dụng trong công nghiệp theo phương pháp tiếp cận kỹ thuật ngược, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, Số 12 năm 2016, 2016.

2. Nguyễn Thanh Tú, Bành Tiến Long, Hoàng Long, Air compressor screw profiling based on envelope method using boolean operation in Autocad, Journal of Science & Technology, Số 115 năm 2016, 2016
3. Nguyễn Thanh Tú, Bành Tiến Long, Hoàng Long, Disk tool profiling for helical surfaces generation, Journal of Science & Technology. Số 116 năm 2017, 2017
4. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, A Study on Cost Optimization of External Cylindrical Grinding, Materials Science Forum, 2019
5. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Multi-criteria Optimization of Dressing Parameters for Surface Grinding 9CrSi Tool Steel Using Taguchi Method and Grey Relational, ICMSET2019/Materials Science Forum, 2019
6. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Optimization of Manufacturing Time in External Cylindrical Grinding, ICMSET2019/Materials Science Forum, 2019
7. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, A Study on Optimization of Manufacturing Time in Internal Grinding, ICMSET2019/Materials Science Forum, 2019
8. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Calculating Optimum Gear Ratios of Mechanical Driven Systems Using Worm-Helical Gearbox and Chain Drive, International Journal of Applied Engineering Research ISSN 0973-4562, 2019
9. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, A Study on Determination of Optimum Gear Ratios of a Two-stage Worm Gearbox, ICERA2019/Spinger, 2019
10. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Calculation of Optimum Gear Ratios of Mechanical Driven Systems Using Two-stage Helical Gearbox with First Stage Double Gear Sets and Chain Drive, ICERA2019/Spinger, 2019
11. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Determining Optimum Gear Ratios of Mechanical Driven Systems Using Three Stage Bevel Helical Gearbox and Chain Drive, ICERA2019/Spinger, 2019
12. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Calculating Optimum Gear Ratios of Mechanical Drive Systems Using Two-Stage Helical Gearbox with Second-Stage Double Gear Sets and Chain Drive for Minimum Gearbox Length, ICERA2019/Spinger, 2019
13. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Optimization of Exchanged Grinding Wheel Diameter for Minimum Cost in External Grinding, ICERA2019/Spinger, 2019
14. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, A Study on Determining Optimum Gear Ratios of Mechanical Driven Systems Using Two-step Helical Gearbox with First Step Double Gear Sets and Chain Drive, ICERA2019/Spinger, 2019
15. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Calculation of Optimum Gear Ratios of Two Step Worm Gearbox, ICERA2019/Spinger, 2019

16. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự , A Study on Calculation of Optimum Gear Ratios of Mechanical Driven Systems Using a Worm-Helical Gearbox and a Chain Drive, ICERA2019/Spinger , 2019

17. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Determining Optimal Gear Ratios of Mechanical Drive Systems Using Two-Stage Helical Gearbox with Second-Stage Double Gear Sets, ICERA2019/Spinger, 2019

18. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự , Determination of optimum partial transmission ratios of mechanical driven systems using a worm - helical gearbox and a chain drive, ICSMM 2019/Materials Science Forum, 2019

19. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự , Effect of Process Parameters on Surface Roughness in Surface Grinding of 90CrSi tool steel, ICSMM 2019/Materials Science Forum, 2019.

20. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự , Calculating optimum gear ratios of two step bevel helical reducer, International Journal of Applied Engineering Research ISSN 0973-4562, 2019

21. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự , Influence of Process Parameters on Electrode Wear in Electrical Discharge Machining Cylindrical Shaped Parts, ICAMR 2020/Key Engineering Materials, 2019

22. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Effect of Electrical Discharge Machining on Surface Roughness of Cylindrical Shaped Parts, ICAMR 2020/Key Engineering Materials, 2019

23. Nguyễn Thanh Tú và cộng sự, Optimization of Manufacturing Time in External Cylindrical Grinding, Materials Science Forum, 2019

Người khai

Nguyễn Thanh Tú

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. *Nguyen Thanh Tu*

Born on **01 December 1981** in **Thai Nguyen**

THE DEGREE OF

MASTER OF ENGINEERING

Major: Manufacturing Technology



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **01339**

Reference number: **2181**

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hoàng Xuân Tú

Học vị: Thạc Sĩ

Khoa Cơ khí

Tel: 0912 994 689

E-Mail : hxt_dhktcn@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Số nhà 24 – Phố Đồng Quang – Tổ 1 –

Phường Đồng Quang – TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2004, Thạc sĩ, Công nghệ chế tạo máy, Trường ĐHKT Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên;
- 2009, Đại học, Cơ khí chế tạo máy, Trường ĐHKT Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên.

Quá trình công tác

3/2005 - 04/2008, Giảng viên, Khoa Cơ khí, Trường ĐHKT Công nghiệp Thái Nguyên
04/2008 - 3/2012, Giảng viên, Trung tâm thí nghiệm, Trường ĐHKT Công nghiệp Thái Nguyên
3/2012 - 8/2018, Giảng viên kiêm nhiệm, nhân viên văn phòng, Trung tâm thí nghiệm, phòng KHCN-HTQT, Trường ĐHKTCN TN
8/2018 - nay, Giảng viên, Khoa Cơ khí, Trường ĐHKT Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy

- Công nghệ Hàn và lắp ráp
- Các phương pháp gia công không phoi
- Hình họa – vẽ kỹ thuật

Lĩnh vực nghiên cứu

Công nghệ chế tạo máy

Công bố khoa học tiêu biểu

- *Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:*

1. Ứng dụng CAD trong mô phỏng động học máy tiện chính xác 16E16KΠ, 2006 – 2007, Cấp Trường, Chủ nhiệm

2.Ảnh hưởng của bôi trơn tối thiểu (MQL) đến mòn dụng cụ cắt và nhám bề mặt khi tiện tinh thép 9CrSi (9XC) qua tôi, 2011 – 2012, Cấp Trường, Chủ nhiệm

3.Ảnh hưởng của các thông số quá trình đến đường kính thay đá tối ưu khi mài tròn ngoài, 2017 – 2018, Cấp Trường, Chủ nhiệm

- Các công trình khoa học đã công bố:

1. Hoàng Xuân Tứ, Calculation of optimum exchanged grinding wheel diameter when grinding tool steel 9CrSi, Mechanical Engineering and Robotics Research, 2019

2. Hoàng Xuân Tứ, A study on determination of optimum parameters for lubrication in external cylindrical grinding base on Taguchi method, Advances on Manufacturing and Material Sciences II, 2019

3. Hoàng Xuân Tứ, Determination of Optimal Exchanged Grinding Wheel Diameter when Internally Grinding Alloy Tool Steel 9CrSi, 5th International Conference on Mechanics and Mechatronics Research (ICMMR 2018), 2018

4. Hoàng Xuân Tứ, Determining optimum parameters of cutting fluid in external grinding of 9CrSi steel using taguchi technique, International Journal of Mechanical Engineering, 2018

5. Hoàng Xuân Tứ, Ảnh hưởng của bôi trơn tối thiểu (MQL) đến mòn dụng cụ cắt và nhám bề mặt khi tiện tinh thép 9CrSi (9XC) qua tôi, Tạp chí khoa học ĐHTN, T5/2011, 2011

Người khai

Hoàng Xuân Tứ

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. *Hoang Tuan Tu*

Born on **28 January 1982** in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF

MASTER OF ENGINEERING

Major: Manufacturing Technology



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **01300**

Reference number: **2142**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Công nghệ chế tạo máy

Cho ông *Hoàng Tuấn Tú*

Sinh ngày **28/01/1982** tại *Thái Nguyên*

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 08 năm 2009
GIÁM ĐỐC



Số bằng: **01300**

Nº. **2142**

GS. TS. Từ Quang Hiến

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hồ Ký Thanh

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Cơ khí

Tel: 0984194198

E-Mail: hkythanh@tnut.edu.vn

Địa chỉ: BM Công nghệ vật liệu, khoa Cơ khí,
trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2009-2013; Tiến sĩ, Kỹ thuật vật liệu; Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Năm 2006-2008; Thạc sĩ, Kỹ thuật gia công vật liệu; Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Năm 1999-2004; Đại học, Cơ khí luyện kim – Cán thép; Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Quá trình công tác

2005 - 10/2008, Giảng viên, BM Cơ khí luyện kim – Cán thép, khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – ĐHTN

10/2008 - 10/2017, Giảng viên, Phó trưởng bộ môn BM Công nghệ vật liệu, khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – ĐHTN

11/2011 - 10/2017, Giảng viên, Phó trưởng khoa kiêm Phó trưởng bộ môn BM Công nghệ vật liệu, khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – ĐHTN

10/2017 – nay, Giảng viên, Phó trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn BM Công nghệ vật liệu, khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – ĐHTN

Môn học giảng dạy

Vật liệu kỹ thuật; Kỹ thuật nâng chuyên.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Kỹ thuật vật liệu;
- Rung động.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Hồ Ký Thanh, Fabrication of Porous Nitinol by Self-propagating High-temperature Synthesis (SHS), Proceeding of The International Conference on Science and Technology, Hanoi, 2011
2. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Amorphization and Self-Propagating High Temperature Reaction of Titanium and Nickel during NiTi Synthesis, Proceeding of The 4th AUN – SEED Net Regional Conference on Materials, Hanoi, 2011
3. Hồ Ký Thanh, Effects of Mechanical Activation on Self-propagating High-temperature Synthesis (SHS) of Porous Nitinol, Proceeding of The 2nd International Symposium on Technology Sustainability, ISTS–2012, Bangkok, Thailand, 2012
4. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Synthesis of nano Al₂O₃ dispersion – strengthened Cu matrix composite materials by mechanochemical process, Proceeding of The 2nd International, Thai Nguyen University of Technology, Vietnam, 2015
5. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Experimental determination of Optimum exchanged diameter in internal grinding, SSRG International Journal of Mechanical Engineering (SSRG-IJME), ISSN 2348-8360, 2018
6. Hồ Ký Thanh, Effects of some parameters on properties of Cu-Al₂O₃ composite materials synthesized by internal oxidation process, Applied Mechanics and Materials (vol.889), ISSN: 1662-7482, doi:10.4028/www.scientific.net/AMM.889.33, 33–37, 2019
7. Hồ Ký Thanh và cộng sự, A comparative investigation of the porous NiTi alloys synthesized by self-propagating high-temperature synthesis and combined process of decomposition and sintering, Applied Mechanics and Materials (vol.889), ISSN: 1662-7482, doi:10.4028/www.scientific.net/AMM.889.38, 38–42, 2019
8. Hồ Ký Thanh, Effects of sintering and compress on porosity, mechanical properties and conductivity of Cu-Al₂O₃ composite materials fabricated by mechanochemical method, Applied Mechanics and Materials (vol.889), ISSN: 1662-7482, doi:10.4028/www.scientific.net/AMM.889.211, 211–215, 2019
9. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Determining Optimal Gear Ratios of a Two-stage Helical Reducer for Getting Minimal Acreage of Cross Section, MATEC Web of Conferences 213, 01008, ACMME 2018, (<https://doi.org/10.1051/matecconf/201821301008>), 10/2018
10. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Phase composition, microstructure and properties of porous Ti–3.5Nb–3.5Zr alloy fabricated by using a combined process of decomposition and vacuum sintering, Advances in Engineering Research and Application; Proceedings of the International Conference, ICERA 2018; Springer, 488–496, 2018

11. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Chế tạo vật liệu tổ hợp Cu-Al₂O₃ bằng phương pháp nghiền trộn hành tinh kết hợp oxy hóa bên trong, Tạp chí Khoa học Công nghệ Kim loại, số 21, 2008
12. Hồ Ký Thanh, Chế tạo vật liệu tổ hợp Cu-Al₂O₃ bằng phương pháp nghiền trộn hành tinh, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 74, số 12, 11/2010
13. Hồ Ký Thanh, Chế tạo vật liệu Nitinol xốp bằng phương pháp phản ứng nhiệt tự lan truyền (SHS), Tạp chí Khoa học Công nghệ Kim loại, số 36, 2011
14. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Hiện tượng vô định hình và hợp kim hóa Niken và Titan trong quá trình tổng hợp vật liệu xốp NiTi, Proceedings of the Congress on Foundry & Metallurgical Science and Technology, Hanoi, 2011
15. Hồ Ký Thanh, Ảnh hưởng của nhiệt độ nung sơ bộ đến quá trình tổng hợp NiTi xốp bằng phương pháp SHS, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 99, số 11, 2012
16. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Quá trình vô định hình hóa và xử lý nhiệt khi chế tạo hợp kim NiTi bằng phương pháp hợp kim hóa cơ học, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 102, số 02, 2013
17. Hồ Ký Thanh, Cơ tính của vật liệu Nitinol xốp tổng hợp bằng phương pháp SHS, Tạp chí Khoa học Công nghệ Kim loại, số 48, 2013
18. Hồ Ký Thanh, Tổng hợp vật liệu siêu đàn hồi hệ NiTi xốp bằng phương pháp thiêu kết chân không, Tạp chí Khoa học Công nghệ Kim loại, số 53 24-28, 4/2014
19. Hồ Ký Thanh, Cấu trúc vi mô và tính chất siêu đàn hồi của vật liệu Nitinol xốp tổng hợp bằng phương pháp SHS, Tạp chí Khoa học Công nghệ Kim loại, số 54, 41-46, 2014
20. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Tổng hợp vật liệu tổ hợp nền Cu cốt hạt nano Al₂O₃ phân tán bằng phương pháp cơ – hóa kết hợp, Kỷ yếu Hội nghị khoa học trẻ Đại học Thái Nguyên lần thứ 2 (2014), 2014
21. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Synthesis of nano Al₂O₃ dispersion - strengthened Cu matrix composite materials by mechanochemical process, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 139, số 09 47-51, 2015
22. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Tính chất cơ học và cấu trúc hợp kim Titan – nikel xốp chế tạo bằng phương pháp phân rã – thiêu kết, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, số 4, 125-130, 2016
23. Hồ Ký Thanh và cộng sự, Thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của kích thước đầu rung siêu âm công suất lớn đến tần số cộng hưởng rung động, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, tập 154, số 09 19-23, 12/2016

24. Hồ Ký Thanh, Tổng hợp vật liệu Fe-Cu-Al bằng phương pháp hợp kim hóa cơ học, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, tập 176, số 16 55-60, 2018

25. Hồ Ký Thanh, Khảo sát quá trình ép chảy vật liệu tổ hợp Cu-(5%kl)Cr được tổng hợp bằng phương pháp luyện kim bột, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, ISSN 0866-7056, số 1-2, 72-78, 2018

Người khai

Hồ Ký Thanh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology
PRESIDENT

has conferred the Degree of

DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN MATERIALS ENGINEERING

Upon Mr. *Ho Ky Thanh*

Date of Birth: *23 August 1980*

Reference number: TS2015/00212

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

cấp

BẰNG TIẾN SĨ
KỸ THUẬT VẬT LIỆU

Cho Ông *Hồ Ký Thanh*

Ngày sinh: *23/08/1980*

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2015
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH TRƯỞNG



Số hiệu: D **000196**

Số vào sổ cấp bằng: TS2015/00212

PGS.TS. *Nguyễn Văn Mạnh*

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hà Bách Tứ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa Cơ khí

Tel: 0399334331

E-Mail : bachtu40mh@gmail.com

Địa chỉ: Phường Gia Sàng – TP Thái Nguyên –
Tỉnh Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2017, Thạc sỹ, Kỹ thuật Cơ khí, ĐHBK Hà Nội;
- Năm 2009, Đại học, Cơ khí Chế tạo máy, ĐHKTCNTN

Quá trình công tác

6/2011 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Công nghệ vật liệu – Khoa Cơ khí– ĐH Kỹ thuật công nghiệp

Môn học giảng dạy

Vật liệu kỹ thuật, công nghệ chế tạo phôi, các quá trình gia công, công nghệ tổng hợp composite.

Lĩnh vực nghiên cứu

Cơ khí, vật liệu

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Hà Bách Tứ, Hoàng Ánh Quang, Nguyễn Minh Đức, Trần Vũ Diễm Ngọc, Ảnh hưởng của hàm lượng TiC tới tổ chức và cơ tính của vật liệu composit FeTiC, Tạp chí công nghệ kim loại, số 78, trang 43-46, tháng 6/2018, 43-46, 2018
2. Tu Bach Ha, Hoang Lai Vu, Huyen Ngoc Bui, Khanh Quoc Dang, Ngoc Diem Vu Tran, Effect of Heat Treatment on Fabrication of High Manganese Steel Powder, 106, 2018.

Người khai

Hà Bách Tứ

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology

PRESIDENT

has conferred the Degree of

MASTER OF ENGINEERING

IN MATERIALS SCIENCE AND ENGINEERING

Upon Mr. *Bui Ngoc Huyen*

Date of Birth: *28 April 1985*

Reference number: TH2017/0875

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG

Trưởng Đại học Bách khoa Hà Nội

cấp

BẰNG THẠC SĨ KỸ THUẬT

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VẬT LIỆU

Cho Ông *Bùi Ngọc Huyền*

Ngày sinh: *28/04/1985*

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Số liệu: **M 004117**

PGS. TS. Hoàng Minh Sơn

Số vào sổ cấp bằng: TH2017/0875

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Mo Eun Young

Giáo sư

Sinh ngày: 27.4.1984

Địa chỉ: 106-506, Woosung Apartment, Baekjedae-ro
13, Wansan-gu, Jeonju, Jeombuk, Republic of Korea.

Tel. 063- 220- 2252

HP: 010- 8601- 3113

E-mail: dmsdud0427@naver.com



Trình độ đào tạo

- 2008 Đại học, Tiếng Trung, Đại học Quốc gia Chonbuk;
- 2013 Thạc sỹ, Tiếng Trung, Đại học Quốc gia Chonbuk;
- 2017 Tiến sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju.

Giấy phép, Giấy chứng nhận

2017 Giấy phép trở thành giáo viên tiếng Hàn được cấp bởi Viện ngôn ngữ quốc gia Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- 2008 – 2012, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Nghệ thuật Yewon;
- 2013 – 2017, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju;
- 2017- nay: Giáo sư chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Choi Kyeong Bok

Giáo sư

Sinh ngày: 8.5.1972

Địa chỉ: 201-1504 Dongsin 2nd Apartment, Wansan-gu, Jeonju, Jeonbuk, Republic of Korea.

Tel. 063- 220- 2385

HP: 010- 2608- 8478

E-mail: diberial53@hanmail.net



Trình độ đào tạo

- 1999 Đại học, Tiếng Trung, Đại học Quốc gia Chonbuk;
- 2013 Thạc sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Quốc gia Kunsan;
- 2018 Tiến sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju.

Giấy phép, Giấy chứng nhận

2013 Giấy phép trở thành giáo viên tiếng Hàn được cấp bởi Viện ngôn ngữ quốc gia Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- 2007 – 2010, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Khoa học Sức khỏe Wonkwang;
- 2014 – 2017, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Quốc gia Kunsan;

Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju;

- 2017 – nay: Giáo sư chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Song Jee Young

Giáo sư

Sinh ngày: 22.9.1984

Địa chỉ: 608-503 Jugong Apartment, 11 Samcheoncheonbyeon 1-gil, Wansan-gu, Jeonju, Jeonbuk, Republic of Korea.

Tel. 063- 220- 2189

HP: 010- 2631- 5118

E-mail: lemontri@jj.ac.kr



Trình độ đào tạo

- 1997 Đại học, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju.
- 2000 Thạc sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju;
- 2006 Tiến sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju.

Giấy phép, Giấy chứng nhận

1997 Giấy phép trở thành giáo viên tiếng Hàn được cấp bởi Bộ giáo dục tại Hàn Quốc

2016 Giấy phép trở thành giáo viên tiếng Hàn được cấp bởi Viện ngôn ngữ quốc gia Hàn Quốc

Quá trình công tác

- 2003 – 2004, Giảng viên chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Giáo viên Hàn Quốc tại Đại học Maha saralham ở Thái Lan.

- 2004 – 2005, Giảng viên chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Giáo viên Hàn Quốc tại Đại học Nakhon Pathom.

- 2006 – nay: Giáo sư chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hong Ro Ra

Giáo sư

Sinh ngày: 19.10.1966

Địa chỉ: 209-202 Expo Apartment, 448 Expo-ro,
Jeonmin-dong, Yuseong-gu, Daejeon Metropolitan City,
Republic of Korea.

Tel. 063- 220- 2252

HP: 010- 6888- 9979

E-mail: flora2919@hanmail.net



Trình độ đào tạo

- 2005 Đại học, Văn học Anh, Đại học Paichai.
- 2011 Thạc sỹ, Giáo dục Hàn Quốc, Đại học Paichai;
- 2016 Tiến sỹ, Giáo dục Hàn Quốc, Đại học Paichai.

Giấy phép, Giấy chứng nhận:

2012 Giảng viên đa văn hóa, Tư vấn đa văn hóa

2017 Giáo viên dạy tiếng Hàn được cấp bởi Bộ Giáo dục tại Hàn Quốc

Quá trình công tác

- 2011 – 2012, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc và Anh, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Hanmin.
- 2011 – nay, Giảng viên chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Oh Sung Jun

Giáo sư

Khoa Kỹ thuật Hệ thống cơ khí

Tel: +82) 63-220-2614

HP: +82) 10-4920-2614

E-mail: junos@jj.ac.kr



Quá trình đào tạo

- Tiến sỹ, 1991 Khoa Kỹ thuật Cơ khí, Đại học KAIST;
- Thạc sỹ, 1981 Khoa Kỹ thuật Cơ khí, Đại học KAIST;
- Đại học, 1979 Khoa Kỹ thuật Cơ khí, Đại học Hanyang, Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- Giáo sư thỉnh giảng Đại học British Columbia (2004 ~ 2005) ;
- Nghiên cứu viên thỉnh giảng ở National Research Council Canada (1992 ~ 1993);
- Nghiên cứu viên chính ở Viện nghiên cứu Tiêu chuẩn và Khoa học Hàn Quốc (1984 ~ 1995);
- Phó trưởng phòng, Nhà máy công nghiệp nặng Daewoo (1981 ~ 1984).

Hoạt động

- Giám đốc Viện chứng nhận chuẩn đoán máy móc Hàn Quốc (2014 ~ 2017);
- Phó chủ tịch, Hội viên Hiệp hội Tiếng ồn và Rung động Hàn Quốc (2014 ~ nay);
- Thành viên thẩm định, Hội đồng kiểm định giáo dục kỹ thuật Hàn Quốc (2011 ~ nay).

Môn học giảng dạy

Dynamics, Statics, Noise and Vibration Control, Mechanical Vibration.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Phân tích rung động máy móc và chẩn đoán;
- Kiểm soát tiếng ồn máy móc, môi trường và phương tiện giao thông;
- Cracked Rotor Dynamics

Công bố khoa học tiêu biểu

- Oh Sung Jun, Dynamic behavior analysis of cracked rotor based on harmonic motion, Mechanical Systems and Signal Processing, Vol. 30, pp.186-203, 2012.
- Oh Sung Jun, Mohamed S. Gadala, Dynamics behavior analysis of cracked rotor, Journal of Sound and Vibration, Vol.309, No.1-2, pp.210-245, 2008.

- O. S. Jun, H. J. Eun, Y. Y. Earmme, C. –W. Lee, Modelling and vibration analysis of a simple rotor with a breathing crack, Journal of Sound and Vibration, Vol.155, No.2, pp.273-290, 1992.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Chang-Yong Choi

Giáo sư

Khoa Kỹ thuật Hệ thống Cơ khí

Tel: +82) 63-220-2615

HP: +82) 10-2715-8160

E-mail: cychoi@jj.ac.kr



Quá trình đào tạo

- Ph. D., 1991 Khoa Kỹ thuật cơ khí, Đại học Florida, U.S.A;
- Thạc sỹ, 1988 Khoa Kỹ thuật cơ khí, Đại học Florida, U.S.A;
- Đại học, 1983 Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Đại học Sungkyungwan, Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- Giáo sư thỉnh giảng, Đại học Maryland, USA (2007 - 2008);
- Nghiên cứu viên cao cấp Hiệp hội nghiên cứu năng lượng nguyên tử Hàn Quốc (1991 ~ 1996).

Hoạt động

- Thành viên chính thức Hiệp hội Kỹ thuật cơ khí Hàn Quốc;
- Thành viên chính thức của Hiệp hội Công nghệ Cơ khí Hàn Quốc.

Môn học giảng dạy

Thermodynamics, Heat transfer, Vehicle Engine Engineering.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Phân tích tính toán hệ thống truyền nhiệt và chất lỏng;
- Thiết kế và phân tích hệ thống nhiệt;
- Các ứng dụng của phương pháp phần tử biên cho các vấn đề truyền nhiệt.

Công bố khoa học tiêu biểu

- Chang-Yong Choi, Elias Balaras, “A dual reciprocity boundary element formulation using the fractional step method for the incompressible Navier-Stokes equation”, Engineering Analysis with Boundary Elements, Vol.33, Issue 6, pp. 741-749, June, 2009.
- Chang-Yong Choi, “Design of Automatic Control Damper System for Heating and Cooling Energy Savings in Closed Glass Greenhouse”, Journal of the Korean Society of Mechanical Technology, Vol.18, No. 3, pp. 397-404, June, 2016.
- Chang-Yong Choi, Boundary element solution method considering the shadow effects for radiative heat transfer with objects inside a 2-D enclosure, Journal of the

Korean Society of Mechanical Technology, Vol. 17, No. 5, pp. 886-893, October, 2015

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Jin-Soo Kim

Giáo sư

Khoa Hệ thống Cơ khí

Tel: +82) 63-220-2903

HP: +82) 10-9446-2903

E-mail: jskim@jj.ac.kr



Quá trình đào tạo

- Ph. D., 1998 Khoa Hàng không vũ trụ, Đại học Tohoku Nhật Bản;
- Thạc sỹ, 1995 Khoa Kỹ thuật chính xác, Đại học Tohoku Nhật Bản;
- Đại học, 1990 Khoa Kỹ thuật Cơ khí Chính xác, Đại học Jeonbuk.

Quá trình công tác

- Nghiên cứu viên cao cấp, Viện nghiên cứu hàng không vũ trụ Hàn Quốc (2000 ~ 2001);
- Trưởng phòng, Công ty Hyundai Motor (1998 ~ 2000);
- Đại học Bang New Jersey (2008 ~ 2009).

Hoạt động

- Thành viên chính thức, Hiệp hội Kỹ thuật Cơ khí Hàn Quốc;
- Thành viên chính thức, Hiệp hội Kỹ thuật Công nghệ Chế tạo Hàn Quốc;
- Thành viên chính thức, Hiệp hội Công nghệ Cơ khí Hàn Quốc.

Môn học giảng dạy

Robotics, Mechantronics, Kinematics of Machinery.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Thiết kế và phân tích hệ thống rô bốt;
- Thiết kế và phân tích phương tiện đặc biệt;
- Phân tích các hệ thống động lực phức hợp bằng phần mềm ADAMS.

Công bố khoa học tiêu biểu

- Jinsoo Kim, “Analysis on the Structural Safety of 30m Fly and Refracting Boom with Composition”, Journal of the Korean Society of Mechanical Technology, Vol. 20, No. 1, pp. 89-95, June 2018.
- Jinsoo Kim, “A Study on Dynamic Characteristics and Durability of Multi-joint Boom for Demolition Water Vehicle”, Journal of Korea academia-industrial technology, Vol. 15, No. 8, pp. 4769-4775, June 2015.

- Jinsoo Kim, “Optimum Configuration of Gutters for Glasshouse Using ANSYS and ADAMS 1”, Journal of Korea academia-industrial technology, Vol. 16, No. 8, pp. 1-7, 2015.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Sung-Hwan Cho

Giáo sư

Khoa Kỹ thuật Hệ thống Cơ khí

Tel: +82) 63-220-2663

HP: +82) 10-3421-6195

E-mail: shcho@jj.ac.kr



Quá trình đào tạo

- Ph. D., 1990 Khoa Kỹ thuật Cơ khí, Đại học Hanyang;
- Thạc sỹ, 1985 Khoa Kỹ thuật Cơ khí, Đại học Hanyang;
- Đại học, 1982 Khoa Kỹ thuật Cơ khí, Đại học Ajou.

Quá trình công tác

- Nghiên cứu viên thỉnh giảng, UC Berkeley, USA (2001 ~ 2002);
- Trưởng nhóm, trung tâm, Hiệp hội nghiên cứu năng lượng Hàn Quốc (1988 ~ 2005);
- Nhà phân tích, Dự án phát triển modun SI của High-Tech Building (2008 ~ 2013).

Hoạt động

- Chủ tịch giáo dục, Hiệp hội Kỹ thuật làm lạnh và điều hòa không khí Hàn Quốc (2017 ~ nay);
- Phó chủ tịch, Hiệp hội Kỹ thuật làm lạnh và điều hòa không khí Hàn Quốc (2015 ~ 2016);
- Phó chủ tịch, Hiệp hội Xây dựng thông minh Hàn Quốc (2015 ~ nay);
- Thành viên chính thức, Hiệp hội Kỹ thuật cơ khí Hàn Quốc.

Môn học giảng dạy

Air Conditioning & Refrigeration Engineering, Renewable Energy, Energy and Combustion.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Chuyển đổi năng lượng trong lĩnh vực xây dựng;
- Năng lượng tái tạo;
- Hệ thống quản lý xây dựng năng lượng.

Công bố khoa học tiêu biểu

- A Study on the Evaluation and Analysis of Monitoring-Based Commissioning System for M&V of Public Buildings, 2017. The society of air-conditioning and engineers of Korea.

- A study on the Development and Analysis of performance evaluation system for M&V of Electricity Demand Management Program, 2017. The society of air-conditioning and engineers of Korea.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Jung-Duck So

Giáo sư

Khoa Kỹ thuật Hệ thống Cơ khí

Tel: +82) 63-220-2712

HP: +82) 10-4281-9666

E-mail: jungdso@jj.ac.kr



Quá trình đào tạo

- Ph. D., 1995 Máy quan sát, Đại học Maryland, USA;
- Thạc sỹ, 1992 Tự động hóa, Đại học Maryland, USA;
- Đại học, 1980 Kỹ thuật cơ khí sinh học, Đại học Chungnam.

Quá trình công tác

- Nhóm dự án HUNIC Đại học Jeonju (2006);
- Trung tâm đổi mới kỹ thuật Đại học Jeonju (2002 ~ 2006).

Hoạt động

- Thành viên chính thức, Hiệp hội Thiết bị nông nghiệp Hàn Quốc;
- Thành viên chính thức, Hiệp hội Kỹ thuật sinh học và nông nghiệp Mỹ;
- Thành viên chính thức, Hiệp hội Kỹ thuật Công cụ thiết bị Hàn Quốc.

Môn học giảng dạy

Engineering Mathematics, Numerical Analysis, Computer language.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Hệ thống tự động hóa;
- Tự động hóa máy móc trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Điều khiển tự động;
- Máy quan sát.

Công bố khoa học tiêu biểu

- Improvement of intermittent advancing accuracy of pneumatic cylinder roll feeder. KSMTE 25(3): 164-170.
- Intermittent strip stock advancing accuracy analysis of a prototype pneumatic cylinder driven roll. KSMTE 19(3): 353-358.
- Analysis of Affecting Factors on Green Whole Grain Rice Production Using Continuous Blanch and Dry Systems. 2016 CIGR-AgEng Conference.
- Design considerations and feasibility of a prototype mechanical Bokbunja (*Rubus coreanus* Miquel) harvester. ASABE 2010 Annual International Meeting.

PHỤ LỤC 5: KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ GIỮA TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP – ĐH THÁI NGUYÊN VÀ ĐH JEONJU, HÀN QUỐC

(Dự kiến)

Khóa I: từ 1/9/2020 – 15/7/2024

Thời gian đào tạo từ 1/9/2020 đến ngày 15/7/2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số lượng sinh viên dự kiến tuyển	Người	30	30	30	30	
2	Số lớp dự kiến mở	Lớp	1	1	1	1	
3	Thời gian quảng bá chương trình	Ngày/tháng	1/6	1/4	1/4	1/4	
4	Thời gian dự kiến tuyển sinh	Ngày/tháng	15/8	15/7	15/7	15/7	
5	Thời gian dự kiến sang JJU	Ngày/tháng			1/9		
6	Thời gian dự kiến kết thúc						15/7

1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo:

+ Đối tượng: học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

+ Thời gian đào tạo: 04 năm

2. Phạm vi tuyển sinh: xét tuyển trong phạm vi cả nước.

3. Hình thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển đối với những học sinh có kết quả tốt nghiệp THPT.

+ Xét nguyện vọng đối với những sinh viên học chương trình thường của ĐH Kỹ thuật công nghiệp sau 02 năm học đầu mong muốn tham gia học Chương trình liên kết.

4. Địa điểm đào tạo

+ 02 năm học đầu: Học tại trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp (666 đường 3/2, Phường Tích Lương, Tp Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam; Điện thoại: (84)2083847145; Website: <http://www.tnut.edu.vn>).

+ 02 năm học cuối: Học tại trường Đại học Jeonju (303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju, Hàn Quốc; Điện thoại: +82-1577-7177; Website: <http://www.jj.ac.kr>).

PHỤ LỤC 6: **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

DỰ TOÁN KINH PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ GIỮA TRƯỜNG ĐH KỸ
THUẬT CÔNG NGHIỆP – ĐH THÁI NGUYÊN VÀ ĐH
JEONJU, HÀN QUỐC

Dự kiến phân thu (USD)					Tỷ giá hối đoái: 1 USD = 23,400 đồng	
STT	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)	Tỷ lệ (%)
1	Học phí 2 năm đầu tại TNUT	Người	30	1.706	51.180	
2	Học tiếng Hàn	Người	30	320	9.600	
	Tổng thu học phí				60.780	100%
Dự kiến phân chi						
Stt	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)	Tỷ lệ (%)
A.	Chi 01 lần/ Khóa đầu tiên					
I.	Lập đề án, đọc sửa, phản biện, và phê duyệt đề án				450	0,7%
1.1	Chi phí lập đề án	Đề án	1	88	88	
1.2	Chi phí viết, dịch mô tả môn học	Học phần	56	4	224	
1.3	Chi phí dịch thuật	Trang	30	3	90	
1.4	Chi phí in ấn Đề án	Cuốn	12	4	48	
B.	Chi thường xuyên					
B1.	Chi phí thường xuyên Giai đoạn I học tập tại TNUT					
I.	Chi cho trực tiếp giảng dạy				13.190	21,7%
2.1	Chi cho giảng viên Việt Nam (quy số tín chỉ ra giờ)	Giờ	1.319	10	13.190	
II.	Chi đi lại, ăn ở cho giảng viên nước ngoài				4.944	8,1%
3.1	Vé máy bay khứ hồi cho giảng viên dạy tiếng Hàn	Lượt	4	650	2.600	
3.2	Lệ phí đi lại ở Việt Nam cho giảng viên JJU	Lượt	48	8	384	
3.3	Chi tiền ăn cho giảng viên JJU	Tháng	12	155	1.860	

3.4	Bảo hiểm cho giảng viên JJU	Người	4	25	100	
3.5	Phòng nghỉ cho giảng viên JJU - Nghỉ tại nhà khách của Trường					
III.	Quản lý				3.039	5,0%
4.1	Nộp ĐH Thái Nguyên (5%)	Khóa	1	3.039	3.039	
IV.	Chi phí khác				16.716	27,5%
5.1	Khai giảng	Lượt	1	500	500	
5.2	Tạo nguồn tuyển sinh	Sinh viên	30	500	15.000	
5.3	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%)	Khóa	1	1.216	1.216	
	Tổng chi phí	USD			45.095	
V.	Doanh thu của trường				22.067	36,3%
B2.	Chi phí thường xuyên Giai đoạn II học tập tại JJU (do JJU tính toán)					

PHỤ LỤC 7:

VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Biên bản ghi nhớ giữa Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp và ĐH Jeonju
2. Thỏa thuận hợp tác giữa Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp và ĐH Jeonju
3. Hợp đồng hợp tác đào tạo giữa Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp và ĐH Jeonju
4. Quyết định của Hội đồng chính phủ về việc mở phân hiệu Đại học Bách Khoa tại khu Gang Thép Thái Nguyên
5. Nghị định của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên
6. Quyết định của Bộ giáo dục về việc thành lập trường ĐH YEONGSAENG
7. Quyết định của Bộ giáo dục về việc đổi tên trường ĐH YEONGSAENG thành JEONJU
8. Chứng nhận chất lượng đào tạo của Đại học Jeonju
9. Chứng nhận kiểm định của trường Đại học Jeonju
10. Mẫu văn bằng

1. BIÊN BẢN GHI NHỚ GIỮA TNUT VÀ JJU



“Memorandum of Understanding”

Between

Thai Nguyen University of Technology, Vietnam

And

Jeonju University, Republic of Korea



Thai Nguyen University of Technology (hereinafter referred to as “TNUT”) and Jeonju University (hereinafter referred to as “JJU”) in recognition of their common interests in developing a cooperative relationship based on academic pursuit, language acquisition and cultural enrichment agree to establish the following Memorandum of Understanding.

Article I. Scope of Cooperation

This Memorandum of Understanding will generally promote activities in the following principal areas:

1. Exchange of faculty members and students and internship placement
2. Conducting joint professional training
3. Sponsoring cooperative seminars, workshops and other academic meetings on matters of mutual interest with understanding that financial arrangements will be made on an ad hoc basis
4. Promotion of collaborative research
5. Other activities within the scope and mission of both institutions

Article II. Rights and Development

All activities developed under the auspices of this Agreement will respect and align with the corresponding norms, traditions and regulations of each institute.

Article III. Duration and Effective Date

1. This Agreement is established for a period of five (5) years, effective from the date of

signing.

2. In order to enhance the efficacy of their cooperative activities, JJU and TNUT agree that it shall be possible to introduce changes and additions to this Agreement through mutually agreed written clauses.

Article IV. Communication

All communication between JJU and TNUT shall be made through KCL.



Nguyen Duy Cuong
President
Thai Nguyen University of Technology



LEE Ho-In, Ph.D.
President
Jeonju University

BẢN DỊCH BIÊN BẢN GHI NHỚ GIỮA TNUT VÀ JJU



“Biên bản ghi nhớ”

Giữa

Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên, Vietnam

Và

Đại học Jeonju, Hàn Quốc



Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên (TNUT) và Đại học Jeonju (JJU) để ghi nhận lợi ích chung của hai bên trong việc phát triển mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực học thuật, ngôn ngữ và văn hóa, đồng ý thiết lập Biên bản ghi nhớ sau đây.

Điều I. Phạm vi hợp tác

Biên bản ghi nhớ này sẽ thúc đẩy các hoạt động trong các lĩnh vực chính sau:

1. Trao đổi các giảng viên, nhân viên của khoa, trao đổi sinh viên và các vị trí thực tập
2. Hợp tác liên kết đào tạo
3. Hai bên cùng nỗ lực tìm kiếm nguồn tài chính cho các chương trình hội thảo, tọa đàm, workshop và các buổi trao đổi học thuật chung về các vấn đề hai bên cùng quan tâm.
4. Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu hợp tác
5. Các hoạt động khác trong khả năng của hai bên.

Điều II. Cam kết và điều khoản

Tất cả các hoạt động phát triển của hai bên đều phải tuân theo Thỏa thuận này, và sẽ tôn trọng, phù hợp với các quy tắc, truyền thống và quy định tương ứng của mỗi Trường.

Điều III. Thời hạn và ngày hiệu lực

1. Thỏa thuận này sẽ có hiệu lực trong vòng năm (05) năm, kể từ ngày ký kết.

2. Thỏa thuận này là biên bản ghi nhớ cho việc hợp tác lâu dài giữa hai trường. Những dự án cụ thể và các kế hoạch hoạt động riêng biệt sẽ được thảo luận và ký kết với từng thỏa thuận pháp lý riêng biệt bởi người đại diện của cả hai trường.

Điều IV. Thông tin liên lạc

Tất cả thông tin liên lạc giữa JJU và TNUT sẽ được thực hiện thông qua KCL.

(Đã ký và đóng dấu)

(Đã ký và đóng dấu)

TS. Nguyen Duy Cuong
Hiệu trưởng
Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

TS. LEE Ho-In,
Hiệu trưởng
Đại học Jeonju

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên
Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch
đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp
xác nhận chữ ký của Trần Thị Bích Thảo, cán
bộ Trung tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

2.THỎA THUẬN HỢP TÁC GIỮA TNUT VÀ JJU

PROPOSAL OF GETTING PERMISSION TO IMPLEMENT 2+2 PROJECT

According to the Memorandum of Understanding (MOU) between Jeonju University (JJU) and Thai Nguyen University of Technology (TNUT), dated on, 2019; we would like to ask for the permission of implementing a 2+2 undergraduate program in Electrical and Electronics Engineering, SmartMedia, Mechanical Engineering, and Logistics and International Trade. The curriculum included in this course is compiled by JJU. In this project, students will have to complete their first 2 years at TNUT learning Vietnamese, at the same time, students receive extra Korean language classes (3 hours per day, from Monday to Friday) taught by Korean teachers (from Jeonju University). and then complete their final 2 years at JJU learning Korean. The academic credits obtained at TNUT will be officially recognized and transferred to JJU and will be accepted by JJU. Upon successful completion of the requirements of JJU and TNUT undergraduate program, the students will be awarded a degree in Engineering by JJU.

We would be very grateful if you consider and approve this project, so that TNUT would be able to carry out it as soon as possible.

Thai Nguyen,,2019

Ph.D. Nguyen Duy Cuong

Rector, Thai Nguyen University of Technology

Ph.D. Lee Ho-in

President, Jeonju University

BẢN DỊCH THỎA THUẬN HỢP TÁC GIỮA TNUT VÀ JJU

THỎA THUẬN HỢP TÁC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 2+2

Căn cứ Biên bản ghi nhớ giữa Đại học Jeonju, Hàn Quốc (JJU) và Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên, Việt Nam (TNUT) ký ngày 15 tháng 10 năm 2019, chúng tôi thống nhất đề nghị triển khai chương trình liên kết đào tạo 2+2, trình độ đại học Kỹ thuật Điện và Điện tử, ngành Kỹ thuật cơ khí, ngành Công nghệ thông tin, ngành Logistics và Thương mại quốc tế. Chương trình đào tạo sử dụng chương trình hiện hành của Đại học Jeonju, Hàn Quốc. Theo thỏa thuận, sinh viên theo học chương trình này sẽ dành thời gian 02 năm đầu học các môn đại cương và cơ sở ngành bằng tiếng Việt, đồng thời sinh viên được học thêm tiếng Hàn (ngày 3 tiếng, học từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần) do cô giáo người Hàn (trường đại học Jeonju cử sang) giảng dạy trực tiếp, tại Đại học Kỹ thuật công nghiệp; 02 năm cuối học các môn chuyên ngành bằng tiếng Hàn, tại Đại học Jeonju, Hàn Quốc. Kết quả học tập chuyên môn của sinh viên trong 02 năm đầu tại trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp sẽ được Đại học Jeonju, Hàn Quốc công nhận. Các sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo sẽ được Đại học Jeonju, Hàn Quốc cấp bằng tốt nghiệp đại học.

Chúng tôi thống nhất đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm, phê duyệt và cho phép triển khai đề án này trong thời gian sớm nhất có thể./.

TS. Nguyễn Duy Cương
Hiệu trưởng trường ĐH KTCN

(đã ký và đóng dấu)

TS. Lee Ho-in
Hiệu trưởng trường Đại học Jeonju

(đã ký và đóng dấu)

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên
Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã
dịch đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp
xác nhận chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo,
cán bộ Trung tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

3. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐÀO TẠO GIỮA TNUT VÀ JJU

MEMORANDUM OF AGREEMENT FOR ARTICULATION PROGRAM

PREAMBLE

The purpose of this Agreement is to establish a program of student articulation in undergraduate studies between Jeonju University(hereinafter "JJU") and Thai Nguyen University of Technology(hereinafter "TNUT"). The Agreement sets out an arrangement whereby students completing recognised courses at "TNUT", having met the required standards, will be granted entry to the appropriate course within the "JJU".

The continued approval of students from "TNUT" to enter a "JJU" course and receive credit from previous studies in accordance with the attached Schedule(s) must be approved by "JJU" and "TNUT" and is dependent upon the demonstrated academic standard of those students from "TNUT" who have already entered "JJU" courses within the life of this Agreement.

At "JJU" the authority to operate this Agreement is vested in the Office of International Affairs. At "TNUT", the authority to operate this Agreement is vested in the Office of International Affairs.

AN AGREED PROGRAM OF STUDENT ARTICULATION

1. TERMS OF THE AGREEMENT

"JJU" and "TNUT" agree to enter this Agreement, commencing April 22, 2020.

2. PROGRAM IMPLEMENTATION

The respective majors for this "MOA" include Mechanical Engineering, Smart Media, Electrical and Electronics Engineering and Trade and Logistics.

3. ACADEMIC YEAR

The academic calendar at "JJU" extends from March to June (Semester 1) and September to December (Semester 2). Students from "TNUT" will be accepted for entry at the beginning of the next semester after the required entry criteria have been met, providing that all necessary immigration, travel and other arrangements can be concluded by the student in time for entry no later than the first teaching day of that semester.

4. NUMBERS OF STUDENTS

4.1 In accordance with this Agreement, "JJU" will grant entry and the appropriate course credit to the minimum thirty (30) to fifty (50) students per "JJU" Academic Year.

4.2 "Parties" may either increase or decrease the target in view of the actual situation.



5. CONDITIONS OF ENTRY

5.1 Entry and the appropriate course credit will be granted to students who have completed the approved program with the required marks/grades (GPA 6.0 out of 10.0). The marks/grades accepted for entry will be those as defined in the relevant regulations and reported on the student's official academic record from "TNUT".

5.2 Applicants for entry must satisfy the Korean Language proficiency requirements specified in the attachment 1.

5.3 "JJU" reconsiders its criteria for eligibility from time to time such that the standard required of international students is no less than that required of Korean students in the same course. This information will be made available to prospective students at "TNUT" in adequate time to suit their future planning.

6. FEES AND CHARGES

6.1 The cost of living in the Republic of Korea will vary depending on students' lifestyle and personal requirements. "JJU" requires students to have access to 12,000,000 Korean Won for two (2) years to meet living costs.

6.2 International students at "JJU" are required to pay an appropriate tuition fees. The amount of tuition fee a student must pay is determined based on the courses in which that student enrolls. Each course has a set tuition fee and the total tuition fees for all enrolled courses in a semester or session are totalled and invoiced.

6.3 "JJU" may charge fees for admission, enrolment, tuition, examination, granting of degrees and such other activities as "JJU" may determine.

6.4 The student obtains and maintains health insurance for the duration of their time in the Republic of Korea. "JJU" may collect the fee for health cover for the entire duration of a students' visa prior to their commencement and this fee is forwarded to the health insurance provider.

6.5 Unless mutually agreed otherwise, each "Party" shall bear its own costs and expenses in connection with entering into of this "MOA" and steps taken in furtherance of the business contemplated by this "MOA" until the date of execution of this "MOA".

7. SCHOLARSHIP

7.1 The objective of the award is to reward academic excellence and to strengthen educational outcomes for students both in terms of skills development and preparation for further study or employment.

7.2 There are a number of scholarships available to "TNUT" students to help with the cost of their studies.

7.3 "JJU" offers eligible students the chance to be officially recognised for their academic achievements and language proficiency, and candidates must meet all program entry requirements to be considered for a scholarship.

7.4 The award is available each semester to prospective "JJU" students who have made an application for admission to an undergraduate program at "JJU" and achieved an excellent level in their academic years.

7.5 The scholarship provides discount of students' tuition fee sponsorship for the duration of an undergraduate program offered by "JJU".

7.6 "JJU" will offer students from "TNUT" an exception benefit for an admission fee payable.

8. RESPONSIBILITIES OF EACH INSTITUTION

"JJU" and "TNUT" agree that the best outcomes from this Agreement will be realised if they cooperate on academic and administrative matters in respect of students' preparation for the program undertaken at "JJU".

8.1 Responsibilities of "JJU".

- (a) "JJU" agrees to accept the agreed number of students from "TNUT" who have applied for entry and have met the required entry criteria.
- (b) "JJU" shall provide sufficient information to enable "TNUT" to perform its duties under this "MOA".
- (c) Depending on the units that have been credited from their study at "TNUT" and their academic progress at "JJU", students will, as far as possible, be enrolled in a program that meets their educational requirements and occupies the appropriate number of consecutive semesters at "JJU", leading to the award of the appropriate degree.
- (d) "JJU" will monitor the progress of students who have entered from "TNUT" and will communicate this information, in general terms, to "TNUT". Academic and other difficulties will be communicated as soon as they are identified.
- (e) Information on individual students will not be communicated without the written permission of the student(s) concerned.

8.2 "JJU" admissions will be responsible for the determination of a student's eligibility for entry to "JJU" under this Agreement, and for all administrative procedures normally associated with the enrolment of international students. In cases where there is difficulty in determining eligibility or any other aspect of an enrolment, the Dean (Academic), or similar officer, will advise the Office of International Affairs as required.

8.3 Responsibilities of "TNUT"

"TNUT" agrees:

- (a) To promote this Agreement both within its existing student body, and in its promotion and advertising for prospective students.
- (b) To counsel students who wish to enter "JJU" under the terms of this Agreement on the application process and the required entry criteria; and to facilitate such applications, as far as possible.
- (c) To provide to its students applying to "JJU" accurate information provided by "JJU" (including information provided electronically), about the campus, resources and facilities, teaching methods, assessment methods, subject content and duration; the local environment, accommodation (on-campus and off-campus) and cost of living in Jeonju at "JJU"; the application process and conditions of the Korean Student Visa; any fees other than tuition payable at "JJU".
- (d) To ensure that any requests for advice on Korean visa applications or migration law are referred to the nearest Korean diplomatic mission.
- (e) To cooperate with "JJU" in any area where students are inadequately prepared for their studies at "JJU", and to implement appropriate changes to programs or arrangements, where necessary.
- (f) To notify "JJU" of all changes to programs covered in this Agreement.

9. RENEWAL, TERMINATION AND AMENDMENT

9.1 This Agreement shall remain in force for a period of four (4) years from the date of the first student cohort entering a course at "JJU", with the understanding that it may be terminated by either party giving ninety (90) days prior notice to the other party in writing. The provision of inaccurate and inappropriate advice on Korean visa applications or migration law may lead to immediate termination of the Agreement.

9.2 The performance of students entering "JJU" from the recognised programs at "TNUT" will be assessed as at 30th July each year during this Agreement. The entry and credit criteria may be changed subsequent to any such assessment. "JJU" will give "TNUT" written notice of any such changes and will discuss the implementation timeline in good faith.

9.3 Should any of the changes imposed under 8.2 be unacceptable to "TNUT" and the parties fail to resolve any disagreement within thirty (30) days of "JJU"'s written notification of the change, then this Agreement will terminate immediately, and students from "TNUT" will be required to apply for entry to "JJU" on a case-by-case basis.

9.4 The Agreement may be extended by mutual written consent of "JJU" and "TNUT".

9.5 This Agreement may be amended by negotiation between "JJU" and Institution "TNUT". Such written amendments, once approved by both parties, will become part of this Agreement.

10. CONFIDENTIALITY AND NOTICE

10.1 Each "Party" shall treat as strictly confidential and not disclose or use any information received or obtained from other "Party" related to this "MOA".

10.2 All notices, requests, demands and other communications hereunder must be in writing (whether required to be made by a "Party" to another "Party" or between them).

11. FORCE MAJEURE

If the performance of either "Party" to this "MOA" or of any obligation hereunder is prevented by reason of force majeure shall upon giving notice to the other to be excused from such performance to the extent that such cause prevents, restricts or interferes with it, provided that it shall use its best endeavour to avoid or remove such cause of non-performance whenever such causes are removed.

12. CONFLICT OF RESOLUTION

Any dispute, controversy, or claim arising out of or in relation to this "MOA", including the validity, invalidity, breach or termination thereof, shall be settled by both "Parties" amicably by a mutual agreement between two representatives of the "Parties". Conflicts that cannot be resolved shall be settled by arbitration.

13. GOVERNING LAW

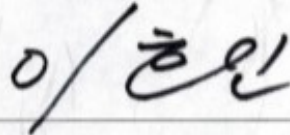
In respect to its performance in Korea, this Agreement is governed by and construed in accordance with the laws of the Republic of Korea. In respect to its performance in Vietnam, this Agreement is governed by and construed

in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam. In the case of a dispute between the parties, the parties shall submit the dispute to arbitration by the Singapore International Arbitration Centre.

IN WITNESS THEREOF, the "Parties" hereto have caused this "MOA" to be duly executed, each of which shall be deemed as an original counterpart, by its duly authorized representatives of the "Parties" on the day and year first shown above. Each "Party" will retain a copy thereof and remaining spare copies will be reserved by the "Party" for official purposes or otherwise.

Signed on behalf of

Jeonju University

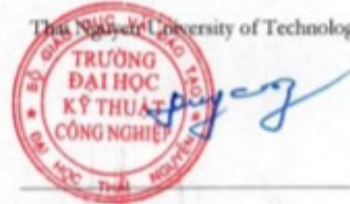


LEE Ho-In, Ph.D.
President

Date : April 22, 2020

Signed on behalf of

Thái Nguyên University of Technology



Nguyen Duy Cuong, Associate Prof., Ph.D.
Rector

Date : April 22, 2020

ATTACHMENT ONE : KOREAN LANGUAGE COMPETENCY

KOREAN LANGUAGE COMPETENCY

Articulation Agreement between Jeonju University and Thai Nguyen University of Technology

Candidates must satisfy the Korean language competency requirements of the Thai Nguyen University of Technology prior to commencement at Jeonju University. Common tests and qualifications that can be used to meet the Standard Korean requirement are set out below. The complete list is detailed at:
<http://m.topik.go.kr/m/cmm/subLocation.do?menuSeq=212010102>

Qualification	Minimum Requirement
Pathway Program	Candidates must successfully complete the required language courses (TOPIK 3 level or equivalent) for admission or acquire TOPIK 3 examined by Jeonju University.
TOPIK (Test of Proficiency in Korean) Note: Results are valid for two years only	Level 3 out of 6
Korean Language Institute in or outside of Korea	At least 600 hours of Korean studies, undertaken and examined by accredited institutions either in or outside Republic of Korea, and assessed by Jeonju University to be equivalent to Korean degree studies.
Korean Language at Thai Nguyen University of Technology	Successfully be granted twelve (12) credits from Korean classes while studying at Thai Nguyen University of Technology for the first two years.

ATTACHMENT TWO : ADMINISTRATIVE RESPONSIBILITIES

ADMINISTRATIVE RESPONSIBILITIES

Articulation Agreement between Jeonju University and Thai Nguyen University of Technology

Each University agrees to appoint an overall Coordinator for the administration of this Agreement. The Coordinators will serve as the contact person on campus, ensuring the necessary approvals are in place.

The Coordinators are:

For Jeonju University

Name: Mr. Jeongsang, Seo
Title: Manager of International Affairs
Address: 303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do, Republic of Korea
Telephone: +82 63 220 2122
Email: westtop@jj.ac.kr

For Thai Nguyen University of Technology

Name: Mr. Minh T. Nguyen
Title: Director of International Training and Cooperation Center
Address: 666 3/2 National Road, Tich Luong Ward, Thai Nguyen City, Vietnam
Telephone: +84 0208 3847 093
Email: nguyentuanminh@tnut.edu.vn



BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐÀO TẠO GIỮA TNUT VÀ JJU

BIÊN BẢN THỎA THUẬN CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

“LỜI NÓI ĐẦU”

Mục đích của Bản thỏa thuận chương trình hợp tác này là thiết lập một chương trình hợp tác đào tạo bậc đại học giữa Đại học Jeonju (sau đây gọi là JJU) và Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên (sau đây gọi là TNUT). Biên bản này đưa ra một thỏa thuận, theo đó sinh viên hoàn thành các khóa học được công nhận tại TNUT, đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc, sẽ được ghi danh cho khóa học phù hợp trong JJU.

JJU chấp thuận cho sinh viên từ TNUT tiếp tục tham gia khóa học tại JJU dựa trên kết quả học tập của sinh viên học tại TNUT và công nhận tín chỉ từ các môn học được hoàn thành tại TNUT theo Kế hoạch học tập trong thời hạn của thỏa thuận này.

Tại JJU thẩm quyền điều hành thỏa thuận này được trao cho văn phòng các vấn đề quốc tế. Tại TNUT thẩm quyền để thực hiện thỏa thuận này được trao cho văn phòng các vấn đề quốc tế.

THỎA THUẬN CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

1. THỜI GIAN THỎA THUẬN

JJU và TNUT đồng ý tham gia thỏa thuận này, bắt đầu ngày 22 tháng 4 năm 2020.

2. CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN

Các chuyên ngành tương ứng cho MOA này bao gồm: Kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện và Điện tử, và Logistics và Thương mại quốc tế.

3. NĂM HỌC

Lịch học tại JJU kéo dài từ tháng 3 đến tháng 6 (Học kỳ 1) và tháng 9 đến tháng 12 (học kỳ 2). Những sinh viên từ TNUT được chấp nhận nhập học vào đầu học kỳ kế tiếp sau khi đáp ứng được các tiêu chuẩn đầu vào, với điều kiện là việc nhập cư, đi lại và các sắp xếp khác sinh viên phải hoàn tất không muộn hơn ngày giảng dạy đầu tiên của học kỳ đó.

4. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN

4.1. Theo thỏa thuận này, JJU sẽ cấp nhập cảnh và các khóa học phù hợp với tối thiểu từ 30 đến 50 sinh viên mỗi năm học.

4.2. Các bên có thể tăng hoặc giảm số lượng sinh viên tuyển sinh tùy vào tình hình thực tế.

5. NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐẦU VÀO

5.1. Tại JJU, đầu vào và tín chỉ khóa học phù hợp sẽ được cấp cho những sinh viên đã hoàn thành chương trình được phê duyệt đạt điểm yêu cầu (GPA 6.0 – 10.0). Điểm này là những điểm như được xác định trong các quy định có liên quan và được báo cáo trong hồ sơ học tập chính thức của học sinh từ TNUT.

5.2. Ứng viên nhập học phải đáp ứng các yêu cầu về trình độ tiếng Hàn được chỉ định trong Phụ lục 1 (đính kèm).

5.3. JJU xem xét lại các tiêu chí của mình để theo thời gian tiêu chuẩn yêu cầu của sinh viên quốc tế không kém hơn so với yêu cầu của sinh viên Hàn Quốc trong cùng một khóa học. Thông tin này sẽ được cung cấp cho các sinh viên sau này tại TNUT trong thời gian thích hợp để phù hợp với kế hoạch trong tương lai.

6. PHÍ VÀ LỆ PHÍ

6.1. Chi phí sống tại Hàn Quốc phụ thuộc nhiều vào cách sống và yêu cầu cá nhân của mỗi sinh viên. Trung bình sinh viên cần chi trả khoảng 12.000.000 Won cho 02 năm học tại JJU.

6.2. Những sinh viên quốc tế tại JJU phải trả một khoản học phí hợp lý. Tiền học phí được xác định dựa trên số tín chỉ các học phần mà sinh viên đăng ký. Mỗi học phần có một mức học phí và tổng học phí của tất cả các học phần đăng ký trong một kỳ học là học phí sinh viên phải chi trả.

6.3. JJU có thể thu phí nhập học, tuyển sinh, học phí, kiểm tra, cấp bằng và các hoạt động khác.

6.4. Sinh viên đóng và duy trì bảo hiểm y tế trong suốt thời gian ở Hàn Quốc, JJU có thể thu phí bảo hiểm y tế trong toàn bộ thời gian visa của sinh viên trước khi bắt đầu học và phí này được chuyển cho nhà cung cấp bảo hiểm y tế.

6.5. Trừ khi có thỏa thuận khác, mỗi bên sẽ tự chịu chi phí và chi phí liên quan đến việc tham gia MOA và các bước thực hiện MOA này cho đến ngày thực hiện MOA này có hiệu lực.

7. HỌC BỔNG

7.1. Mục tiêu của học bổng là khen thưởng sự xuất sắc trong học tập cả về phát triển kỹ năng và hơn nữa là việc học tập hoặc công việc.

7.2. Có một số học bổng dành cho sinh viên TNUT để giảm chi phí học tập.

7.3. Các sinh viên đủ điều kiện về thành tích học tập và trình độ ngôn ngữ của và đáp ứng tất cả các yêu cầu đầu vào chương trình có thể được xem xét nhận học bổng của JJU.

7.4. Học bổng mỗi học kỳ trao cho các sinh viên đã nộp đơn xin nhập học vào một chương trình đại học tại JJU phải đạt được kết quả học tập xuất sắc trong năm học.

7.5. Học bổng giảm học phí của sinh viên trong suốt thời gian học tập được cung cấp bởi JJU

7.6. JJU sẽ cung cấp cho sinh viên TNUT một lợi ích ngoại lệ đối với phí nhập học.

8. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

JJU và TNUT đồng ý rằng kết quả tốt nhất từ thỏa thuận này sẽ được hiện thực hóa nếu hai bên hợp tác trong các vấn đề về học thuật và hành chính liên quan đến sự chuẩn bị của sinh viên cho chương trình học tại JJU.

8.1. Trách nhiệm của JJU:

a. JJU đồng ý chấp nhận số sinh viên từ TNUT đăng ký nhập học và đáp ứng các tiêu chí đầu vào bắt buộc.

b. JJU sẽ cung cấp đầy đủ thông tin để TNUT có thể thực hiện nhiệm vụ của mình theo MOA này.

c. Dựa trên các học phần đã được ghi nhận từ quá trình học tập của sinh viên tại TNUT và tiến bộ học tập của họ tại JJU, sinh viên sẽ được ghi danh vào một chương trình học cao hơn theo mong muốn với số lượng học kỳ phù hợp tại JJU, và được cấp học bổng phù hợp.

d. JJU sẽ theo dõi sự tiến bộ của sinh viên nhập học từ TNUT và sẽ truyền đạt thông tin này, nói chung, đến TNUT. Tình hình học tập và những khó khăn khác của sinh viên sẽ được thông báo kịp thời.

e. Thông tin cá nhân của sinh viên sẽ không được công bố mà không có sự cho phép bằng văn bản của các sinh viên liên quan.

8.2. JJU chịu trách nhiệm về việc xác định tư cách của sinh viên để vào học tại JJU theo MOA này và với tất cả các thủ tục hành chính thường liên quan đến việc tuyển sinh sinh viên quốc tế. Trong trường hợp có khó khăn đối với việc xác định đủ điều kiện hoặc

bất kỳ khía cạnh nào khác của tuyển sinh, Trưởng khoa hoặc nhân viên tương đương, sẽ thông báo cho Văn phòng các Vấn đề Quốc tế theo yêu cầu.

8.3. Trách nhiệm của TNUT:

TNUT đồng ý rằng:

a. Để thúc đẩy Hợp tác này, TNUT sẽ đề xuất và quảng cáo chương trình liên kết tới cả sinh viên hiện tại đang học và sinh viên nhập học sau này.

b. Để tư vấn cho những sinh viên muốn vào học tại JJU theo các điều khoản của Thỏa thuận này, TNUT tạo điều kiện tối đa cho sinh viên về quy trình nộp đơn và các tiêu chí đầu vào bắt buộc.

c. Thông báo cho sinh viên những thông tin chính xác do JJU cung cấp (bao gồm thông tin được cung cấp điện tử), về khuôn viên, tài nguyên và phương tiện, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, nội dung môn học và thời lượng; môi trường địa phương, chỗ ở (trong trường và ngoài trường) và chi phí sinh hoạt ở Jeonju; quy trình nộp đơn và điều kiện Visa sinh viên Hàn Quốc, mọi khoản phí khác ngoài học phí phải nộp tại JJU.

d. Để đảm bảo rằng các yêu cầu tư vấn về các đơn xin thị thực hoặc luật di trú của Hàn Quốc được chuyển đến cơ quan ngoại giao gần nhất của Hàn Quốc.

e. Hợp tác với JJU trong bất kỳ lĩnh vực mà sinh viên chưa được chuẩn bị đầy đủ cho quá trình học tập tại JJU, có thể thực hiện những thay đổi phù hợp với chương trình hoặc các thỏa thuận, nơi cần thiết.

f. Thông báo cho JJU về tất cả các thay đổi đối với các chương trình trong Thỏa thuận này.

9. ĐỔI MỚI, CHẤM DỨT VÀ SỬA ĐỔI

9.1. Thỏa thuận sẽ có hiệu lực trong thời gian 04 (bốn) năm kể từ ngày nhóm sinh viên đầu tiên tham gia khóa học tại JJU, nó có thể bị chấm dứt bởi một trong hai bên thông báo trước 90 ngày cho bên kia bằng văn bản. Việc cung cấp thông tin không chính xác và không phù hợp về đơn xin thị thực hoặc luật di trú của Hàn Quốc có thể chấm dứt ngay lập tức Thỏa thuận này.

9.2. Việc thực hiện của sinh viên học tại JJU từ các chương trình được công nhận tại TNUT sẽ được đánh giá ở vào ngày 30/7 mỗi năm trong thời gian Thỏa thuận này. Tiêu chí đầu vào và số tín chỉ tiêu chuẩn có thể được thay đổi sau mỗi lần đánh giá như vậy. JJU sẽ thông báo bằng văn bản cho TNUT về bất cứ sự thay đổi nào như vậy và sẽ thảo luận về thời gian thực hiện.

9.3. Nếu bất kỳ thay đổi nào được áp dụng theo 8.2 không được TNUT chấp nhận và các bên không giải quyết sự bất đồng này trong vòng 30 ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của JJU về thay đổi này, thì Thỏa thuận sẽ chấm dứt ngay lập tức và sinh viên từ TNUT sẽ phải đăng ký tham gia học tại JJU trên cơ sở từng trường hợp.

9.4. Thỏa thuận này có thể được gia hạn khi có sự đồng ý bằng văn bản của JJU và TNUT.

9.5. Thỏa thuận này có thể được sửa đổi bằng cách thương lượng giữa JJU và TNUT. Những sửa đổi bằng văn bản như vậy, khi được cả hai bên chấp thuận, sẽ trở thành một phần của Thỏa thuận này.

10. BẢO MẬT VÀ THÔNG BÁO

10.1. Mỗi Bên sẽ bảo mật tuyệt đối và không tiết lộ hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào nhận được hoặc thu được của Bên khác liên quan đến MOA này.

10.2. Tất cả các thông báo, thắc mắc, yêu cầu và các thông tin liên lạc khác dưới đây phải được viết thành văn bản (cho dù được yêu cầu bởi một Bên cho một Bên khác hay giữa 2 Bên).

11. BẤT KHẢ KHÁNG

Nếu việc thực hiện của một trong hai Bên đối với MOA này hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào dưới đây bị cản trở bởi các lý do bất khả kháng thì phải thông báo trước cho Bên đối tác để được miễn thực hiện; miễn là mỗi Bên sẽ nỗ lực tốt nhất của mình để tránh hoặc loại bỏ nguyên nhân cản trở đó.

12. XUNG ĐỘT VÀ GIẢI QUYẾT

Bất kỳ tranh chấp, tranh cãi hoặc khiếu nại nào phát sinh hoặc liên quan đến MOA này, bao gồm sự hiệu lực, sự vô hiệu, vi phạm hoặc chấm dứt, sẽ được giải quyết bởi cả hai Bên một cách hợp lý giữa hai đại diện của các Bên. Xung đột không thể giải quyết một cách thân thiện sẽ được giải quyết bằng trọng tài.

13. LUẬT CHI PHỐI

Đối với hoạt động tại Hàn Quốc, Thỏa thuận này được điều chỉnh và hiểu theo luật của nước Hàn Quốc. Đối với hoạt động tại Việt Nam, Thỏa thuận này được điều chỉnh và hiểu theo luật của nước Việt Nam. Trong trường hợp có tranh chấp giữa các bên, các bên sẽ đưa tranh chấp ra phân xử bởi Trung tâm phân xử quốc tế Singapore.

Trước sự chứng kiến, “Các Bên” theo đây đã lập “MOA” này để thực thi hợp lệ.
Mỗi “Bên” sẽ giữ lại một bản và bản sao dự phòng.

Đại học Jeonju

Đại học Kỹ thuật công nghiệp

– ĐH Thái Nguyên

Đã ký

Đã ký

LEE Ho-In, TS.

PGS.TS Nguyễn Duy Cường

Hiệu trưởng

Hiệu trưởng

Ngày: 22/4/2020

Ngày: 22/4/2020

PHỤ LỤC 1: NĂNG LỰC NGÔN NGỮ TIẾNG HÀN

NĂNG LỰC NGÔN NGỮ TIẾNG HÀN

Thỏa thuận giữa Đại học Jeonju và Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp –ĐH Thái Nguyên

Các ứng viên của TNUT phải thỏa mãn các yêu cầu năng lực tiếng Hàn trước khi bắt đầu học tại JJU. Các bài kiểm tra chung và trình độ chuyên môn có thể được sử dụng để đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn được đặt ra bên dưới. Danh sách đầy đủ được trình bày chi tiết tại website: <http://m.topik.go.kr/m/cmm/subLocation.do?menuSeq=212010102>

Trình độ chuyên môn	Yêu cầu tối thiểu
Chương trình chuyển tiếp	Ứng viên phải hoàn thành tốt các khóa học ngôn ngữ yêu cầu (TOPIK 3 hoặc tương đương) để nhận vào hoặc có TOPIK 3 được kiểm tra bởi JJU.
TOPIK (Bài kiểm tra khả năng tiếng Hàn) Chú ý: Kết quả bài kiểm tra có giá trị trong vòng 2 năm	Mức 3 đến mức 6
Viện ngôn ngữ Tiếng Hàn trong hoặc ngoài Hàn Quốc	Ít nhất 600 giờ học tiếng Hàn, được thực hiện và kiểm tra bởi các tổ chức được công nhận trong hoặc ngoài nước Hàn Quốc, và được JJU đánh giá là tương đương với các mức độ học tập tại Hàn Quốc
Ngôn ngữ tiếng Hàn tại TNUT	Được cấp 12 tín chỉ từ các lớp tiếng Hàn trong khi học tại TNUT 02 năm học đầu

PHỤ LỤC 2: TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÍNH

TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÍNH

Thỏa thuận giữa ĐH Jeonju và Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên

Mỗi Trường Đại học đồng ý bổ nhiệm một Điều phối viên tổng thể phụ trách Thỏa thuận này. Các Điều phối viên sẽ có nhiệm vụ như giữ liên lạc của trường, đảm bảo các phê duyệt cần thiết.

Các Điều phối viên là:

Đối với Đại học Jeonju:

Tên : Ông Jeongsang, Seo
Chức vụ : Quản lý Các vấn đề Quốc tế
Địa chỉ : 303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do, Hàn Quốc
Điện thoại : +82 63 220 2122
Email : westtop@jj.ac.kr

Đối với Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên

Tên : Ông Nguyễn Tuấn Minh
Chức vụ : Giám đốc Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế
Địa chỉ : 666. Đường 3/2, Phường Tích Lương, TP Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại : +84 0208 3847 093
Email : nguyentuanminh@tnut.edu.vn

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên
Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch
đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo, cán bộ
Trung tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

4. QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC MỞ PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TẠI KHU GANG THÉP THÁI NGUYÊN

PHỦ THỦ TƯỚNG	TIÊU CHUẨN I	00096
	Tiêu chí 1.1 (Đương Phúc Tỷ) Minh chứng [1.1.1.4] Quyết định 164/CP của Thủ tướng chính phủ về việc mở phân hiệu ĐHBK tại Thái Nguyên.	

Số 164, CP

Hà-nội, ngày 17 tháng 8 năm 1965

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
về việc mở phân hiệu đại học Bách khoa
tại khu gang thép Thái-nguyên

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Xét nhu cầu của Nhà nước về việc đào tạo cán bộ kỹ thuật công nghiệp có trình độ đại học.

Căn cứ nghị định số 171-CP ngày 20 tháng 11 năm 1963 của Hội đồng Chính phủ về quy chế mở trường và lớp đại học và trung học chuyên nghiệp.

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. - Mở phân hiệu đại học Bách khoa tại khu gang thép Thái-nguyên.

Điều 2. - Phân hiệu đại học Bách khoa tại khu gang thép Thái-nguyên có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học. Việc đào tạo và bồi dưỡng này tiến hành theo các hình thức học tập trung (chủ yếu là bằng các lớp chuyên tu) và học tại chức (học ban đêm, học bằng thư), đồng thời phải có những sự chuẩn bị cần thiết để khi có điều kiện thì sẽ thành lập trường đại học của địa phương, tách khỏi trường đại học Bách khoa.

Điều 3. - Phân hiệu chịu sự lãnh đạo chung của Bộ Giáo dục và Bộ Công nghiệp nặng. Bộ Giáo dục chỉ đạo về các mặt nghiệp vụ

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III
BẢN SAO

chuyên môn, như : mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình học, kế hoạch học tập, tuyển sinh, tổ chức thi tốt nghiệp, cung cấp và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, thiết bị học tập ...

Bộ Công nghiệp nặng chịu trách nhiệm về các mặt chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng, biên chế, tổ chức bộ máy, kinh phí của phân hiệu, quản lý phân hiệu về các mặt tư tưởng, tổ chức, hành chính. Bộ Công nghiệp nặng chỉ định một số cán bộ công tác tại công ty gang thép Thái-nguyên làm giảng viên kiêm chức.

Điều 4. - Phân hiệu đại học Bách khoa do một phân hiệu trưởng phụ trách. Giúp việc phân hiệu trưởng có một hoặc hai phân hiệu phó. Cán bộ lãnh đạo phân hiệu do 2 Bộ Giáo dục và Công nghiệp nặng cung cấp.

Điều 5. - Các ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, ông Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
K/T THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn-duy-Trinh.

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III
BẢN SAO

5. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC THÀNH LẬP ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CHÍNH PHỦ

số : 31/CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1270

Hà nội, ngày 04 tháng 4 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992

Căn cứ Nghị định 15/CP ngày 2 tháng 3 năm 1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo tờ trình của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tờ trình số 6395/TCQP ngày 15 tháng 10 năm 1993) và Bộ trưởng - Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ.

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.- Thành lập Đại học Thái nguyên trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các trường: Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái, trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên, trường Đại học Y Bắc Thái và trường Công nhân cơ điện Việt Bắc.

Điều 2.- Đại học Thái nguyên là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học khu vực và đa ngành. Đại học Thái Nguyên có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 3.- Đại học Thái Nguyên có các nhiệm vụ chính sau:

1. Đào tạo cán bộ các ngành khoa học và công nghệ với các trình độ đại học, sau đại học và các cấp học thấp hơn.

2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ gắn với giảng dạy, đào tạo, thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

Điều 4.- Cơ cấu tổ chức của Đại học Thái Nguyên gồm có:

A- Các tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

1. Trường Đại học Đại cương.
2. Trường Đại học Sư phạm.
3. Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp.
4. Trường Đại học Nông lâm.
5. Trường Đại học Y khoa.
6. Các Trung tâm nghiên cứu khoa học. (Do Giám đốc Đại học Thái Nguyên đề nghị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập).

B- Các đơn vị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học :

- 1- Thư viện.
- 2- Trung tâm máy tính.

C- Các phòng chức năng giúp việc Giám đốc (do Giám đốc quyết định sau khi được sự chấp thuận của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Điều 5.- Lãnh đạo Đại học Thái Nguyên gồm :

Giám đốc, các Phó Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm. Hiệu trưởng các trường Đại học và Giám đốc các Trung tâm nghiên cứu thuộc Đại học Thái Nguyên do Giám đốc Đại học Thái Nguyên đề nghị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm. Đại học Thái Nguyên có Hội Đồng khoa học và đào tạo làm chức năng tư vấn cho Giám đốc. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhân Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng này.

Điều 6.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ : Xây dựng, Tài chính và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái lập luận chứng kinh tế kỹ thuật cải tạo các cơ sở cũ và xây dựng cơ sở mới cho Đại học Thái Nguyên, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 7.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các quyết định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 8.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

T/M CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Đã ký : Võ Văn Kiệt.

SAO NGUYỄN VĂN BẢN CHÍNH

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VPCP
PHÓ CHỦ NHIỆM
Đã ký: Vũ Đình Thuận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1994

Số 44 /SL-VP

SAO LỤC

Kính gửi :
- Các đơn vị tổ chức thuộc Bộ.
- Các trường đại học và cao đẳng.

T/L BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHẠNH VĂN PHÒNG

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu VP



Nguyễn Văn Muôn

6. QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VỀ VIỆC THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐH YEONGSAENG

지 명 서

문교대 1041.1

1964. 1. 5.

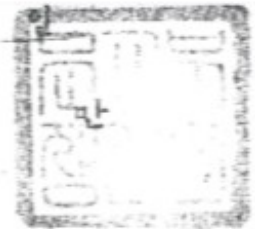
재단법인 영생 학원

1963.10. 26자로 신청한 영생 대학 설립의 일 다음과 같이

인가 함.

1964년 1월 9

문 교 부 장 관 고 광



1. 명칭 전주 영생 대학

2. 수업 년한 4년 (야간)

3. 위치 전주시 노송동 50번지

4. 설치 학과 및 학생 정원

국어 국문 학과 80명 (학년당 20명)

영 문 학 과 80명 (")

상 학 과 80명 (")

법 률 학 과 80명 (")

가 정 학 과 120명 (학년당 30명)

 계 440명

5. 개교 년 월 일 1964. 2. 1.

6. 학칙 전항 면제에 마루어시 별표로 인가 절차를 취할것.

7. 유지 방법

재단으로 부어의 전입금과 학교 수입금으로 유지 경영함.

문고대 1041.1

1964. 1.

수 신 재단법인 영생 대학 대표

제 목 전주 영생대학 (2부) 설립인가 신청

1. 1963. 10. 26자로 신청한 전주 영생대학 설립의 일에 관하여
별지 지명서와 같이 인가 하오니 인가 조건을 엄수 할것은 물론 다음 사항
에 특별 유념하시기 바랍니다.

가. 시설 계획서 대로 1964년도 내에 설치학과 운영에 소요되는
제반 시설 설비를 구비 하고 본관의 확인을 받을것.

나. 학교법인의 재산을 증자하는 동시에 미션 고사로 부서의
보조금 수입에 유무없도록 할것.

다. 현재 사용 중인 중고등 학교 시설과 대학에 사용할 시설
을 명확히 구분하고 그 상황을 평면도 및 사진 첨부을 1월 31일까지 보고
할것. 끝.

문 고 부 장 관 고 광 만

BẢN DỊCH QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VỀ VIỆC THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐH YEONGSAENG

Mã văn bản 1.041.1

1964.1.9

HỌC VIỆN YEONGSAENG
CẤP PHÉP VIỆC THÀNH LẬP ĐẠI HỌC YEONGSAENG
THEO ĐĂNG KÝ NGÀY 26/10/1963 NHƯ DƯỚI ĐÂY
Ngày 9 tháng 1 năm 1964

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC GO KWANG MAN (Đã ký, và đóng dấu)

1. Tên gọi: Đại học YEONGSAENG
 2. Năm học: 4 năm (học tối)
 3. Vị trí: Số 90, quận Noh Song, Tp Jeonju
 4. Các khoa thành lập và chỉ tiêu tuyển sinh
 - Khoa quốc ngữ, quốc văn : 80 người (tuyển 20 người/ năm)
 - Khoa Anh văn : 80 người (tuyển 20 người/ năm)
 - Khoa Thương mại : 80 người (tuyển 20 người/ năm)
 - Khoa Luật : 80 người (tuyển 20 người/ năm)
 - Khoa Tổng hợp : 120 người (tuyển 30 người/ năm)
 - Tổng : 440 người
 5. Ngày thành lập trường: 1964.2.1
 6. Tiến hành thủ tục bàn giao theo nội quy trường đại học
 7. Phương pháp duy trì: Quản lý điều hành trường thông qua chi phí của đơn vị hỗ trợ và tiền học phí của sinh viên.
-

Người nhận: **Đại diện trường ĐH Yeongsaeng**

Đề mục: Xin cấp phép thành lập trường đại học Yeongsaeng (phần 2)

1. Liên quan tới việc thành lập Trường Đại học Yeongsaeng Jeonju đã đăng ký xin cấp phép ngày 26/10/1963 cùng với tờ rời văn bản chỉ thị cấp phép, yêu cầu nghiêm túc tuân thủ điều kiện cấp phép và đặc biệt lưu ý những hạng mục dưới đây:

a. Theo kế hoạch xây dựng, chuẩn bị các trang thiết bị cơ sở hạ tầng cho vận hành Khoa thành lập trong năm 1964 và xin xác nhận từ Trung tâm.

b. Đảm bảo sẽ tăng tài sản trường học và đồng thời sẽ không làm thất thoát khoản tiền hỗ trợ.

c. Đảm bảo phân loại rõ ràng các cơ sở vật chất trung học cơ sở và trung học phổ thông hiện tại đang sử dụng và các cơ sở vật chất đại học sẽ sử dụng, và báo cáo tình hình sơ đồ mặt bằng và hình ảnh đính kèm trước ngày 31 tháng 1

Hết

Bộ trưởng bộ giáo dục

GO GWANG-MAN (*Ký tên, đóng dấu*)

Tôi, Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa Quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác nhận chữ ký của ông Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Kwon Myoung Jae

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

7.QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VỀ VIỆC ĐỔI TÊN TRƯỜNG ĐH YEONGSAENG THÀNH JEONJU

문 고 부

덕화 1041.5-135

720-330

1983. 9. 8.

수신 학교법인 영생학원 이사장

제목 종합대학교 개편에 따른 학교 명칭 변경 인가

1. 관련 : 전주대 고무 1045-107(83.4.7)

2. 귀 법인이 설치, 경영하는 전주 덕화를 종합대학교로 개편함에
따른 학교 명칭 변경을 법원과 같이 인가하느 본 인가사항에 따라 학칙 및
인 정관 변경등 필요한 조치를 취하시게 바라며,

3. 종합대학교 개편에 따른 고원 및 사무직원과 시설, 경비등을 개편이
상 확보하여 교육과정 운영에 차질이 없도록 조치하여 주시기 바랍니다.

첨부 : 인가서 1부. 끝

문 고 부 장

전주대학교	현재	
년 월 일	지	1.定款改正
시 분	시	2.教員,事務職員,施設確保
사무장	사	3.供養
담당자	항	198 년
		제출한것

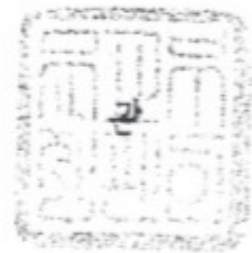
인 가 서

대학 1041.1-1935

학교법인 영생학원의 전주 대학 학교 명칭 변경을 교육법시행령 제55조 제2항의 규정에 의거 다음과 같이 인가함.

1983년 9월 8 일

문 고 부 장



1. 변경내용 : "전주 대학" 을 "전주 대학교" 로 한다.

2. 시행년월일 : 1984년 3월 1일

3. 인가조건

가. 대학 설치기준령이 정하는 시설과 설비를 확보할 것.

나. 교육법시행령과 대학설치기준령이 정하는 교원과 사무직원을 확보할 것. 끝

**BẢN DỊCH QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VỀ VIỆC ĐỔI TÊN
TRƯỜNG ĐH YEONGSAENG THÀNH ĐẠI HỌC JEONJU
BỘ GIÁO DỤC**

Mã văn bản: 1041.5

720-3330

1983.9.8.

Người nhận: **Chủ tịch học viện Yeongsaeng**

***Tiêu đề:* Cho phép thay đổi tên gọi Trường Đại học**

1. Văn bản liên quan: Học vụ Trường ĐH Jeonju 1045-107 (83.4.7)
2. Cho phép thay đổi tên gọi trường đại học theo cải cách chuyển đổi từ trường đại học đang hoạt động sang đại học tổng hợp, yêu cầu tuân thủ theo các nội quy trường học trong hạng mục cho phép và thực hiện các thay đổi như thay đổi hiệu trường... khi cần thiết.
3. Đảm bảo các nguồn lực như trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, giáo viên, nhân viên văn phòng ...theo cải cách trường đại học tổng hợp, xử lý các vấn đề để không có sự gián đoạn trong quá trình vận hành đào tạo

Đính kèm: 01 bản giấy cấp phép. Hết

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC (đã ký, đóng dấu)

Giấy cấp phép

Số hồ sơ: 1041.1-1935

Cho phép đổi tên từ trường đại học Yeongsaeng thành Trường đại học Jeonju và tuân thủ theo khoản 2 điều 55 nguyên tắc đào tạo.

Ngày 8 tháng 9 năm 1983

Bộ trưởng bộ giáo dục (Ký tên, đóng dấu)

1. Nội dung thay đổi: “Đại học Jeonju” thay đổi thành “Đại học tổng hợp Jeonju”
2. Ngày hiệu lực: Ngày 3 tháng 1 năm 1984
3. Điều kiện cho phép:
 - a. Đảm bảo trang thiết bị và cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn xây dựng trường đại học.
 - b. Đảm bảo giáo viên và nhân viên giáo vụ theo lệnh thi hành luật giáo dục và lệnh tiêu chuẩn xây dựng trường đại học. Hết.

Tôi, Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa
Quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn
bản đính kèm

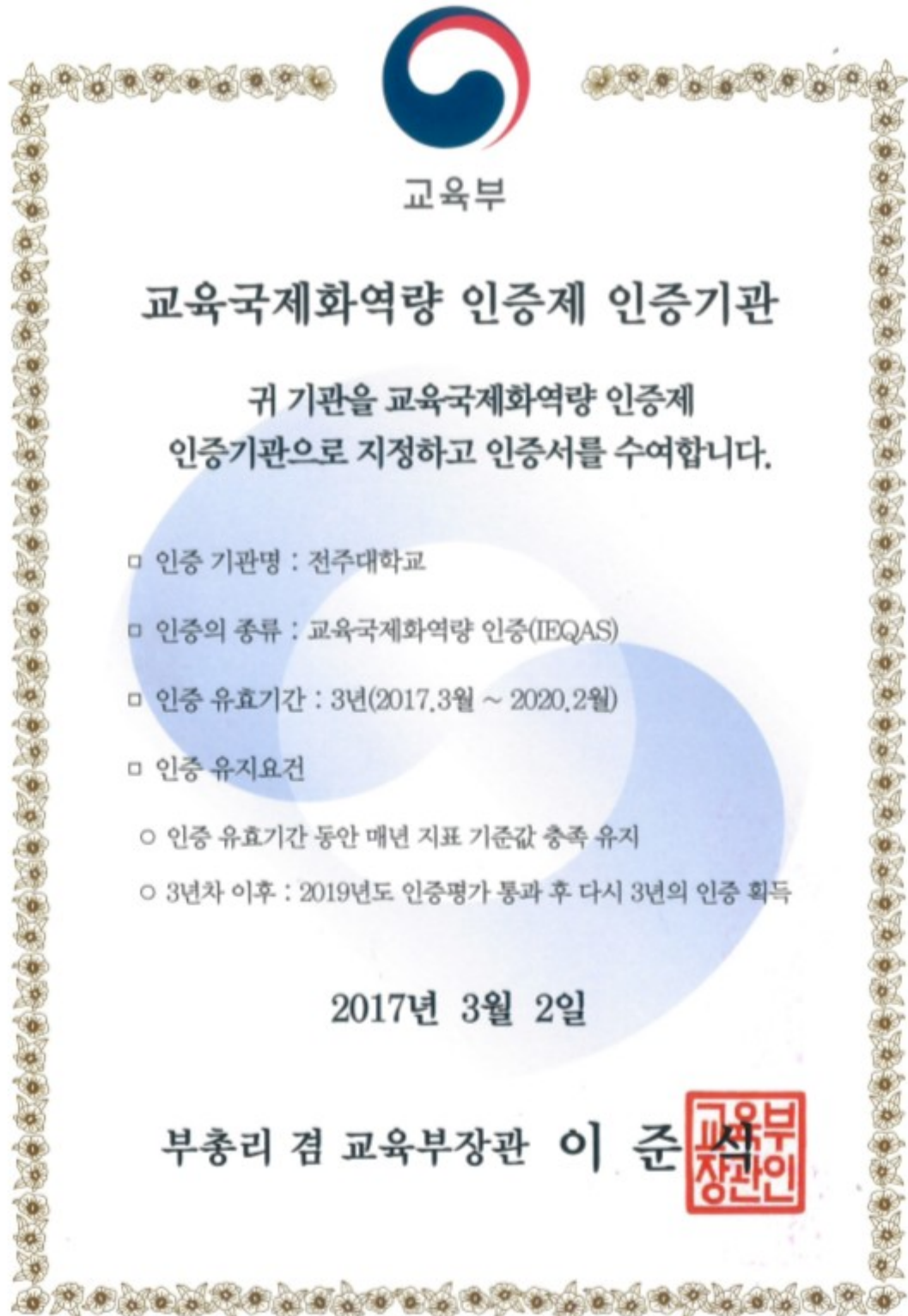
Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của ông Kwon Myoung Jae, giảng viên
khoa Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Kwon Myoung Jae

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

8. CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA ĐẠI HỌC JEONJU



BẢN DỊCH TIẾNG ANH CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA ĐẠI HỌC JEONJU

Certified Institute of International Education Quality Assurance System (IEQAS)

This institution is designated as certified Institute of International Education Quality Assurance System and awarded this certificate.

- Name of certified institute: Jeonju University
- Type of certification: International Education Quality Assurance System (IEQAS)
- Certification valid period: 3 years (2017. March – 2020. February)
- Certification Retention Requirements:
 - + Maintain indicators of reference value annually during certification validity
 - + 3 years later: Recertify for three years after passing the 2019 certification assessment

March 2, 2017

Deputy Prime Minister and Minister of Education

Lee June Seok

Tôi, Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa
Quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn
bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của ông Kwon Myoung Jae, giảng viên
khoa Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Kwon Myoung Jae

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

**BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
CỦA ĐẠI HỌC JEONJU**

BỘ GIÁO DỤC

**VIỆN CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT
LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC TẾ (IEQAS)**

**Tổ chức này được chỉ định là Viện chứng nhận hệ thống đảm bảo chất
lượng giáo dục quốc tế và được trao chứng nhận này.**

- Tên của đơn vị được chứng nhận: Đại học Jeonju
- Loại chứng nhận: Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục quốc tế (IEQAS)
- Thời hạn chứng nhận: 3 năm (Từ tháng 3 – 2017 đến tháng 2 - 2020)
- Yêu cầu duy trì chứng nhận
 - + Duy trì các chỉ số về giá trị tham chiếu hàng năm trong thời gian hiệu lực chứng nhận
 - + Sau 3 năm: Xác nhận lại sau 3 năm khi vượt qua đánh giá chứng nhận năm 2019

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Phó thủ tướng, bộ trưởng bộ giáo dục LEE JUNE SEOK (đã ký)

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên Trung
tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch đúng
nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác nhận
chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo, cán bộ
Trung tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

9.CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC JEONJU



Certificate of Accreditation

This is to certify that

Jeonju University

is accredited by the Korean University Accreditation
Institute, Korean Council for University Education
which is recognized by the Ministry of Education.



Effective Dates

January 1, 2014 - December 31, 2018

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'm m e z', is written above the title of the President.

President,

Korean University Accreditation Institute

**BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CỦA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC JEONJU**



CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Văn bản này xác nhận

ĐẠI HỌC JEONJU

được kiểm định bởi Viện kiểm định chất lượng trường đại học Hàn Quốc, hội đồng giáo dục đại học Hàn Quốc được công nhận bởi Bộ Giáo dục.

Ngày có hiệu lực

1/1/2014 – 31/12/2018

Viện trưởng – đã ký

Viện kiểm định chất lượng trường đại học Hàn Quốc

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác nhận chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo, cán bộ Trung tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

10. MẪU VĂN BẰNG

졸업증서번호: 학위증 제 00000 호

학 위 증

성 명 :

생년월일 :

위 사람은 본 대학교 소정의 전 과정을 이수하고 다음과 같은
학사의 자격을 갖추었으므로 이 증서를 수여함

전 공1 전기전자공학과(공학사)

전 공2

부전공

2019년 8월 22일



학장 이학박사 이



학위번호:

BẢN DỊCH TIẾNG ANH MẪU VĂN BẰNG

No: 0000

Certificate of Degree

Name :

Date of birth:

This certificate has been awarded because he has completed the full course of the University and is eligible for the following bachelor's degree:

Major 1

Major 2

Minor

22 Aug 2019

President of Jeonju University,
P.hD, Lee Ho In

Jeonju University
Degree number

Tôi, Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa
Quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn
bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của ông Kwon Myoung Jae, giảng viên
khoa Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Kwon Myoung Jae

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT MẪU VĂN BẰNG

Văn bằng số: 00000

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

TÊN :

NGÀY SINH :

Chúng chỉ này được trao vì bạn đã hoàn thành toàn bộ khóa học của Trường và đủ điều kiện để nhận bằng cử nhân sau:

Chuyên ngành 1 Kỹ thuật Cơ khí

Chuyên ngành 2

Chuyên ngành phụ

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Hiệu trưởng Đại học Jeonju TSKH. Lee Ho In

ĐẠI HỌC JEONJU

(đã đóng dấu)

Số bằng:

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, cán bộ TT HTĐTQT,
cam đoan đã dịch đúng nội dung từ bản đính
kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác nhận
chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo, cán bộ TT
HTĐTQT là đúng

T/L. HIỆU TRƯỞNG
GD TRUNG TÂM HTĐTQT

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

PHỤ LỤC 8:

DANH SÁCH BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ GIỮA TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP – ĐH THÁI NGUYÊN VÀ ĐẠI HỌC JEONJU, HÀN QUỐC

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Duy Cương	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	PGS.TS. Vũ Ngọc Pi	Phó Hiệu trưởng	Phó trưởng ban
3	PGS.TS Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
4	PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh	Giám đốc TT HTĐTQT	Ủy viên
5	PGS.GVC.TS. Hoàng Vị	Trưởng khoa Cơ khí	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	GV. BM Thiết kế cơ khí	Ủy viên

Ấn định danh sách 06 người./.

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Duy Cường

Học hàm, học vị: PGS.TS

Chức vụ: Hiệu trưởng Trường ĐH KTCN

Tel: 0987920721

E-Mail: nguyenduycuong@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Phường Tích Lương, TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

1979-1984, Đại học, Điện khí hóa xí nghiệp, Trường ĐH KTCN;

1985-2000, Đại học, Công nghệ thông tin, Trường ĐH Bách Khoa, Hà Nội;

1999-2001, Thạc sỹ, Tự động hóa, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

2004-2008, Tiến sỹ, Kỹ thuật điều khiển, Đại học Twente - Vương quốc Hà Lan.

Quá trình công tác

5/1984 – 10/2000, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

10/2000 – 1/2002, Trưởng BM, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

1/2002 – 4/2004, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

4/2004 – 4/2008, Nghiên cứu sinh, Đại học Twente - Vương quốc Hà Lan;

6/2008 – 12/2008, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

12/2008 – 8/2011, Trưởng phòng, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

8/2011 – 4/2016, Trưởng khoa Điện tử, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

4/2016 – 11/2016, Chủ tịch hội đồng Trường, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

11/2016 – nay, Hiệu trưởng, giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp.

Hoạt động:

Môn học giảng dạy:

Lĩnh vực nghiên cứu: Kỹ thuật điều khiển, Tự động hóa.

Công bố khoa học tiêu biểu

- Sách chuyên khảo, giáo trình

1. Advanced Controllers for Electromechanical Motion Systems. PhD thesis, University of Twente, Enschede, The Netherlands, ISBN: 978-90-365-2654-8, 2008.

2. Advanced Controllers for Electromechanical Motion Systems. Theory, Design, and Applications, Science and Technics Publishing House, ISBN: 978-604-67-0288-7, 2014.

- **Bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học**

1. **Duy Cuong Nguyen**, Chemical Metallization of Insulating Polymeric Surfaces through Simple Diazonium-based Covalent Amination, *International Conference on Engineering Research and Applications (ICERA)*, December, 2018, Thai Nguyen, Viet Nam (Scopus), 2018.

2. **Duy Cuong Nguyen**, Electroless nickel plating onto Plexiglas through simple covalent grafting of vinylpyridine seed layer, *Materials and Design*, Vol. 144, pp. 151–158 (SCIE/Scopus).

3. Ngoc Pi Vu, Xuan Truong Duong, Viet Anh Ly, **Duy Cuong Nguyen**, Minh Duc Tran, Quang The Phan, Marek Balazinski, Le Thanh Son, Gul Zeb, Xuan Tuan Le, Electroless nickel plating onto Plexiglas through simple covalent grafting of vinylpyridine seed layer, *Materials and Design*, Vol. 144, pp. 151–158 (SCIE/Scopus).

4. Viet Anh Ly, Vu Ngoc Pi, **Duy Cuong Nguyen**, Xuan Truong Nguyen, Gul Zeb, Xuan Tuan Le, Chemical Metallization of Insulating Polymeric Surfaces through Simple Diazonium-based Covalent Amination, *International Conference on Engineering Research and Applications (ICERA)*, (Springer, Scopus), December, 2018, Thai Nguyen, Viet Nam, 2018.

5. Đặng Văn Huyền, Nguyễn Duy An, **Nguyễn Duy Cường**, "Thiết Kế Hệ Thống Bù Công Suất Phản Kháng Kết Hợp Lọc Sóng Hải Cho Các Hệ Thống Điện Công Nghiệp", *Tạp chí Nghiên cứu KH&CN quân sự*, Số Đặc san ACMEC, 07 - 2017. Page(s): 11 – 18, 2017.

6. Đàm Bảo Lộc, **Nguyễn Duy Cường**, Bù nhiễu tổng cho hệ điện cơ bằng điều khiển huấn luyện truyền thẳng, *Tạp chí KHCN-ĐHTN*, 2017.

7. **Duy Cuong Nguyen**, Design of Feedback Combining Learning Feed Forward Control System for Quadcopter Craft. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự*, Viện khoa học và công nghệ quân sự, 2016.

8. **Duy Cuong Nguyen**, Thiết kế bộ điều khiển Feedback kết hợp Feedforward đối với hệ Twin Rotor. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự*, Viện khoa học và công nghệ quân sự, 2016.

9. **Duy Cuong Nguyen**, Improve Control Quality for Two-Wheeled Mobile Robot. *Advances in Intelligent and Computing. Proceedings of the International Conference, ICTA 2016*, Vol. 538, 2016.

10. Đàm Bảo Lộc, Đặng Văn Huyền, **Nguyễn Duy Cường**, Thiết kế bộ điều khiển feed-back kết hợp feed -ward đối với hệ thống twin rotor, *Tạp chí nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự*, số đặc san 07, 2016.
11. Gia Thị Định, **Nguyễn Duy Cường**, Nâng cao chất lượng điều khiển cho robot hai bánh tự cân bằng, *Tạp chí nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự*, số đặc san 07, 2016.
12. **Duy Cuong Nguyen**, Chia tải hai động cơ nối cứng trục, chung tải sử dụng điều khiển thích nghi, *Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, 2015.
13. Gia Thị Định, **Nguyễn Duy Cường**, Điều khiển adaptive backstepping cho robot hai bánh tự cân bằng, *Hội thảo cấp trường "Ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào thực tiễn"*, 2015.
14. Đàm Bảo Lộc, **Nguyễn Duy Cường**, Trần Thiện Dũng, Chia tải hai động cơ nối cứng trục, chung tải sử dụng điều khiển thích nghi, *Hội thảo cấp trường "Ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào thực tiễn"*, 2015.
15. Trần Thiện Dũng, **Nguyễn Duy Cường**, Đàm Bảo Lộc, Đặng Văn Huyền, Design of Indirect MRAS – Based Adaptive Control Systems, *Hội thảo cấp trường "Ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào thực tiễn"*, 2015.
16. **Nguyễn Duy Cường**, Nguyễn Thị Tuyết Hoa, Đặng Văn Huyền, Design of an Analog active filter using Operational Amplifiers, *Hội thảo cấp trường "Ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào thực tiễn"*, 2015.
17. Đàm Bảo Lộc, **Nguyễn Duy Cường**, Chia tải hai động cơ nối cứng trục, chung tải sử dụng điều khiển thích nghi, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 137, (07), 2015.
18. Gia Thị Định, **Nguyễn Duy Cường**, Điều khiển adaptive back stepping cho robot hai bánh tự cân bằng, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 137, (07), 2015.
19. **Duy Cuong Nguyen**, An Adaptive LQG Combined with the MRAS - Based LFFC for Motion Control Systems, *Journal of Automation and Control Engineering*, 2014. ISSN: 2301-3702.
20. **Duy Cuong Nguyen**, Learning Feed-Forward Control for a Two-Link Rigid Robot Arm. *International Journal of Electronics and Electrical Engineering*, 2014.
21. **Duy Cuong Nguyen**, MRAS based LFFC for a Two-Link Rigid Robot Arm. *Journal of Automation and Control Engineering*, 2014.

22. **Duy Cuong Nguyen**, Direct MRAS based an Adaptive Control System for a Two-Wheel Mobile Robot. *Journal of Automation and Control Engineering*, 2014.
23. **Duy Cuong Nguyen**, Design of LQG Controller Using Operational Amplifiers for Motion Control Systems. *Journal of Automation and Control Engineering*, 2014.
24. **Nguyen Duy Cuong** , “Learning Feed-Forward Control for a Two-Link Rigid Robot Arm”, *The 2014 2nd International Conference on Control, Robotics and Cybernetics (ICCRC 2014)*, (Singapore).
25. **Nguyen Duy Cuong**, Tran Xuan Minh, “MRAS based LFFC for a Two-Link rigid Robot Arm”, *International Journal of Electronics and Electrical Engineering*, ISSN: 2301-380X, 2014.
26. **Nguyen Duy Cuong**, Tran Xuan Minh, Gia Thi Dinh, “Direct MRAS based an Adaptive Control System for a Two-Wheel Mobile Robot”, *Journal of Automation and Control Engineering*, ISSN: 2301-3702, Vol.3, pp.201 – 207, 2014.
27. **Nguyen Duy Cuong**, Tran Xuan Minh, “Design of Analog MRAS Controller Using Operational Amplifiers for Motion Control Systems”, *The IEEE 2014 International Conference on Information Science, Electronics and Electrical Engineering (ISEEE)*, (Sapporo – Hokkaido – Japan), ISBN: 978-1-4799-3197-2, pp. 904 - 908, 2014.
28. **Nguyen Duy Cuong**, “Design of MRAS-Based Adaptive Controllers for Motion Systems Using Linear Motors”, *The IEEE 2014 International Conference on Information Science, Electronics and Electrical Engineering (ISEEE)*, (Sapporo – Hokkaido – Japan), ISBN: 978-1-4799-3197-2, pp. 1403 – 1407, 2014.
29. **Nguyen Duy Cuong**, Nguyen Van Lanh, Dang Van Huyen, “Design of LQG Controller Using Operational Amplifiers for Motion Control Systems”, *The 2nd International Conference on Intelligent and Automation Systems (ICIAS 2014)*, (Ha Noi – Viet Nam); *Journal of Automation and Control Engineering*, ISSN: 2301 - 3702, pp. 300 – 306, 2014.
30. **Nguyen Duy Cuong**, Nguyen Van Lanh, Gia Thi Dinh, “An Adaptive LQG Combined With the MRAS - Based LFFC for Motion Control Systems”. *The 2nd International Conference on Intelligent and Automation Systems (ICIAS 2014)*, (Ha Noi – Viet Nam); *Journal of Automation and Control Engineering*, ISSN: 2301 - 3702, Vol.3, pp. 273 – 279, 2014.
31. **Nguyen Duy Cuong**, Nguyen Van Lanh, Dam Bao Loc, Tran Que Son, and Ngo Minh Chu, “Design of a PD Controller Combined with a MRAS-based LFFC for a Two – Link Robot Manipulator”, *The 2013 International Conference on Control, Mechatronics*

and Automation (ICCMA 2013), (Sydney – Australia); *Applied Mechanics and Materials Journal*, ISSN: 1660-9336, vol.3, pp. 1102 – 1106, 2013.

32. **Nguyen Duy Cuong**, T.J.A. de Vries, J. van Amerongen, “Application of NN-based and MRAS-based FFC to Electromechanical Motion Systems,” *The EPE’13 ECCE Europe 15th European Conference on Power Electronics and Application*, (Lille – France), ISBN: 978-90-75815-17-7 and 978-1-4799-0114-2, pp. 1 – 10, 2013.

33. **Nguyen Duy Cuong**, “Application of LQG combined with MRAS-based LFFC to Electromechanical Motion Systems”, *The 3rd IFAC International Conference on Intelligent Control and Automation Science (ICONS)*, (Chengdu – China), ISBN: 978-3-902823-45-8, pp. 263 – 268, 2013.

34. **Nguyen Duy Cuong**, Horst Puta, “Design of MRAS Based Control Systems for Load Sharing of Two DC Motors with a Common Stiff Shaft”, *The IEEE 2013 International Conference on Control, Automation and Information Sciences (ICCAIS)*, (Nha Trang – Viet Nam), ISBN: 978-1-4673-0813-7, pp. 243-248, 2013.

35. **Nguyen Duy Cuong**, Nguyen Van Lanh, Dang Van Huyen, “Design of MRAS-based Adaptive Control Systems”, *The IEEE 2013 International Conference on Control, Automation and Information Sciences (ICCAIS)*, (Nha Trang – Viet Nam), ISBN:978-1-4673-0813-7, pp. 79 - 84, 2013.

36. **Nguyễn Duy Cường**, Đào Bá Phong, Theo.J.A. deVries, and Job van Amerongen, “Learning Feed-Forward Controller for Electromechanical Motion Systems,” *Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ 8*, Hà nội – Việt nam, pp. 528 – 540, 2007.

37. **Nguyễn Duy Cường**, Đào Bá Phong, Theo.J.A. deVries, and Job van Amerongen, “An Advanced Controller Applied to Electromechanical Motion Systems,” *Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ 8*, Hà nội – Việt nam, pp. 515 – 527, 2007.

38. **Nguyen Duy Cuong**, “*Advanced Controllers for Electromechanical Motion Systems*,” PhD thesis, University of Twente, Enschede, The Netherlands, ISBN: 978-90-365-2654-8, 2008.

39. **Nguyễn Duy Cường**, “Cân bằng tải cho 02 động cơ làm việc song song, nối cứng trục”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, 2014.

40. **Nguyễn Duy Cường**, Đào Bá Phong, Phan Xuân Minh, Hệ thống điều khiển thích nghi tham chiếu theo mô hình mẫu tuyến tính, Hội nghị Cơ Điện tử toàn quốc, Hà nội – Việt nam, pp. 96 – 104, 2007.

41. **Nguyễn Duy Cường**, Nguyễn Đăng Bình, Bùi Chính Minh, Trương Đức Thiệp, Nguồn xung công suất cho công nghệ mạ, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Thái nguyên (ISSN 1859 – 2171), pp. , 2010.

42. **Nguyễn Duy Cường**, Đào Bá Phong, Phan Xuân Minh, Một số phương pháp thiết kế bộ điều khiển, Hội nghị Tự Động hoá, Đại học Bách khoa – Hà nội, 2006.

43. Võ Quang Lạp, **Nguyễn Duy Cường**, Cải tiến hệ thống nâng hạ điện cực lò hồ quang, Thông báo khoa học Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Năm: pp. 73 – 77, 2000.

44. **Nguyen Duy Cuong**, Horst Puta, “Load Sharing of Two DC Motors with a Common Stiff Shaft”, *The 2012 International Symposium on Technology for Sustainability*, pp. 50 - 55, 2012.

45. **Nguyen Duy Cuong**, Electromechanische Controllers werken beter samen, Bits&Chips - The Netherland, pp. 34, 2008.

Người Khai

Nguyễn Duy Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of
The Rector of the College of Industrial Engineering
Thai Nguyen University

has conferred on
Mr. Nguyễn Duy Cường

the degree of Master of
Engineering



Theo đề nghị của

Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
Đại học Thái Nguyên

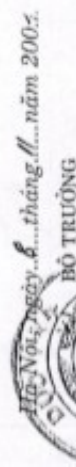
BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤP BẰNG

THẠC SĨ

Kỹ thuật

cho *Ông Nguyễn Duy Cường*

Sinh ngày *09-05-1962* tại *Táo Lai*



Hà Nội, ngày *8* tháng *11* năm *2004*.

BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG
Trần Văn M.

Số: *210/1*



University of Twente
Enschede - The Netherlands

*The Doctorate Board of the University of Twente
under the authority given it by the law admits*

NGUYEN DUY CUONG

born in Laocai, Vietnam, on May 9th, 1962

to the degree of Doctor (Dr.),
(pursuant to "de Wet op het Hoger Onderwijs en Wetenschappelijk Onderzoek"
(the law on Higher Education and Scientific Research), articles 7.18 and 7.22)

having heard the defence on April 10th, 2008 of the thesis
entitled:

**ADVANCED CONTROLLERS
FOR
ELECTROMECHANICAL MOTION SYSTEMS**

Chairman of the Doctorate Board,

prof. dr. W.H.M. Zijm

Enschede, April, 2008

TRANSLATION OF THE DOCTORAL DIPLOMA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TWENTE
ENSCHDEDE - THE NETHERLANDS

BAN QUẢN LÝ VÀ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TWENTE

CẤP

BẰNG TIẾN SĨ

BẢN DỊCH

Họ và tên: NGUYỄN DUY CƯƠNG

Sinh ngày: 09/05/1962 tại Lào Cai - Việt Nam

(Căn cứ theo "de Wet op het Hoger Onderwijs en Wetenschappelijk Onderzoek" (quy định pháp luật về Giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học, tại Điều 7.18 và 7.22)

Bảo vệ luận án Tiến sĩ ngày: 10/ 04/ 2008

Tên luận án: BỘ ĐIỀU KHIỂN CAO CẤP CHO CÁC HỆ THỐNG
CHUYỂN ĐỘNG CƠ ĐIỆN

Enschede, tháng 4 năm 2008

CHỦ TỊCH BAN QUẢN LÝ VÀ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
Giáo sư, Tiến sĩ: W.H.M. Zijm (đã ký)

My name is Nguyen Thi Mai Lien, who is bearing ID. No. 091077570 and is a collaborator of translation of the Judiciary Department-Dong Hy distric.

I hereby undertake and bear full responsibility of version's accuracy from Vietnamese into English (Vietnamese documents are also attached to)

Thai Nguyen, August 26, 2013

Translator

Nguyễn Thị Mai Liên

Attestation of the signature in the version of Ms. Nguyen Thi Mai Lien, who is bearing ID. No. 091077570 is issued on the 30th December 2003 and signed in the version before my presence.

No (số): 119 Vol. No (Quyển số): 01

Thai Nguyen, August 26, 2013

DEAN OF THE JUDICIARY DEPARTMENT



PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN ĐÔNG HỖ
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Phương Nhiên

HC - TC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016

CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 04/2008

Do:

Trường Đại học Twente, Hà Lan

Cấp cho:

Nguyễn Duy Cường

Ngày sinh:

09 tháng 5 năm 1962

Nơi sinh:

Lào Cai

Là bằng tốt nghiệp:

Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 3 năm 2016

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

SỐ CT: 202 Quyển 01



PHÓ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Đình Hiệp



CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số: 00.9567/ CNVB - TS

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Vũ Ngọc Pi

Học hàm, học vị: PGS.TS

Chức vụ: Phó hiệu trưởng Trường ĐH KTCN

Tel: 0974905578

E-Mail: ngocpivu@yahoo.com

Địa chỉ: Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

1985, Đại học, Cơ khí, Trường ĐH KTCN

1998, Thạc sỹ, Cơ kỹ thuật, Trường ĐHBK HN

2008, Tiến sỹ, Kỹ thuật cơ khí, Đại học Công nghệ Delft, Hà lan

Quá trình công tác

06/1985 - nay, Cán bộ giảng dạy Đại học, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp; Đại học Thái Nguyên;

1986 - 1988, Phó bí thư Liên chi đoàn khoa Cơ khí, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên;

1988 - 1989, Bí thư Liên chi đoàn khoa Cơ khí, Ủy viên TW Đoàn trường, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên;

1990 - 6/2001, Phó trưởng khoa Cơ khí, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên;

10/2000 - 04/2002, Trưởng bộ môn Nguyên lý-Chi tiết máy, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

04/2002 - 05/2003, Học tiếng Anh tại Hà nội, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

01/06/2003 - 30/06/2003, Thực tập sinh tại Đại học Suranary Thái lan, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

12/2003 - 06/2008, Nghiên cứu sinh Đại học Công nghệ Delft, Hà lan, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

22/9/2008 - 9/2009, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí, Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

5/4/ 2009 - 10/11/2011, Trưởng Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp,

Đại học Thái Nguyên;

11/2011 - nay, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên.

Hoạt động:

- Hội viên Hội nhà báo Việt Nam
- Thành viên Ban biên tập Tạp chí Cơ khí Việt Nam

Môn học giảng dạy: Chi tiết máy, Đại cương về kỹ thuật, Phương pháp nghiên cứu khoa học

Lĩnh vực nghiên cứu: Thiết kế cơ khí

Công bố khoa học tiêu biểu

- Sách chủ biên

1. Performance Enhancement of Abrasive Waterjet Cutting, NXB Đại học Công nghệ Delft, Hà lan, 2008, Sách chuyên khảo
2. Cơ sở thiết kế máy và chi tiết máy, NXB Trường Đại học Kỹ Thuật Công nghiệp, 2001, Giáo trình

- Sách tham gia biên soạn

1. Các phương pháp gia công tiên tiến, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2009, Giáo trình
2. Hoạt động Nghiên cứu khoa học sinh viên, NXB Lao động – Xã hội, 2011, Bài giảng

- Các bài báo và báo cáo khoa học quốc tế

1. **Vu Ngọc Pi**, Nguyen Quoc Tuan, Tran Thi Hong, Le Hong Ky, Nguyen Anh Tuan, Luu Anh Tung, Nguyen Van Tung and Le Xuan Hung, Optimization of grinding parameters for minimum grinding time when grinding tablet punches by CBN wheel on CNC milling machine, *Appl. Sci.* 2019, 9(5), 957; <https://doi.org/10.3390/app9050957>, 2019.

2. Thi-Hong Tran, Anh-Tung Luu, Quoc-Tuan Nguyen, Hong-Ky Le, Anh-Tuan Nguyen, Tien-Dung Hoang, Xuan-Hung Le, Tien-Long Banh and **Ngọc-Pi Vu**, Optimization of exchanged grinding wheel diameter for surface grinding tool steel based on the cost analysis, *Metals* 2019, 9(4), 448; <https://doi.org/10.3390/met9040448>, 2019.

3. Thi-Hong Tran, Xuan-Hung Le, Quoc-Tuan Nguyen, Hong-Ky Le, Tien-Dung

Hoang, Anh-Tung Luu, Tien-Long Banh and **Ngoc-Pi Vu**, Optimization of Exchanged Grinding Wheel Diameter for Minimum Grinding Cost in Internal Grinding, *Appl. Sci.* 2019, 9(7), 1363; <https://doi.org/10.3390/app9071363>, 2019.

4. Jiaofei Huo, Shoufa Liu, Yinwei Wang, T. Muthuramalingam, and **Vu Ngoc Pi**, Influence of process factors on surface measures on electrical discharge machined stainless steel using TOPSIS, *Materials Research Express*, Volume 6, Number, <https://doi.org/10.1088/2053-1591/ab1ae0>, 2019.

5. Le Xuan Hung, Vu Thi Lien, **Vu Ngoc Pi**, Banh Tien Long, A Study on Coolant Parameters in Internal Grinding of 9CrSi Steel, *Materials Science Forum*, Vol. 950, pp. 24-31, 2019, 2019

6. Hoang Xuan Tu, **Vu Ngoc Pi**, Gong Jun, A Study on Determination of Optimum Parameters for Lubrication in External Cylindrical Grinding Base on Taguchi Method, *Key Engineering Materials*, Vol. 796, pp. 97-102, 2019, 2019.

7. Xuan Hung Le, **Ngoc Pi Vu**, Anh Tung Luu, Hoang Xuan Tu, Gong Jun and Tien Long Banh, Determination of optimum exchanged grinding wheel diameter when internal grinding alloy tool steel 9CrSi, *IOP Conference Series: Materials Science and Engineering*, Volume 417, conference 1, <https://doi.org/10.1088/1757-899X/417/1/012026>, 2018.

8. Khac Tuan Nguyen, **Ngoc Pi Vu**, Thi Hong Cam Nguyen, Thi Phuong Thao Tran, Ky Thanh Ho, Xuan Hung Le and Thi Tham Hoang, Determining Optimal Gear Ratios of a Two-stage Helical Reducer for Getting Minimal Acreage of Cross Section, *MATEC Web of Conferences* 213, 01008 (2018), 2018.

13. Gul Zeb, Xuan Truong Duong, **Ngoc Pi Vu**, Quang The Phan, Duc Tuong Nguyen, Viet Anh Ly, Siamak Salimy, Xuan Tuan Le, Chemical metallization of KMPR photoresist polymer in aqueous solutions, *Applied Surface Science* 407 (2017), 518–525, 2017.

14. **Vu Ngoc Pi**, Luu Anh Tung, Le Xuan Hung and Banh Tien Long, Cost Optimization of Surface Grinding Process, *Journal of Environmental Science and Engineering A* 5 (2016), 606-611, 2016.

15. **Vu Ngoc Pi**, Le Xuan Hung, Luu Anh Tung, and Banh Tien Long, Cost Optimization of Internal Grinding, *Journal of Materials Science and Engineering B* 6 (11-12) (2016), 291-296, 2016.

16. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Thi Hong Cam, Nguyen Khac Tuan, Optimum Calculation of Partial Transmission Ratios of Mechanical Driven Systems Using a V-belt and a Two-

Step Bevel Helical Gearbox, *Journal of Environmental Science and Engineering A* 5 (2016), 566-569, 2016.

17. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Khac Tuan, Optimum Determination of Partial Transmission Ratios of Three-Step Helical Gearboxes for Getting Minimum Cross Section Dimension, *Journal of Environmental Science and Engineering A* 5 (2016) 570-573, 570-573, 2016.

18. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Thi Hong Cam, Optimum Determination of Partial Transmission Ratios of Coupled Planetary Gearboxes, *Journal of Environmental Science and Engineering B*, Volume 3, Number 4, 224-226, 2014.

19. **Vu Ngoc Pi**, Banh Tien Long, Vu Hong Khiem, Nguyen Hong Quan, Profit Optimization of External Cylindrical Grinding, *Journal of Environmental Science and Engineering B*, Volume 3, Number 5, 227-231, 2014.

20. **Vu Ngoc Pi**, Phan Quang The, Vu Hong Khiem, Nguyen Ngoc Huong, Cost optimization of external cylindrical grinding, *Applied Mechanics and Materials*, Vols. 312, © Trans Tech Publications, Switzerland, 982-989, 2013.

21. **Vu Ngoc Pi**, Hoang Van Chau, Tran Quoc Hung, A study on recycling of Supreme garnet in Abrasive Waterjet Machining, *Applied Mechanics and Materials*, Vol. 248, © Trans Tech Publications, Switzerland, 499-503, 2013.

22. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Thi Hong Cam, Hoang Vi, A study on optimum calculation of partial transmission ratios of coupled planetary gear sets, *Applied Mechanics and Materials*, Vols. 275-277, © Trans Tech Publications, Switzerland, 2417-2420, 2013.

23. **Vu Ngoc Pi**, Pham Hong Thai, Tran Quoc Hung, Profit optimization of steel shot blasting process, *Applied Mechanics and Materials*, Vols. 312, © Trans Tech Publications, Switzerland, 976-981, 2013.

24. **Vu Ngoc Pi**, Phan Chi Chinh, A Study on Cost Optimization of Steel Shot Blasting Systems, *Applied Mechanics and Materials*, Vols. 52-54, © Trans Tech Publications, Switzerland, 568-572, 2011.

25. **Vu Ngoc Pi**, Tran Minh Duc, A study on Multi - objective Optimization of Abrasive Blasting Systems, *Journal of Advanced Materials Research*, Vol. 126 - 128 (2010), © Trans Tech Publications, Switzerland, 29-34, 2010.

26. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Dang Binh, Nguyen Van Du, Phung The Chien, A new study on optimization of abrasive blasting systems, *The international symposium on Mechanical Engineering* (ISME Ho Chi Minh city, Vietnam), 21-23, September, 143-

148, 2009.

27. Le Xuan Hung, **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Van Du, Optimal calculation of partial transmission ratios of four-step helical gearboxes with second and fourth-step double gear-sets for minimal mass of gears, The international symposium on Mechanical Engineering (ISME Ho Chi Minh city, Vietnam, 21-23, September, 1-5, 2009).

28. **Vu Ngoc Pi**, A.M. Hoogstrate, P. Golfiott, B. Karpuschewski, A study on abrasive recycling and recharging in abrasive waterjet (AWJ) machining, *Int. J. Machining and Machinability of Materials*, Vol. 6, Issue ¾, 2009, ISBN: 1748-5711, 213-233, 2009.

29. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Quoc Tuan, A study on nozzle wear modeling in Abrasive waterjet cutting, *Advanced Materials Research* Vols. 76-78 (2009), ISSN: 1022-6680, 345-350, 2009.

30. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Quoc Tuan, Necessary cutting energy in Abrasive waterjet machining, *Advanced Materials Research* Vols. 76-78 (2009), SSN: 1022-6680, 351-356, 2009.

31. **Vu Ngoc Pi**, Profit optimization of Abrasive blasting systems, *Applied Computing Conference (ACC' 08)*, Istanbul, Turkey, May 27-30, 2008, ISBN: 978-960-6766-67-1; ISSN: 1790-2769, 53-57, 2008.

32. **Vu Ngoc Pi**, Optimal determination of partial transmission ratios for four-step helical gearboxes with first and third step double gear-sets for minimal mass of gears, *Applied Computing Conference (ACC' 08)*, Istanbul, Turkey, May 27-30, 2008, ISBN: 978-960-6766-67-1; ISSN: 1790-2769.

33. **Vu Ngoc Pi**, Optimal calculation of Partial Transmission Ratios of Four-step helical gearboxes for getting minimal gearbox length, *Int. J. of Mathematical, Physical and Engineering Sciences*, Vol.2, No.2, 2008, ISSN 1307-7465, 95-98, 2008.

34. **Vu Ngoc Pi**, A study on Optimal determination of partial transmission ratios of Helical gearboxes with second-step double gear-sets, *Int. J. of Mathematical, Physical and Engineering Sciences*, Vol.2, No.2, 2008, ISSN 1307-7465, 99-102, 2008.

35. **Vu Ngoc Pi**, A study on optimum calculation of the total transmission ratio of four-step helical gearboxes with first and third step double gear-sets, *International Journal of Mathematics and Computers in Simulations*, Issue 1, Vol. 2, 2008, ISSN 1998-0159, 102-108, 2008.

36. **Vu Ngoc Pi**, A new study on optimal calculation of partial transmission ratios of three-step helical reducers, *The 3rd IASME / WSEAS International Conference on*

CONTINUUM MECHANICS (CM'08), Cambridge, UK, February 23-25, 2008, ISBN: 978-960-6766-38-1, 10-13, 2008.

37. **Vu Ngoc Pi**, A study on optimal determination of partial transmission ratios of three-step helical gearboxes with second-step double gear-set, *The 3rd IASME / WSEAS International Conference on CONTINUUM MECHANICS (CM'08)*, Cambridge, UK, February 23-25, 2008, ISBN: 978-960-6766-38-1, 67-70, 2008.

38. **Vu Ngoc Pi**, Optimum determination of partial transmission ratios of three step helical gearboxes, *WSEAS Transactions on Applied and Theoretical Mechanics*, Issue 2, Vol. 1, February, 2008, ISSN 1991-8747, 43-52, 2008.

39. **Vu Ngoc Pi**, A new study on optimal calculation of partial transmission ratios of helical gearboxes with first-step double gear-sets, *International MultiConference of Engineers and Computer Scientists 2008*, Hong Kong 19-21 March, 2008, ISBN: 978-988-17012-1-3, 1706-1708, 2008.

40. **Vu Ngoc Pi**, Optimal calculation of partial transmission ratios of four-step helical gearboxes for getting minimal cross section dimension, *International MultiConference of Engineers and Computer Scientists 2008*, Hong Kong 19-21 March, 2008, ISBN: 978-988-17012-1-3, 1709-1712, 2008.

41. **Vu Ngoc Pi**, Optimal calculation of partial transmission ratios for four-step helical gearboxes with first and third step double gear-sets for minimal gearbox length, *Proceedings of the AMERICAN CONFERENCE ON APPLIED MATHEMATICS (MATH '08)*, Cambridge, Massachusetts, USA, March 24-26, 2008, ISBN: 978-960-6766-47-3, 29-32, 2008.

42. **Vu Ngoc Pi**, Optimal Determination of Partial Transmission Ratios of Three-Step Helical Gearboxes with First and Third-Step Double Gear-Sets for Minimal Mass Of Gears, *Proceedings of the AMERICAN CONFERENCE ON APPLIED MATHEMATICS (MATH '08)*, Cambridge, Massachusetts, USA, March 24-26, 2008, ISBN: 978-960-6766-47-3, 85-388, 2008.

43. **Vu Ngoc Pi**, Optimal calculation of partial ratios of helical gearboxes with second-step double gear-sets, *The 3rd IASME / WSEAS International Conference on CONTINUUM MECHANICS (CM'08)*, Cambridge, UK, February 23-25, 2008, ISBN: 978-960-6766-38-1, 63-66, 2008.

44. **Vu Ngoc Pi**, A.M. Hoogstrate, Momentum transfer efficiency in abrasive waterjet cutting, *Precision Grinding and Abrasive Technology at SME International Grinding Conference*, Dearborn USA, September 26-28, 2007, ISBN 087263857-7, 591-

598, 2007.

45. **Vu Ngoc Pi**, Optimal determination of partial ratios of three-step helical gearboxes with first and third step double gear-sets for getting minimal gearbox length, *International Journal of Mathematics and Computers in Simulations*, Issue 4, Vol. 1, 2007, ISSN 1998-0159, 323-326, 2007.

46. **Vu Ngoc Pi**, A.M. Hoogstrate, Cost Optimization of Abrasive Blasting Systems: A New and Effective Way for Using blasting Nozzles, *Advances in Abrasive Technology IX, Key engineering materials Journal*, Vol. 329 (2007), ISBN: 0-87849-416-2, 323-328, 2007.

47. **Vu Ngoc Pi**, A.M. Hoogstrate, Cost calculation for recycled abrasive and for abrasive selecting in Abrasive Waterjet Machining, *International Journal of Precision Technology*, Vol. 1, No. 1, 2007, ISSN: 1755-2079, 40-54, 2007.

48. **Vu Ngoc Pi**, M.A. Hoogstrate, Cost calculation for Abrasive Recycling and for Abrasive Comparing for Abrasive Waterjet (AWJ) Cutting Systems, *Conference on Manufacturing Science and Technology (ICOMAST)*, 28-30 August 2006, Malaysia, ISBN 983-42051-1-2, 153-156, 2006.

49. A.M. Hoogstrate, **V.N. Pi**, B. Karpuschewski, Cost optimization for multiple-head AWJ cutting, *18th International Conference on Water Jetting*, Gdansk, Poland, 13-15 September, 2006, ISBN: 1 85598 080-0, 251-264, 2006.

50. **Vu Ngoc Pi**, M.A. Hoogstrate, B. Karpuschewski, Cost optimization and a new and effective way of using AWJ nozzles, *5th International Conference of PhD students, Hungary*, August 14-20, 2005, ISBN 963 661 673 6, 153-165, 2005.

51. **Vu Ngoc Pi**, A new and effective method for optimal calculation of total transmission ratio of two step bevel - helical gearboxes, *International colloquium in mechanics of solids, fluids, structures and interactions*, Nha Trang (2000), 716- 719, 2000.

- Các bài báo và báo cáo khoa học trong nước

1. Trần Thị Phương Thảo, Lê Thị Phương Thảo, **Vũ Ngọc Pi**, Tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hệ dẫn động cơ khí dùng bộ truyền đai, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 8, 2015, 35-41, 2015.

2. **Vu Ngoc Pi**, Tran Thi Phuong Thao, Le Thi Phuong Thao, A new study on the optimum calculation of partial transmission ratios of mechanical drive system using a V-belt and two-step helical gearbox, *Vietnam Mechanical Engineering Journal*, No. 10, 2015, 122-127, 2015.

3. Nguyen Thi Hong Cam, Nguyen Van Trang, **Vũ Ngọc Pi**, A new study on optimum calculation of partial transmission ratios of coupled planetary gear sets, *Journal of Science and Technology*, Vol.127, No.13; ISSN 1859 - 2178, 2014.

4. Bành Tiến Long, **Vũ Ngọc Pi**, Lưu Anh Tùng, Lê Xuân Hưng, Nghiên cứu xây dựng công thức tính chế độ cắt cho mài phẳng, *Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí*, tháng 4, 2013.

5. Lê Xuân Hưng, Vũ Hồng Khiêm, **Vũ Ngọc Pi**, Trần Quốc Hùng, Thiết kế chế tạo cơ cấu cấp hạt mài kiểu băng tải sử dụng trong gia công tia nước áp suất cao trộn hạt mài, *Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí*, tháng 4, 2013.

6. Nguyễn Thị Hồng Cẩm, **Vũ Ngọc Pi**, Lê Văn Nhất, Xác định tỷ số truyền tối ưu của các cặp bánh răng trong truyền động bánh răng hành tinh hai cấp, *Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí*, tháng 4, 2013.

7. **Vũ Ngọc Pi**, Lê Xuân Hưng, Trần Quốc Hùng, Nguyễn Văn Kiên, Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy sàng rung kiểu cơ khí, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 1+2 (2012), 24-26, 2012.

8. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Hồng Khiêm, Phạm Thanh Cường, Xây dựng các công thức tính chế độ cắt cho mài tròn ngoài, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 12 (2012), 18-23, 2012.

9. Nguyễn Hồ Quang, Trần Đức Hải, Bùi Thanh Hiền, **Vũ Ngọc Pi**, Tối ưu số cánh turbine cho máy phát điện sức gió kiểu trục đứng, loại cánh thẳng, *Tạp chí Công nghiệp Nông thôn*, số 2 (2011), 31-32, 2011.

10. Lê Xuân Hưng, **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Hồng Khiêm, Trần Quốc Hùng, Nghiên cứu tái chế, bù tái chế hạt mài Supreme Garnet trong gia công tia nước có hạt mài, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, Số 9, tháng 9, 31-37, 2011.

11. Nguyễn Thị Thanh Nga, **Vũ Ngọc Pi**, Một nghiên cứu mới về phân phối tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng trụ răng nghiêng hai cấp khai triển, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 8 (2010), 18-22, 2010.

12. Lê Xuân Hưng, **Vũ Ngọc Pi**, Nghiên cứu cải tiến máy khoan bàn nhằm mở rộng khả năng gia công của máy, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Tập 74, số 12, 34-37, 2010.

13. **Vũ Ngọc Pi**, Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự, Phùng Thế Chiến, Một nghiên cứu mới về tối ưu hóa hệ thống làm sạch bằng phun cát, *Tuyển tập Hội nghị Khoa học và Công nghệ lần thứ 11, Tp. Hồ Chí Minh*, 21-23, 2009.

14. Lê Xuân Hưng, **Vũ Ngọc Pi**, Nguyễn Văn Dự, Tính toán tối ưu tỉ số truyền các cấp cho hộp giảm tốc bốn cấp với cấp thứ hai và thứ tư phân đôi nhằm đạt khối lượng các

bộ truyền là nhỏ nhất, *Tuyển tập Hội nghị Khoa học và Công nghệ lần thứ 11, Tp. Hồ Chí Minh*, 21-23, 2009.

15. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đạc, Optimal calculation of partial transmission ratios of worm-helical gear reducers for minimal gearbox length, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, Số 61/2007, 73-77, 2007.

16. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đạc, Phân phối tỉ số truyền cho hộp giảm tốc trục vít hai cấp theo chỉ tiêu kết cấu của hộp hợp lý nhất, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Số 1 (41) 2007, 65-69, 2007.

17. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đạc, Phân phối tỉ số truyền cho hộp giảm tốc trục vít hai cấp theo chỉ tiêu kết cấu của hộp hợp lý nhất, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Số 1 (41) 2007, 65-69, 2007.

18. **Vũ Ngọc Pi**, Nguyễn Đăng Bình, Vũ Quý Đạc, Phan Quang Thế, Một phương pháp tính toán tối ưu tỉ số truyền các cấp cho hộp giảm tốc bánh răng trụ răng nghiêng bốn cấp, *Hội nghị Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa toàn quốc*, Hà nội, 11-12, tháng 10, 2006, 191-195, 2006.

19. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đạc, Phân phối tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng trụ bốn cấp theo chỉ tiêu khối lượng của các bánh răng nhỏ nhất, *Hội nghị Khoa học toàn quốc Cơ học Vật rắn biến dạng lần thứ 8, Thái Nguyên*, 25-26 /8/2006, 665-672, 2006.

20. **Vũ Ngọc Pi**, Nguyễn Đăng Bình, Vũ Quý Đạc, Phan Quang Thế, Tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng trụ răng nghiêng ba cấp theo chỉ tiêu khối lượng các bánh răng nhỏ nhất, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, Số 55/2006, ISSN 0868-3980, 91-93, 2006.

21. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đạc, Một phương pháp tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng trụ ba cấp, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, Số 58/2006, 33-36, 2006.

22. Vũ Ngọc Pi, Vũ Quý Đạc, Tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc trục vít – bánh răng, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Số 4 (36), Tập 1, 2005, 70-73, 2005.

23. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Dang Binh, Vu Quy Dac, Phan Quang The, Effective method for Optimal splitting of Total transmission ratio of Coaxial helical gearboxes, *School on Computational Sciences and Engineering: Theory and Application*, March 3-5, 2005, Ho Chi Minh City, 96-99, 2005.

24. **Vu Ngoc Pi**, Vu Quy Dac, A new and effective method for Optimum calculation of Total transmission ratio of Two step helical gearboxes, *School on Computational*

Sciences and Engineering: Theory and Application, March 3-5, 2004, Ho Chi Minh City, 103-106, 2004.

25. **Vu Ngoc Pi**, A method for optimal calculation of total transmission ratio of two step helical gearboxes, *Proceedings of the First National Conference on Engineering mechanics*, Volume 1. Hanoi, October 12-13, 2001, 133-136, 2001.

26. **Vu Ngoc Pi**, Tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng côn - trụ hai cấp, *Tuyển tập Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Cơ học kỹ thuật*, Tập 2, Hà nội 12-13/10/2001, 239-241, 2001.

27. Nguyễn Xuân Quỳnh, Nguyễn Văn Dự, **Vũ Ngọc Pi**, Hoàng Vĩ, Trần Vệ Quốc, Ứng dụng CAD trong tự động hóa thiết kế hệ dẫn động cơ khí, *Hội nghị Toàn quốc lần thứ 3 về Tự động hóa (3rd VICA)*, Hà nội, 9-11/4/1998, 659-668, 1998.

28. **Vũ Ngọc Pi**, Trịnh Chất, Về kết cấu và tính toán tối ưu động cơ – hộp giảm tốc, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Số 2 (3) 1997, 43-46, 1997.

- Đề tài nghiên cứu khoa học

1. Ứng dụng CAD tự động hóa thiết kế hệ thống dẫn động cơ khí, Đề tài cấp Bộ, 1997 -2002, Nghiệm thu loại Tốt.

2. Nghiên cứu thiết kế tối ưu hệ dẫn động dùng hộp giảm tốc trục vít hai cấp, Đề tài cấp Bộ, 2001 - 2003, Nghiệm thu loại Tốt.

3. Tuổi bền tối ưu của vòi phun trong công nghệ làm sạch bằng phun cát, Đề tài cấp Bộ, 2009 - 2011, Nghiệm thu loại Tốt.

4. Xây dựng kế hoạch giảng dạy và bài giảng điện tử môn học Đại cương về kỹ thuật theo hướng tích cực hóa nhận thức của người học, Đề tài cấp Đại học, 2009, Nghiệm thu loại Tốt.

5. Tối ưu hóa giá thành trong làm sạch bằng phun bi và tuổi bền tối ưu của vòi phun, Đề tài cấp Trường, 2010, Nghiệm thu loại Tốt.

6. Nghiên cứu, xác định tuổi bền tối ưu của đá mài trong gia công mài tròn ngoài, Đề tài cấp Bộ, 2012 - 2016, Nghiệm thu loại Xuất sắc.

7. Ứng dụng phương pháp gia công tia lửa điện trong quy trình chế tạo chày dập thuốc viên định hình, Đề tài cấp Tỉnh Thái Nguyên, 2016 - 2017, Nghiệm thu loại Xuất sắc.

8. Phân phối tối ưu tỉ số truyền cho hệ dẫn động cơ khí sử dụng hộp giảm tốc trục vít và bộ truyền ngoài, Đề tài cấp Trường, Mã số T2018-B16, 2018 - 2019, Nghiệm thu loại Xuất sắc.

9. Thiết kế tối ưu hệ dẫn động cơ khí sử dụng hộp giảm tốc bánh răng trụ nhiều cấp

và bộ truyền ngoài, Đề tài cấp Trường, Mã số T2018-B17, 2018 - 2019, Nghiệm thu loại Xuất sắc.

Người Khai

Vũ Ngọc Pi



MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of
Rector of Hanoi University of Technology

Mr. *Yuu Ngoc Di*

has conferred on
the degree of Master of
Engineering



BẢN SAO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo đề nghị của

Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤP BẰNG

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 25-03-2003
Số C.C. quyền: TP/CC-SCC

THẠC SĨ

Thị thuật
cho ông *Yuu Ngoc Di*
Sinh ngày 12.9.1964 tại *Đầu Bướm*



Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 1998

GIÁO
VIỆN
BỘ TRƯỞNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Chí Thiện

Số: 1285

Thị thuật
THỦ TRƯỞNG



The Board for Doctorates of Delft University of Technology
declares, under the provisions of art. 9.10 of the Higher
Education and Research Act
(July 2nd, 1997; Staatsblad no. 322),
that

Vu Ngoc Pi

born on September 12, 1964,
in Thai Binh (Vietnam),
having presented and successfully defended a dissertation
entitled

***"Performance Enhancement of Abrasive
Waterjet Cutting",***

with attached theses,
both supervised by

Prof.Dr.-Ing.habil B. Karpuschewski,

has been awarded the Degree of
DOCTOR.

Delft, The Netherlands, May 19, 2008.

On behalf of the Board for the Doctorates
of the Delft University of Technology,


Prof. dr. ir. J.T. Fokkema
Rector Magnificus



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ DELFT

BẢN DỊCH

Theo điều luật 9.10 của Luật Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục
cao cấp và (ngày 2/7/1997; Số Staatsblad 322)

HỘI ĐỒNG TIẾN SỸ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ DELFT

CÔNG BỐ

VŨ NGỌC PI

Sinh vào 12/9/1964 tại Thai Binh, Việt Nam,
đã trình bày và bảo vệ thành công luận án

“Nâng cao hiệu suất của gia công bằng tia nước có hạt mài”,
dưới sự hướng dẫn của Gs.TS. KHKT. B. Karpuschewski,
đã được cấp bằng

TIẾN SỸ

Delft, Hà Lan, ngày 19/5/2008

Thay mặt Chủ tịch Hội đồng Tiến sỹ
của trường Đại học Công nghệ Delft

GS. TS. J.T. Fokkema

Hiệu trưởng danh dự (ký tên và đóng dấu)

Tôi, *Dinh Thị Hương*. Số CMND: 090810757, cấp
ngày 6 tháng 3 năm 1999 tại Công an tỉnh Thái
Nguyên, cam đoan dịch chính xác giấy tờ văn bản này
từ tiếng Anh sang tiếng Việt (I, *Dinh Thị Hương*, bearing
ID. No. 090810757 issued on March 6, 1999 and by
Thai Nguyen Police Dept., undertake fully that this
version is translated correctly from English to
Vietnamese)

Người dịch (Translator)

Dinh Thị Hương

Chứng thực bà: *Dinh Thị Hương*. Số CMND: 090810757, cấp
ngày 6 tháng 3 năm 1999 tại Công an tỉnh Thái Nguyên đã ký
trước mặt tôi (It is hereby to attest to Mrs. *Dinh Thị Hương*, who is
bearing ID. No. 090810757 issued by Thai Nguyen Provincial
Police Department on the 6th March 1999 and signed the version
before my present).

Số/No.: 155 Quyển số/Vol. No.: 01 SCT/CK
Thái Nguyên ngày 6 tháng 6 năm 2011
Phòng tư pháp (Judiciary Department)



PHÒNG TƯ PHÁP TP. THÁI NGUYÊN
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Ngô Văn Điệp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016

CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 19/5/2008

Do:

Trường Đại học Công nghệ Delft, Hà Lan

Cấp cho:

Vũ Ngọc Pi

Ngày sinh:

12 tháng 9 năm 1964

Nơi sinh:

Thái Bình

Là bằng tốt nghiệp:

Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 3 năm 2016

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 28 tháng 7 năm 2016.
Số CT: 202... Quyển 9



PHẠM PHƯƠNG PHÚ XÁ
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Đình Hiệp

Đã vào sổ đăng ký số...009560/CNV8-TS



CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Quốc Tuấn

Học hàm, học vị: PGS.TS

Trưởng phòng Đào tạo

Tel: 0913 364 889

E-Mail: tuannq@tnu.edu.vn

Địa chỉ: TP.Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

1994, Đại học, Công nghệ chế tạo máy, Trường ĐH KTCN

1997, Thạc sỹ, Cơ khí Chế tạo máy, Trường ĐHBK HN

2003, Tiến sỹ, Cơ khí Chế tạo máy, Trường ĐHBK HN

Môn học giảng dạy: Dụng cụ cắt ;Cơ sở chất lượng của quá trình cắt, Thiết kế dụng cụ cắt, Các phương pháp gia công tiên tiến; Phương pháp tạo hình bề mặt; Gia công chính xác.

Lĩnh vực nghiên cứu: Mòn và tuổi bền của dụng cụ cắt; chất lượng bề mặt gia công; độ chính xác gia công; Tính kinh tế của quá trình gia công.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. **Nguyễn Quốc Tuấn**, Mối quan hệ giữa chế độ cắt và tuổi bền của dao phay đầu cầu phủ TiAlN khi cắt ở đỉnh trong trường hợp gia công thép CR12MOV đã tôi, *Tạp chí Khoa học Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, 2009.

2. Bành Tiến Long; Nguyễn Hữu Phấn; Ngô Cường; **Nguyễn Quốc Tuấn**, Tối ưu hóa nháp nhô bề mặt thép làm khuôn sau khi gia công bằng tia lửa điện với dung dịch điện môi có trộn bột Ti, *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ- ĐH Quốc Gia Hồ Chí Minh*, 2016.

3. Đỗ Đức Trung; Ngô Cường; Nguyễn Đình Mẫn; **Nguyễn Quốc Tuấn**, Multi-Objective Optimization of Centerless Grinding Process for 20x- Carbon Infiltration Steel By Genetic And Generalized Reduced Gradient Algorithms, *American Journal of Engineering Research (AJER)*, 2017.

4. Vu Ngoc Pi, **Nguyen Quoc Tuan**, Tran Thi Hong, Le Hong Ky, Nguyen Anh Tuan, Luu Anh Tung, Nguyen Van Tung and Le Xuan Hung, Optimization of grinding parameters for minimum grinding time when grinding tablet punches by CBN wheel on CNC milling machine, *Applied sciences - Switzerland (SCIE)*, 2019.

5. Thi-Hong Tran, Xuan-Hung Le, **Quoc-Tuan Nguyen**, Hong-Ky Le, Tien-Dung Hoang, Anh-Tung Luu, Tien-Long Banh and Ngoc-Pi Vu, Optimization of Replaced Grinding Wheel Diameter for Minimum Grinding Cost in Internal Grinding, *Applied sciences- Switzerland (SCIE)*, 2019.

6. Thi-Hong Tran, Anh-Tung Luu, **Quoc-Tuan Nguyen**, Hong-Ky Le, Anh-Tuan Nguyen, Tien-Dung Hoang, Xuan-Hung Le, Tien-Long Banh and Ngoc-Pi Vu, Optimization of Replaced Grinding Wheel Diameter for Surface Grinding Based on a Cost Analysis, *Metals- Switzerland (scopus)*, 2019.

7. Vũ Văn Đam, Nguyễn Hữu Công, **Nguyễn Quốc Tuấn**, Ngô Quốc Huy, Nguyễn Thanh Toán, Parameter optimization of cutting force in corn stalk chopping, *International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD)* - scopus, 2019.

Người Khai

Nguyễn Quốc Tuấn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at Hanoi University of Technology

HAS CONFERRED UPON

Mr. Nguyen Quoc Tuan
Born 25/11/1969 in Thai Nguyen

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Engineering

Given under the seal of the Ministry of Education and Training
this Twenty Sixth day of September 2003



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước
họp ngày 06 tháng 08 năm 2003
tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ
KỸ THUẬT

Cho ông *Nguyễn Quốc Tuấn*
Sinh ngày 25/11/1969 tại *Thái Nguyên*

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2003

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Minh Đức

Số bảng: 02657

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Tuấn Minh

Học hàm, học vị: PGS.TS

Giám đốc Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế

Giám đốc phòng thí nghiệm mạng truyền thông không dây tiên tiến (AWCN).

Khoa: Quốc tế

Tel: 0912673378

E-Mail: nguyentuanminh@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Trung Thành, TP.Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

1996-2001, Kỹ sư, ĐH Giao thông Vận tải, Hà Nội

2005-2007, Thạc sỹ, Học viện Kỹ thuật Quân sự

2010-2015, Tiến sỹ, Đại học Bang Oklahoma, Hoa Kỳ

Quá trình công tác:

2001-2003, Kỹ sư, Công ty công nghiệp, Việt Nam;

2003-2010, Giảng viên, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, Việt Nam;

2010-2015, Nghiên cứu sinh, Đại học Bang Oklahoma, Hoa Kỳ;

2016-2017, Giảng viên, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, Việt Nam;

2017-nay, Giám đốc Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế, Giảng viên Khoa Quốc tế, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, Việt Nam.

Môn học giảng dạy: Kỹ thuật quang học, Tín hiệu ngẫu nhiên và tạp âm, Điện tử truyền thông.

Lĩnh vực nghiên cứu: Điện tử viễn thông

Công bố khoa học tiêu biểu

- *Các bài báo trong nước và quốc tế*

1. **M. T. Nguyen** and Q. Cheng, "*Efficient Data Routing for Fusion in Wireless Sensor Networks*", The 25th International Conference on Computer Applications in Industry and Engineering, New Orleans, LA, USA, Nov. 2012.
2. **M. T. Nguyen**, "*Minimizing energy consumption in random walk routing for wireless sensor networks utilizing compressed sensing*," in 8th International Conference on System of Systems Engineering (IEEE-SoSE2013), Maui, Hawaii, USA, 2013, June 2013.
3. **M. T. Nguyen** and N. Rahn timer, "*Cluster-Based Energy-Efficient data collection in wireless sensor networks utilizing compressive sensing*," in 2013 - MILCOM 2013 Track 2) Networking Protocols and Performance (MILCOM 2013 Track 2), (San Diego, USA), Nov. 2013.
4. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, "*Tree-based Energy – Efficient Data Gathering in Wireless Sensor Network deploying Compressed Sensing*" in WOCC 2014 - Networks Symposium (Wireless and Optical Communication Conference - WOCC 2014), (NJIT, Newark, New Jersey, U.S.A.), May 2014.
5. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, "*Compressive Sensing Based Data Gathering in Clustered Wireless Sensor Networks*" The 9th IEEE International Conference on Distributed Computing in Sensor Systems 2014 (IEEE DCoSS 2014)", (Marina Del Rey, CA, USA) May 2014.
6. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague and N. Rahn timer, "*Inter-Cluster Multi-hop Routing in Wireless Sensor Networks employing Compressive Sensing*" in 2013 - MILCOM 2014 Track 3) Networking Protocols and Performance (MILCOM 2014 Track 3), (Baltimore, USA), Nov. 2014.
7. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, "*Neighborhood Based Data Collection in WSNs utilizing Compressive Sensing*" The International Conference on Advanced Technologies for Communications 2014 (IEEE-ATC 2014), (Hanoi, Vietnam.), Oct 2014.
8. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, "*Compressive Sensing Based Energy-Efficient Random Routing in Wireless Sensor Networks*" The International Conference on Advanced Technologies for Communications 2014 (IEEE-ATC 2014), (Hanoi, Vietnam.), Oct 2014.
9. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, "*Distributed DCT Based Data Compression in Clustered Wireless Sensor Networks*," in 2015 11th International Conference on Design of Reliable Communication Networks (DRCN 2015), (Kansas City, Missouri, USA), pp. 253–256, March, 2015.

10. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Random Sampling in Collaborative and Distributed Mobile Sensor Networks utilizing Compressive Sensing for Scalar Field Mapping*,” in IEEE International Conference on System of Systems Engineering (SoSE) , (San Antonio, TX, USA) pp. 1–6, May, 2015.
11. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Compressive and Cooperative Sensing in Distributed Mobile Sensor Networks*” The Premier International Conference for Military Communications (MILCOM2015), (Tampa, Florida, USA) Oct, 2015.
12. **M. T. Nguyen**, Hung M. La and K. A. Teague, “*Compressive and Collaborative Mobile Sensing for Scalar Field Mapping in Robotic Networks*,” 53rd Annual Allerton Conference on Communication, Control, and Computing (University of Illinois at Urbana-Champaign, USA, September 28 - October 02, 2015).
13. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Mobile Distributed Compressive Sensing for Data Collection in Wireless Sensor Networks*” in International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), (Ho Chi Minh city, Vietnam), Oct., 2015.
14. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague and Son Bui “*Compressive Wireless Mobile Sensing for Data Collection in Sensor Networks*” in IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), (Hanoi, Vietnam), Oct., 2016.
15. Thiem V. Pham, Lai K. Lai, Quynh T. Quynh and **M. T. Nguyen**, “*Disturbance Estimation Combined with New Adaptive RBF Neural Network for Uncertain System with Disturbance*” in IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), (Hanoi, Vietnam), Oct., 2016.
16. **Minh T. Nguyen** and Keith A. Teague, “*Optimizing Number of Clusters for Energy Saving Purpose in Wireless Sensor Networks*” ICERA 2018: International Conference on Engineering Research and Applications, December 1-2, 2018 in Thai Nguyen, Vietnam
17. Linh H. Truong, **M. T. Nguyen** “*Artificial Intelligence based Data Processing Algorithm for Video Surveillance*” in the 2019 International Symposium on Industry3.5 and Intelligent Manufacturing (Industry3.5), Taiwan, Sept. 2019 (**Best paper award finalist**)
18. Lanh V. Nguyen, Nam V. Bach, Hai T. Do, **Minh T. Nguyen**, “*ILC combined with a PI regulator for Wastewater Treatment Plants*” The 2019 2nd ICW-TELKOMNIKA conference, Yogyakarta, Indonesia, November 19-21, 2019.

19. Anh Q. Pham, Hung M. La, Kien T. La, **Minh T. Nguyen**, “A Magnetic Wheeled Robot For Steel Bridge Inspection” ICERA 2019: International Conference on Engineering Research and Applications, in Thai Nguyen, Vietnam December 1-2, 2019
20. **Minh T. Nguyen**, Thuong T.K. Nguyen, “An Energy-Efficient Combination of Sleeping Schedule and Cognitive Radio in Wireless Sensor Networks utilizing Compressed Sensing” *29th Wireless and Optical Communications Conference (WOCC 2020)*, Newark, New Jersey, USA, May 1 – May 2, 2020
21. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague “*Random Walk based Data Collection in Mobile Sensor Networks utilizing Compressed Sensing*” International Journal of Complex Systems – Computing, Sensing and Control - Vol. 3, No.2, pp. 30607-117, Dec. 2015 Copyright © 2015, TSI® Press Printed in the USA.
22. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague and N. Rahnvard, “*CCS: Energy-Efficient Data Collection for Clustered Wireless Sensor Networks utilizing Block-wise Compressive Sensing*” ScienceDirect ELSEVIER Computer Network (COMNET). [Volume 106](#), 4 September 2016, Pages 171–185 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)
23. Tan D. Vu, Trung T. Tran, Hoa T. Tran and **Minh T. Nguyen** “*Noise Cancellation Methods for Wearable Devices using Microprocessors*” International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG-IJEEE), ISSN: 2348-8379, Volume 3 Number 10 October 2016
24. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague “*Energy-Efficient Data Collection in Clustered Wireless Sensor Networks employing Distributed DCT*” International Journal of Wireless & Mobile Networks (IJWMN), ISSN: 0975-3834, Vol. 8, No. 5, October 2016
25. Nghiep V. Dinh, Hien N. Nguyen, Tan D. Vu, Huong T.M. Nguyen, **Minh T. Nguyen** “*Exact Linearization Control for Twin Rotor MIMO System*” International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG-IJEEE), ISSN: 2348-8379, Volume 3 Number 12 December 2016
26. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague “*Compressive Sensing Based Random Walk Routing in Wireless Sensor Networks*” ScienceDirect ELSEVIER Ad-hoc Networks , Volume 54, 31 January 2017, Pages 99-110. (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)
27. **M. T. Nguyen** "Energy-Efficient Mobile Sensing in Distributed Multi-Agent Sensor Networks", Advances in Science, Technology and Engineering Systems Journal, vol. 2, no. 3, pp. 245-253 (2017). (SCOPUS)
28. **M. T. Nguyen**, H. M. La and K. A. Teague, "Collaborative and Compressed Mobile Sensing for Data Collection in Distributed Robotic Networks" in *IEEE*

Transactions on Control of Network Systems, Volume: 5 , Issue: 4, page 1729 - 1740.
Dec. 2018 (SCI/ISI/SCOPUS/Q1)

29. **M. T. Nguyen**, H. N. Nguyen and K. A. Teague, "Wavelet-based Energy Efficient Data Collection Algorithm in Wireless Sensor Networks" in *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications (ITCNC)* , vol. 4, no. 2, pp. 3-10, Jun. 2018.

30. **Minh T. Nguyen**, "Compressed Sensing based Data Collection Algorithms in Wireless Ad-hoc/Mobile Sensor" *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications (ITCNC)*, vol. 4, no. 3, pp. 1-4, Sep. 2018.

31. **Minh T. Nguyen**, "Massive MIMO: A Survey of Benefits and Challenges," *ICSES Transactions on Computer Hardware and Electrical Engineering (ITCHEE)*, In Press, pp. 1-4, Nov. 2018.

32. **M. T. Nguyen**, T. H. Nguyen, "Wireless Power Transfer: A Survey of Techniques, and Applications on Communication Networks," *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications (ITCNC)*, vol. 4, no. 4, pp. 1-5, Dec. 2018.

33. Giang Tran, Truong Hoang Linh, Hoa Tran, **Minh T. Nguyen** "A Design of Sensing Data Collection Circuits for Wireless Sensor Networks Utilizing WiFi Technology," *ICSES Transactions on Computer Hardware and Electrical Engineering (ITCHEE)*, pp. 1-5, Dec. 2018.

34. **M. T. Nguyen** "*Advanced Flocking Control Algorithms in Mobile Sensor Networks*," *ICSES Interdisciplinary Transactions on Cloud Computing, IoT, and Big Data (IITCIB)*, vol. 2, no. 4, pp. 4-9, Dec. 2018.

35. **M. T. Nguyen**, Huy Tran Van, Giap Nguyen Trong, Khoi H. Do, "Wireless Communication Technologies and Applications for Wireless Sensor Networks: A Survey," *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications*, vol. 5, no. 1, pp. 1-15, Apr. 2019.

36. **Minh T. Nguyen**, Hien M. Nguyen, Antonino Masaracchia, Cuong V. Nguyen, "Stochastic-Based Power Consumption Analysis for Data Transmission in Wireless Sensor Networks" *EAI Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems* Issue 19, Vol. 6, June 2019

37. **M. T. Nguyen**, "A Frame Work of Energy-Efficient Data Routing for Internet of Things(IoTs)" *EAI Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems* Issue 19, Vol. 6, June 2019

38. A. Masaracchia, D. B. Da Costa, T. Q. Duong, M. Nguyen and **M. T. Nguyen**, "A PSO-Based Approach for User-Pairing Schemes in NOMA Systems: Theory and

Applications," in *IEEE Access*, vol. 7, pp. 90550-90564, 2019. doi: 10.1109/ACCESS.2019.2926641(SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)

39. **Minh T. Nguyen**, "Sleeping Schedules for Energy-Efficiency Purpose in Wireless Sensor Network: Benefits and Challenges," *ICSES Transactions on Computer Hardware and Electrical Engineering (ITCHEE)*, vol. 5, no. 3, pp. 1-4, Sep. 2019.

40. Anh M. Le, Linh H. Truong, Toan V. Quyen, Cuong V. Nguyen, **Minh T. Nguyen**, "Wireless Power Transfer Near-field Technologies for Unmanned Aerial Vehicles (UAVs): A Review", *EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems*, Jan 2020

41. Cuong V. Nguyen, Toan V. Quyen, Anh M. Le, Linh H. Truong, **Minh T. Nguyen**, "Advanced Hybrid Energy Harvesting Systems for Unmanned Aerial Vehicles (UAVs)" *Advances in Science, Technology and Engineering Systems Journal (ASTESJ)*, Vol. 5, No. 1, 34-39 (2020) (SCOPUS)

42. **Minh T. Nguyen**, "Distributed compressive and collaborative sensing data collection in mobile sensor networks", *Elsevier Journal: Internet of Things: Engineering Cyber Physical Human Systems*, Volume 9, March 2020 (SCOPUS)

43. **Minh T. Nguyen**, "Control, Communications and Networking for Mobile Sensor Networks" *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications*, Feb. 2020

44. **Minh T. Nguyen**, "Energy Harvesting in Wireless Sensor Networks: Benefits and Challenges" *ICSES Interdisciplinary Transactions on Cloud Computing, IoT, and Big Data*, Feb. 2020

45. Lanh Van Nguyen, Nam Van Bach, Hai Trung Do, **Minh T. Nguyen** "Combined ILC and PI regulator for wastewater treatment plants" *TELKOMNIKA Telecommunication Computing Electronics and Control* Vol 18, No 2: April 2020 (SCOPUS/Q2)

46. **Minh T. Nguyen**, Hamid R Boveiri, "Energy-Efficient Sensing in Robotic Networks" *Elsevier journal: Measurement* 10 March 2020 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)

47. **Minh T. Nguyen**, Cuong V. Nguyen, Linh H. Truong, Anh M. Le, Toan V. Quyen, A. Masaracchia, Keith A. Teague, "Electromagnetic Field Based WPT Technologies for UAVs: A Comprehensive Survey". *MDPI Electronics*, 9, 461, March 2020 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)

48. Vinh T. Vu, Cuong V. Nguyen, Toan V. Quyen, Anh M. Le, Linh H. Truong, **Minh T. Nguyen**, "Energy Efficient Approaches in Wireless Sensor Networks" *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications*, March 2020

49. **Minh T. Nguyen**, Cuong V. Nguyen, Toan V. Quyen, Anh M. Le, Antonino Masaracchia, Ha T. Nguyen, Huy P. Nguyen, Long D. Nguyen, Hoa T. Nguyen, Vinh Q. Nguyen “Hybrid Solar-RF Energy Harvesting Systems for Electric Operated Wheelchairs” MDPI Electronics, May 2020 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)

50. Toan V. Quyen, Cuong V. Nguyen, Anh M. Le, **Minh T. Nguyen** “Optimizing Hybrid Energy Harvesting Mechanisms for UAVs” EAI Endorsed Transactions Energy Web (Accepted) April 2020 (SCOPUS/Q4)

51. Linh H. Truong, **M. T. Nguyen**, Trang T. Tran, Chen-Fu Chien, “Artificial Intelligence based Data Processing Algorithm for Video Surveillance to Empower Industry 3.5” Elsevier Computers & Industrial Engineering, (Accepted) April 2020 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)

52. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague “Data collection algorithms in Wireless Sensor Networks employing Compressed Sensing: A Survey” (In progress)

Google Scholar: <https://scholar.google.com/citations?user=Q4Z3KoYAAAAJ&hl=en>

53. **Nguyễn Tuấn Minh**, Đoàn Minh Cảnh, “Tăng cường bảo mật trong hệ thống IoTs dựa trên công nghệ lấy mẫu nén” Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, 2018

54. **Nguyễn Tuấn Minh**, “Thuật toán kết hợp phân cụm và lấy mẫu nén làm giảm năng lượng tiêu thụ trong mạng cảm biến không dây” Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên (2017)

55. Nguyễn Trọng Giáp, Đỗ Hữu Khôi, Trần Văn Huy, Trần Thị Hòa, **Nguyễn Tuấn Minh**, “Cấu trúc di động và các công nghệ chủ chốt cho mạng truyền thông không dây 5G”, Hội thảo quốc gia Ứng dụng Công nghệ cao vào thực tiễn – tổ chức tại Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Thái Nguyên 2017

56. Nguyễn Thị Huyền, Đinh Văn Công, Lăng Thị Thùy Trang, **Nguyễn Tuấn Minh**, “Những vấn đề an ninh và bảo mật trong hệ thống Internet of Things (IoT)” Hội thảo quốc gia Ứng dụng Công nghệ cao vào thực tiễn, tổ chức tại Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Thái Nguyên 2017

57. Lâm Văn Đà, **Nguyễn Tuấn Minh**, “Tổng quan mã Turbo”, Tạp chí Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin (2007)

58. Trần Xuân Nam, Đinh Thế Cường, **Nguyễn Tuấn Minh**, Nguyễn Vĩnh Hạnh, “MIMO - Công nghệ truyền dẫn vô tuyến tốc độ cao”, Tạp chí Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin (2007).

- *Các báo cáo khoa học*

1. Compressive Sensing for Data Collection in Clustered Wireless Sensor Networks, International Conference on Digital Information Processing, Data Mining, and Wireless Comm.
2. Compressive Sensing Based Data Collection Algorithms for Wireless Sensor Networks, Oklahoma State University 26th Annual Research Symposium, (Oklahoma, USA) February 18.
3. Compressive Sensing based Energy-Efficient Clustering for Data Collection in Wireless Sensor, Electronic Faculty Symposium, Thai Nguyen University of Technology, 5/2016. - (2015) 1.

Người Khai

Nguyễn Tuấn Minh



THE RECTOR OF MILITARY TECHNICAL ACADEMY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. *Nguyen Tuan Minh*

Born **05/04/1978** in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF

MASTER OF ENGINEERING



Given under the seal of Military Technical Academy
this twentieth day of August 2007



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Cho ông *Nguyễn Tuấn Minh*

Sinh ngày **05/04/1978** tại **Thái Nguyên**

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2007

Giám đốc HVKTQS



Trưng tướng: PGS.TS
NGUYỄN ĐỨC LUYỆN

Số bằng: **1488**

Nº. A **0030487**

Oklahoma State University

have admitted

Minh Tuan Nguyen

to the degree of

Doctor of Philosophy

Electrical Engineering

*and all the honors, privileges and obligations belonging thereto,
and in witness thereof have authorized the issuance of*

this Diploma duly signed and sealed.

Issued at the Oklahoma State University at Stillwater, Oklahoma on the

twelfth day of December, two thousand fifteen

To the Regents

To the University

Strong S. S. S. S.
Regents

Chancellor
University of Oklahoma

Ronald H. White
Chancellor

V. Bruce Hargis
President of Board of Regents

Robert J. Gorman
Secretary

Shirley A. Harker
Registrar



BẢN DỊCH

Đại học Bang Oklahoma

Đã cấp cho

Nguyễn Tuấn Minh

Bằng

Tiến sĩ Kỹ thuật Điện

cùng tất cả danh dự, quyền và nghĩa vụ kèm theo
và đã cho phép cấp bằng đã được chứng nhận, ký và đóng dấu này

Cấp tại Trường Đại học Bang Oklahoma tại Stillwater, Oklahoma ngày 12 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Chủ tịch
(Đã ký)
Thư ký
(Đã ký)
Giám đốc
(Đã ký)



(Đã đóng dấu)

Trường Đại học

Chủ tịch, Ban Giám hiệu
(Đã ký)
Hiệu trưởng
(Đã ký)
Trưởng Khoa
(Đã ký)



(Đã đóng dấu)

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2016, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Thu, Thành phố Hà Nội,
Tôi là *Nguyễn Văn Thu* Công chứng viên Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Thu, Thành phố Hà Nội

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do ông Trương Công Đạt, CMND số: 168410115 cấp ngày 28/04/2009 tại Hà Nam, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Thu, Thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của ông Trương Công Đạt;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Bản dịch gồm 02 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Thu, Thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 830 ; Quyển số: 01 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đạt

Trương Công Đạt



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Thu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 12/12/2015

Do:

Trường Đại học Oklahoma, Hoa Kỳ

Cấp cho:

Nguyễn Tuấn Minh

Ngày sinh:

05 tháng 4 năm 1978

Nơi sinh:

Thái Nguyên

Là bằng tốt nghiệp:

Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 06 tháng 02 năm 2017

CỤC TRƯỞNG



Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số... 0127.14/CNVB.TS

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Hoàng Vị

Học hàm, học vị: PGS.TS

Chức vụ: Trưởng Khoa Cơ khí

Tel: 0913072622

E-Mail : vihoang@tnut.edu.vn

Địa chỉ: LK05-20 khu đô thị An

Hung, Dương nội, Hà Đông, Hà Nội.



Quá trình đào tạo

- 2003, Tiến sĩ kỹ thuật, Ứng dụng Điện tử-Tự động hóa, Viện Điện tử - Tự động hóa Hà Nội (VIELINA);

- 1985, Kỹ sư, Ngành Cơ khí chế tạo máy, Trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc.

Quá trình công tác

6/1985 – 2020: Giảng viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

2002 – 2008: Trưởng Bộ môn Máy và Tự động hóa

2006 – 2011: Phó trưởng khoa Cơ khí

2011-2-14: Trưởng khoa Cơ khí

2017 – đến nay: Trưởng khoa Cơ khí, Trưởng bộ môn Chế tạo máy

Môn học giảng dạy

Kỹ thuật điều khiển tự động, Truyền động Thủy lực-Khí nén, Máy công cụ, CAD/CAM-CNC, Robot ...

Lĩnh vực nghiên cứu

Kỹ thuật, công nghệ tạo hình các bề mặt; Động học, động lực học máy; ứng dụng công nghệ tự động hóa.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. **Vi Hoang**, Minh Tuan Ngo, Long Tran The, Investigation of Nanofluids as Potential Cutting Fluids in Gear Hobbing Processes of AISI 4118 Steel, *Journal of Mechanics Engineering and Automation* 2016.
2. Ngô Minh Tuấn, **Hoàng Vi**, Hoàng Vĩnh Sinh (2017). Khảo sát sai số profile răng của bánh răng trụ khi phay lăn răng. *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 10 năm 2017.
3. Tuan Ngo, **Vi Hoang**, Sinh Hoang (2017). Research on Applying Nano Cutting Oils in Spur Gear Hobbing Process. *World Journal of Engineering and Technology*, 2017, 5, 286-298. ISSN Online: 2331-4249 ISSN Print: 2331-4222.
4. Minh Tuan Ngo, **Vi Hoang**, Vinh Sinh Hoang (2017), “Optimization Cutting Fluids and Parameters for minimizing cutting force in fly-hobbing”, *Journal of Engineering and Applied Sciences* (2017) Volume 20, PP 5212-5218.
5. Minh Tuan Ngo, **Vi Hoang**, Vinh Sinh Hoang (2018). “Taguchi-fuzzy multi response optimization in fly cutting process and applying in the actual hobbing process”. *International journal of Mechanical and materials Engineering* (2018), Doi.org/10.1186/s40712-018-0092-z.
6. Minh Tuan Ngo, **Vi Hoang**, “Optimize Multiple Responses For Slide Milling Process Using Nanofluid By Taguchi Method Based on GRA Theory”, *International Journal of Advanced Engineering Research and Applications (IJA-ERA)* (2019).
7. Minh Tuan Ngo, **Vi Hoang** (2020). “The effect of cutting conditions on friction coefficients and cutting power in the fly hobbing process using nanolubriants”, *International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD)*, ISSN (P): 2249-6890; ISSN (E): 2249-8001, Vol. 10, Issue 1, Fre 2020, 419-430.
8. **Hoàng Vi**, Trần Vệ Quốc. *Tự động hóa thiết kế cụm trục chính trên cơ sở phân tích động*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 2 (1996).
9. **Hoàng Vi**, Đỗ Khắc Đức, Trần Vệ Quốc. *Thuật toán tự động hóa thiết kế cụm trục chính máy công cụ*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 6 (1997).
10. Nguyễn Xuân Quỳnh, **Hoàng Vi**, Trần Vệ Quốc. *Cơ sở dữ liệu và giao diện cơ sở dữ liệu trong tự động hóa thiết kế cụm trục chính máy công cụ*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 3 (1998).

11. Nguyễn Xuân Quỳnh, **Hoàng Vị**, Trần Vệ Quốc, Nguyễn Văn Dự, Vũ Ngọc Pi. *Ứng dụng CAD trong tự động hóa thiết kế hệ dẫn động cơ khí*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 3 (1998).
12. Nguyễn Xuân Quỳnh, **Hoàng Vị**, Trần Vệ Quốc. *Thiết kế hướng đối tượng cụm trục chính máy công cụ với ứng dụng CAD*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 4 (2000).
13. Nguyễn Xuân Quỳnh, **Hoàng Vị**, Trần Vệ Quốc. *Phân tích hướng đối tượng và mô hình hóa dữ liệu trong ứng dụng máy tính tự động hóa thiết kế cụm trục chính máy công cụ*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 4 (2000).
14. Nguyễn Thị Hồng Cẩm, Vũ Ngọc Pi, **Hoàng Vị**. *Ứng dụng máy tính để tính toán hệ số bội suất pa lăng của cần trục Pinguely-Gc1510s*, Hội nghị tự động hóa toàn quốc lần thứ 4 (2000).
15. **Hoàng Vị**, *Về nghiên cứu, phát triển đào tạo cơ điện tử ở Trường đại học kỹ thuật công nghiệp*, Tạp chí khoa học và công nghệ-ĐH Thái Nguyên, số 4(36), tập 2. Trang26-29 (2005)
16. **Hoàng Vị**, *Cơ điện tử trong các máy gia công bánh răng CNC*, Tạp chí khoa học và công nghệ-ĐH Thái Nguyên, số 4(36), tập 2. Trang9-13 (2005)
17. **Hoàng Vị**, Phạm Thành Long, *Xác định các biến trong điều khiển động học robot*, Tạp chí khoa học công nghệ các trường ĐHKT, số 65 (2009).
18. **Hoàng Vị**, Phạm Thành Long, *Tự động hóa chuẩn bị dữ liệu động học trong điều khiển robot*, Tạp chí khoa học công nghệ các trường ĐHKT, số 67,68 (2009).
19. **Hoàng Vị**, Vũ Như nguyệt, *Tính toán bán kính dao phay đầu cầu tối ưu*, Tạp chí khoa học công nghệ các trường ĐHKT, số 67,68 (2011).
20. **Hoàng Vị**, *Giải pháp chế tạo răng cầu, vành răng thân khai*, Hội nghị cơ khí toàn Quốc (2013).
21. **Hoàng Vị**, *Tính toán thiết kế cơ cấu răng cầu dùng làm cơ cấu phân độ, định hướng*, Hội nghị cơ khí toàn Quốc (2013).
22. **Hoàng Vị**, *Khảo sát các yếu tố hình học của bề mặt phức tạp trong kỹ thuật cơ khí*, Hội nghị cơ khí toàn Quốc (2013).
23. **Hoàng Vị**, Phạm Minh Tuấn, *Phân tích động học cơ cấu tay quay con trượt bằng phần mềm EXCEL*, Tạp chí cơ khí (2013).

24. **Hoàng Vị**, Lê tiền thành, *Cơ sở tạo hình bánh răng trụ răng cong*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên (2016).

Người Khai

Hoàng Vị

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at Vietnam Research Institute of Electronics Informatics
and Automation

HAS CONFERRED UPON

Mr. Hoàng Việt
Born 19/05/1963 in Nghệ An

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Engineering

Given under the seal of the Ministry of Education and Training
this Thirty First day of December 2003



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước
hợp ngày 21 tháng 08 năm 2003
tại Viện Nghiên cứu Điện tử-Tin học-Tự động hóa

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ

KỸ THUẬT

Cho ông *Hoàng Việt*
Sinh ngày 19/05/1963 tại *Nghệ An*

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2003

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Số bảng: **02871**

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Thị Thanh Nga

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Cơ Khí

Tel: (+84) 355 122138

E-Mail : nguyennga@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Thiết kế Cơ Khí – Đại học Kỹ thuật
Công Nghiệp, ĐH Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2018, Kỹ thuật cơ khí, Đại học RWTH Aachen, CHLB Đức
- 2010, Cơ khí Chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên
- 2005, Cơ khí Chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp Thái Nguyên

Quá trình công tác

Từ 2006 đến nay: Giảng viên khoa Cơ khí – Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy:

Nguyên lý máy/Đại cương về kỹ thuật

Lĩnh vực nghiên cứu

- Thiết kế cơ cấu, máy (synthesis of mechanisms)
- Cơ cấu mềm dẻo (compliant mechanisms)
- Động học và động lực học (kinematics and dynamics)
- Đường cong NURBS

Công bố khoa học tiêu biểu

1. **Nguyen T.T.N.**, Kurtenbach S., Hüsing M., Corves B., Evaluating the Knot Vector to Synthesize the Cam Motion Using NURBS, *Mechanisms and Machine Science*, Vol. 50, Springer, pp. 209-216, 2017.

2. **Nguyen T.T.N.**, Kurtenbach S., Hüsing M., Corves B., Improving the Kinematics of Motion Curves for Cam Mechanisms Using NURBS, *Mechanisms and Machine*

Science, Vol. 52, Springer, pp. 79-88, 2017.

3. **Nguyen T.T.N.**, Kurtenbach S, Hüsing M. and Corves B., A General Framework for Motion Design of the Follower in Cam Mechanisms by Using Non-Uniform Rational B-Spline, *Mechanism and Machine Theory*, pp. 374-385, 2019.

4. H. Chen, **T. T. N. Nguyen**, M. Müller, S. Kurtenbach, C. Pan, M. Hüsing, B. Corves, Application of a Cam Workbench for Education in Mechanical Engineering, New Advances in Mechanisms, *Mechanical Transmissions and Robotics*, Vol. 46, ISBN 978-3-319-45449-8, Springer, 2016.

5. **T. T. N. Nguyen**, D. Schoenen, M. Hüsing, and B. Corves, Parameter Optimization of Pseudo-Rigid-Body 3R Model for Modeling Large Deflection of Compliant Mechanisms, *International Conference on Engineering Research and Applications*, pp 582-588, 2019.

6. **T. T. N. Nguyen**, Motion Design of Cam Mechanisms by Using Non-Uniform Rational B-Spline, *RWTH Aachen University*, 2018.

Người Khai

Nguyễn Thị Thanh Nga

Bằng tốt nghiệp

Bà:
Nguyễn Thị Thanh Nga
Sinh ngày 25 tháng 04 năm 1982
Tại Bắc Ninh, Việt Nam

Học vị
TIẾN SĨ KỸ THUẬT (Dr.-Ing.)

**Trường Đại học RWTH Aachen
Khoa Cơ khí**

Xác nhận của:
Hiệu trưởng trường Đại học RWTH Aachen GS.TS. Ernst
Schmachtenberg

Và trưởng khoa Cơ khí
GS. TS. Jörg Feldhusen

Dưới sự hướng dẫn của:
GS. TS. Burkhard Corves - Hướng dẫn 1
GS. TS. Mathias Hüsing - Hướng dẫn 2

Với đề tài:
"Thiết kế động học cơ cấu cam bằng việc sử dụng đường
cong NURBS"

Đã chứng minh khả năng khoa học thông qua việc bảo vệ
luận án tiến sĩ ngày 21.06.2018
Tổng xếp loại: Giỏi

Aachen, ngày 24 tháng 07 năm 2018

Hiệu trưởng
(đã ký)
GS.TS. Ernst Schmachtenberg

Trưởng Khoa Cơ khí
(đã ký)
GS. TS. Jörg Feldhusen

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN
NOTARIELLE ERKLÄRUNG

Hôm nay, ngày 15 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Văn Phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Heute am 15 / 12 / 2018, beim Sitz des Notariats Trương Thị Nga, A4 - TT19, Stadtgebiet Van Quan, Yen Phuc, Stadtviertel Phuc La, Bezirk Ha Dong, Stadt Hanoi
Tôi là Công chứng viên Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, số A4 - TT19, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Ich, Notar/in beim Notariat Trương Thị Nga, Nr. A4 - TT19, Stadtgebiet Van Quan, Yen Phuc, Stadtviertel Phuc La, Bezirk Ha Dong, Stadt Hanoi

CHỨNG NHẬN
BESTÄTIGTE HIERMIT, DASS

- Bản dịch này do bà Trần Thị Dung, CMND số: 163287449, cấp ngày 21.06.2011 tại Công an tỉnh Nam Định, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Đức sang tiếng Việt
- Diese Übersetzung durch Frau Tran Thi Dung, ausgewiesen durch Personalausweis nr. 163287449, ausgestellt am 21.06.2011 durch Polizeiamt Nam Dinh, als Mitarbeiterin des Notariats Trương Thị Nga, A4 - TT19, Stadtgebiet Van Quan, Yen Phuc, Stadtviertel Phuc La, Bezirk Ha Dong, Stadt Hanoi, vom Deutschen ins Vietnamesische übersetzt wurde
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Bà Trần Thị Dung;
- Die Unterschrift in der Übersetzung die von Frau Tran Thi Dung ist;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Der Inhalt dieser Übersetzung wahrheitsgetreu ist und verstößt nicht gegen das Gesetz sowie die Sozialethik
- Bản dịch gồm tờ, trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Die Übersetzung Blätter, Seiten umfasst, davon wird 01 Exemplar beim Notariat Trương Thị Nga, A4 - TT19, Stadtgebiet Van Quan, Yen Phuc, Stadtviertel Phuc La, Bezirk Ha Dong, Stadt Hanoi behaltet.

Số công chứng: 012350 Quyền số: 01 - TP/CC-SCC/BD
Beglaubigung-Nr.: Buch Nr.: 01 - TP/CC-SCC/BD

Người dịch
Übersetzerin

Trần Thị Dung

CÔNG CHỨNG VIÊN
NOTAR/IN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga



Urkunde Certificate

RWTH AACHEN UNIVERSITY

Die Fakultät für Maschinenwesen der Rheinisch-
Westfälischen Technischen Hochschule Aachen

verleiht unter dem Rektorat
des Universitätsprofessors
Dr.-Ing. Ernst Schmachtenberg

und unter dem Dekanat
des Universitätsprofessors
Dr.-Ing. Jörg Feldhusen

Frau

Thi Thanh Nga Nguyen

geboren am 25. April 1982 in Bac Ninh, Vietnam

den akademischen Grad

**DOKTORIN DER
INGENIEURWISSENSCHAFTEN**
(Dr.-Ing.)

Nachdem sie in ordnungsgemäßem
Promotionsverfahren unter Mitwirkung der Berichtler:

Universitätsprofessor
Dr.-Ing. Dr. h. c. (UPT) Burkhard Corves

Außerplanmäßiger Professor
Dr.-Ing. Mathias Hüsing

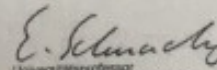
durch die Dissertation:

"Motion Design of Cam Mechanisms by Using Non-Uniform
Rational B-Spline"

sowie durch die mündliche Prüfung am 21.06.2018 ihre
wissenschaftliche Befähigung erwiesen hat, erhält sie das

GESAMTURTEIL: SEHR GUT

Aachen, den 24. Juli 2018


Universitätsprofessor
Dr.-Ing. Ernst Schmachtenberg
Rektor


Universitätsprofessor
Dr.-Ing. Jörg Feldhusen
Dekan



PHỤ LỤC 8:

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐỐI TÁC

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC JEONJU, HÀN QUỐC

- Tên trường: Trường Đại học Jeonju

- Địa chỉ: 303, Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju, Cheonbuk, Republic of Korea

Trường đại học Jeonju được thành lập năm 1964, với tổng diện tích cơ sở hạ tầng 30ha, nằm tại miền trung Hàn quốc, cách thủ đô Seoul 2h nếu di chuyển bằng xe, 1h di chuyển bằng tàu cao tốc. Trường đại học Jeonju có 8 trường đại học thành viên, hơn 60 khoa, là trường đại học tổng hợp hệ 4 năm với 9 trường đào tạo sau đại học, 68 hệ thạc sĩ, tiến sĩ. Hiện tại có 12000 sinh viên đang theo học, trong đó có 1400 du học sinh nước ngoài đến từ 67 quốc gia trên thế giới, có 600 du học sinh đến từ Việt Nam.

Trường đại học Jeonju tập trung đào tạo về các lĩnh vực đặc thù như Văn hóa truyền thống kết hợp với công nghiệp hiện đại. Đồng thời đang phấn đấu trở thành ngôi trường giáo dục đáng tin cậy bậc nhất về các chương trình đào tạo như i-Class, StarT, giáo dục khởi nghiệp, giáo dục hướng doanh nghiệp

Trường đại học Jeonju là trường đại học đầu tiên trong các trường đại học Hàn quốc đã ký kết với Bộ lao động thương binh xã hội Việt Nam để cùng liên kết nghiên cứu, đào tạo nguồn lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp Hàn quốc đang đầu tư tại Việt Nam. Ngoài ra Trường cũng đã ký kết với rất nhiều các doanh nghiệp lớn tại Hàn quốc để hỗ trợ sinh viên khi ra trường có được công việc ổn định

Trường đại học Jeonju được chính phủ đáng tin cậy, và luôn có chính sách đầu tư lớn vì trường đứng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Trường đại học Jeonju có rất nhiều chế độ học bổng cho sinh viên: Học bổng SuperStar : miễn phí 100% đăng ký học kỳ chính quy (top 5% người có thành tích thi đầu vào đại học cao nhất); Học bổng dành cho sinh viên có thành tích học tập tốt: miễn giảm học phí 100% , 80%, 70% theo học lực của sinh viên; Học bổng của khoa: miễn giảm học phí 65% cho thủ khoa, 30% cho sinh viên ưu tú; Học bổng chăm chỉ; Học bổng doanh nghiệp; Học bổng Topik; Học bổng anh em; Học bổng đặc biệt...Ngoài ra còn có rất nhiều các loại học bổng khác như: học bổng quỹ ưu đãi, học bổng tin lành, học bổng cơ đốc, học bổng Media, học bổng Seomkim, học bổng falimy...

BẢN CAM ĐOAN